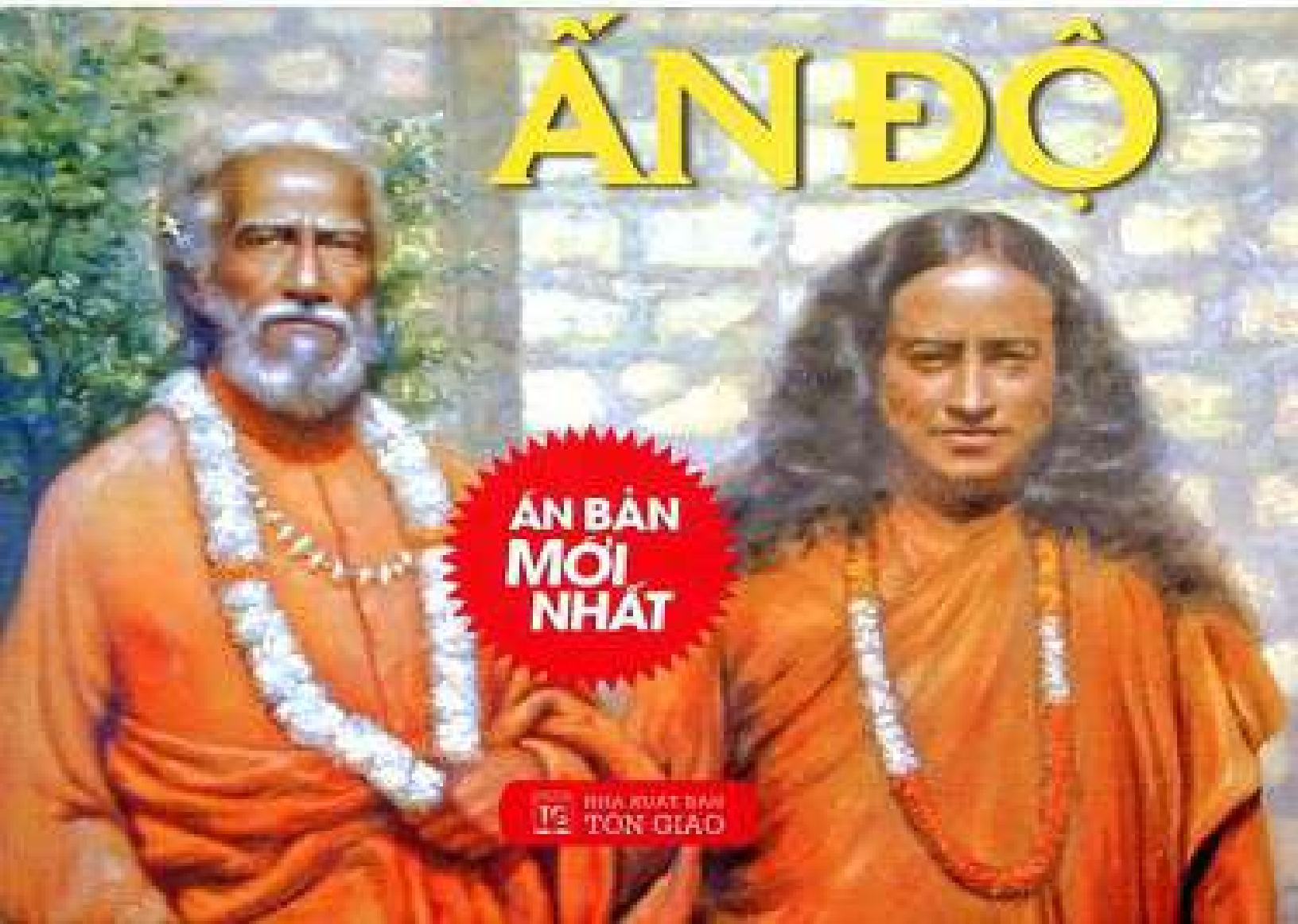


Nguyên tác: AUTOBIOGRAPHE D'UN YOGI
của YOGĀNANDA
NGUYỄN HỮU KIẾT Biên dịch



CÁC BẬC CHÂN SƯ YOGI

ẢN ĐỘ



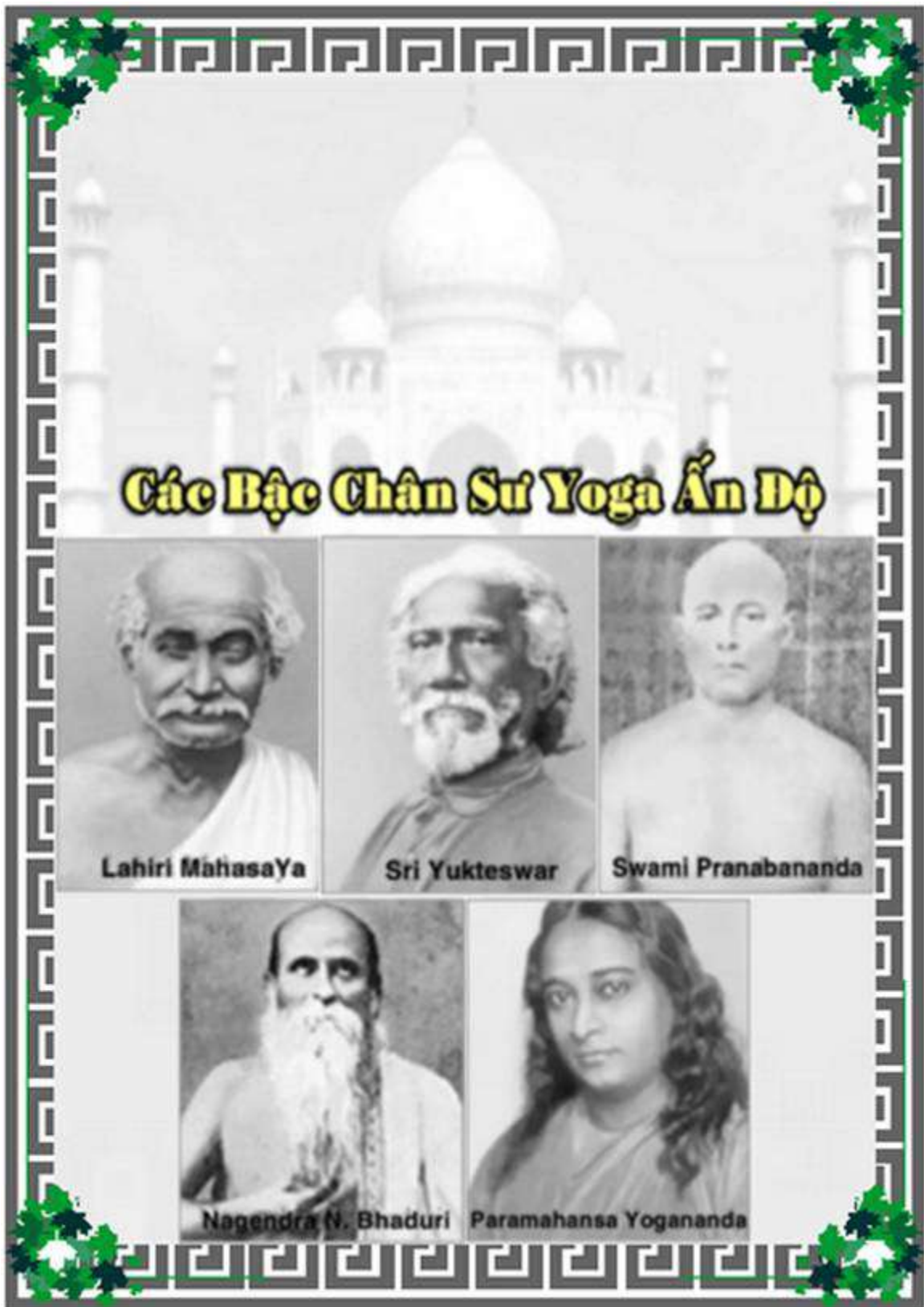
**AN BẢN
MỖI
NHẬT**

12 HỮU QUÁT ĐẠM
TÔN GIÁO

Table of Contents

Thuở Thiếu Thời
Món Linh Vật Hộ Phù
Người Đạo Sĩ Phân Thân
Tôi Trốn Lên Dãy Tuyết Sơn
Người Tu Sĩ Đánh Cọp
Vị Tu Sĩ Khinh Thân
Người Con Yêu Của Phật Mẫu
Tôi Gặp Sư Phụ Sri Yuteswar
Một Chuyến Du Lịch Không Tốn Tiền
Những Năm Sống Tại Đạo Viện
Vị Tu Sĩ Không Ngủ
Một Kinh Nghiệm Về Tâm Thức Siêu Đẳng
Cây Bông Cài Bị Mất Trộm
Để Đánh Lừa Các Tinh Tú
Vài Kỷ Niệm Lạ Lùng
Chuyến Du Hành Lên Tỉnh Kashmir
Một Cuộc Hoán Cải Lạ Lùng
Tôi Trở Thành Tu Sĩ Xuất Gia
Pháp môn Kriya Yoga
Một trường Yoga tại Ranchi
Sư mẫu Kashi Moni
Lahiri và Babaji
Một cung điện trên dãy Tuyết Sơn
Định luật phép lạ
Nữ Thánh Therese Neumann
Cuộc viếng thăm Thánh Gandhi
Nữ Thánh An Lạc
Nữ Thánh Giribala

Cuộc hành trình sang Mỹ quốc
Trở về Ấn Độ
Sư phụ từ trần và phục sinh
Trở lại trang đầu



CÁC BẬC CHÂN SƯ YOGA ẤN ĐỘ

Tự truyện của: Yogananda
Nguyễn Hữu Kiệt dịch thuật
TRI THỨC xuất bản

LỜI TỰA:

Quyển Hồi Ký này của tu sĩ Yogananda có một giá trị độc đáo vì nó là một trong những tác phẩm nói về các bậc thánh nhân, hiền triết Ấn Độ, không phải được viết ra bởi một ký giả hay văn sĩ ngoại quốc, mà bởi một tác giả cùng nòi giống và cùng một nền giáo dục tâm linh với những người mà ông diễn tả. Nói tóm lại, đây là một quyển sách của một người Yogi viết về những người Yogi.

Dưới hình thức một truyện trường thuật của một nhân vật tiết lộ cho chúng ta biết cuộc đời và những quyền năng lạ lùng của những bậc hiền giả của xứ Ấn Độ hiện kim. Quyển sách này có một tầm quan trọng rất lớn trong thời gian và ngoài thời gian. Độc giả cũng có dịp thưởng thức những câu chuyện đầy thú vị của tu sĩ Yogananda mà tôi có hân hạnh được gặp ở Ấn Độ và Mỹ quốc, và dành cho quyển sách này một sự phán đoán tương xứng với giá trị của nó: vì đó là một trong những tập tài liệu biểu lộ một cách hoàn toàn nhất cái tinh thần của người Ấn Độ và phơi bày những kho tàng tâm linh quý báu của xứ Ấn Độ, một tài liệu chưa từng được công bố ở các nước Tây phương và trên thế giới...

W.Y. EVANS-WENTZ

Tiến sĩ Khoa học

Trường đại học Oxford

Mục Lục

Chương 01: [Thuở Thiếu Thời](#)

- Chương 02: [Món Linh Vật Hộ Phù](#)
- Chương 03: [Người Đạo Sĩ Phân Thân](#)
- Chương 04: [Tôi Trốn Lên Dãy Tuyết Sơn](#)
- Chương 05: [Người Tu Sĩ Đánh Cọp](#)
- Chương 06: [Vị Tu Sĩ Khinh Thân](#)
- Chương 07: [Người Con Yêu Của Phật Mẫu](#)
- Chương 08: [Tôi Gặp Sư Phụ Sri Yuteswar](#)
- Chương 09: [Một Chuyến Du Lịch Không Tốn Tiền](#)
- Chương 10: [Những Năm Sống Tại Đạo Viện](#)
- Chương 11: [Vị Tu Sĩ Không Ngủ](#)
- Chương 12: [Một Kinh Nghiệm Về Tâm Thức Siêu Đẳng](#)
- Chương 13: [Cây Bông Cải Bị Mất Trộm](#)
- Chương 14: [Để Đánh Lừa Các Tinh Tú](#)
- Chương 15: [Vài Kỷ Niệm Lạ Lùng](#)
- Chương 16: [Chuyến Du Hành Lên Tỉnh Kashmir](#)
- Chương 17: [Một Cuộc Hoán Cải Lạ Lùng](#)
- Chương 18: [Tôi Trở Thành Tu Sĩ Xuất Gia](#)
- Chương 19: [Pháp môn Kriya Yoga](#)
- Chương 20: [Một trường Yoga tại Ranchi](#)
- Chương 21: [Sư mẫu Kashi Moni](#)
[Lahiri và Babaji](#)

- Chương 22:
- Chương 23: [Một cung điện trên dãy Tuyết Sơn](#)
- Chương 24: [Định luật phép lạ](#)
- Chương 25: [Nữ Thánh Therese Neumann](#)
- Chương 26: [Cuộc viếng thăm Thánh Gandhi](#)
- Chương 27: [Nữ Thánh An Lạc](#)
- Chương 28: [Nữ Thánh Giribala](#)
- Chương 29: [Cuộc hành trình sang Mỹ quốc](#)
- Chương 30: [Trở về Ấn Độ](#)
- Chương 31: [Sự phụ tử trần và phục sinh](#)

Chương 1

THUỞ THIẾU THỜI

Từ nghìn xưa, những đặc điểm của nền văn minh Ấn Độ vẫn gồm có việc sưu tầm chân lý và tầm sư học Đạo. Định mệnh đã dẫn dắt tôi đến một vị minh sư thánh triết mà trong cuộc đời siêu việt sẽ tiêu biểu cho đời sống nhân loại trong những thế hệ tương lai. Đó là một trong những vị minh sư, di sản của thời đại cao cả huy hoàng của Ấn Độ, vẫn từng xuất hiện ở mỗi thế hệ loài người để giữ gìn cho xứ sở của các Ngài thoát khỏi cái số phận của Babylone và Ai Cập! Trong những ký ức thời thơ ấu của tôi, phảng phất có sự nhớ lại cái hình bóng xa xăm của một tiền kiếp với những cảnh băng giá trên dãy Tuyết Sơn, trong khi đó tôi đã từng là một tu sĩ. Những hình bóng của dĩ vãng đó cũng gợi cho tôi thấy trước, do một sợi dây liên lạc huyền bí, những hình ảnh của tương lai. Tôi sinh ra tại Gorakhpur, một thành phố miền đông bắc Ấn Độ, vào khoảng cuối thế kỷ trước và sống tại đó trong tám năm đầu tiên của đời tôi. Cha mẹ tôi có tám người con: bốn trai và bốn gái. Tôi tên là Mukunda Lal Ghosh, là người con thứ tư trong gia đình, trên tôi còn có một anh và hai chị.

Cha mẹ đều là người tỉnh Bengale. Cả hai đều sống cuộc đời đạo đức gương mẫu, và một bầu không khí hoàn toàn hòa hợp trong gia đình giúp cho sự phát triển điều hòa của tám đứa con còn nhỏ.

Cha tôi, Bhagabati Charan Ghosh, là một người tốt bụng nhưng nghiêm nghị và đôi khi có vẻ nghiêm khắc. Chúng tôi thương yêu và kính trọng người. Vốn là nhà toán học và lý luận, cha tôi sống thuần

bằng lý trí. Mẹ tôi nuôi nấng chúng tôi trong tình thương. Khi mẹ tôi qua đời, cha tôi dồn hết cho chúng tôi tình phụ tử đậm đà mà từ trước người vẫn dè dặt. Từ đó, tôi nhận thấy cái nhìn của người đôi khi phảng phất giống như cái nhìn trù mẩn của mẹ tôi.

Mẹ tôi biểu lộ lòng kính mến đối với cha tôi hàng ngày bằng cách mặc quần áo sạch sẽ thơm mát cho tất cả chúng tôi mỗi buổi chiều để đón cha tôi đi làm về. Chức vụ của cha tôi hồi đó là phó chủ tịch Công Ty Hỏa Xa Bengale Nagpur Railway, một trong những công ty lớn nhất ở Ấn Độ. Công việc của người đòi hỏi một sự xê dịch thường xuyên, bởi đó hồi niên thiếu tôi đã từng sống tại nhiều thành phố khác nhau .

Mẹ tôi luôn luôn bố thí rất rộng rãi cho những kẻ nghèo. Cha tôi tuy tốt bụng nhưng thích sống có mực thước, trật tự và điều này cũng áp dụng cho cả việc quản lý ngân sách gia đình. Có lần chỉ trong nửa tháng, mẹ tôi tiêu xài về việc bố thí nhiều hơn số tiền cha tôi kiếm được trong trọn một tháng. Cha tôi bèn nói:

- Tôi chỉ yêu cầu bà một việc, là hãy bố thí trong một giới hạn hợp lý!

Mẹ tôi rất nhạy cảm đối với mọi điều chỉ trích của cha tôi. Người không nói gì, lặng lẽ ôm khăn gói bước ra cửa, gọi một chiếc xe ngựa và nói:

- Vĩnh biệt! Tôi trở về nhà mẹ tôi đây!

Đó là lời hăm dọa cổ điển của phụ nữ Ấn, mỗi khi có chuyện xích mích trong gia đình.

Chúng tôi bèn khóc. Ông cậu tôi từ đâu thành tình hình bước vào rất đúng lúc, và nói nhỏ bên tai cha tôi một vài lời khuyên đầy minh triết đã từng được trải nghiệm qua nhiều thế kỷ. Khi cha tôi đã xin lỗi, mẹ

tôi bèn để khăn gói ở lại và cho xe ngựa về không. Như thế chấm dứt cuộc bất hòa duy nhất mà tôi được biết đã từng xảy ra giữa cha mẹ tôi. Một lần khác, tôi nghe mẹ tôi nói:

- Ông hãy đưa tôi 10 rupi để cho một người đàn bà vô phúc đang ngồi đợi tôi trước cửa .

Mẹ tôi vừa nói vừa kèm theo một nụ cười rất hấp dẫn, không thể nào từ chối được.

- Tại sao 10 rupi? Một rupi cũng được mà. Khi các cụ nhà tôi qua đời, (cha tôi nói tiếp để tự bào chữa) lần đầu tiên tôi đã biết cảnh nghèo. Bữa ăn trưa của tôi chỉ gồm có một trái chuối nhỏ, mà tôi phải đi học, trường học cách xa đến mấy dặm đường. Về sau vào đại học, tôi nghèo đến nỗi tôi xin tiền trợ cấp mỗi tháng chỉ có một rupi của một vị thẩm phán rất giàu có. Vậy mà ông ta từ chối, viện lẽ rằng tôi đòi hỏi quá nhiều!

Mẹ tôi nói:

- Ông thấy chưa? Ngày nay ông cay đắng biết bao nhiêu khi ông nhớ lại sự từ chối đó! Vậy ông có muốn cho người đàn bà kia cũng cảm thấy một sự cay đắng như vậy chẳng khi ông từ chối 10 rupi mà bà ấy đang cần dùng cấp bách?

Mẹ tôi kết luận một cách rất hợp lý.

- À! Vậy bà đã thắng.

Cha tôi nói, và đành chịu thua trước một lý luận chặt chẽ như thế.

- Đây là 10 rupi. Bà hãy đưa cho bà ấy với tất cả mọi sự chúc lành

của tôi.

Cha tôi dạy dỗ con cái trong vòng kỷ luật chặt chẽ và chính cha tôi cũng là một người sống rất khắc khổ. Bởi đó, người không khi nào đi xem hát mà chỉ giải trí bằng sự tu dưỡng công phu và đọc sách thánh kinh Bhagavad Gita. Khinh thường mọi sự xa xỉ, người mang những đôi giày cho đến khi cũ mềm không dùng nữa. Các anh em tôi mua xe hơi khi loại xe này trở thành thông dụng; còn cha tôi chỉ đi xe buýt để đến sở làm. Lòng ham mê tài lợi là một điều hoàn toàn xa lạ đối với tính chất của người. Có một lần, sau khi đã góp công thành lập nhà ngân hàng thành phố Calcutta, cha tôi từ chối không nhận phần chia lời đặc biệt của mình và nói rằng người chỉ làm bổn phận trong khi nhàn rỗi, thế thôi.

Sau khi cha tôi về hưu được vài năm, một chuyên viên kế toán người Anh đến xem xét sổ sách của công ty. Ông ta lấy làm vô cùng ngạc nhiên mà nhận thấy rằng cha tôi không hề đòi hỏi phần chia lời của mình. Người chuyên viên tuyên bố:

- Ông ấy đã làm công việc của ba người! Công ty còn thiếu ông ta một số tiền lời chưa trả là 125,000 rupi!

Các viên chức Hỏa Xa bèn gửi cho cha tôi một ngân phiếu trả đủ số tiền trên. Cha tôi không nghĩ gì đến vấn đề này, thậm chí cũng quên cả việc nhắc nhở gia đình về số tiền đó. Về sau, em trai tôi là Bishnu nhận thấy có một số tiền lớn gửi vào trương mục ngân hàng của cha tôi, mới hỏi người về vấn đề ấy. Cha tôi nói:

- Cần gì phải hãnh diện vì một lợi lộc vật chất? Người theo con đường Minh Triết không hề vui mừng vì được lợi lộc cũng như y không buồn khi phải bị mất mát thua lỗ. Người biết rằng con người bước vào đời không có một xu và từ giã cuộc đời cũng vậy mà thôi .

Ít lâu sau khi thành hôn, cha mẹ tôi trở nên đệ tử của vị Minh Sư Lahiri Mahasaya tại thành Benares. Việc này càng tăng cường thêm tính chất khắc khổ vốn tự nhiên của cha tôi. Mẹ tôi có lần tâm sự với Uma, chị tôi:

- Ba con với mẹ chỉ gần nhau một năm có một lần, mục đích duy nhất là để có con mà thôi.

Chú Abinash Babu, nhân viên Công ty Hỏa xa trạm Gorakhpur đã giới thiệu cha tôi cho vị Tôn Sư Lahiri Mahasaya. Chú có thuật lại cho tôi nghe nhiều chuyện lạ lùng về đời sống của các vị Minh Sư Ấn Độ, và luôn luôn kết luận rằng Tôn Sư cao hơn tất cả các vị ấy .

- Cháu có bao giờ nghe nói về những trường hợp lạ lùng khiến cho ba cháu trở nên đệ tử của đức Lahiri Mahasaya chưa ?

Chính trong buổi chiều mùa hạ đẹp trời, khi chúng tôi ngồi chơi trước thềm nhà, và chú Abinash đã hỏi tôi câu hỏi đó, nó làm cho tôi rất tò mò. Tôi lắc đầu và ngồi lắng tai nghe. Chú bắt đầu nói:

- “Nhiều năm trước khi cháu ra đời, có lần tôi yêu cầu ba cháu, hồi đó là trưởng phòng sở Hỏa xa ở Gorakhpur, hãy cho tôi nghỉ phép một tuần để đến viếng thăm Sư Phụ ở Benares. Ba cháu bèn chế diễu tôi: "Chú sắp trở thành cuồng tín chẳng? Chú hãy siêng năng làm việc trong văn phòng, nếu chú muốn tiến thân trên đường công danh sự nghiệp." Ngày đó tôi buồn bã và khi trở về nhà theo một con đường nhỏ, và gặp ba cháu cũng đang đi kiệu về nhà khi tan giờ làm việc. Ba cháu cho những người phu khiêng kiệu trở về, rồi đi bộ để đàm đạo với tôi. Để an ủi tôi, ba cháu mới nêu cao những lợi ích làm việc để thành công trên đường đời. Tôi nghe một cách uể oải vì tâm trí tôi lúc ấy chỉ nghĩ đến Tôn Sư là đức Lahiri Mahasaya .

Chúng tôi đi trên con đường mòn xuyên qua một cánh đồng yên tĩnh, mặt trời chiều còn chiếu sáng ánh nắng vàng trên ngọn cỏ. Chúng tôi bèn dừng chân ngắm cảnh. Chính trong lúc ấy từ trong cánh đồng, cách chúng tôi vài bước, thành linh xuất hiện vị Tôn Sư của tôi:

- Bhagabati, sao con quá khắc khe với thuộc hạ của con vậy?

Giọng nói của Tôn Sư vang rền làm cho chúng tôi lặng người vì ngạc nhiên. Nói xong Ngài liền biến mất một cách đột nhiên cũng như khi Ngài xuất hiện. Tôi bèn quỳ xuống giữa đường và thốt lên: "Lahiri Mahasaya, Sư Phụ của con!" Ba cháu cũng hoàn toàn lặng người như bị sét đánh, và khi người trở lại sắc thái bình thường, người nói:

- Abinash, không những tôi cho chú nghỉ một tuần, mà chính tôi cũng nghỉ phép ngắn hạn để đi Benares vào ngày mai. Tôi khát khao được chiêm ngưỡng đức Lahiri Mahasaya, người có quyền năng hiện hình tùy theo ý muốn chỉ vì mục đích duy nhất là để xin phép cho chú. Tôi muốn đem vợ tôi theo và yêu cầu Tôn Sư cho chúng tôi được làm lễ nhập môn để theo học đạo với Ngài. Chú sẵn lòng giới thiệu chúng tôi chứ?

- Lẽ tự nhiên! Tôi đáp.

Tôi rất vui mừng mà thấy rằng lời cầu nguyện của tôi đã linh ứng và mọi sự đã xảy ra một cách tốt đẹp.

Chiều hôm sau, chúng tôi lên xe lửa đi Benares. Qua ngày kế đó, chúng tôi đi lần lần, khi thì đi ngựa, khi thì đi bộ trên các đường mòn để đến nơi am thất vắng vẻ của tôn sư. Khi chúng tôi bước vào

phòng khách, chúng tôi nghiêng mình kính cẩn chào tôn sư, còn Ngài thì ngồi trong tư thế liên hoa như thường lệ. Ngài bèn nhìn thẳng vào mắt ba cháu và nói:

- Bhagabati, sao con quá khác khe với thuộc hạ của con vậy?

Những lời này chính Ngài đã thốt ra hôm nọ ở cánh đồng Gorakhpur.

- Ta rất vui mà thấy con cho phép Abinash đến đây và cả hai vợ chồng con cùng đi!

Kể đó, Tôn Sư bèn làm lễ nhập môn cho cha mẹ cháu theo đạo pháp Kriya Yoga (Pháp môn chế ngự sự loạn động của giác quan và giúp người hành giả lần lần đạt tới tâm thức vũ trụ, tức Chân Như Đại Thể.) Từ cái ngày đáng ghi nhớ đó, khi cái linh ảnh của Tôn Sư xuất hiện trên cánh đồng, ba cháu và tôi đều sát cánh nhau không rời, hai huynh đệ đồng môn. Đức Lahiri Mahasaya đã chú ý đặc biệt đến cháu từ ngày cháu sinh ra đời. Cuộc đời cháu chắc chắn sẽ có liên hệ với Ngài, vì ân huệ của Tôn Sư không bao giờ làm lẫn...”

Đức Lahiri Mahasaya từ bỏ thế gian ít lâu sau khi tôi vừa bước vào cuộc đời. Bức di ảnh của Ngài, lồng trong một cái khung chạm trổ rất đẹp, luôn luôn được đặt trên một bàn thờ nhỏ của gia đình, bất cứ ở thành phố nào mà cha mẹ tôi di chuyển đến vì nhu cầu công việc. Sáng và chiều, mẹ tôi và tôi đều suy ngẫm trước bàn thờ, và dâng hương hoa.

Bức chân dung đó có một ảnh hưởng lạ lùng trong đời tôi. Tư tưởng về Tôn Sư không ngớt thấm nhuần vào người tôi một cách sâu xa khi tôi càng trưởng thành. Có nhiều khi trong cơn thiền định của tôi, hình ảnh của Ngài dường như bước ra khỏi cái khung và ngồi trước

mặt tôi như là người sống. Khi tôi thử đưa tay lên sờ vào hai bàn chân của Ngài, thì hình ảnh ấy trở thành bức chân dung và lọt vào cái khung. Thời gian trôi qua, đức Lahiri Mahasaya không còn là bức ảnh trong khung mộc mạc tầm thường nữa, mà trong linh giác của tôi Ngài đã biến thành một sự hiện diện rực rỡ huy hoàng. Tôi luôn luôn gửi lời cầu nguyện đến với Ngài trong những khi buồn thảm cô đơn và tôi luôn luôn được một sự hỗ trợ tinh thần rất mạnh mẽ. Lúc đầu, tôi rất buồn vì tưởng rằng Ngài đã chết, nhưng về sau tôi nhận thức rõ rệt sự toàn thông (hiện diện khắp nơi) của Ngài, và tôi không buồn rầu nữa. Ngài thường viết thư trả lời cho những đệ tử quá bồn chồn mong muốn gặp mặt Ngài, như sau: "Các con có được lợi ích gì mà nhìn thấy cái thể xác vật chất của ta trong khi ta luôn luôn hiện diện trước cái nhãn quang tâm linh của các con."

Nhờ di ảnh của Tôn Sư mà tôi được khỏi bệnh một cách nhiệm màu hồi tôi mới lên tám tuổi: Điều này càng tăng thêm lòng yêu quý của tôi đối với Ngài. Khi cha mẹ tôi còn ở Ichapur, tỉnh Bengale, tôi mắc phải bệnh thiên thời, một chứng bệnh hiểm nghèo rất khó chữa. Các y sĩ đã tuyệt vọng và tuyên bố không thể chữa khỏi bệnh ấy. Mẹ tôi ngồi bên giường bệnh và bảo tôi hãy nhìn bức chân dung của Đức Lahiri Mahasaya treo trên tường, ở đầu giường của tôi.

"Con hãy quì trước mặt Ngài bằng tư tưởng!" Mẹ tôi nói, vì biết rằng tôi không còn đủ sức để cựa quậy một ngón tay. "Nếu con có thể chiêm bái Ngài với tất cả tâm hồn, thì con sẽ được cứu thoát."

Tôi chiêm ngưỡng bức thánh dung và đột nhiên một ánh sáng rạng ngời bao phủ lấy mình tôi và lan rộng khắp phòng. Cơn buồn mửa và triệu chứng khác đều tiêu tan; tôi cảm thấy hết bệnh. Đồng thời, tôi có đủ sức nghiêng mình tới trước và nắm lấy bàn tay của mẹ tôi, chứng tỏ cho mẹ tôi biết rằng đức tin vững chắc của mẹ tôi nơi đức Tôn Sư đã được ứng đáp mỹ mãn. Mẹ tôi bèn ôm lấy bức chân

dung màu nhiệm và áp đặt lên gò má của bà nhiều lần để tỏ lòng tôn kính.

- Ôi! Tôn Sư cao cả! Xin tạ ơn Ngài đã ban ân huệ để cứu mạng của con tôi.

Khi đó tôi biết mẹ tôi cũng đã nhận thấy cái hào quang sáng rực nhờ đó mà tôi đã được cứu chữa khỏi một chứng bệnh hiểm nghèo.

Bức chân dung đó là một trong những tài sản quý nhất của tôi. Ngày xưa, chính đức Tôn Sư ban bức chân dung này cho cha tôi, hiện nay nó vẫn còn mang theo những từ điển và thần lực thiêng liêng. Kali Kumar Roy, bạn đồng môn của cha tôi, có thuật cho tôi nghe lịch sử huyền diệu của nó.

Tôn Sư vốn rất ghét chụp ảnh. Mặc dầu Ngài phản đối nhiều lần, nhưng người ta đã chụp được một loạt nhiều bức ảnh một nhóm đệ tử vây chung quanh đức Lahiri Mahasaya. Những người chụp ảnh lấy làm vô cùng ngạc nhiên mà thấy rằng trong các bức hình, không thấy có Tôn Sư đâu cả và chỗ ngồi của Ngài lại trống trơn, hiện tượng này đã gây nên nhiều lời bình luận sôi nổi.

Khi đó, một đệ tử kiêm chuyên viên nhiếp ảnh đại tài là Ganga Dhar Babu mới nhất định chụp cho kỳ được hình ảnh của Tôn Sư mới nghe. Sáng ngày hôm sau, khi Tôn Sư ngồi tĩnh tọa công phu theo thể liên hoa trên một chiếc ghế dài với một tấm bình phong phía sau lưng, Ganga Dhar Babu bèn thỉnh linh xuất hiện với cái máy ảnh. Y đã chuẩn bị mọi sự một cách vô cùng chu đáo và chụp liên tiếp mười hai tấm. Khi rửa hình xong, thì trong hình chỉ trông có cái ghế dài và tấm bình phong, mà không thấy Tôn Sư đâu cả!

Xấu hổ và rưng rưng nước mắt, Ganga Dhar Babu đến tìm đức tôn

sư. Nhiều giờ lặng lẽ trôi qua trước khi Tôn Sư phá tan im lặng và nói:

- Ta là Tinh Thần. Máy ảnh của con có thể nào chụp được cái Tinh Thần vô hình vô ảnh?

- Con biết rõ là không! Nhưng bạch tôn sư, con rất mong muốn có một tấm hình của cái linh điện bằng xương bằng thịt mà theo con biết, đang làm chỗ trú ngụ duy nhất cho cái Tinh Thần đó.

- Như vậy, con hãy đến đây sáng ngày mai. Ta sẽ cho con chụp một tấm.

Thế là người nhiếp ảnh viên lại có dịp trở tài. Hình bóng đức Tôn Sư từ trước vẫn không ai chụp được, lần này hiện ra rõ rệt trên bức ảnh. Từ khi đó, Tôn Sư không bao giờ chịu cho bất cứ ai chụp ảnh Ngài nữa.

Ít lâu sau khi đã phục hồi sức khỏe nhờ bức chân dung màu nhiệm của tôn sư, tôi có một linh ảnh lạ lùng. Một buổi sáng khi tôi còn ngồi trên giường, bỗng nhiên tôi rơi vào một giấc mơ thâm sâu huyền diệu. Một ánh hào quang rạng ngời và rộng lớn vô biên đột nhiên xuất hiện trước nhãn quang của tôi. Những hình ảnh thiêng liêng của các đấng hiền minh thánh triết đắm chìm trong cơn thiền định trong các hang núi thâm u, diễn ra trước mắt tôi như một cuốn phim trên màn ảnh.

- Quý vị là ai? Tôi cất tiếng hỏi .

- Chúng tôi là các đạo sĩ Yogi trên dãy Tuyết Sơn.(Hy Mã Lạp Sơn)

Câu trả lời vọng đến tai tôi gây cho tôi một cảm giác say sưa, lâng

lãng thoát tục.

- A! Tôi cũng phải lên núi Tuyết Sơn để trở nên như quý vị.

Cái linh ảnh biến mất, nhưng những tia sáng như bạc vẫn còn nổi rộng thành những vòng tròn trong không gian vô tận...

- Ánh sáng huyền diệu ôi! Người là ai?

- Ta là Thượng Đế (Ishwara). Ta là "Ánh Sáng." Giọng nói ấy nghe như xuôi rót và trong như tiếng suối bạc chảy trong khe núi.

- Con chỉ muốn hợp nhất với Ngài!

Niềm phúc lạc thiêng liêng ấy tan dần và biến mất, còn tôi từ ấy luôn luôn khao khát muốn tìm sự hợp nhất với Thượng Đế là đáng trường tồn, nguồn gốc của mọi hạnh phúc và an vui bất tận. Cái kỷ niệm ấy vẫn còn tồn tại rất lâu sau khi linh ảnh chấm dứt.

Một kỷ niệm khác hồi thời thơ ấu của tôi cũng đáng ghi nhớ, vì nó còn ghi dấu trên mình tôi bằng một cái sẹo. Một buổi sáng Uma chị tôi, và tôi cùng ngồi chơi dưới một tàn cây to ở Gorakhpur. Trên cành cây, những con két đang mổ vào những trái sung chín đỏ, Uma kêu đau vì mọt nhọt dưới chân và lấy thuốc xoa bóp chỗ đau. Để giỡn chơi, tôi cũng lấy một chút thuốc và xoa trên cánh tay tôi.

- Em không đau mà cũng thoa thuốc trên tay làm gì? Chị tôi hỏi.

- Chị không biết, ngày mai em sẽ bị mọt nhọt. Em thoa thuốc ở chỗ mà nó sẽ xuất hiện.

- Đồ nói láo!

- Chị ơi, chị không có quyền mắng em như thế trước sáng ngày mai, rồi chị sẽ thấy đúng như lời em nói. Tôi tức mình nên nói càn như vậy.

Uma không tỏ vẻ hối hận mà còn lập lại câu mắng tôi lúc nãy. Tôi bèn đáp lại bằng một giọng đầy cương quyết:

- Với tất cả sức mạnh ý chí trong mình tôi, tôi tuyên bố rằng không trễ hơn sáng ngày mai, tôi sẽ có một mụn nhọt lớn hơn cánh tay này; còn cái mụn nhọt của chị sẽ sưng lên gấp đôi.

Sáng ngày hôm sau, quả thật nơi cánh tay của tôi mọc lên một mụn nhọt khá lớn và đỏ tươi, còn mụn nhọt của Uma sưng vù lên trông thật dễ sợ. Chị tôi la hoảng lên và chạy kiểm mẹ tôi:

- Mẹ ơi! Mukunda đã thành phù thủy!

Mẹ tôi nghiêm nghị bảo tôi không bao giờ nên dùng quyền năng của lời nói để làm điều chẳng lành. Tôi vâng lời mẹ từ đó không hề quên lời dạy ấy.

Những lời nói chát phác tầm thường, bề ngoài có vẻ vô tội, mà tôi đã thốt ra với một sự tập trung ý chí mãnh liệt, cũng đủ phát ra một sức mạnh vô hình ảnh hưởng phá hoại các tế bào trong da thịt. Về sau, tôi hiểu rằng những âm ba rung động của lời chú nguyện có một quyền năng mãnh liệt, nó còn có thể được sử dụng để giúp chúng ta thoát khỏi những sự khó khăn của cuộc đời .

Gia đình chúng tôi dời đến Lahore trong tỉnh Punjab. Nhà có đặt một cái trang thờ nhỏ ở ngoài bao lơn để thờ đức Phật Bà Quan Thế Âm. Không hiểu sao tôi có một đức tin chắc chắn rằng trước cái

trang thờ thiêng liêng này mỗi lời cầu nguyện của tôi đều được đáp ứng. Một ngày nọ khi tôi đang đứng với chị Uma trước bao lơn tôi thấy có hai con diều giấy bay trên nóc nhà ở phía bên kia đường lộ. Uma thấy tôi suy tư, bèn nói đùa:

- Hôm nay em có vẻ như một nhà Hiền Triết.

- Em đang suy nghĩ rằng đức Phật Mẫu thật là quá tốt lành mà đáp ứng mọi điều em mong ước.

- Chị chắc Ngài đã cho em một con diều giấy kia rồi đấy! Chị tôi vừa nói với một giọng điệu cợt.

- Tại sao không?

Tôi bèn âm thầm cầu nguyện đức Phật Mẫu làm cho con diều giấy kia rơi vào tay tôi.

Bên Ấn Độ, người ta thích chơi diều giấy, mỗi người chơi diều lại tìm cách để cắt đứt sợi dây diều của đối phương. Khi con diều bị cắt đứt dây, nó sẽ bay lượn trên không trước khi rơi xuống nóc nhà và một cuộc rượt bắt sôi nổi sẽ diễn ra xem ai bắt được con diều. Vì lẽ Uma và tôi đang đứng trên bao lơn, nên chúng tôi không thể nào rượt bắt kịp những người khác.

Phía bên đường lộ cuộc chơi bắt đầu. Một con diều bị cắt đứt dây, nó liền bay tới gần chỗ tôi đứng. Tự nhiên gió im bặt làm cho con diều ngừng bay hết một lúc, sợi dây của nó vướng vào một cây sương rỗng trên nóc nhà bên cạnh, rồi cuốn lại thành một cái gút to xòa xuống trước mặt tôi. Tôi bèn đưa tay ra nắm lấy sợi dây và đưa con diều cho Uma.

- Đó chỉ là một sự ngẫu nhiên tình cờ, và không có dính dáng đến lời cầu nguyện của em. Em hãy bắt luôn con điều kia thì chị mới tin.

Tuy chị tôi nói vậy, nhưng tôi thoáng thấy trong cặp mắt chị có một sự ngạc nhiên nó dính chính lời của chị.

Tôi bèn tiếp tục cầu nguyện Phật Bà Quan Âm với tất cả tâm hồn. Một người chơi điều bị cắt đứt dây, con điều bèn nhảy múa trên không theo chiều gió và hướng về phía tôi. Sợi dây lại quấn vòng quanh cây xương rồng như lúc nãy rồi làm thành cái gút lớn hạ xuống trước mặt tôi. Tôi bèn nắm lấy và đưa con điều thứ hai cho Uma.

- Lạ thật, đức Phật Mẫu quả thật đã nghe lời cầu nguyện của em. Chị chẳng hiểu gì cả. Chị tôi liền chạy đi như một con nai tơ bị đuổi.

Chương 2

MÓN LINH VẬT HỘ PHÙ

Điều mong ước lớn nhất của mẹ tôi là lập gia đình cho anh cả tôi. “A! Khi nào tôi nhìn thấy gương mặt vợ của Ananta, tôi sẽ có cảm giác như sống trên thiên đàng ở hạ giới!” Đó là lời của mẹ tôi thốt ra để bày tỏ lòng mong ước điển hình của người Ấn Độ, là được bảo đảm sự nối tiếp giòng dõi của gia đình.

Khi Ananta thành hôn, tôi mới lên bảy tuổi. Mẹ tôi lúc ấy ở Calcutta lo chuẩn bị mọi việc để cử hành hôn lễ. Chỉ còn có cha tôi và tôi ở nhà tại Bareilly, trên miền Bắc Ấn, cha tôi vừa đổi đến đây sau ba năm làm việc tại Lahore.

Tôi đã từng dự các cuộc hôn lễ rực rỡ tưng bừng của hai chị tôi là Roma và Uma. Đối với Ananta là anh cả trong gia đình, thì những nghi lễ cưới hỏi lại càng đặc biệt và long trọng hơn nữa.

Tại Calcutta, mẹ tôi tiếp đón nhiều quan khách đến từ các vùng xa và để họ tá túc ở một ngôi nhà rộng rãi, đầy đủ tiện nghi vừa mua được ở số 50 đường Amherst. Mọi việc đều đã chuẩn bị sẵn sàng: những món ăn cao lương mỹ vị, chiếc kiệu lát lụa thêu, trên đó Ananta sẽ được đặt ngồi lên và khiêng đi một cách long trọng đến nhà tân giai nhân, những đèn lồng màu mè sặc sỡ, những con lạc đà và voi bằng giấy nhồi cứng, những dàn nhạc Ấn Độ và Tây Phương, những kẻ làm trò hề chuyên nghiệp, những tặng lữ hành lễ tôn giáo theo nghi lễ cổ truyền.

Cha tôi và tôi cũng sắp sửa chọn ngày lên đường để dự lễ cưới cùng với gia đình. Nhưng một đêm nọ tôi thấy một linh ảnh báo trước việc chẳng lành.

Đêm đó vào lúc nửa đêm ở tại Bareilly. Tôi đang ngủ bên cạnh cha tôi trên giường thì thình lình tôi giật mình thức dậy vì một tiếng động khác thường làm rung rinh chiếc mùng. Cái mùng vén lên và tôi nhìn thấy mẹ tôi.

- Đánh thức cha con dậy!

Tiếng nói của mẹ tôi lúc ấy chỉ còn là một giọng nói nhỏ thì thầm.

- Hai cha con hãy đáp chuyến xe lửa đầu tiên lúc bốn giờ sáng để đi Calcutta ngay lập tức nếu muốn còn nhìn thấy mẹ!

Nói đến đó, mẹ tôi ngất xỉu và biến mất!

- Cha ơi! Cha! Mẹ đang hấp hối!

Giọng nói sợ hãi của tôi làm cha tôi thức giấc. Tôi càng khóc lớn hơn. Cha tôi dỗ dành:

- Đó chỉ là một cơn ảo ảnh chứ không có gì lạ. Mẹ con đang mạnh khỏe không đau ốm chi. Nếu hôm nay có tin gì, chúng ta sẽ đi ngay vào ngày mai.

- Cha sẽ hối hận suốt đời nếu cha không chịu đi ngay cho kịp ngày. Con cũng vậy, con cũng sẽ oán trách cha suốt đời nếu cha không đi cho con kịp nhìn thấy mẹ!

Tôi nói lớn trong cơn thất vọng. Sáng hôm sau, tôi nhận được bức

điện tín: “Mẹ đau nặng. Hôn lễ đình lại sau. Hãy đến ngay.”

Chúng tôi hối hả lên đường. Một người cậu gặp chúng tôi, lúc xe lửa ngừng tại một nhà ga lớn ở dọc đường. Một chuyến xe lửa ở đầu kia đi lại âm âm như cơn giông, tiếng động mỗi lúc càng lớn khi chuyến xe đến càng gần. Trong cơn đau khổ, tôi cảm thấy muốn nhào xuống đường rầy. Tôi đã không còn mẹ, như linh tính tôi đã báo trước, cuộc đời từ nay đối với tôi thật vô vị và không thể chịu nổi. Mẹ tôi là một người tri kỷ lớn nhất mà tôi có trên đời, đôi mắt đen của mẹ tôi là một nguồn an ủi duy nhất, tình thương của mẹ tôi là nơi trú ẩn chắc chắn nhất trong thời thơ ấu của tôi.

- Chị còn sống chăng? Cậu tôi hỏi.

- Tự nhiên là còn! Cha tôi đáp.

Tuy nhiên, tôi không tin tưởng ở lời quả quyết này, và cậu tôi đã khám phá ra nét thất vọng hiện trên gương mặt của tôi.

Chúng tôi đến Calcutta chỉ vừa kịp để chứng kiến cái chết của mẹ tôi. Tôi rơi vào một trạng thái buồn thảm và sự sống đối với tôi không còn ý nghĩa gì. Nhiều năm trôi qua trước khi tôi có thể hòa mình với sự thật đã rồi và không thể tránh khỏi. Những tiếng khóc than của tôi vang dội đến tận mây xanh, sau cùng đã động lòng đức Phật Mẫu thiêng liêng nên ngài đã xoa dịu vết thương lòng của tôi bằng những lời này:

- Chính Ta đã sẵn sóc đến con, từ kiếp này sang kiếp khác, xuyên qua tình thương của vô số những người mẹ đã sinh ra con ở thế gian! Con hãy thấy trong cái nhìn của Ta những tia sáng dịu hiền của những cặp mắt đẹp long lanh và đen huyền mà con đã mất!

Cha tôi và tôi trở về Bareilly, sau khi lễ hỏa táng mẹ tôi đã hoàn tất. Mỗi buổi sớm mai, tôi thức sớm và đến chiêm ngưỡng dưới gốc cây sheoli che bóng mát xuống bãi cỏ xanh trước nhà. Những cánh hoa trắng tinh của cây sheoli tô điểm cho cảnh vật càng thêm xinh tươi. Đôi mắt đẫm lệ và sương, tôi thường nhìn thấy một ánh sáng lạ lùng huyền diệu đến với lúc bình minh. Một cơn khát vọng tìm chân lý xâm chiếm lấy tôi. Tôi cảm thấy một sức lôi cuốn mãnh liệt thúc đẩy tôi đến dãy Tuyết Sơn.

Một người anh họ của tôi vừa đi chơi trên dãy Tuyết Sơn trở về có đến thăm chúng tôi tại Bareilly. Tôi chăm chú nghe một cách say sưa những chuyện của y tường thuật về những non cao động cả là nơi trú ẩn của các nhà đạo sĩ Yogi.

- Chúng ta hãy đi lên núi Tuyết Sơn.

Tôi đề nghị với Dwarka Prasad, lúc ấy đang ở trọ nhà chúng tôi tại Bareilly. Y bèn tiết lộ điều đó cho anh cả tôi là Ananta đang đến thăm cha tôi lúc ấy. Ananta không những mỉm cười về chương trình táo bạo của một đứa em nhỏ mà còn diễu cợt tôi:

- Cái áo cà sa vàng của em đâu? Cái đó mới là áo của tu sĩ!

Những lời này gây cho tôi một ảnh hưởng bất ngờ. Trong tâm hồn tôi luôn lớn vồn những linh ảnh trong đó tôi thấy tôi mặc áo cà sa vàng của nhà tu sĩ và đi hành hương ta bà khắp xứ Ấn Độ. Phải chăng câu nói đó đã làm thức động những ký ức về những tiền kiếp của tôi khi xưa? Dầu sao, tôi sẵn sàng khoác lấy một cách thoải mái và dễ dàng bộ áo vàng của người tu sĩ.

Một buổi sáng nọ, trong khi tôi đang nói chuyện với Dwarka, lòng sùng kính Thiên Liêng tự nhiên xâm chiếm hồn tôi một cách đột

ngọt. Bạn tôi nghe những lời thuyết pháp hùng hồn của tôi một cách uể oải trong khi tôi lấy làm sung sướng mà nghe giọng nói của chính mình!

Trưa hôm ấy, tôi lên trốn đi Naini Tal, dưới chân núi Hi Mã Lạp Sơn. Ananta liền cương quyết đuổi theo bắt tôi trở lại, và tôi lấy làm buồn mà phải quay trở về Bareilly. Từ nay, cuộc hành hương duy nhất mà tôi được phép thực hiện là đi đến gốc sheoli mỗi buổi sớm mai. Tôi càng khóc thầm vì đã mất đi một người mẹ nhân từ và thánh thiện.

Cái chết của mẹ tôi là một sự thiệt thòi lớn cho gia đình. Cha tôi không chịu tái giá, và sống góa vợ như thế trong gần bốn mươi năm. Sống cảnh gà trống nuôi con, cha tôi trở nên dịu dàng và mềm mỏng hơn và dễ thông cảm hơn. Bình tĩnh và lo xa người giải quyết êm thấm tất cả mọi vấn đề trong nội bộ gia đình. Sau giờ làm việc người sống cô độc như một ẩn sĩ trong phòng riêng, và thực hành pháp môn thiền định. Về sau, tôi có ý định thuê một cô người Anh coi sóc việc nhà và đem lại ít nhiều tiện nghi cho gia đình, thì cha tôi lắc đầu từ chối:

- Đối với cha, con thấy không, đã dứt mọi sự săn sóc từ ngày mẹ con khuất núi. Cha sẽ không bao giờ chịu nhận sự săn sóc của một người đàn bà nào khác.

Mười bốn tháng sau khi mẹ tôi mất, tôi mới biết rằng mẹ tôi có để lại cho tôi một thông điệp tối quan trọng. Ananta có mặt bên giường bệnh khi mẹ tôi hấp hối, đã nghe những lời trần trối của mẹ tôi. Tuy mẹ tôi có dặn rằng phải cho tôi biết trong một năm sau, nhưng anh tôi đã đình hoãn lại ngày đó. Anh tôi sẽ rời khỏi Bareilly trong ngày gần đây để cưới người con gái mà mẹ tôi đã chọn lựa. Vì thế, một buổi chiều, anh tôi đến tìm tôi và nói:

- Mukunda, từ lâu, anh đã do dự không muốn cho em biết một tin nó sẽ làm em ngạc nhiên.

Ananta nói với một giọng an phận:

- Anh sợ rằng nếu cho em biết sớm hơn, việc này càng làm cho em muốn bỏ gia đình để xuất gia. Tuy nhiên, em đã có nguồn cả hứng thiêng liêng; cho nên lúc rượt bắt em trở lại gia đình sau khi em muốn lên núi Tuyết Sơn, anh đã quyết định cho em biết ngay lời trần trối của mẹ.

Anh tôi bèn đưa cho tôi một cái hộp nhỏ đựng bức thông điệp của mẹ tôi. Trong đó mẹ tôi viết như sau:

- “Mukunda con hỡi! Những lời này là lời chúc lành cuối cùng của mẹ gửi đến con. Giờ phút này là lúc mà mẹ phải tiết lộ cho con biết vài sự lạ thường xảy ra sau khi con vừa mở mắt chào đời. Con chỉ là một hài nhi khi mà định mệnh của con được tiết lộ cho mẹ biết, lần đầu tiên vị Tôn Sư của mẹ ở Benares. Hôm ấy, Tôn Sư đang tọa thiền và xuất thần nhập định, các vị đệ tử lúc ấy đang ngồi tề tựu rất đông chung quanh Ngài đến nỗi mẹ ngồi ẩn khuất ở tận phía sau và không nhìn thấy mặt tôn sư.

Mẹ bồng con trên tay và cầu nguyện cho Tôn Sư biết có mẹ con ta trong đám đông để ngài ban ân huệ cho chúng ta. Trong khi mẹ đang âm thầm cầu nguyện ráo riết thì Tôn Sư mở mắt ra và gọi mẹ lại gần. Đám đông để cho mẹ đi qua và mẹ quì xuống một bên ngài. Tôn Sư mới bồng con đặt lên đầu gối ngài và đặt bàn tay lên trán con trong một cử chỉ ban ân huệ tâm linh. Ngài nói:

- Đây hiền mẫu, con của người sẽ trở nên một tu sĩ xuất gia. Y sẽ đưa nhiều linh hồn đến cõi Phật.

Lòng mẹ tràn ngập niềm vui sướng vì Tôn Sư toàn thông đã nghe được lời cầu nguyện thầm kín của mẹ. Trước khi con lọt lòng mẹ thì Tôn Sư đã tiên đoán được rằng ngày sau con sẽ noi theo con đường của Ngài.”

- “Về sau, con hỡi, mẹ đã có dịp tin tưởng một cách chắc chắn rằng con đường của con sẽ đưa con đi xa khỏi cuộc đời thế tục. Một sự kiện độc đáo đã xác nhận sự tin tưởng đó và ngày nay mẹ để lại cho con lời di chúc tối hậu này, trên giường bệnh hấp hối của mẹ.

Đó là về sự gặp gỡ một nhà hiền giả xứ Punjab. Trong khi gia đình ta đang cư ngụ tại Lahore. Một buổi sớm mai, người gia bộc chạy vào phòng mẹ và nói:

- Thưa bà, một người tu sĩ dị kỳ vừa đến đây. Ông ta đòi yết kiến mẹ của Mukunda.

Những lời nói đó làm cho mẹ sửng sốt. Mẹ liền bước ra vái chào người khách lạ. Khi mẹ nghiêng mình kính cẩn chào người, thì mẹ cảm thấy rằng mẹ đang đứng trước một vị sứ giả của Thiên Liêng. Người ấy nói:

- Nay hiền mẫu, Tôn Sư muốn cho bà biết rằng kiếp sống hiện tại của bà ở thế gian này đã chấm dứt. Cơ bệnh sắp tới của bà cũng sẽ là cơn bệnh cuối cùng.

Nói xong, người im lặng trong một lúc, trong khi mẹ không hề cảm thấy sợ sệt mà tâm hồn mẹ tràn đầy một niềm an tịnh vô biên. Sau cùng người lại nói:

- Bà sẽ giữ một món bảo vật hộ phù bằng bạc. Tôi sẽ không đưa cho bà ngày hôm nay, nhưng để chứng thực lời nói của tôi, vật ấy sẽ hiện ra ngày mai khi bà ngồi thiền. Đến giờ hấp hối, bà sẽ yêu cầu người con cả là Ananata hãy giữ lấy vật ấy trong một năm và sau đó hãy chuyển giao cho người con thứ. Người này sẽ nhận lấy vật ấy vào lúc mà y cảm thấy sẵn sàng từ bỏ thế gian để xuất gia tầm Đạo. Khi người này đã giữ món hộ phù ấy trong nhiều năm và vật ấy đã làm tròn sứ mệnh của nó, nó sẽ tự nhiên biến mất. Y không cần phải dấu nó ở một nơi kín đáo, vì nó sẽ trở về chỗ cũ!

Mẹ bèn cúng dường cho vị tu sĩ một món tiền đi đường nhưng vị ấy từ chối và rút lui sau khi đã ban ân huệ cho mẹ. Chiều hôm sau, khi mẹ ngồi thiền, một vật hộ phù bằng bạc tự nhiên xuất hiện trong hai bàn tay của mẹ, đúng như lời vị tu sĩ đã nói trước. Vật ấy trước hết hiện ra làm cho mẹ có một cảm giác lạnh lạnh và trơn trơn trong bàn tay. Mẹ giữ gìn cẩn thận vật ấy trong hai năm và đã giao cho Ananta.

- Mukunda con hỡi, con đừng khóc mẹ nữa, vị Tôn Sư thiêng liêng sẽ hộ trì cho mẹ trong cõi Vô Cùng. Thôi, mẹ từ giã con, và cầu chúc đức Phật Mẫu che chở cho con”.

(Mẹ tôi đã biết trước một cách bí mật rằng bà sẽ không còn sống bao lâu nữa, do đó tôi mới biết vì sao mẹ tôi quyết định cưới vợ gấp cho anh tôi.)

Một ánh sáng thần diệu xâm chiếm lấy tôi khi tôi sở hữu món bảo vật ấy; nhiều kỷ niệm đã lãng quên từ đâu nay đã thức động trở lại. Món bảo vật, hình tròn, có một dĩ vãng cổ xưa không biết từ đời nào, có khắc chữ cổ Phạn. Tôi đoán rằng đó là món quà tặng của những vị Minh Sư mà tôi đã biết trong những kiếp quá khứ, ngày nay đã đặt tôi dưới sự bảo vệ vô hình và bí ẩn của ngài. Nó còn có một ý nghĩa

huyền diệu khác nữa mà tôi không được phép tiết lộ.

Còn món bảo vật đã biến mất như thế nào vào những giờ phút đau khổ nhất của đời tôi, và sự biến mất ấy mở màn cho việc gặp gỡ với Tôn Sư tôi như thế nào, thì điều đó tôi không thể tường thuật lại trong chương này.

Nhưng người thanh niên bị thất vọng trong chuyến du hành lên dãy Tuyết Sơn, đã đi xa, dưới ảnh hưởng phù trợ vô hình của món bảo vật hộ phù.

Chương 3

NGƯỜI ĐẠO SĨ PHÂN THÂN

- Thưa cha, nếu con hứa với cha rằng con sẽ trở về nhà mà không có sự gì rắc rối, cha cho phép con đi chơi thành Benares một chuyến chẳng?

Cha không bao giờ ngăn cản lòng ham thích đi du lịch của tôi. Dẫu trong lúc tôi còn thơ ấu, cha tôi từng cho phép tôi đi hành hương thăm viếng nhiều thành phố và danh lam thắng cảnh, thường là với một vài người bạn. Chúng tôi đi du lịch trên toa xe lửa hạng nhất, với những vé của cha tôi lấy cho, nhờ địa vị của cha tôi trong công ty hỏa xa nên chúng tôi có thể đi du lịch một cách thuận tiện và dễ dàng.

Cha tôi đã hứa chấp thuận lời yêu cầu của tôi. Ngày hôm sau, người gọi tôi lại gần và đưa cho tôi một vé xe lửa đi Benares, một số tiền rupi và hai bức thư.

- Cha có một việc kinh doanh mà cha định đề nghị với một người bạn ở Benares là Kedar Nath tiên sinh. Rủi thay, cha đã đánh mất địa chỉ của ông ta. Nhưng con có thể chuyển giao bức thư của cha qua sự trung gian của một người bạn khác là đại đức Pranabananda. Vị tu sĩ này, một bạn đồng môn với cha, có một trình độ tâm linh rất cao và sự tiếp xúc với người sẽ rất hữu ích cho con. Bức thư thứ hai là thư giới thiệu con với vị tu sĩ ấy.

Tôi bước chân ra đi, với lòng nhiệt thành của tuổi thiếu niên. Khi vừa

đến Benares, tôi liền tìm đến nhà của vị tu sĩ. Một người có thân hình lực lưỡng mình trần, vận chăn, đang ngồi kiết dà theo tư thế “Liên Hoa” trên một bậc thềm khá cao. Người ấy râu tóc đều cạo sạch, với một nụ cười an lạc thoảng nhẹ trên môi. Để trấn tĩnh tâm hồn còn non dại của tôi, người tiếp đón tôi như một người bạn cố hữu, và nói với một giọng ân cần:

- Bằng an đến với con!

Tôi bèn quì xuống làm lễ và sờ nhẹ lên hai bàn chân người theo phong tục bốn xứ.

- Thưa Đại Đức, có phải ngài là Đại Đức Swami Pranabananda không?

Người gật đầu và nói:

- Còn con là con của Bhagabati phải chăng?

Người thốt ra những lời này trước khi tôi có thời giờ móc trong túi ra lấy bức thư của cha tôi. Ngạc nhiên, tôi bèn đưa cho người bức thư giới thiệu mà tôi thấy không cần thiết nữa. Chưa vội xem thư, người đã nói:

- Lẽ tự nhiên, tôi sẽ tìm Kedar Nath tiên sinh để trao bức thư của cha con.

Lại một lần nữa, thần nhãn của vị tu sĩ làm cho tôi ngạc nhiên. Khi ấy, người mới mở thư ra xem và nói vài lời ưu ái về cha tôi.

- Con biết không, tôi hưởng thụ được hai phần hươu bổng, phần thứ nhất là nhờ cha con khi tôi còn làm việc dưới quyền của người ở sở

Hỏa Xa; còn phần thứ hai nhờ ở Thượng Đế, nhờ Ngài mà tôi đã thực hiện được công việc của tôi trong kiếp này.

Tôi nhận thấy câu nói ấy ý nghĩa rất mập mờ bí hiểm.

- Đại Đức hưởng phần hươu bổng của Thượng Đế ra sao? Ngài cho Đại Đức tiền phải không?

Vị tu sĩ bật cười:

- Tôi muốn nói đó là sự bằng an tuyệt vời nó đến với tôi sau nhiều năm thiền định. Hiện nay tôi không cần tiền để làm gì; vì những nhu cầu ít ỏi của tôi được thỏa mãn một cách rộng rãi. Sau này con sẽ hiểu ý nghĩa những lời tôi nói.

Kế đó, vị tu sĩ ngưng nói chuyện và thẳng mình ngồi yên bất động như pho tượng đá. Lúc đầu, đôi mắt tu sĩ còn sáng ngời như nhìn vào một cảnh vật lạ lùng, rồi lần lần trở nên lu mờ như đắm chìm vào cõi hư không. Sự im lặng này làm tôi băng khuâng, vả lại vị tu sĩ vẫn chưa nói cho tôi biết làm thế nào tôi có thể gặp người bạn của cha tôi. Tôi nhìn qua một lượt khắp gian phòng trống trơn và sau cùng tôi chú ý đến đôi guốc của vị tu sĩ đặt dưới chân thềm.

- Con đừng băn khoăn gì nữa; người mà con muốn tìm sẽ đến đây trong nửa giờ.

Vị tu sĩ đọc được tư tưởng của tôi, lần này không phải khó khăn gì lắm!

Người lại ngồi yên và im như pho tượng. Tôi nhìn đồng hồ tay thì thấy nửa giờ đã trôi qua. Vị tu sĩ lại nói:

- Tôi chắc là Kedar Nath Babu tiên sinh đã gần đến trước cửa.

Tôi lắng nghe có tiếng chân người bước lên cầu thang. Tôi hoàn toàn ngạc nhiên và những tư tưởng huyền não dồn dập trong trí tôi. Làm sao bạn của cha tôi có thể được mời đến đây mà không do sự trung gian của một người phát thư nào? Từ khi tôi đến đây, vị tu sĩ không có nói chuyện với ai cả, ngoài tôi ra. Tôi bèn bước ra khỏi phòng và đi xuống cầu thang. Giữa thang lầu, tôi gặp một người gầy ốm, vóc vạc trung bình, màu da tái nhợt và có vẻ vội vàng.

- Có phải ông là Kedar Nath Babu tiên sinh? Tôi hỏi với một giọng xúc động.

- Phải, còn em là con của Bhagabati đến đợi tôi ở đây? Người vừa nói vừa cười một cách thân tình.

- Thưa ông, làm sao ông biết mà đến đây gặp cháu?

Sự có mặt khó hiểu của ông ta làm cho tôi phân vân.

- Hôm nay, thật là nhiều chuyện bí hiểm! Cách đây không đầy một giờ, khi tôi vừa tắm xong dưới sông Hằng thì Đại Đức Swami Pranabananda đã tìm tôi ở tận bờ sông. Tôi không hiểu tại sao đại đức lại biết tôi ở dưới sông vào giờ đó. Rồi đại đức nói: “Con của Bhagabati đợi anh ở nhà tôi. Anh hãy đi theo tôi về nhà.”

- Tôi vui vẻ nhận lời, và cùng đi về với đại đức. Khi đi đường, đại đức chân đi guốc gỗ nhưng đi mau hơn tôi trong khi tôi mang giày bố, nhẹ và gọn, dùng để đi bộ đường xa. Bỗng nhiên, người dừng chân và hỏi:

- Từ đây về nhà, anh đi mất bao lâu?

- Độ chừng nửa giờ.

- Bây giờ, tôi còn phải làm việc khác và tạm biệt anh ở đây. Anh sẽ gặp tôi tại nhà với người con của Bhagabati.

- Trước khi tôi có thời giờ để mở miệng, người đã đi ngay và biến mất dạng trong đám đông. Tôi đã hối hả đến ngay cho kịp.

Cách giải thích này càng làm cho tôi rối trí thêm và không hiểu gì cả. Tôi hỏi:

- Đại Đức đã xuất hiện trong một linh ảnh hay là ông đã thấy người bằng xương bằng thịt, đã sờ vào mình người và nghe tiếng chân của người đi?

Kedar Nath Babu tiên sinh dậm ra găt gỏng:

- Em nói cái gì vậy? Tôi không có nói láo! Làm sao tôi biết em đợi tôi ở đây nếu đại đức không nói cho tôi biết?

- Ấy là vì đại đức Swami Pranabananda không hề bước ra khỏi phòng này từ khi tôi đến đây trước một giờ!

Tôi đáp và thuật lại cho ông ta nghe những gì đã xảy ra. Kedar Nath Babu tiên sinh gương đôi mắt lớn:

- Tôi mơ chẳng? Tôi không thể tưởng tượng rằng một phép lạ như vậy có thể xảy ra! Tôi tưởng rằng đại đức cũng như mọi người, không ngờ người lại có quyền năng phân thân và xuất hiện ở hai nơi cùng một lúc!

Chúng tôi bước vào phòng của nhà tu sĩ. Kedar tiên sinh khều tôi nói nhỏ:

- Em hãy nhìn xem, đây chính là đôi guốc gỗ mà người đã mang dưới bờ sông. Và khi đó, người cũng chỉ vận có một cái chần!

Kedar tiên sinh vừa nghiêng mình chào, thì vị tu sĩ đã day mặt về phía tôi với nụ cười bí hiểm.

- Tại sao con ngạc nhiên như vậy? Tính chất đồng thể của hiện tượng giới không phải là điều xa lạ với các nhà đạo sĩ chân chính. Bất cứ lúc nào, tôi cũng nhìn thấy và trò chuyện với các đệ tử của tôi ở Calcutta, chính họ cũng có cái khả năng thắng đoạt mọi chương ngại vật chất tùy ý muốn.

Để gây sự nhiệt thành trong tâm hồn non nớt của tôi, vị tu sĩ mới nói về những quyền năng của người, thuộc về loại giống như vô tuyến điện hay vô tuyến truyền hình, những quyền năng này hãy còn ẩn tàng trong con người. Nhưng thay vì cảm thấy hứng khởi, tôi chỉ cảm thấy một sự kinh hãi sợ sệt. Vì tôi phải bắt đầu học Đạo dưới sự chỉ dẫn của một vị Tôn Sư duy nhất là Sri Yukteswar, mà tôi chưa từng được yết kiến dung nhan, nên tôi không thấy có hứng thú muốn chấp nhận tu sĩ Pranabananda làm thầy. Tôi bèn do dự hỏi tu sĩ rằng không biết chính thật là người đang ở trước mặt tôi lúc đó, hay chỉ là cái hình bóng của người xuất hiện trước mắt tôi.

Tu sĩ tìm cách giải tỏa nỗi băn khoăn của tôi bằng một cái nhìn đầy hảo ý nó đi sâu vào tận tâm hồn tôi và với những lời nói đầy cảm hứng về vị Tôn Sư của người.

- Đức Lahiri Mahasaya là vị Tôn Sư cao cả nhất mà tôi được biết. Ngài chính là hiện thân của Đấng Thiêng Liêng, khoác lấy một thể

xác bằng xương thịt!

Tôi nghĩ rằng nếu vị đệ tử có thể phân thân để hiện hình ở hai nơi cùng một lúc, thì có sự nhiệm màu nào mà vị Tôn Sư không thể làm được!

- “Tôi muốn cho con hiểu rằng sự hướng dẫn của một vị Tôn Sư là một điều quý báu dường nào! Mỗi đêm, tôi tham thiền trong tám giờ, cùng với một bạn đồng môn khác. Ban ngày chúng tôi cùng làm việc ở sở Hỏa Xa. Tôi nhận thấy khổ tâm mà phải tiêu phí trong sở làm cái thời giờ quý báu mà tôi muốn dành cho việc hành đạo. Tuy nhiên, tôi đã kiên tâm trong tám năm để dành một vài giờ mỗi đêm cho sự thiền định và tôi đã đạt được những kết quả thật lạ lùng. Phần thưởng mà tôi gặt hái được là những cảm hứng tâm linh siêu đẳng đã đến với tôi, nhưng luôn luôn vẫn còn một tấm màn, tuy rất mỏng manh tế nhị, nó ngăn cách giữa tôi với Thiên Liêng. Mặc dầu những cố gắng siêu phàm, tôi vẫn không sao thực hiện được sự hợp nhất tuyệt đối với cõi Vô Cùng. Một hôm tôi đến viếng Tôn Sư và suốt đêm khẩn cầu người hãy trợ giúp tôi:

- Hỡi Tôn Sư cao cả! Sự hấp hối tâm linh của con đã đến mức độ mà cuộc đời đối với con chỉ là một gánh nặng nếu con không đạt tới cõi Đạo diệu huyền.

- Ta biết làm sao? Con hãy thiền định một cách kiên tâm hơn nữa!

Tôi lại khẩn cầu ráo riết. Đức Lahiri Mahasaya đưa một tay ra trong một cử chỉ ban ân huệ và nói:

- Bây giờ con hãy về tham thiền trở lại. Ta đã xin Thượng Đế gia ơn cho con.

Tôi yên lòng như trút được một gánh nặng, và trở về nhà. Đêm đó, trong cơn thiền định, tôi đã đạt được cái mục đích tối cao của đời tôi. Tám màn ảo ảnh không còn ngăn cách giữa tôi với đấng Tạo Hóa thiêng liêng, và kể từ đó tôi luôn luôn được thụ hưởng món “hưu bổng” tâm linh, không bao giờ dứt.”

Gương mặt tu sĩ Pranabananda phản chiếu một ánh hào quang siêu phàm. Lòng tôi cũng tràn ngập một niềm an tĩnh thiêng liêng, không còn sợ sệt băn khoăn như trước. Tu sĩ lại kể:

- “Vài tháng sau, tôi trở lại thăm viếng đức Lahiri Mahasaya để tạ ơn ngài về cái ân huệ thiêng liêng mà ngài đã ban cho tôi. Xong rồi tôi yêu cầu:

- Bạch sư phụ, con không thể tiếp tục làm việc ở công sở được nữa. Sư phụ hãy giúp cho con thôi việc, vì con cảm thấy say sưa mùi Đạo không thể nào dập tắt.

- Con hãy đòi tiền hưu bổng ở sở Hỏa Xa.

- Con phải đưa ra lý do gì bây giờ?

- Con hãy nói theo ý con nghĩ.

Qua ngày hôm sau, tôi đưa đơn xin nghỉ việc. Viên y sĩ của công ty hỏi lý do. Tôi nói:

- Tôi cảm thấy khi ngồi nơi bàn giấy, một cảm giác ớn ớn dọc theo xương sống nó lan tràn khắp châu thân và khiến tôi không thể làm việc được.

Viên y sĩ không hỏi gì thêm, mà đề nghị với công ty cho tôi nghỉ việc

và lãnh tiền hưu bổng sớm trước kỳ hạn. Tôi biết rằng đó là do ý chí thiêng liêng của đức Lahiri Mahasaya đã hành động qua sự trung gian của vị y sĩ và các viên chức cao cấp của công ty, gồm có cả cha của con. Họ đã đương nhiên tuân theo những chỉ thị tâm linh của Tôn Sư cao cả và đã giải phóng cho tôi khỏi trách nhiệm hằng ngày để dành trọn cuộc đời mình cho sự công phu tu luyện.”

Sau cuộc nói chuyện đó, tu sĩ Pranabananda lại đắm chìm trong cơn im lặng thâm trầm. Khi tôi từ biệt tu sĩ và kính cẩn đặt nhẹ bàn tay lên hai chân người, thì người bạn ân huệ và nói với tôi rằng:

- Cuộc đời con sẽ dành cho sự tu luyện pháp môn Yoga, và sự thoát ly ra khỏi vòng thế tục. Tôi sẽ gặp lại con và cha con sau này.

Lời tiên tri đó đã được thực hiện.

Kedar Nath Babu tiên sinh cũng đi gần bên tôi khi trời đã sẩm tối. Tôi đưa cho ông bức thư của cha tôi, ông đọc thư dưới ánh đèn ở bên đường lộ.

- Cha em mời tôi nhận một việc làm với Công Ty Hỏa Xa ở Calcutta. Thật là một điều tốt mà làm việc để có ít nhất là một trong hai món hưu bổng của tu sĩ Pranabananda. Nhưng than ôi! Không thể được, vì tôi không thể rời khỏi Benares và tôi cũng không thể phân thân để cùng xuất hiện một lúc hai chỗ!

Chương 4

TÔI TRÓN LÊN DÂY TUYẾT SƠN

- Anh hãy bỏ lớp học đi ra với một lý do nào đó, anh gọi một chiếc xe ngựa rồi ngừng lại ở dọc đường tại một nơi mà không ai nhìn thấy từ phía nhà tôi.

Tới đó chấm dứt lời dặn dò của tôi với Amar Mitter, một người bạn cùng lớp ở trường học, sẵn sàng trốn theo tôi lên dãy Tuyết Sơn. Chúng tôi phải đề phòng cẩn mật, vì Ananta theo dõi chúng tôi với cặp mắt nghi ngờ, sẵn sàng phá hỏng kế hoạch thoát ly ra khỏi nhà mà tôi đã ôm ấp từ lâu.

Món linh vật gây cho tôi một ảnh hưởng thâm kín mà tôi không ngờ. Chính trên dãy Hi Mã Lạp Sơn đầy băng giá là nơi tôi định gặp vị Tôn Sư mà dung nhan thường xuất hiện trong những linh ảnh của tôi.

Gia đình tôi lúc ấy đang cư ngụ tại Calcutta, cha tôi đã được thuyền chuyển đến đây một cách vĩnh viễn. Theo phong tục cổ truyền Ấn Độ, anh cả tôi Ananta đã đem vợ về ở chung với đại gia đình chúng tôi ở số 4 đường Gurpar Road. Trong nhà có một cái gác nhỏ trên đó tôi tham thiền hàng ngày và tự chuẩn bị để gặp gỡ Tôn Sư.

Buổi sớm mai đáng ghi nhớ đó đến với một cơn mưa bão điềm không tốt. Khi tôi nghe tiếng bánh xe ngựa của Amar lăn trên đường lộ, tôi hối hả gom góp một cái mền, một quyển Bhagavad Gita, một xâu chuỗi bồ đề và hai cái chăn vải. Tôi ném gói đồ qua khung cửa

sổ. Kế đó tôi vội vàng chạy xuống cầu thang và gặp cậu tôi đứng trước cửa đang mua rau cải.

- Mà làm gì mà vội vàng thế? Cậu tôi hỏi và nhìn tôi một cách nghi ngờ.

Tôi mỉm cười một cách vô tư và bước ra đường cái. Với gói đồ trên tay, tôi đến chỗ hẹn với Amar, bước lên xe ngựa rồi cho xe chạy về khu thương mại Chandni Chauk. Từ nhiều tháng nay, chúng tôi đã để dành tiền từng xu từng đồng để sắm đồ Âu Phục, với ý định mặc vào để đánh lạc hướng anh tôi, vì Ananta gặp khi hữu sự cũng có lúc biết hành động như một thám tử đại tài.

Chúng tôi ngừng xe ở giữa đường đi đến nhà ga để đón người anh họ tôi tên là Jatinda, đã bị thuyết phục về đức tin nơi việc tầm sư học đạo. Y khoác vào bộ âu phục mới mà chúng tôi đã dành sẵn cho y. Với lối ngụy trang sang trọng này, chúng tôi cảm thấy trong lòng ngập một niềm vui sướng nhẹ nhàng.

- Bây giờ chúng ta phải mang giày bố.

Tôi dắt bạn tôi đến một tiệm giày và nói:

- Những đồ vật dụng bằng da toàn là do sự giết chóc loài vật mà có, phải được tuyệt đối cấm nhặt đối với những người hành hương!

Tôi ngừng lại để xé bỏ cái bì da bọc ngoài quyển kinh Bhagavad Gita và tháo gỡ sợi dây da trên cái nón của tôi.

Đến nhà ga, chúng tôi mua vé xe lửa đi Burdwan, tại đây chúng tôi đi Hardwar, ở dưới chân dãy Hi Mã Lạp Sơn. Khi xe lửa đã lăn bánh chờ chúng tôi đi trên lộ trình đã vạch sẵn, tôi mới thả tâm hồn trôi

theo cái đà của sự tưởng tượng:

- Này các bạn hãy nghĩ xem! chúng ta sẽ nhập môn học Đạo với các Chân Sư và sẽ trải qua kinh nghiệm tâm thức siêu đẳng. Những tế bào trong thân xác chúng ta sẽ chứa đầy một thứ từ điển siêu linh đến nỗi những loài thú dữ trên dãy Hi Mã Lạp Sơn sẽ hiền lành đến độ liếm chân chúng ta! Những con cọp trên núi cũng sẽ đến với chúng ta như những con mèo khổng lồ và ngoan ngoãn xin chúng ta ban cho những cái vuốt ve triu mến!

Cái viễn ảnh có vẻ hấp dẫn đó làm cho Amar nở một nụ cười hứng khởi. Nhưng Jatinda thì lại có vẻ tư lự, y day mặt về phía cửa sổ và ngắm nhìn cảnh vật bên ngoài.

- Chúng ta hãy chia tiền, Jatinda đề nghị sau một cơn im lặng kéo dài. Mỗi người sẽ tự động mua vé khi tới Burdwan. Như vậy không ai nghi ngờ rằng chúng ta cùng đi trốn tập thể.

Tôi đồng ý không một mảy may nghi ngờ. Đến chiều, xe lửa ngừng tại ga Burdwan. Jatinda đến quầy mua vé, còn Amar và tôi đứng đợi trên bến. Một chiếc đồng hồ trôi qua, chúng tôi không nghe động tĩnh gì, bèn đi tìm Jatinda và kêu réo tên y với một niềm thất vọng rõ rệt.

Nhưng y đã trốn mất dạng trong bóng tối của nhà ga.

Hoàn toàn chán nản tôi cảm thấy tuyệt vọng và xuống tinh thần. Cầu xin Thượng Đế che chở cho chúng con khỏi bị cơn thử thách nặng nề như vậy! Kế hoạch tầm sư học đạo mà tôi đã nghiền ngẫm cẩn kẽ từ bấy lâu nay, giờ đã bị phá hỏng một cách đau đớn chua cay khó bề cứu vãn.

- Amar, chúng ta phải trở về nhà, tôi vừa nói vừa khóc như một đứa

trẻ nhỏ. Sự phản bội của Jatinda là một điều gở. Chuyến đi hành hương của chúng ta đã bị thất bại.

- “Công phu tầm sư học Đạo của anh chỉ có vậy thôi sao? Anh không đủ sức chịu đựng cơn thử thách do sự phản bội của một bạn đồng hành chẳng?”

Lời ngụ ý về một sự thử thách có ý nghĩa thiêng liêng ấy đủ gây ảnh hưởng cấp thời là nâng cao tinh thần của tôi lập tức. Chúng tôi giải lao với những loại kẹo mút ngon có tiếng của tỉnh Burdwan trong khi chờ đợi chuyến xe lửa khác đi Hardwar qua ngã Bareilly. Khi đổi xe ở trạm Moghul Serai, chúng tôi bước lên bển và thảo luận về một vấn đề tối quan trọng.

- Amar, lát nữa những nhân viên hỏa xa sẽ hỏi chúng ta rất nhiều chuyện. Tôi lại càng không dám coi thường lòng quỷ quyết của anh tôi! Dầu việc gì xảy ra tôi cũng nhất định không nói dối.

- Mukunda, anh hãy bình tĩnh ngồi yên. Nhất là đừng cười và đừng nói gì cả, cứ để tôi trả lời.

Ngay khi đó, một nhân viên hỏa xa người Anh bước đến gần chúng tôi. Y đưa cho tôi xem một bức điện tín màu xanh mà tôi đoán ra ngay tầm quan trọng của nó.

- Có phải vì oán hận gia đình mà các anh bỏ nhà trốn đi?

- Không.

Tôi sung sướng vì câu hỏi vụng về của y giúp chúng tôi khỏi phải nói dối. Tôi trốn đi không phải vì oán hận ai cả mà vì lòng khát khao chân lý.

Người nhân viên quay sang Amar. Cuộc đối thoại tiếp theo đó làm cho tôi phải cố gắng tự chủ mới giữ được sự nghiêm trang của tôi.

- Còn thanh niên thứ ba đâu?

Im lặng. Người nhân viên lên giọng uy quyền:

- Hãy nói mau và phải nói thật.

- Thưa ông, tôi nhận thấy ông đang đeo kính. Ông há chẳng nhìn thấy rằng chúng tôi chỉ có hai người.

Amar vừa cười ranh mãnh vừa nói tiếp:

- Vì tôi không phải là một nhà phù thủy, nên tôi tự thấy không có khả năng tạo ra một người thứ ba!

Người nhân viên hơi có vẻ lạc hướng, bèn tấn công chúng tôi trên một địa hạt khác:

- Anh tên chi?

- Tôi tên là Thomas, mẹ tôi là người Anh và cha tôi là người Ấn theo đạo Thiên Chúa.

- Còn bạn anh tên chi?

- Anh ta tên Thompson.

Tôi phải cố gắng lắm mới khởi bật cười và luôn dịp lao mình tới trước toa xe lửa khi tiếng còi hú lên và xe sắp chạy. Amar chạy theo

tôi cùng với người nhân viên hỏa xa, người này tin tưởng câu chuyện vừa rồi là thật đến nỗi y xếp chúng tôi vào một toa thượng hạng dành cho người Âu! Hẳn là y đau lòng mà thấy những người thiếu niên có giòng máu Anh Quốc trong huyết quản lại đi du lịch một cách vất vả trong toa dành cho người bản xứ. Khi y đã lễ phép và cáo từ rút lui, tôi mới lặn mình ra trên nệm mà cười mãi không thôi. Bọn tôi cảm thấy không có gì sung sướng hơn là đánh lừa một nhân viên hỏa xa người Âu.

Lúc ở trên bến, tôi đã đọc được bức điện tín của anh tôi gửi cho sở Hỏa Xa: “Ba thanh niên Bengali mặc Âu Phục đi trốn về hướng Hardwar, qua Moghul Serai. Yêu cầu bắt giữ lại chờ tôi đến nơi. Sẽ xin hậu tạ.”

- Amar, tôi đã dặn anh cẩn thận đừng bỏ quên trên bàn tấm thời khắc biểu có ghi lộ trình của chúng ta, tôi trách bạn bằng một giọng cay cú. Anh tôi chắc là đã tìm thấy bản lộ trình rồi!

Bạn tôi cúi đầu không nói gì. Chúng tôi ngừng ở Bareilly, tại đây Dwarka Prasad đã đợi chúng tôi với một điện tín của Ananta. Người bạn thâm giao này cố giữ chúng tôi lại nhưng vô ích: tôi thuyết phục y rằng cuộc hành trình của chúng tôi không phải thực hiện với một mục đích băng quơ, vô căn cứ. Cũng như lần trước, Dwarka từ chối không chịu đi theo tôi.

Đêm hôm đó, trong khi chuyển xe lửa của chúng tôi ngừng tại một nhà ga dọc đường và tôi đang ngủ ngon giấc, Amar bị một nhân viên hỏa xa khác đánh thức dậy và chất vấn nhưng không bao lâu người này cũng bị thuyết phục bởi câu chuyện bịa đặt về “Thomas và Thompson.”

Sáng hôm sau, chúng tôi đặt chân một cách đắc thắng về vang lên

thị trấn Hardwar. Những ngọn núi hùng vĩ dựng lên chồm chồm ở đằng xa tận chân trời. Chúng tôi bèn đi mau ra khỏi ga để lẫn lộn với đám rừng người ở chung quanh. Việc làm đầu tiên của chúng tôi là thay bộ Âu Phục và khoác vào bộ y phục bản xứ, vì Ananta biết rõ cách nguy trang của chúng tôi. Trong trí tôi luôn lờn vờn cái ý nghĩ báo điềm rằng có lẽ chúng tôi sẽ bị bắt trở lại.

Sợ lo xa bắt buộc chúng tôi phải đi ngay, chúng tôi bèn mua vé đi Rishikesh, thị trấn này là một nơi linh địa mà các Chân Sư đã từng thánh hóa từ muôn đời về trước. Tôi đã vào toa xe và Amar còn ở trên bến thì tôi nghe tiếng kêu của một cảnh sát viên.... Người này hộ tống chúng tôi đến một gian phòng của nhà ga, tịch thu số tiền còn lại của chúng tôi và kể đó giải thích cho chúng tôi nghe một cách thủ tục rằng y có bổn phận giữ chúng tôi lại để chờ anh tôi đến.

Khi nghe chúng tôi định đi lên dãy núi Tuyết Sơn, người cảnh sát viên thuật lại cho chúng tôi nghe một chuyện dị kỳ:

- “Tôi nhận thấy các anh đang say mê với ý định gặp các vị thánh nhân hiền triết. Các anh sẽ không bao giờ gặp được một vị cao cả hơn người mà tôi gặp mới ngày hôm qua! Tôi và một bạn hữu đã tiếp xúc với người lần đầu tiên cách đây năm ngày. Chúng tôi đang đi tuần cảnh trên sông Hằng với mục đích truy nã một kẻ sát nhân, chúng tôi được lệnh phải bắt cho được y, dầu còn sống hay chết. Chúng tôi biết y đã cải trang làm một tu sĩ để lờn gạt những người hành hương. Bỗng nhiên, chúng tôi nhìn thấy cách đó vài bước có một người tu sĩ giống như hình dáng mô tả của kẻ sát nhân nọ. Chúng tôi bèn ra lệnh cho y đứng lại, y không nghe và cứ điềm nhiên đi thẳng. Chúng tôi bèn đuổi theo bén gót, khi đến nơi, tôi bèn dùng toàn lực giáng cho y một búa, y giơ tay đỡ thì nhát búa chặt y gần đứt lia cánh tay.

Không một tiếng kêu la, cũng không hề để ý chút nào đến vết thương kinh khủng, người lạ mặt vẫn tiếp tục bước. Chúng tôi vượt lên tới trước mặt để chặn đường y, khi đó y mới lặng lẽ nói:

- Tôi không phải là kẻ sát nhân mà các ông tìm kiếm!

Hoàn toàn hối hận vì đã chém làm một vị tu sĩ thánh thiện, tôi bèn quỳ xuống chân người để xin người tha lỗi và lột chiếc khăn trên đầu tôi để xin rịt lại vết thương đang chảy máu lênh láng.

- Con ơi, đó là một lỗi lầm không cố ý của con, vị tu sĩ nói một cách đầy hảo ý.

- Con hãy đi đi, và đừng hối hận gì, Đức Phật Mẫu thiêng liêng sẽ lo cho tôi.

Người tu sĩ bèn gán lại cánh tay đã gài lìa khỏi thân mình, cánh tay liền dính vào chỗ cũ như là không có việc gì xảy ra; máu cũng ngừng chảy một cách màu nhiệm.

- Con hãy đến tìm tôi dưới bóng cây này trong vòng ba ngày và con sẽ thấy tôi hoàn toàn bình phục. Như vậy, con sẽ không còn hối hận gì.

Chiều hôm qua, tôi với người bạn cùng đến chỗ hẹn thì người tu sĩ đã có mặt ở đó. Người cho chúng tôi xem lại vết thương thì cánh tay đã lành và không để lại một vết tích gì, cũng chẳng có một vết sẹo nào!

- Tôi sẽ đi qua ngã Rishikesh để đến những vùng hoang vắng trên dãy Hi Mã Lạp Sơn.

Người nói xong, liền ban ân huệ cho chúng tôi và đi khuất dạng. Cứ chỉ ban ân huệ đó làm cho tôi hoàn toàn thay đổi và trở nên một

người khác hẳn.”

Người cảnh sát viên kết luận bằng những lời như trên. Cái kinh nghiệm đó đã làm cho y vượt trội hẳn lên trên trình độ của y lúc bình thường. Bằng một cử chỉ trịnh trọng, y đưa cho tôi, như để xác nhận câu chuyện vừa rồi, một tờ báo tường thuật sự nhiệm màu ấy. Có điều là cũng như mọi tờ báo đăng những chuyện kinh dị có tính cách giật gân ở trên thế gian này, dầu là ở Ấn Độ cũng vậy, người phóng viên thuật lại một cách thái quá, nói rằng người tu sĩ đã bị chém gần đứt đầu!

Amar và tôi cảm thấy thất vọng vì không được chiêm ngưỡng vị tu sĩ đã tha thứ cho người đã làm hại mình một cách thần nhiên như một bậc Thánh. Xứ Ấn Độ, nghèo nàn từ nhiều thế kỷ về phương diện vật chất, lại có một kho tàng tâm linh dồi dào phong phú bất tận. Thậm chí những nhân viên công lực cũng đụng đầu với các tu sĩ chân chính trên bước đường đời!

Chúng tôi cảm ơn người cảnh sát viên vì đã cho chúng tôi nghe một câu chuyện làm nâng cao tinh thần. Có lẽ y muốn tỏ ra rằng y sung sướng hơn chúng tôi nhiều vì y không mất công bao nhiêu mà đã phát hiện được một bậc thánh nhân, còn sự tìm tòi vất vả và khó nhọc của chúng tôi đã kết thúc không phải ở dưới chân Thầy, mà ở bót cảnh sát.

Vừa gần mà lại vừa xa dãy Tuyết Sơn, vì lúc ấy chúng tôi ở trong tình trạng bị bắt giữ, tôi nói cho Amar biết rằng tôi quyết định đi trốn. Tôi bèn cười khuyến khích:

- Chúng ta hãy trốn đi khi có dịp thuận tiện, rồi chúng ta có thể đi bộ đến Rishikesh.

Nhưng bạn tôi lại thôi chí vì số tiền còn lại của chúng tôi đã bị tịch thu.

- Đi bộ trong rừng già đầy nguy hiểm, e rằng chúng ta sẽ không đến được đất thánh, mà sẽ chui vào bụng cọp!

Ba ngày sau, Ananta và người anh của Amar cũng đến nơi Amar tiếp đón anh mình một cách triu mến và mừng rỡ, còn tôi thì giận ra mặt:

- Anh hiểu tâm trạng của em, anh tôi nói để vỗ về an ủi tôi. Anh chỉ yêu cầu em đi với anh đến Benares để viếng một nhà mô phạm và đến Calcutta trong vài ngày để thăm cha. Rồi sau đó em có thể đi tìm thầy.

Đến đây Amar xen vào câu chuyện để cho biết rằng y không có ý định đi tìm chân sư nữa. Y đang được sum họp trong bầu không khí gia đình. Về phần tôi, tôi đã nguyện không bỏ ý định tầm sư học đạo. Chúng tôi bè đi Benares, tại đây những điều sở cầu của tôi được đáp ứng một cách lạ lùng.

II

Ananta đã sắp đặt một mưu kế tinh vi. Trước khi y đến tìm tôi ở Hardwar, y có ghé ngang Benares và đã thăm dò một nhà bác học mô phạm về việc của tôi. Nhà bác học này và con trai ông hứa sẽ cố gắng thuyết phục tôi đừng theo con đường xuất gia.

Ananta dắt tôi đến nhà vị bác học. Người con trai, một thanh niên lanh lẹ, tiếp đón tôi ở ngoài sân và đưa tôi vào một cuộc thảo luận

triết lý dông dài. Y tự cho là có năng khiếu thần nhãn để đánh đổ ý nghĩ muốn xuất gia của tôi.

- Anh sẽ gặp đủ thứ tai họa và sẽ không thể nào gặp Đạo nếu anh muốn trốn trách nhiệm hàng ngày. Người ta không thể thắng đoạt nghiệp quả của mình nếu chưa thâm thập kinh nghiệm của trường đời.

Những lời nói bất hủ của Sri Krishna lúc đó hiện ra trong trí tôi: “Dẫu cho những kẻ tội lỗi nhất biết dốc lòng thờ kính Thiên Liêng, y sẽ được coi như một kẻ thiện nhân vì thật ra y đã hành động như một thiện nhân. Y sẽ biết làm đúng bổn phận và thẳng tiến đến cõi bình an trường cửu. Hỡi thí sinh, con nên biết rằng kẻ nào biết thờ kính Thiên Liêng sẽ trở nên bất tử.” (Bhagavad Gita)

Tuy nhiên, những lời luận thuyết hùng hồn của người thanh niên đã làm cho tôi bị lay chuyển ít nhiều. Tôi bèn nguyện cầu tất cả tâm hồn: “Cầu xin Thượng Đế hãy soi sáng cho con trong sự nghi nan và hãy chứng tỏ cho con biết ngay rằng Ngài muốn cho con đi theo con đường xuất gia, hay con đường của người thế tục?”

Ngay khi ấy, tôi nhìn thấy ở cách nhà vị bác học một quăng không xa, một vị tu sĩ đạo mạo bước đi chậm rãi. Hình như vị tu sĩ đã nghe lóm được cuộc đàm luận của tôi với người thanh niên tự xưng là có thần nhãn, và người gọi tôi đến gần. Tôi bị thu hút bởi luồng từ điển diệu huyền trong đôi mắt yên lặng của người.

- Con hỡi, đừng nghe lời kẻ ngu dốt này. Đáp lại cầu nguyện của con, Thượng Đế đã dạy ta nói cho con biết rằng trong kiếp này, con đường duy nhất của con sẽ là con đường xuất gia.

Ngạc nhiên và biết ơn về lời khuyên nhủ quyết định ấy, tôi mỉm cười

một cách thoải mái.

- Đừng đến gần người ấy! Tên “ngu dốt” gọi tôi từ trong sân nhà.

Vị tu sĩ ban ân huệ cho tôi và từ từ bước đi.

- Người tu sĩ ấy cũng điên như anh!

Lần này chính nhà bác học mô phạm tóc bạc hoa râu đã nói câu “lịch sự” ấy. Cả hai cha con y đều nói với một vẻ mặt u ám:

- Chắc ông ta cũng đã bỏ nhà ra đi với mục đích viễn vông là đi tìm Thượng Đế!

Tôi bèn lui gót cho Ananta biết rằng tôi không muốn tiếp tục câu chuyện với chủ nhà. Anh ta đành nghe theo và chúng tôi liền đáp xe lửa đi Calcutta.

- Nay ông thám tử, ông làm thế nào mà biết rằng tôi đã đi với hai người bạn? Tôi tò mò hỏi Ananta trên chuyến đi trở về.

Anh tôi mỉm cười châm biếm:

- Tại trường, anh nghe nói Amar bỏ lớp học ra đi không trở lại. Sáng hôm sau anh đến nhà y và tìm thấy một bản thời khắc biểu hỏa xa có ghi dấu lộ trình. Cha của Amar cũng vừa gọi một chiếc xe ngựa và nói với người phu xe với giọng rên rỉ: “Sáng nay tôi không đưa con tôi đi tới trường, vì nó vừa đi biệt tích!” Người phu xe đáp: “Tôi nghe một đồng nghiệp vừa nói rằng con ông cùng hai thanh niên khác mặc âu phục đã đáp chuyến xe lửa tại nhà ga Howrah. Họ bỏ lại mấy đôi giày da cho người bạn tôi.” Như vậy anh nắm được ba yếu tố: bản lộ trình, ba người thanh niên, và họ mặc đồ âu phục.

Tôi nghe Ananta tiết lộ những điều ấy với một cảm giác lẫn lộn vừa khen thầm vừa chán nản. Sự rộng rãi của chúng tôi đối với người phu xe thật là không đúng chỗ! Ananta nói tiếp:

- Lẽ tự nhiên anh liền gọi ngay mấy bức điện tín cho nhân viên trạm xe lửa mà Amar đã ghi trong thời khắc biểu. Trạm Bareilly có ghi dấu, anh điện cho Dwarka, bạn của em tại đó. Do sự dọ hỏi những người láng giềng ở Calcutta, anh biết Jatinda đã vắng mặt suốt đêm, nhưng đã trở về sáng hôm sau và mặc âu phục. Anh bèn đến tìm y và mời y dùng cơm tối; thấy anh vui vẻ và thân tình, y bèn nhận lời.

- Dọc đường, trong khi y không nghi ngờ gì cả, anh đưa y ngay vào sở cảnh sát, tại đây đã chực sẵn những cảnh sát mà anh đã móc nối từ trước và chọn lựa những người có vẻ mặt hung tợn. Dưới cái nhìn hung ác của họ, Jatinda phải thú thật với anh tất cả mọi việc:

“Tôi bước chân ra đi với một lòng vui vẻ nhẹ nhàng. Tôi lấy làm sung sướng với ý nghĩ sẽ gặp các vị chân sư, nhưng khi Mukunda nói rằng: “Đắm chìm trong cơn đại định trong các động đá, chúng ta sẽ chinh phục cả đến loài thú dữ. Những con cọp lớn sẽ vây chung quanh ta thành một vòng tròn và ngoan ngoãn dễ thương như những con mèo”, tôi bèn cảm thấy nhột xương sống và mồ hôi lạnh toát ra như tắm. Tôi nghĩ rằng nếu sự giác ngộ tâm linh của chúng tôi chưa đủ mạnh để chinh phục được loài cọp dữ, thì liệu chúng có ngoan ngoãn với chúng tôi như mèo không? Tôi đã tưởng tượng rằng tôi chui vào bụng cọp, không phải chui nguyên người vào một lần, mà bị rút ra từng mảnh!”

Sự oán hận của tôi đối với Jatinda đổi thành một trận cười giòn giã, nó bù lại tất cả những sự lo âu mà y đã gây ra cho tôi sau khi y trốn đi biệt tích. Tôi phải thú thật là cảm thấy hơi khoái chí vì chính

Jatinda cũng không thoát khỏi lưới cảnh sát!

- Ananta, quả thật anh có tâm hồn của một con chó săn!

Tôi vừa nhìn y một cách thích thú nhưng không khỏi đờm một vẻ chán chường:

- Tôi sẽ nói với Jatinda rằng tôi lấy làm sung sướng mà thấy y đã hành động không phải với ý định phản bội chúng tôi như tôi đã làm tưởng, mà chỉ vì bản năng tự tồn!

Đến Calcutta, cha tôi khuyên tôi hãy giảm bớt, lòng ham thích ngao du, dẫu rằng chỉ trong ít lâu, cho đến cuối niên học ban tú tài. Trong khi tôi vắng mặt, người đã dò hỏi một vị tu sĩ khiêm bác học là đại đức Kebalananda, vị này hứa sẽ đến nhà thường xuyên để dạy tôi học. Cha tôi nói:

- Vị tu sĩ này sẽ là thầy dạy Phạn ngữ của con.

Cha tôi hy vọng thỏa mãn lòng khát khao học đạo của tôi bằng cách đem cho tôi một vị học giả uyên bác làm thầy. Nhưng ý định đó hoàn toàn bị đảo lộn: vị thầy dạy học của tôi thay vì dạy tôi một môn học khô khan, lại càng làm cho tôi tăng thêm lòng khát khao chân lý. Cha tôi cho biết rằng đại đức Kebalananda là một vị đệ tử cao niên của đức Tôn Sư Lahiri Mahasaya. Tôn Sư có đến hàng nghìn đệ tử bị hấp dẫn bởi nguồn từ điển mãnh liệt có sức lôi cuốn của ngài. Về sau, tôi nghe nói rằng Tôn Sư xem đại đức Kebalananda như một vị thánh đã ngộ Đạo.

Vị thầy dạy học của tôi có một gương mặt đẹp lồng trong một khung tóc đen huyền mà những lọn tóc quăn thòng xuống tận vai. Đôi mắt đen của người có một nét tinh anh và ngây thơ như trẻ con. Mỗi cử

động của thân mình mảnh dẻ của người biểu hiện sự cương quyết dũng mãnh. Luôn luôn dịu hiền và khả ái, người đã đạt tới cõi tâm thức vô cùng. Chúng tôi đã trải qua nhiều giờ thú vị gần bên nhau để thực hiện môn thiền định.

Đại đức Kebalananda rất tinh thông các kinh điển cổ và các thánh kinh Ấn Giáo. Tuy nhiên, tôi không tiến bộ được bao nhiêu về môn Phạn ngữ. Tôi viện bất cứ lý do nhỏ mọn nào để bỏ qua việc học văn phạm, để nói Đạo lý và nói về đức Lahiri Mahasaya. Một hôm vị thầy dạy học của tôi thuật cho tôi nghe một giai đoạn đời sống của người bên cạnh đức tôn sư:

- “Do một điểm phúc hiếm có, tôi có cái hân hạnh sống trong mười năm gần bên Tôn Sư. Mỗi buổi chiều, đạo viện của ngài ở Benares là một nơi hành hương của tôi. Tôn Sư thường có mặt ở một phòng khách nhỏ trên lầu. Ngài ngồi kiết dà theo tư thế liên hoa trên một chiếc ghế gỗ và các đệ tử ngồi thành một vòng bán nguyệt chung quanh ngài đắm chìm trong cơn đại định, ngài ngồi yên đôi mắt lim dim mở hé trụ vào những cõi giới bằng an vô tận. Ngài ít khi nói chuyện. Đôi khi, nhãn quang của ngài trụ vào một đệ tử đang gặp cơn khó khăn và cần được giúp đỡ; khi đó, những lời nói đầy nhân từ của ngài tuôn tràn như suối chảy.

Một sự bằng an tuyệt vời tràn ngập cõi lòng tôi dưới cái nhìn của Tôn Sư. Hương thơm minh triết của ngài thấm nhuần vào người tôi cũng như hương thơm của hoa sen. Sống gần bên ngài, dầu cho chúng tôi không trao đổi với nhau một lời nào, cũng đủ làm cho tâm hồn tôi hoàn toàn thay đổi. Trong cơn thiền định, nếu tôi gặp một chướng ngại vô hình nào, tôi chỉ cần đến ngồi thiền dưới chân Tôn Sư cũng đủ làm cho tôi vượt qua trở lực đó dễ dàng! Ngồi thiền một bên Ngài, những trạng thái tâm thức siêu đẳng đều nằm trong tầm tay tôi, trong khi tôi không thể đạt tới những trạng thái đó dưới sự

chỉ dẫn của những vị minh sư khác. Đức Tôn Sư quả thật là một Thánh Điện thiêng liêng mà những cánh cửa bí mật đều mở rộng cho tất cả các đệ tử trên đường sùng tín.

Đức Lahiri Mahasaya không phải là một nhà học giả uyên bác về các Kinh Thánh. Không cần cố gắng, Ngài dường như có sẵn trong lòng cả một kho tàng kinh điển thiêng liêng. Sự minh triết của ngài tràn ngập chúng tôi như một biển đại dương muôn trùng. Ngài nắm giữ cái chìa khóa diệu huyền mở cửa kho tàng minh triết của kinh Phệ Đà, từ nghìn xưa vẫn từng là nơi tích trữ những viên ngọc quý vô giá của nền Đạo thâm sâu, vi diệu. Khi người ta yêu cầu ngài giải thích những trạng thái tâm thức khác nhau được ghi trong các thánh kinh cổ, ngài gật đầu với một nụ cười:

- Để tôi trải nghiệm những trạng thái đó rồi tôi sẽ nói cho quý vị biết tôi thấy những gì.

Ngài thật khác xa với những vị đạo sư tự nhồi sọ bằng kinh điển, rồi sau đó chỉ tuôn ra những lý thuyết trừu tượng không thể nào thực hiện được!

Tôn Sư không bao giờ khuyên chúng tôi hãy tin tưởng một cách mù quáng. Ngài thường nói:

“Những danh từ chỉ là cái vỏ bề ngoài. Quý vị hãy tự mình kinh nghiệm lấy Chân Như Đại Thể bằng cách thực hành môn thiền định.”

Dẫu cho người đệ tử gặp phải những sự khó khăn như thế nào, Tôn Sư đều khuyên thực hành pháp môn Kriya Yoga như một phương tiện để giải quyết:

- Chìa khóa của pháp môn này sẽ duy trì hiệu lực của nó mãi cho đến khi tôi không còn ở gần bên quý vị. Cái kỹ thuật của nó không có thể mất đi, hoặc trở nên khô cạn, hay bị lãng quên như sự hiểu biết qua sách vở và lý thuyết suông. Quý vị hãy kiên tâm bền chí trên con đường giải thoát của pháp môn Kriya Yoga, cái sức mạnh của nó là ở sự thực hành.”

Tu sĩ Kebalananda kết luận:

- Riêng tôi, tôi coi pháp môn Kriya Yoga như các khí cụ lý tưởng để tự giải thoát bằng sự cố gắng trên đường tu luyện.

Tu sĩ Kebalananda từng chứng kiến một sự màu nhiệm do đức Tôn Sư thực hiện. Một ngày nọ người thuật lại cho tôi nghe câu chuyện sau đây:

- “Trong các đệ tử của các Tôn Sư, có huynh Ramu làm cho tôi động lòng trắc ẩn. Hai mắt của huynh đã mù không nhìn thấy ánh sáng, trong khi huynh vẫn hết lòng phục vụ Tôn Sư một cách sùng tín và trung thành. Một ngày nọ tôi định nói chuyện với Ramu, nhưng huynh đang ngồi dưới chân thầy, và quạt cho thầy bằng một cây quạt đan bằng lá dừa mà huynh đã ra công làm lấy. Khi huynh bước ra khỏi tịnh xá, tôi mới theo dõi và hỏi huynh:

- Ramu, huynh bị mù mắt từ bao giờ?

- Tôi không hề nhìn thấy ánh mặt trời từ khi mới sinh ra.

- Đức Tôn Sư toàn năng có thể chữa lành bệnh cho huynh, huynh nên đến mà cầu khẩn người.

Ngày hôm sau, Ramu rón rén bước đến gần bên Thầy. Y có vẻ như hổ thẹn mà cầu xin thêm một ân huệ vật chất ngoài những ân huệ tâm linh mà y đã được hưởng.

- Bạch Tôn Sư, ánh sáng của vũ trụ vốn ở nơi Tôn Sư. Xin Tôn Sư hãy ban cho con một ít ánh sáng huyền diệu đó để cho con có thể nhìn thấy mặt trời.

- Ramu, chắc hẳn là có kẻ nào định gây sự khó khăn cho thầy. Thầy không có quyền năng chữa bệnh bao giờ.

- Bạch Tôn Sư, Phật Tánh thiêng liêng ẩn tàng nơi ngài có cái quyền năng đó!

- À, Ramu, nếu vậy thì khác. Quyền năng của Thượng Đế vốn vô biên! Đấng Tối Cao có quyền năng thấp sáng các bầu tinh tú và chuyển sinh lực vào cơ thể, thể bào các động vật, hẳn có thể phục hồi nhãn quang lại cho con.

Kế đó Tôn Sư đưa tay điểm vào trán Ramu ở tại một chỗ giữa hai chân mày:

- Con hãy tập trung tư tưởng vào điểm này, và tưởng niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà trong bảy ngày. Ánh sáng mặt trời chừng đó sẽ chói rạng trước mắt kinh ngạc của con.

Một tuần lễ sau, lời tiên đoán của Tôn Sư đã được thực hiện. Ramu có thể chiêm ngưỡng những sự vật kỳ thú của cõi thiên nhiên. Tôn Sư đã dặn Ramu hãy chú niệm danh hiệu đức Phật Di Đà mà y tôn sùng hơn tất cả các vị khác. Lòng sùng kính của Ramu là cái mảnh đất thuận lợi cho Tôn Sư gieo hạt giống tốt của sự bình phục trường cửu.”

Đại đức Kebalananda im lặng một lúc, rồi nói tiếp:

- Hiển nhiên là trong tất cả những sự màu nhiệm của ngài làm, Tôn Sư không bao giờ để cho một mảy may lòng ích kỷ ảnh hưởng đến ý đồ của ngài. Tôn Sư hành động một cách hồn nhiên vô tư, như một đường vận hà để cho nguồn thần lực thiêng liêng, vốn có năng lực chữa trị, mọi bệnh tật được tự do lưu thông xuyên qua ngài.

Vô số những thể xác được đức Lahiri Mahasaya chữa khỏi bệnh tật một cách màu nhiệm như thế, dấu sao cũng phải có ngày xuống mồ hoặc đem hỏa táng. Nhưng còn sự thức tỉnh tâm linh chớp nỡ trong tâm hồn của các đệ tử do bởi sự tiếp xúc với ngài, đó mới là sự màu nhiệm bất biến và bất tử của ngài.

Tôi không bao giờ trở nên một học giả ưu tú về môn Phạn ngữ; đại đức Kebalananda đã dạy cho tôi một thứ ngôn ngữ khác còn thiêng liêng hơn nhiều.

Chương 5

NGƯỜI TU SĨ ĐÁNH CỌP

- Tôi đã tìm ra địa chỉ của vị "Tu sĩ đánh cọp". Chúng ta có thể đi đến đó vào ngày mai.

Chandi, một bạn cùng lớp, đã đưa cho tôi lời đề nghị hấp dẫn trên. Tôi rất muốn gặp vị tu sĩ hồi trước khi xuất gia đã từng đánh cọp với hai bàn tay không. Một sự hứng khởi nồng nhiệt của tuổi trẻ xâm chiếm lấy tôi khi tôi nghĩ đến một vị tu sĩ có những kỳ công chưa ai từng thấy.

Ngày hôm sau, mặc dù tiết trời lạnh lẽo, nhưng Chandi và tôi cùng vui vẻ ra đi. Sau khi đã tìm kiếm rất lâu tại Bhowanipur, vùng ngoại ô Calcutta, chúng tôi đã tìm thấy nhà vị tu sĩ. Cửa ngoài có những vòng sắt mà tôi khua với một tiếng động âm ỉ để báo hiệu. Tuy thế người nô bộc thông dong bước ra và một nụ cười châm biếm dường như muốn nói rằng những tiếng động âm ỉ đó không thể nào làm mất được sự yên tĩnh nơi này.

Thầm hiểu ý nghĩa của sự trách móc câm lặng đó, chúng tôi cảm thấy nhẹ nhàng thoải mái khi được mời vào phòng khách. Một cơn chờ đợi rất lâu làm cho thần kinh chúng tôi căng thẳng cực độ. Tục lệ từ nghìn xưa ở Ấn độ vẫn đòi hỏi sự kiên nhẫn ở nơi người khát khao đi tìm chân lý; một danh sư có thể thử thách người đi tìm đạo bằng cách đó.

Sau cùng, người nô bộc bước vào và đưa chúng tôi vào buồng ngủ,

tại đây tu sĩ Sohong đang ngồi trên giường. Thân hình lực lưỡng của tu sĩ làm chúng tôi đứng sửng trở mắt nhìn và cảm lạnh vì kinh ngạc. Chúng tôi chưa từng thấy người nào có cái thân hình to lớn rắn chắc như thế, với những bắp thịt giống như những quả bóng túc cầu. Người có một cái cổ to lớn khác thường, gương mặt người phẳng phất một nét hung tợn nhưng lặng dịu trong sự bằng an, những lọn tóc dài cuốn tròn thả xuống tận vai, một bộ râu đen phủ dưới cằm. Tu sĩ mình trần, chỉ khoát có một tấm da cạp quấn quanh lưng, để lộ một thân mình lực lưỡng đầy những bắp thịt.

Sau một cơn im lặng, chúng tôi chào tu sĩ và bày tỏ lòng khâm phục của chúng tôi về những kỳ công hiển hách đã qua của người.

- Xin ông hãy nói cho chúng tôi biết bằng cách nào mà chỉ với hai tay không, ông đã chiến thắng con thú dữ nhất rừng già, là con cạp xám trong tỉnh Bengale?

- Các em hỡi, đối với tôi, việc đó chỉ là một trò chơi . Tôi luôn luôn sẵn sàng tái diễn những kỳ công đó.

Tu sĩ nở một nụ cười hồn nhiên:

- Đối với các em, một con cạp là một con cạp; đối với tôi, nó chỉ là một con mèo nhỏ!

- Thừa đại đức, tôi nhìn nhận người ta có thể tự kỷ ám thị rằng con cạp chỉ là con mèo, nhưng làm sao khiến cho con cạp cũng tin điều đó?

- Dĩ tự nhiên, sức mạnh cũng là điều cần thiết. Một đứa trẻ sơ sinh có thể tưởng rằng con cạp là con mèo lớn, nhưng con cạp chắc

sẽ không chịu hiểu như vậy. Khí giới duy nhất của tôi là hai cánh tay khỏe mạnh.

Tu sĩ đứng dậy, mời chúng tôi đi theo ông ra nơi hành lang và giờ quả đấm thụi một cái vào tường. Một viên gạch liền lăn xuống đất, và một nền trời xanh xuất hiện xuyên qua chỗ lỗ trống. Tôi lão đảo dưới sự ngạc nhiên: một người có thể chọc thủng một vách tường kiên cố với một quả đấm bằng tay không, hẳn là có thể đánh gãy quai hàm một con cọp.

- Vài người cũng lực lưỡng như tôi nhưng lại thiếu mất sự bình tĩnh. Người nào chỉ có sức mạnh thể chất mà không có sức mạnh tinh thần có thể bị sợ hãi trước một con thú dữ khát máu thả rong trong rừng rậm. Một con cọp sống tự do với tính chất hung dữ tự nhiên của nó sẽ nguy hiểm hơn một con cọp trong găng xiếc đã bị hóa giải vì chất thuốc phiện!...

Thế theo lời yêu cầu của chúng tôi, tu sĩ vui lòng thuật lại cuộc đời của ông ta cho chúng tôi nghe:

- Từ thuở nhỏ, tôi vẫn một lòng ước muốn mãnh liệt là đánh cọp. Ý chí của tôi đanh thép không lay chuyển, nhưng xác thân tôi yếu.

Tôi bất giác thốt ra một tiếng kêu ngạc nhiên. Một người lực sĩ to lớn như thế lại nói rằng mình "yếu", điều đó có một cái gì làm tôi kinh ngạc.

- Chỉ bằng tập trung tư tưởng với hết tất cả tâm hồn vào những ý nghĩ sức mạnh và sức khỏe mà tôi đã vượt qua sự trở ngại đó. Tôi đã hoàn toàn có lý mà mong muốn đạt được bằng mọi giá cái sức mạnh tâm linh nó đã giúp tôi hàng phục được chúa sơn lâm.

- Thừa tu sĩ, ông có nghĩ rằng tôi có thể đánh được cọp không?

Đó là lần duy nhất trong đời mà cái tham vọng lạ kỳ đó thoáng qua trong trí tôi. Tu sĩ cười nói:

- Được chứ! Nhưng có nhiều loài cọp dữ. Một vài loại đó lai vãng trong đám rừng đục vọng của con người. Không có ích gì mà giết loài thú dữ vô tri vô giác. Tốt hơn hết là giết những loài hùm beo lang sói trong nội tâm.

- Xin tu sĩ hãy thuật cho chúng tôi nghe bằng cách nào từ một người khắc phục thú dữ, ông đã trở thành người khắc phục được đục vọng của mình?

Tu sĩ im lặng một lúc, đôi mắt lim dim dường như thả hồn trôi theo những ký ức của một dĩ vãng xa xăm. Tôi đoán chắc ông ta đang tự hỏi xem có nên thỏa mãn lời yêu cầu của tôi chăng. Sau cùng ông ta bằng lòng với một nụ cười:

- “Khi tôi đạt tới sự vinh quang tột đỉnh, lòng kiêu căng tự phụ của tôi tăng trưởng đến nỗi tôi quyết định không những đánh bại loài cọp dữ mà còn bày ra những trò chơi lạ mắt cho chúng tham dự. Tôi có tham vọng là bắt loài cọp beo phải tuân lệnh sai khiến của tôi như những loài vật trong nhà. Tôi biểu diễn trước công chúng và thành công mỹ mãn.

Một hôm, cha tôi bước vào phòng tôi, mặt có vẻ suy tư:

- Con ơi, cha phải dặn con nên đề phòng cái hiểm họa có thể gây nên bởi một sự phản trắc của định mệnh, do sự xoay vần của định luật nhân quả.

- Cha lại đâm ra tin tưởng ở số kiếp nữa ư? Cha tưởng rằng sự dị đoan có thể ngăn chặn sự tiến bước của con trên đường vinh quang chẳng?

- Cha không biết Nhưng cha tin tưởng ở định luật nhân quả báo ứng như trong kinh điển đã nói. Loài thú dữ ở rừng xanh đang thù ghét con; một ngày kia chúng sẽ hại con.

- Thừa cha, cha biết rằng loài cọp là một giống bất nhân! Khi nó đã ăn thịt một con thú no ngấy đến tận cổ, nó vẫn sẵn sàng lao mình vào một miếng mồi khác; miếng mồi này có thể là một con nai tơ đang nhảy nhót vui vẻ trong rừng rậm! Rồi khi đã cắn chết con nai tơ, nó chỉ uống một ngụm máu tươi của con vật vô tội này và bỏ đi.

Loài cọp là loài đáng ghét nhất rừng xanh! Biết đâu những quả dấm của con chẳng gieo vào óc chúng một ít minh triết làm cho chúng biết điều hơn. Con sẽ dạy cho chúng một bài học về phép xử thế và lịch sự ở đời!

Cha hãy coi con như một người tập luyện thú dữ chứ không phải là một người giết cọp. Như vậy, những việc tốt của con làm sao lại có thể đưa đến nghiệp quả xấu? Xin cha đừng bắt buộc con phải đổi nghề nghiệp!”

Chandi và tôi ngồi im lặng nghe, và lấy làm xúc động về câu chuyện đối thoại đó. Ở Ấn độ, cha mẹ có uy quyền đối với con cái, và một người con không hề cãi lời cha mẹ một cách vô ý thức.

- “Cha tôi nghe một cách kiên nhẫn và giữ im lặng. Một lúc sau, người mới nói một cách nghiêm trọng.

- Con hỡi, cha phải tiết lộ cho con biết một lời tiên tri chẳng lành do một vị tu sĩ thánh đức nói với cha khi cha ngồi thiền hàng ngày ngoài

hàng ba: "Tôi có một thông điệp để nhắn nhủ với con ông. Nó cần phải giảm bớt lập tức những sự đánh đấm hung bạo của nó. Nếu không, trong một cuộc đấu sức tới đây, nó sẽ bị những vết thương kinh khủng làm cho nó dở sống dở chết trong sáu tháng trường. Sau đó nó sẽ từ bỏ cuộc đời trần tục và trở nên một tu sĩ xuất gia".

Lời tiên tri đó không làm cho tôi nao núng chút nào. Tôi nghĩ rằng cha tôi vì quá tin người nên trở thành nạn nhân của một kẻ cuồng tín vô vị."

Nói đến đây, vị "Tu sĩ đánh cọp" có vẻ hối hận về một lỗi lầm trong quá khứ. Ông ta đắm chìm trong một sự im lặng nặng nề dường như quên cả sự có mặt của chúng tôi. Khi ông ta tiếp tục câu chuyện, thì ông ta đã hạ thấp giọng, gần như thì thầm.

- "Ít lâu sau, khi có lời cảnh cáo đó, tôi đến viếng Cooch Behar, thủ phủ của tiểu bang này. Phong cảnh ngoạn mục của nơi đây hãy còn mới lạ đối với tôi, nên tôi định ở lại đây ít lâu để nghỉ ngơi giải trí sau những cuộc đấu sức với thú dữ. Như thường lệ, một đám đông những kẻ tò mò theo dõi tôi ở ngoài đường, người ta nói thì thầm vào tai nhau, bất cứ chỗ nào tôi đi qua:

- Đó là nhà lục sĩ đánh cọp!

- Hãy nhìn hai bắp chân của y, quả là cây đại thọ.

hoặc :

- Gương mặt của y giống như hiện thân của chúa sơn lâm!"

- "Các em biết không, những lời đồn đãi ở một tỉnh nhỏ lan truyền rất mau, không cần phải đăng quảng cáo trên mặt báo!

Những tin đồn được truyền đi từng nhà, do cửa miệng của các bà nội trợ hay thạo chuyện ngoài đường.

Trong vài giờ, tin đồn về sự có mặt của tôi đã làm sôi động trọn cả thành phố.

Chiều đến, tôi đang ngồi trong nhà thì nghe có tiếng vó ngựa chạy ngoài trước; mấy con ngựa ngừng lại trước cửa nhà và vài viên công lực mặc sắc phục, đầu bịt khăn bước vào. Tôi lấy làm hoang mang, tự nghĩ rằng chắc họ sẽ thẩm vấn hỏi cung tôi về những điều mà tôi chẳng biết chi cả. Nhưng không, các nhân viên ấy nghiêng mình chào tôi một cách lịch sự khác thường và nói:

- Thưa ông, chúng tôi đến đây để có lời chào ông, do mệnh lệnh của hoàng tử Cooch Behar. Hoàng tử có bày tỏ ý muốn được gặp ông sáng mai tại tư dinh của ngài.

Tôi do dự một lúc. Không hiểu vì lý do gì tôi cảm thấy rất tiếc mà phải gián đoạn sự nghỉ ngơi yên tĩnh của tôi. Nhưng tôi lại xiêu lòng trước những lời mời mọc khẩn thiết của những nhân viên hộ vệ và tôi bèn nhận lời.

Qua ngày hôm sau, tôi hoàn toàn kinh ngạc mà thấy một chiếc xe song mã đẹp lộng lẫy đến trước cửa để đón tiếp tôi một cách long trọng đến tư dinh của hoàng tử. Một người lính hầu cầm một cái lọng che thật đẹp để che nắng cho tôi. Tôi bước lên xe đi một vòng qua thành phố và những rừng cây ở vùng chung quanh. Hoàng tử đích thân ra đứng trước cửa tư dinh để tiếp đón tôi. Hoàng tử mời tôi ngồi trên chiếc ghế bành lót nệm thêu chỉ vàng của người vẫn dùng thường ngày, còn mình thì ngồi trên một chiếc ghế khác.

Tôi hơi lúng túng và nghĩ rằng sự tiếp đãi trọng hậu này, chắc tôi

phải trả bằng một giá rất đắt. Sau những lễ nghi thường lệ, phân ngôi chủ khách xong rồi, hoàng tử mới rõ ràng bày tỏ ý định:

- Tất cả thành phố đều vang dội những tin đồn về những thành tích vẻ vang của ông. Có phải thật là ông đã từng đánh cọp với hai bàn tay không?

Tôi gật đầu không đáp.

- Tôi không tin chuyện ấy chút nào! Ông chỉ là một kẻ ăn tồn cơm của thành phố Calcutta mà thôi! Ông hãy nói thật: Có phải chăng ông đã vật ngã những con cọp đã bị cho ăn nhiều thuốc phiện?

Hoàng tử nói câu ấy với một nụ cười hoài nghi, đầy mỉa mai điệu cợt.

Tôi không màng đáp lại lời khinh miệt ấy.

- Tôi thách ông dám đấu với con cọp Raja Begum (một giống cọp rất dữ ở rừng già tỉnh Bengale) của tôi vừa mới bắt được. Nếu ông đánh ngã được nó, rồi trối lại và rời chuồng cọp một cách tỉnh táo thì tôi sẽ ban thưởng cho ông con cọp ấy! Ngoài ra ông sẽ được thưởng vài ngàn đồng rupi, và nhiều món quà tặng thưởng khác nữa. Nếu ông từ chối, tôi sẽ bêu riếu tên ông ở khắp nơi trên lãnh thổ vương quốc của tôi, như một kẻ bịp bợm hạ cấp!

Những lời nói sỗ sàng ấy làm cho tôi vô cùng kích động. Tôi nhận lời với cơn giận sôi lên trong lòng. Hoàng tử lấy làm đắc chí, sửa lại ghế ngồi và ngã mình trên ghế bành với một giọng cười khoái trá; người làm cho tôi nhớ đến những vị hoàng đế La Mã ngày xưa, say sưa thích thú khi sắp đem những người tử đạo Thiên Chúa cho thú dữ xé xác ở đấu trường.

- Ông hãy chuẩn bị đấu sức trong vòng một tuần lễ. Tôi rất tiếc là không thể cho ông xem trước địch thủ của ông.

Chắc hẳn hoàng tử sợ rằng tôi sẽ thôi miên con cọp hay là tôi thừa lúc người không để ý mà cho cọp ăn thuốc phiện!

Tôi rời khỏi hoàng cung, và lấy làm thú vị mà nhận thấy rằng bận về, tôi không có lọng che mà cũng chẳng có xe cộ chi cả!

Suốt tuần lễ đó, tôi chuẩn bị cả tinh thần lẫn thể xác để chờ cuộc thử thách sắp tới.

Người gia nô của tôi thuật lại cho tôi nghe nhiều chuyện dị kỳ mà thiên hạ đang đồn đãi, và lời tiên tri chẳng lành của vị tu sĩ thánh đức đã được truyền khẩu khắp nơi, mỗi người lại dậm thêm một ít cho câu chuyện có vẻ ly kỳ.

Y cũng cho tôi biết rằng để chuẩn bị cho cuộc tranh tài thử sức, hoàng tử đang cho dựng lên một khán đài khổng lồ có thể chứa hàng nghìn khán giả. Ở giữa vũ trường, một cái chuồng bằng sắt với một lồng an toàn chứa con cọp Raja Begum. Con cọp bị bỏ đói và khát máu phát ra những tiếng gầm thét âm ỉ.

Hoàng tử hẳn là định dùng tôi làm miếng mồi ngon lành để thưởng cọp?

Từ khắp mọi nơi trong thành phố và các vùng phụ cận, dân chúng tấp nập đổ dồn tới các quầy bán vé vì sự hấp dẫn của một cuộc thử sức tranh tài chưa từng thấy. Đến ngày biểu diễn có đến vài trăm người đến trễ phải trở về vì hết chỗ. Nhiều kẻ tò mò đã mạo hiểm chui qua hàng rào để lọt vào trong khán đài.”

Câu chuyện đã đến chỗ tột điểm hào hứng và lý thú, Chandi và tôi nín thở ngồi nghe. Tu sĩ nói tiếp:

- “Giữa những tiếng cộp rống từng hồi và tiếng thì thầm sợ hãi của quần chúng, tôi bèn xuất hiện, mình trần và chỉ mặc có một cái quần cụt. Tôi đến mở khóa, bước vào lòng an toàn bằng sắt và khóa trái lại ở phía trong. Con cộp vừa thoáng thấy tôi liền nhảy dựng trong chuồng với những tiếng gầm kinh khủng. Khán giả im bật và ngồi lặng yên vì sợ sệt; tôi có vẻ như là một con cừu non trước uy lực của chúa sơn lâm.

Một lúc sau, tôi bước vào chuồng cộp; nhưng khi tôi vừa đẩy lui cánh cửa sắt thì nhanh như cắt, con Raja Begum đã phóng tới và chụp lấy tôi. Trong cơn bất thần bàn tay mặt của tôi liền bị cào rách nát một cách dễ sợ, máu phun lai láng ở chỗ vết thương. Lời tiên tri của vị tu sĩ dường như sắp sửa thành sự thật.

Tôi định tĩnh tinh thần sau cơn xúc động, vì đó là vết thương nặng đầu tiên mà tôi đã từng có. Tôi đè bàn tay mặt bị thương trên miếng vải quần cụt để chặn máu, và với bàn tay trái, tôi giáng một quả đấm thôi sơn vào hàm cộp. Con cộp lão đảo, xoay một vòng trong chuồng và nhảy phóng tới. Khi đó, tôi đã thủ thế sẵn, giáng cho nó một loạt nhiều quả đấm liên tiếp vào đầu.

Nhưng mùi máu tươi làm cho con cộp hăng tiết lên, chẳng khác nào như ảnh hưởng của mùi rượu nồng đối với một bọm rượu bị khát chất men đã từ lâu. Những đòn công kích của nó, điểm thêm bằng những tiếng gầm thét rợn người, mỗi lúc càng trở nên mãnh liệt. Sự phòng thủ bất toàn của tôi bị trở ngại vì một bàn tay tàn phế vô dụng, làm cho tôi đỡ không kịp những nanh vuốt bén nhọn của con cộp dữ. Tuy nhiên tôi vẫn can đảm ăn miếng trả miếng. Cả hai đều

bị thương rỉ máu, chúng tôi vật lộn nhau trong một trận sóng chết, chuồng cọp đã biến thành một vũ trường đầy sát khí, máu phun lên láng tứ phía. Con cọp bị đòn đau, rống lên những tiếng gầm thình nộ nghe đến rợn người, và lao mình phóng vào người tôi, làm cho tôi không kịp tránh nên bị té ngựa.

- Bắn nó, bắn nó chết đi! Hãy bắn hạ con cọp!

các khán giả hoảng hốt kêu và nhao nhao lên vì sợ tôi bị cọp giết.

Những cử động của hai địch thủ quần nhau nhanh như chớp, đến nỗi trong cơn náo loạn, phát súng của người gác chuồng cọp bay lạc đạn vào khoảng không. Tôi thu thập tinh thần, gom góp toàn lực và vừa hét lên một tiếng, tôi giáng một quả đấm thối sөн vào đỉnh đầu nó, con cọp lăn ra bất tỉnh dưới sàn gạch và không còn cử động.”

- Như một con mèo nhỏ. Tôi bàn góp.

Vị tu sĩ cười thoải mái và nói tiếp:

- “Thế là con cọp Raja Begum đã bị hạ.

Với hai bàn tay bị cào xước một cách kinh khủng, tôi mở rộng hai quai hàm của nó ra và đặt đầu tôi vào miệng cọp trong một lúc, làm cả khán đài đều nín thở! Tôi tìm sợi dây xiềng ở một góc sàn gạch và cột cổ nó vào song sắt của chuồng cọp. Xong rồi tôi mới đi về phía cửa chuồng một cách đắc thắng.

Nhưng thành linh, con Raja Begum vươn mình nhảy vọt một cái, bẻ gãy xiềng và phóng lên lưng tôi. Vai tôi bị cắn một vết rất sâu làm

máu tuôn đỏ cả người, tôi ngã quy; tuy thế trong một lúc, tôi đã xoay mình ngồi dậy và vật ngã con cạp, một lần nữa nó lại bị đo ván dưới sức mạnh của những quả đấm giáng xuống tới tấp trên đỉnh đầu và trên cổ. Lần này, tôi cột nó chặt hơn và từ từ rời khỏi chuồng sắt.

Lúc bảy giờ, cả khán đài đều thở ra nhẹ nhõm, những tiếng hoan hô hét lên vang dậy cùng một lúc, dường như chỉ thốt ra bởi một người. Tuy tôi bị thương nặng, nhưng tôi đã hội đủ điều kiện của cuộc tranh đấu đó là: đánh chết con cạp, trói nó lại bằng sợi dây xích, và rời khỏi chuồng cạp một mình. Ngoài ra tôi đã đánh nó ngất xỉu đi đến nỗi nó đã bỏ qua một cơ hội tốt là cắn một cái khi tôi đặt đầu của tôi vào miệng của nó!

Những vết thương của tôi được băng bó vừa xong, tôi được thiên hạ hoan nghênh, khen tặng và tưởng thưởng. Khán giả vừa hoan hô vừa ném ra hàng trăm đồng tiền vàng dưới chân tôi. Cả thành phố đều vui như Tết. Người ta bình phẩm liên miên về sự thắng trận vẻ vang của tôi đối với những con cạp mạnh bạo và hung dữ nhất chưa từng thấy. Hoàng tử Cooch Behar giữ đúng lời hứa, tặng cho tôi con Raja Begum, nhưng tất cả những quà tặng và tiền thưởng đều làm cho tôi dửng dưng lạnh lùng, không còn vui thích nữa. Một sự thay đổi lạ kỳ đã diễn ra trong tâm hồn tôi. Dường như sau khi tôi rời khỏi chuồng cạp, tôi cũng đã khép luôn cả cõi lòng đối với những tham vọng trần gian.”

“Tiếp theo đó là một thời kỳ tai họa: Trong sáu tháng trường tôi nằm trước ngưỡng cửa của Tử Thần, ở lần mức giữa sự sống và sự chết vì máu bị nhiễm độc do vết thương gây ra. Khi tôi đã bình phục lại sức khỏe để có thể rời khỏi Cooch Behar, tôi bèn trở về quê quán.

Một hôm tôi nói với cha tôi:

- Bây giờ con đã biết rằng Tôn Sư của con, chính là vị tu sĩ thánh đức đã đưa ra lời cảnh cáo ngày trước. Làm sao con có thể gặp lại người?

Sự mong ước của tôi vốn chân thật, vì một hôm vị tu sĩ ấy thành linh xuất hiện đến với tôi và nói với một giọng điềm nhiên:

- Thôi con đừng đánh cọp nữa! Con hãy theo thầy, và thầy sẽ dạy con đánh lại những con cọp vô minh nó ẩn núp trong đám rừng ảo vọng của lòng người. Con đã quen với sự hoan hô khen tặng của người đời, từ nay thì phải là những thiên thần đến chứng kiến và thán phục những thành quả siêu việt của con trên đường hành Đạo!”

- Vị Tôn Sư của tôi hướng dẫn tôi trên đường tâm linh. Người khai mở những cánh cửa của linh hồn tôi, từ lâu vẫn rỉ sét vì không có sự trau dồi. Được ít lâu, Tôn Sư đưa tôi lên dãy Tuyết Sơn để hoàn tất công phu tu luyện của tôi.

Tôi và Chandi nghiêng mình dưới chân vị tu sĩ, và lấy làm cảm kích mà nghe được câu chuyện ly kỳ của đời ông. Tôi cảm thấy được đền bù gấp trăm lần sự chờ đợi lâu dài của chúng tôi ở ngoài hành lang lạnh lẽo khi chúng tôi mới đến.

Chương 6

VỊ TU SĨ KHINH THÂN

Đêm qua, trong một phiên họp, tôi đã thấy một vị tu sĩ Yogi khinh thân ngồi lơ lửng trên không, độ chừng một thước tây khỏi mặt đất.

Bạn tôi, Upendra, nói với một giọng xúc động. Tôi mỉm cười:

- Tôi có thể đoán tên ông ta, phải chăng là tu sĩ Bhaduri Mahasaya ở tại đường Upper Circular Road?

Upendra gật đầu, hơi bẽn lễn vì anh ta thấy rằng câu chuyện ấy không còn là mới mẻ đối với tôi. Các bạn tôi đều biết rõ sự thích thú của tôi đối với các vị tu sĩ nên họ lấy làm vui sướng mỗi khi họ có thể mách bảo cho tôi một vị có những thành tích dị thường. Tôi nói:

- Người tu sĩ này ở gần nhà tôi, nên tôi thường gặp ông ta.

Lời nói đó làm cho Upendra rất tò mò, tôi nói tiếp:

- Tôi gặp ông ta trong một trường họp đặc biệt. Y đã luyện thành thục những phép khí công theo đạo pháp Patanjali. Có một lần tu sĩ Bhaduri Mahasaya biểu diễn trước mặt tôi phép khí công Bhastrika Pranayama cực mạnh như có một cơn giông bão thổi trong phòng! Kế đó, y dụi bớt hơi thở ở ạt của y và ngồi yên bất động, đắm chìm trong một trạng thái siêu tâm thức. Cái ấn tượng yên tĩnh sau cơn giông tố trong phòng làm cho tôi không bao giờ quên được.

Upendra có vẻ không tin:

- Người ta nói rằng người tu sĩ ấy không bao giờ bước ra khỏi nhà.

Quả đúng như vậy. Tu sĩ sống bé môn nhập thất từ trên hai chục năm nay, người chỉ bỏ luật lệ ấy trong dịp thánh lễ long trọng, khi đó người bước ra khỏi hàng ba trước nhà trong giây lát. Trong những dịp đó, những kẻ hành khát đều tề tựu đông đảo trước cửa nhà, vì họ biết tu sĩ có hạnh bố thí rất cao.

- Làm sao tu sĩ có thể ngồi lơ lửng trên không, bất chấp cả luật thiên nhiên?

Một vài phép khí công có thể làm cho thân thể tu sĩ mất cả trọng lượng và trở nên nhẹ nhàng. Khi đó, người có thể khinh thân bay bổng trên không trung, hoặc ít nhất người có thể nhảy vọt như con ếch. Vài vị tu sĩ không thực hành pháp môn Yoga cổ truyền của Ấn Độ cũng có thể khinh thân trong trạng thái thiền định thâm sâu.

- Tôi muốn tìm hiểu thêm về vị tu sĩ này. Anh có đến dự những buổi họp vào lúc chiều tối đó không? Upendra hỏi với sự tò mò hiện ra trong đôi mắt.

- Có, tôi thường dự các buổi họp. Tôi hưởng thụ được nhiều điểm minh triết thâm sâu của ông. Đôi khi cái cười kéo dài của tôi làm gián đoạn sự trang nghiêm của các buổi họp. Điều đó cũng không hề làm phật lòng tu sĩ, nhưng có lẽ các đệ tử không có được cái thái độ hồn nhiên đó.

Buổi chiều đi học về, tôi đi ngang nhà tu sĩ Bhaduri và ghé vào thăm ông. Tu sĩ thường không hay tiếp khách. Người đệ tử có nhiệm vụ canh gác ngoài cửa chặn tôi lại hỏi xem tôi có hẹn trước không. May

khi ấy tu sĩ xuất hiện đúng lúc giúp tôi khỏi bị đuổi ra:

- Hãy để cho Mukunda vô nhà khi nào y muốn.

Đôi mắt tu sĩ điểm một tia sáng:

- Sự bé mọn nhập thất của tôi không phải vì lý do tiện nghi riêng cho tôi, mà là cho kẻ khác. Những người ngoài đời không thích nghe lời thành thật nó làm tiêu tan những ảo ảnh của họ. Những vị chân tu không những hiếm có, mà lại còn làm cho người ta hoang mang. Thánh kinh cũng có nói rằng: “Các vị ấy thường làm cho người đời đâm ra lúng túng trong cuộc sống của họ!”

Tôi theo chân tu sĩ vào phòng riêng trên lầu, một gian phòng đơn sơ mà người không bao giờ bước ra khỏi. Các vị minh sư thường lánh xa cuộc đời náo nhiệt ồn ào và sống tuyệt đối ngoài vòng thế tục.

- Bạch Tôn Sư, ngài là vị tu sĩ đầu tiên sống bé mọn mà tôi được biết.

- Tạo hóa đặt để các nhà hiền giả trên những địa hạt vô cùng khác biệt nhau để cho chúng ta đừng nghĩ rằng Ngài có thể tự giới hạn bởi những luật lệ nhất định.

Tu sĩ ngồi yên trong tư thế Liên Hoa. Người đã trên bảy mươi tuổi, nhưng không có mang dấu vết của sự già nua. Lưng thẳng, vóc dáng lực lưỡng, người có một thân hình cân đối lý tưởng về mọi phương diện. Người có cái gương mặt đạo mạo của một vị minh sư, như được diễn tả trong các kinh sách tôn giáo; với một bộ râu chải chuốt, cốt cách thanh cao, người ngồi yên bất động như một pho tượng. Đôi mắt yên lặng đứng trông trong cơn đại định, xuất thần.

Tu sĩ và tôi cùng đắm chìm trong một cơn thiền định thâm sâu. Một giờ sau, giọng nói thanh tao của người kéo tôi ra khỏi cơn thiền định:

- Con nhập thiền khá dễ dàng đấy, nhưng con đã cảm thông được với Thượng Đế hay chưa?

Tu sĩ có ý nhắc nhở tôi rằng người ta phải tìm sự Hợp Nhất với Thượng Đế chứ không phải thiết tha với sự tham thiền.

- Con đừng làm lộn cái phương tiện với mục đích.

Gương mặt người luôn luôn biểu lộ sự bằng an, nở một nụ cười đầy phúc lạc, đôi mắt dịu hiền ưu ái:

- Những thư tín này từ Mỹ Châu đến; người vừa nói vừa chỉ những gói lớn trên bàn. Tôi giao dịch với nhiều hội tinh thần ở Mỹ, mà hội viên chú trọng đến pháp môn Yoga. Họ đã tìm lại xứ Ấn Độ, nhưng không đi nhằm đường như Kha Luân Bố ngày xưa. Tôi vui lòng giúp họ. Pháp môn Yoga, cũng như ánh nắng mặt trời, là sở hữu của tất cả mọi người. Điều mà các chân sư coi như cần thiết cho sự giải thoát cũng có giá trị ở phương Tây. Cùng một tâm hồn, cùng một quan niệm nhân sinh như nhau, Đông Phương và Tây Phương sẽ phát triển như nhau nhờ ở phép tu giải thoát của pháp môn Yoga.

Tu sĩ đưa cái nhìn yên lặng về phía tôi. Lúc đó tôi chưa hiểu những lời nói đó có tính cách tiên tri như thế nào. Đến bây giờ, trong khi viết những giòng chữ này, tôi mới hoàn toàn nhận định rõ ý nghĩa của những cách nói bóng gió đó, ám chỉ sứ mạng của tôi trong việc truyền bá sang Mỹ Quốc nền minh triết thâm sâu của Ấn Độ.

- Bạch Tôn Sư, ngài nên viết một quyển sách về pháp môn Yoga để

giúp ích cho đời.

- Tôi chỉ dẫn các môn đồ. Họ và những đệ tử của họ sẽ là một bằng chứng linh động và có giá trị hơn một quyển sách, nó sẽ bị sự phá hoại của thời gian và chịu những lời phê bình hẹp hòi nông cạn của người đời.

Tôi còn ngồi một mình với tu sĩ cho đến khi các đệ tử tề tựu đến. Tu sĩ Bhaduri có một tài hùng biện lưu loát độc đáo nó làm cho cử tọa say mê. Ngồi nghe tu sĩ thuyết pháp mà có cảm giác như là những làn sóng êm đềm đưa đẩy chúng tôi một cách nhẹ nhàng ra khỏi bến mê và lôi kéo chúng tôi đến bờ giác.

Những môn đệ bước tới bỏ vài đồng rupi vào cái bao vải bên cạnh tu sĩ, trong khi tu sĩ đang ngồi thiền. Cử chỉ trọng vọng đó là một tập quán thông thường ở Ấn Độ, có ý nghĩa tượng trưng rằng người đệ tử từ bỏ mọi thứ của cải vật chất lại dưới chân Thầy. Một môn sinh lúc từ giã tu sĩ, nói một cách thán phục:

- Bạch thầy, thật là kỳ diệu thay: Thầy đã từ bỏ sự giàu sang sung sướng để tìm Đạo và dạy cho chúng con sự Minh Triết!

Người ta biết rằng tu sĩ Bhaduri lúc thiếu thời đã từ bỏ gia đình giàu có để theo con đường tu luyện pháp môn Yoga. Tu sĩ đáp:

- Con đã nói trái với sự thật! Thầy chỉ bỏ có vài cuộn giấy bạc và những thú vui trần tục để chinh phục một niềm phúc lạc vô biên. So với cái kho tàng tâm linh quý báu này thì đó có thật là một sự hy sinh chẳng? Trái hẳn lại, chính những người thế gian đã từ bỏ và hy sinh những kho tàng tâm linh vô giá trên đường Đạo để chạy theo những của cải vật chất giả tạm, vô thường!

Vị tu sĩ khát thực, áo quần rách rưới tả tơi, lại biến thành một phú ông tâm linh, còn người tử phú kiêu hãnh lại là một kẻ chịu pháp nạn mà không hề hay biết! Đó mới là một điều mâu thuẫn về sự dứt bỏ, hy sinh! Tu sĩ nói tiếp:

- Thiêng Liêng lo cho tương lai của chúng ta một cách vô cùng minh triết và sáng suốt hơn là bất cứ một công ty bảo hiểm nào!

Sau cùng lời kết luận của tu sĩ là một thông điệp đầy đạo lý:

- Thế gian đầy đầy những kẻ bán khoán chờ đợi một sự cứu giúp đến từ bên ngoài. Những tư tưởng đấng cay của họ hiện rõ trước mắt, không dấu được ai. Nhưng đấng tối cao đã ban cho con người từ thuở sơ sinh bầu không khí trong lành và nguồn sữa mẹ, chắc hẳn cũng lo liệu cung cấp mọi thứ nhu cầu hàng ngày cho những đứa con của ngài.

Như thường lệ, sau giờ tan học, tôi vẫn đến tịnh thất của tu sĩ. Với một lòng ưu ái thâm lặng, tu sĩ đã giúp tôi đạt tới sự ngộ đạo trong cơn tham thiền.

Về sau, các đệ tử thân tín của tu sĩ mới xây cất cho người một đạo viện mới gọi là Nagendra Math.

Tôi xin kể lại đây những lời mà nhiều năm sau, tu sĩ Bhaduri đã nói với tôi khi tôi gặp người lần cuối. Ít ngày trước khi tôi lên đường sang Mỹ Quốc, tôi đến từ giã tu sĩ và khiêm tốn quỳ dưới chân người để xin người ban ân huệ. Người nói:

- Con hãy bình yên lên đường sang Mỹ Quốc. Nền minh triết của Ấn Độ sẽ là thần hộ mạng che chở cho con. Con có mang trên trán cái

ấn chứng của sự thành công, các dân tộc ở nơi xa xôi kia sẽ dành cho con một sự tiếp đón nồng hậu.

Chương 7

NGƯỜI CON YÊU CỦA PHẬT MẪU

- Con hãy ngồi đợi một lát. Ta đang bận chiêm ngưỡng đức Phật Mẫu.

Với lòng tôn kính, tôi yên lặng bước vào gian phòng và lấy làm ngạc nhiên trước tác phong hiền đức của Tôn Sư Mahasaya (vị này là đệ tử của đức Ramakrishna, khác với Lahiri Mahasaya đệ tử của đức Babaji). Với chòm râu bạc trắng và nhuyễn như tơ, đôi mắt lớn chiếu sáng ngời, người có vẻ như hiện thân của sự tinh khiết. Cái cằm ngẩng lên, hai bàn tay nắm chặt là dấu hiệu cho thấy rằng tôi đã gặp Tôn Sư giữa những cơn tham thiền.

Những lời tiếp đón giản dị đó gây cho tôi cái phản ứng mãnh liệt nhất mà tôi chưa từng cảm thấy bao giờ. Sự bi thảm lớn nhất của tôi là khi mẹ tôi qua đời, bây giờ cơn ray rứt vì chia ly với đức Phật Mẫu thiêng liêng làm cho tôi đau khổ vô ngần; tôi kêu khóc và nằm vật mình xuống đất.

- Con hỡi, hãy bình tĩnh lại!

Tôn Sư nói với lòng ưu ái và xúc động.

Trong cơn bi thảm, tôi nắm lấy hai bàn chân của Tôn Sư như người bị trôi giạt trên mặt biển với lấy cái phao cứu mệnh.

- Bạch Tôn Sư, xin Tôn Sư hãy cầu xin giúp cho con. Tôn Sư hãy hỏi đức Phật Mẫu xem con có thể được Ngài ban ân phúc hay chăng?

Một lời hứa về sự yêu cầu này không phải dễ làm. Tôn Sư phải định tĩnh lại tinh thần. Tôi không nghi ngờ chút nào về việc đức Mahasaya có thể tiếp xúc với đức Quan Thế Âm (*Đức Mẹ thế gian, tức phương diện mẫu nghi của Vũ Trụ, được người Ấn giáo tôn thờ dưới biểu tượng nữ thần Kali*). Thật là một điều đáng buồn mà nghĩ rằng tôi mù quáng trước sự hiện diện của đức Phật Mẫu, trong khi Ngài xuất hiện ở gần bên tôi trước nhãn quang tinh khiết của tôn sư! Không chút hờ thẹn, tôi bám chặt lấy chân tôn sư; không màng để ý đến những lời quở trách nhẹ nhàng của tôn sư, tôi không ngớt khẩn cầu người hãy giúp tôi. Sau cùng, Tôn Sư bằng lòng với một nụ cười thương hại:

- Ta sẽ chuyển đạt lời cầu xin của con lên đức Phật Mẫu.

Những lời nói ấy có một hàm xúc rất mãnh liệt và nhiệm màu đến nỗi trong giây phút tôi đã không còn cảm thấy đau đớn.

- Bạch Tôn Sư, xin Tôn Sư hãy giữ lời hứa! Con sẽ trở lại ngay để biết kết quả.

Lòng tôi tràn ngập một niềm trông đợi đầy hoan lạc, mặc dầu trước đó tôi đã khóc nức nở quên thôi.

Tôi bước xuống cầu thang dài nhiều nấc và những kỷ niệm cũ đã trở lại với tôi. Chính tại ngôi nhà số 50 đường Amherst mà Tôn Sư Mahasaya hiện đang ở, là nơi gia đình tôi cư ngụ trước kia; cũng tại đây là nơi mẹ tôi từ trần. Chính tại đây là nơi mà khi tôi còn thơ ấu, tôi đã trải qua một cơn sầu khổ vì mất mẹ, và cũng chính tại đây mà ngày hôm nay, tâm hồn tôi bị đau khổ dày vò vì vắng bóng đức Phật Mẫu thiêng liêng... Kìa là những bức tường vô tri vô giác, những nhân chứng câm lặng đã chứng kiến sự tuyệt vọng thâm trầm sâu

xa của tôi, và sự hồi phục sau rớt của tôi...

Với bước đi nhanh nhẩu, tôi trở về nhà ở đường Gurpar Road. Tôi ẩn trú trong sự biệt lập của gác lầu nhà tôi để đắm chìm trong cơn thiên định cho đến mười giờ tối. Thành linh, một linh ảnh chói mắt xé tan cái bóng tối âm cúng của một đêm xuân Ấn Độ. Đức Phật Mẫu thiêng liêng xuất hiện trong một vòng hào quang rực rỡ chói lòa. Gương mặt ngài điểm một nụ cười dịu hiền, hiện ra với một vẻ đẹp khôn tả:

- Mẹ vẫn luôn luôn thương con, và tình thương của Mẹ không bao giờ dứt!

Giọng nói thốt ra với một thứ âm thanh của cõi trời, không hề nghe thấy ở trần gian, vang lên trong như tiếng bạc. Kế đó, linh ảnh biến tan dần.

Sáng hôm sau, khi mặt trời vừa ló dạng, tôi đã hối hả chạy đến nhà Tôn Sư Mahasaya. Tôi bước lên thang lầu của ngôi nhà cũ còn dấu vết những kỷ niệm đau buồn và bước vào phòng Tôn Sư trên tầng lầu thứ bốn. Cái nắm tay ngoài phòng có bọc một cái khăn vải, điều này chắc ngụ ý rằng Tôn Sư không muốn bị ai quấy rầy. Trong khi tôi đang đứng do dự ngoài cửa thì bàn tay khả ái của vị Tôn Sư đã mở cửa phòng. Tôi bèn quì xuống chân người. Tuy lòng tôi tràn đầy nỗi vui mừng, tôi cũng giả vờ nghiêm nét mặt để che dấu niềm phúc lạc thiêng liêng của tôi.

- Bạch Tôn Sư, con biết rằng con đến đây quá sớm để hỏi kết quả. Đức Phật Mẫu có trả lời cho con chăng?

- À! Con láo thật!

Tôn Sư không nói thêm một điều gì nữa. Dường như sự nghiêm trang giả tạo của tôi không làm cho người chú ý.

- Tại sao con có vẻ bí mật và tránh né như vậy? Các tu sĩ há chẳng thường hay nói bằng những lời vắn tắt đó sao?

Thấy tôi có vẻ lúng túng, Tôn Sư nói tiếp:

- Con muốn thử ta chăng?

Nhưng đôi mắt yên lặng của người tràn đầy một niềm thông cảm :

- Ta có thể nói gì nữa chẳng, ngoài những lời trấn an mà con đã nhận được của đức Phật Mẫu tối hôm qua lúc mười giờ?

Tôn Sư Mahasaya có cái bí quyết làm vơi bớt nỗi niềm tâm sự tràn đầy của tâm hồn tôi; tôi bèn quỳ dưới chân người, nhưng lần này, tôi tuân tròn giòng lệ vì quá sung sướng.

- Con nghĩ rằng lòng sùng kính của con không làm cho đức Phật Mẫu cảm động hay sao, với tấm lòng từ bi bác ái vô lượng vô biên của ngài? Cái nguyên lý mẫu nghi của vũ trụ mà con đã tôn sùng dưới hình thức thiêng liêng của đức Phật Mẫu không bao giờ làm ngơ mà không xúc động trước những lời cầu khẩn nhiệt thành của con!

Tôn Sư Mahasaya là ai mà mỗi lời cầu nguyện của người đều được đức Phật Mẫu chiếu cố và ban ân phước? Địa vị của người ở trên thế gian thật là khiêm tốn, cũng như tất cả những bậc hiền nhân thánh triết mà tôi đã biết. Tại tư gia của người Amherst, Tôn Sư Mahasaya có mở một lớp dạy các nam học sinh ban trung học. Người không hề thốt ra những lời nghiêm khắc; cũng không dùng

những biện pháp trừng phạt hay luật lệ để giữ gìn kỷ luật. Do những lời giáo huấn của người không hề rút trong sách vở, mà Tôn Sư ban bố sự minh triết bằng tấm gương đạo hạnh hơn là bằng những giáo điều khô khan. Người đặt trọn cả tâm hồn vào sự chiêm ngưỡng tôn sùng đức Phật Mẫu nên không bắt buộc học trò phải biểu lộ sự tôn kính thầy dưới một hình thức bề ngoài. Tôn Sư nói với tôi:

- Ta không phải là Thầy của con. Thầy của con sẽ đến với con trong tương lai. Dưới sự chỉ dẫn của người, con sẽ đạt tới sự minh triết trên đường Đạo.

Mỗi buổi chiều, tôi đều viếng tư thất của tôn sư. Sự có mặt của người là nguồn suối tâm linh dồi dào mà hàng ngày tôi tìm đến để thỏa mãn lòng khát khao đạo lý. Từ trước đến nay tôi không hề biết quì lạy ai với một tấm lòng sùng kính nhiệt thành như vậy. Bây giờ, tôi coi như một điểm phúc vô biên mỗi khi tôi có dịp đến ngồi bên cạnh người. Một hôm, tôi đến nhà Tôn Sư với một tràng hoa tươi.

- Bạch Tôn Sư, đây là vòng hoa champak mà chính tự con đã kết lại để hiến dâng người.

Tôi vừa nói vừa nâng vòng hoa định quàng lên cổ tôn sư. Nhưng Tôn Sư tránh qua một bên, và từ chối sự lễ nghi trịnh trọng đó. Sau cùng, khi người thấy tôi bẽn lễn, người mới nở một nụ cười bằng lòng:

- Vì lẽ cả hai chúng ta đều tôn sùng đức Phật Mẫu thiêng liêng, bây giờ con có thể dùng tràng hoa để tô điểm cái thánh điện bằng xương thịt này, là nơi trú ẩn của Ngài.

- Tính chất tâm linh phong phú của người không có chỗ để dung nạp những lý do ích kỷ.

- Ngày mai chúng ta hãy đến viếng đền Dakshineswar mà Tôn Sư ta đã thánh hóa một cách vĩnh viễn.

Tôn Sư Mahasaya trước kia là đệ tử của bậc thánh sư Sri Ramakrishna.

Sáng ngày hôm sau, chúng tôi xuống tàu đi một quãng đường dài bốn dặm trên sông Hằng. Chúng tôi vào đền thờ Phật Bà Quan Âm với tám mái bầu tròn nhô lên cao vút, tại đây tượng đức Phật Mẫu được dựng lên trên một hoa sen khổng lồ đúc bằng bạc với một nghìn cánh hoa, được chạm trổ rất công phu và mài dũa sáng bóng. Đức Mahasaya đến chiêm ngưỡng một cách say sưa sùng kính đức Phật Mẫu thiêng liêng, lòng tôi tràn ngập một niềm kính yêu khôn tả.

Đó là chuyến hành hương đầu tiên của tôi tại ngôi đền này. Tôn Sư giảng dạy cho tôi nghe ý nghĩa của đức Phật Mẫu, phương diện mẫu nghi của vũ trụ càn khôn, biểu tượng của lòng Từ Bi Bác Ái thiêng liêng.

Một hôm Tôn Sư đưa tôi đến lớp học. Niềm vui của tôi bỗng bị che ám bởi một người quen cũ từ đâu xuất hiện thành linh và rót vào tai chúng tôi một câu chuyện dài tràng giang đại hải. Tôn Sư kể tai tôi nói nhỏ:

- Ta thấy con không thích người này. Ta đã nói với đức Phật Mẫu thiêng liêng, ngài đã hiểu tình hình bí lối của chúng ta và hứa rằng khi chúng ta đi đến cái nhà ngói đỏ đằng kia, ngài sẽ làm cho y nhớ lại một chuyện gấp để y đi cho khuất mắt.

Người bạn vô duyên kia mãi lo nói độc thoại huyền thuyên nên chẳng nghe thấy gì, còn tôi kiên nhẫn chờ và nhìn về phía căn nhà

đỏ đằng trước. Khi chúng tôi vừa đến ngang qua cửa nhà sơn đỏ, ông bạn nói nhiều kia bỗng xoay gót trở lại và hối hả rút lui trong khi y nói chưa dứt câu, cũng không kịp chào từ giã. Chúng tôi thốt lên một tiếng thở dài nhẹ nhõm.

Tôn Sư quàng tay trên vai tôi một cách thân mến:

- Con có thích xem chớp bóng không?

Câu hỏi đó làm cho tôi ngỡ ngác. Tuy vậy, tôi cũng nhận lời vì tôi cảm thấy sung sướng được ở gần bên Tôn Sư bất cứ trong trường hợp nào. Chúng tôi rảo bước đi mau vào một công viên trước trường đại học Calcutta. Tôn Sư chỉ một cái ghế dài gần bên hồ nước:

- Chúng ta hãy ngồi đây trong giây lát. Thầy ta luôn luôn khuyên ta hãy ngồi thiền trước một hồ ao mặt nước phẳng lặng, nó gợi cho ta cái ý niệm yên tĩnh tuyệt đối của tính chất thiêng liêng.

Kể đó, chúng tôi bước vào nhà giảng đường của trường đại học, tại đây đang có một cuộc thuyết trình về một đầu đề khoa học mà tôi nhận thấy vô vị và chán phèo, mặc dù có chiếu hình ảnh nhưng cũng vô phương vô vị không kém! Tôi thầm nghĩ:

“Đây chắc là cuộc “chiếu bóng” mà Tôn Sư đã nói lúc nãy.”

Tuy tôi không thích nhưng tôi không muốn bày tỏ một cách quá bộc lộ sự chán nản của tôi, vì e làm mất lòng tôn sư. Nhưng Tôn Sư đã day qua phía tôi và khẽ tai nói nhỏ:

- Ta thấy rằng con không ưa chiếu bóng này. Ta đã nói với đức Phật Mẫu thiêng liêng. Ngài cũng thông cảm với chúng ta và cho biết rằng điện sẽ tắt trong giây lát và đèn sẽ bật sáng lại khi chúng ta đã ra

khỏi gian phòng này.

Ngay khi đó, cả gian phòng bị đắm chìm trong bóng tối. Giọng nói vang rền của vị giảng sư ngưng bật giữa sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, rồi tiếp tục: “Hệ thống giầy điện trong phòng này chắc bị hỏng.” Tôn sư và tôi thừa dịp đó bèn đứng dậy bước ra khỏi cửa một cách an toàn. Ra ngoài hành lang, tôi quay lại nhìn thì thấy giảng đường lại bật đèn sáng trưng.

- Con hỡi, buổi chiếu bóng này làm cho con thất vọng, nhưng ta sẽ cho con xem một cuộc chiếu bóng hoàn toàn khác hẳn.

Lúc ấy chúng tôi đang đứng trên vỉa hè trước trường đại học. Tôn Sư lấy tay đặt nhẹ trên ngực tôi, ở ngay chỗ quả tim.

Khi đó tôi cảm thấy một cơn im lặng lạ thường. Cũng như một cuốn phim chớp bóng nói, trở thành một cuốn phim câm khi hệ thống âm thanh bị hỏng, bàn tay sờ nhẹ của tôn sư, do một quyền năng nhiệm màu nào đó, đã dẹp tan mọi tiếng động chung quanh tôi, làm cho tôi không còn nghe thấy gì nữa. Cảnh vật ngoài đường người đi bộ, xe điện, xe hơi, xe bò, xe ngựa với những bánh xe niềng sắt di chuyển khắp nơi mà không có một tiếng vang. Dường như có nhãn quang thần thông, tôi nhìn thấy sự vật diễn ra đằng sau lưng tôi, và ở hai bên tôi cũng rõ ràng như trước mặt. Tất cả mọi hoạt động trong khu vực ấy của thành phố Calcutta diễn ra trước mắt tôi mà không có một tiếng động hay một giọng nói của một người nào. Cũng như ánh lửa than hồng còn le lói xuyên qua một lớp tro dày phủ ở trên, một ánh sáng dịu mờ chiếu xuyên qua cái linh ảnh tổng quát của tôi.

Thân thể tôi chỉ còn là một cái bóng giữa bao nhiêu những cái bóng khác, với sự khác biệt này là nó bất động, trong khi những cái bóng khác lưu thông, di chuyển qua lại không ngớt. Nhiều thanh niên

trong số các bạn hữu của tôi đến gần tôi và đi qua mà không nhận ra tôi, tuy rằng họ dường như nhìn tôi thẳng vào tận mắt.

Cái linh ảnh lạ lùng này làm cho tôi say sưa ngây ngất trong một niềm phúc lạc không thể tả nổi, cũng ví như tôi đã được uống suối cam lồ của cõi tiên giới. Thành linh tôi cảm thấy Tôn Sư Mahasaya lại vỗ nhẹ một lần nữa vào chỗ quả tim của tôi. Sự náo nhiệt ồn ào của đám quần chúng lại tràn vào cõi ý thức của tôi. Tôi lao đảo vì bị lôi kéo một cách phũ phàng ra khỏi một cảnh mộng mê ly. Chén nước cam lồ đem niềm phúc lạc thần tiên lại một lần nữa lọt ra ngoài tầm tay của tôi. Tôn Sư mỉm cười và nói:

- Con hỡi, ta hy vọng rằng con đã thấy cuộc chiếu bóng sau này hợp với sở thích của con?

Tôi sửa soạn cúi lạy dưới chân người. Người bèn phản đối:

- Con không được làm thế. Con biết rằng con cũng là một thánh điện của vị Phật Tánh ngự bên trong! Ta không chịu để cho đức Phật Mẫu hạ mình làm lễ đối với ta qua sự trung gian của con!

Lúc ấy, nếu có ai nhìn thấy chúng tôi tránh né đám đông người, chắc là sẽ nghĩ rằng chúng tôi đang say rượu. Tôi có cảm tưởng rằng thậm chí những bóng tối của ban đêm cũng say sưa mùi Đạo!

Khi ánh bình minh vừa ló dạng, và bóng tối đã lui dần, một ngày mới xuất hiện đã lấy đi mất cái niềm phúc lạc say sưa của tôi trong đêm vừa qua. Nhưng cái kỷ niệm của tôn sư, người con yêu quý của đức Phật Mẫu thiêng liêng, không bao giờ mất trong lòng tôi.

Chương 8

TÔI GẶP SỰ PHỤ SRI YUTESWAR

“Đức tin nơi Thiên Liêng có thể giúp ta làm nên mọi việc, trừ ra việc thi đậu mà không có học bài!” Tôi ngạo nghễ xếp lại quyển sách mà tôi đã giở ra trong một lúc nhàn rỗi và thầm nghĩ:

- Sự dè dặt của tác giả này chứng tỏ sự hoàn toàn thiếu đức tin. Có lẽ y chú trọng thái quá đến việc thi cử.

Tôi đã hứa với cha tôi là sẽ học cho hết chương trình ban Tú Tài. Tôi không tự hào là mình chăm học. Những tháng sau cùng, tôi thường đến ngồi suy tư ở những nơi vắng vẻ trên bờ sông Hằng thay vì đến lớp học.

Khu đất dành cho việc hỏa táng xác chết, đặt biệt rừng rợn lúc ban đêm, có một sức hấp dẫn rất lớn đối với những tu sĩ Yogi. Người đi tìm chân lý, tìm cái tinh hoa của sự Bất Tử, ắt không cảm thấy ghê rợn trước những cảnh thầy ma và sọ người. Tính chất vô thường của sự vật trần gian càng biểu lộ rõ hơn ở gần bên cảnh tượng rừng rợn của những đống xương tàn. Đó là bối cảnh của những cuộc đi chơi đêm của tôi, thật khác xa với lối tiêu khiển của bao nhiêu đứa học trò khác!

Tuần lễ thi Tú Tài ở trường Trung Học đã sắp đến. Thời gian chờ đợi thật là một giai đoạn cực hình: Tâm trí tôi không hề được phút nào nghỉ ngơi. Trong những đêm làm bạn với xác chết và sọ người, tôi đã thu thập một kiến thức không có dạy ở nhà trường, nhưng còn

thiếu cái quyền năng của tu sĩ Swami Pranabananda là phân thân để xuất hiện cùng một lúc ở hai nơi!

- À! Mukunda! Mấy hôm nay, anh đi đâu mà biệt tích vậy? Một bạn học gọi tên tôi ngoài đường vào một buổi chiều.

- À, Nantu, chào anh! Vì biệt tích nên bây giờ tôi mới nguy như thế này!

Nantu là một học trò giỏi, y cười một cách thoải mái về sự thú nhận của tôi.

- Tự nhiên là anh không đủ chuẩn bị để ứng phó với những bài thi năm nay. Có lẽ tôi nên giúp anh.

Những lời đó vang dội bên tai tôi như một lời hứa hẹn thiêng liêng. Tôi bèn hối hả đi đến nhà bạn tôi. Y chỉ dẫn cho tôi nghe một cách vắn tắt cách giải đáp những câu hỏi mà y cho rằng các giám khảo có thể đưa ra trong kỳ thi năm nay.

- Đó là tất cả những câu hỏi “học búa” mà họ sẽ dùng để “hạ” một số thí sinh. Anh hãy học kỹ những bài giải đáp của tôi, rồi anh sẽ “trúng tử”!

Đêm đã khuya khi tôi từ giã bạn tôi ra về. Sau khi đã tự nhồi sọ với những kiến thức mới đó, tôi nhiệt thành cầu nguyện sao cho tất cả những điều đó đừng tiêu tan như mây khói vào những ngày quyết định. Chương trình thi Tú Tài gồm nhiều môn học khác, nhưng trong khi vội vàng, Nantu đã quên môn Phạn Ngữ. Tôi cầu nguyện đấng Thiêng Liêng hãy giúp tôi vượt qua sự thiếu sót đó.

Sáng ngày hôm sau, tôi đi bách bộ dạo chơi và ôn lại trong trí những

bài giải đáp vừa học được. Khi tôi đi vào một đường nhỏ qua một khoảng đất trống, tôi thấy trên bãi cỏ có vài trang giấy có chữ in; tôi lượm lên xem thì đó là một bài văn thơ Phạm Ngũ cổ điển. Tôi bèn tìm một học giả hay chữ để giúp tôi bình luận về bài văn thơ này. Giọng ngâm nga phong phú của ông ta làm nổi bật những âm điệu và vần thơ bất hủ của thứ cổ ngữ này.

- Những câu thơ đặc biệt này chắc sẽ không phải là đầu đề thi năm nay! Nhà học giả nói với một nụ cười hoài nghi.

Tuy vậy, sự hiểu biết tường tận, đầu chỉ có một bài thơ duy nhất, đã giúp cho tôi vượt qua bài thi Phạm Ngũ trong ngày hôm sau. Sự chỉ dẫn của Nantu cũng giúp tôi có một số điểm trung bình về những môn học khác.

Cha tôi lấy làm sung sướng mà thấy rằng tôi đã giữ đúng lời hứa. Tôi biết ơn Thượng Đế đã giúp tôi qua sự trung gian của Nantu và đã khiến cho tôi đi rẽ qua con đường tắt trên mảnh đất hoang có rải rác giấy tờ vụn vặt. Như vậy Ngài đã hai lần che chở cho tôi.

Quyển sách mà tác giả đã phủ nhận quyền năng thiêng liêng đối với vấn đề thi cử, lại hiện ra trước mắt tôi. Tôi mỉm cười và thầm nghĩ: “Y sẽ phân vân đến đâu nếu tôi cho y biết rằng sự tham thiền giữa những thầy ma nơi nghĩa địa đã giúp cho tôi thi đậu tú tài!”

Với tư cách một cậu tú tài tân khoa, tôi có thể chuẩn bị để công khai rời khỏi gia đình. Sau khi hội ý với Jitendra Mazumdar, tôi quyết định đến một đạo viện Mahamandal ở Benares để theo một khóa huấn luyện tâm linh.

Tuy nhiên tôi cảm thấy ghen ngào khi nghĩ đến việc chia ly với gia đình. Từ khi mẹ tôi qua đời, tôi cảm thấy nảy nở một tình thương

đậm đà đối với hai em trai tôi là Sanada và Bishnu. Tôi bèn lui vào nơi ẩn trú của tôi trên gác lầu, là chỗ tôi vẫn công phu tham thiền hàng ngày. Tôi khóc thật lâu và sau cùng tôi cảm thấy có một sự thay đổi diệu huyền trong người tôi, dường như dưới ảnh hưởng của một mãnh lực vô hình nào. Sợi dây trói buộc của tình thương gia đình bị bẻ gãy. Quyết định xuất gia tầm đạo của tôi đã trở nên cứng rắn không sao lay chuyển. Tôi lo hoàn tất việc chuẩn bị lên đường.

Cha tôi bằng lòng cho tôi ra đi một cách luyến tiếc. Tôi hối hả lên đường để đúng hẹn với Jitandra, y đã có mặt tại đạo viện Benares. Khi tôi đến nơi, tu sĩ Dayananda, vị sư trưởng hãy còn trẻ, tiếp đón tôi một cách nồng hậu. Tác cao, hơi gầy, vẻ mặt suy tư trầm tĩnh, tu sĩ gây cho tôi một ấn tượng tốt lành. Gương mặt khôi ngô của tu sĩ phảng phất những nét giống như đức Phật.

Tôi lầy lẫm sung sướng mà thấy rằng nơi tư thất mới của tôi có một cái gác nhỏ ở đó mỗi buổi sáng tôi có thể tham thiền trong vài giờ. Những đệ tử trong đạo viện không quen thực hành môn thiền định, bèn quyết định giao cho tôi một công việc tổ chức. Họ khen tặng tôi về công việc mà tôi làm ở văn phòng mỗi buổi chiều.

- Huynh không nên nhập Niết Bàn quá sớm!

Một bạn đồng môn nói với tôi khi tôi rút lui lên gác. Tôi bèn đến gặp tu sĩ Dayananda trong am thất nhỏ của người, có cửa sổ nhìn xuống sông Hằng:

- Thưa sư trưởng, tôi không hiểu ở đây người ta muốn tôi phải làm gì. Tôi đang công phu để đạt tới Đạo một cách trực tiếp. Không được như vậy, thì không một địa vị, một tín ngưỡng, một sứ mạng nào có thể làm tôi được thỏa mãn.

Vị sư trưởng mặc áo vàng sạm vổ nhẹ lên vai tôi một cách thân mật.

Người rầy một cách nhẹ nhàng một vài đệ tử đang đứng gần bên:

- Hãy để yên Mukunda! Y sẽ quen dần với lối sống ở đây.

Tôi nén lòng một cách lễ phép để khỏi nói rằng tôi lấy làm ngờ về việc đó! Những đệ tử rời khỏi phòng, không để ý bao nhiêu đến lời khiển trách vừa rồi. Tu sĩ Dayananda nói với tôi:

- Mukunda, cha em gửi tiền cho em đều đều. Em hãy gửi trả về nhà, vì ở đây em không cần tiền. Một điểm kỷ luật khác là vấn đề ăn uống; khi em đói em hãy đừng để cho người ngoài nhìn thấy!

Tôi không biết bề ngoài tôi có lộ vẻ đói hay không. Nhưng điều mà tôi biết quá rõ: ấy là tôi đói. Ở đạo viện buổi cơm đầu tiên dọn ra vào lúc giữa trưa; ở nhà tôi vẫn có thói quen ăn một bữa thịnh soạn lúc chín giờ sáng.

Khoảng sai biệt ba tiếng đồng hồ đó càng ngày càng trở nên không chịu nổi! Còn đâu những vàng son ở Calcutta, khi đó tôi có thể quở trách người đầu bếp vì dọn cơm trễ có mười phút! Có một lần, vì muốn tự chủ trong sự ăn uống, tôi tập nhịn đói hai mươi bốn giờ. Tôi càng chờ đợi một cách nôn nao hơn đến trưa ngày hôm sau.

- Chuyến xe lửa của sư trưởng Dayananda bị trễ giờ; chúng ta sẽ đợi sư trưởng về mới ăn!

Jitendra đem đến cho tôi cái tin chẳng lành đó. Sư trưởng đi vắng hai tuần nay, để tiếp đón người một cách lễ phép, các đệ tử đợi đến lúc người về đến mới dọn cơm cùng ăn. Mùi hương vị đồ ăn ngào ngạt bay qua lỗ mũi tôi. Tôi phải nằm đo ván để chịu đựng cơn nhịn đói kéo dài vô tận.

- Cầu xin Thượng Đế khiến cho xe lửa về sớm.

Tôi nghĩ rằng lời ngăn cấm của tu sĩ Dayananda bảo tôi đừng lộ vẻ đói ra ngoài chắc sẽ không áp dụng đối với Thượng Đế! Tuy nhiên, ngài vẫn không đáp ứng lời cầu nguyện của tôi, vì trời đã về chiều. Màn đêm đã rơi xuống khi sư trưởng bước vào cửa đạo viện; tôi tiếp đón người với một hy vọng tràn trề.

- Sư trưởng còn đi tắm và tham thiền xong , chúng ta mới khởi sự ăn, đó là lời thông báo của Jitendra, sứ giả của tai họa.

Tôi sắp sửa thấy khó chịu trong mình. Cái bao tử còn non nớt vừa tôi không quen chịu nhịn ăn, còn cào kêu đói. Những cảnh chết đói rừng rợn lớn vờn trong trí tôi. Tôi thầm nghĩ:

- Nạn nhân đầu tiên của nạn chết đói sắp đến tại Benares chắc sẽ là tôi!

Cái cực hình đó chỉ chấm dứt vào lúc đồng hồ gõ đúng chín giờ. Than ôi! Buổi cơm tối hôm đó hãy còn ghi dấu trong ký ức như một trong những giờ phút tốt đẹp nhất của đời tôi!

Tôi ăn bằng bốn người, và nhận thấy rằng vị tu sĩ Dayananda ăn uống một cách uể oải vô tâm.

- Thưa Sư Trưởng, Sư Trưởng không đói sao? Tôi hỏi tu sĩ sau khi ăn uống no lòng, tôi bước vào phòng của người.

- Có chứ! Tôi không ăn uống gì cả trong bốn ngày qua. Tôi không bao giờ ăn trên xe lửa, vì ở đó đầy những rung động nặng nề sáu xa của kẻ phạm tục. Tôi triệt để tuân theo những qui luật của giòng tu của tôi. Tôi bị bận rộn vì nhiều vấn đề tổ chức, nên chiều nay tôi chỉ ăn uống sơ sài. Nhưng không sao, ngày mai tôi sẽ ăn cẩn thận.

Tu sĩ nói xong bèn cười một cách thoải mái.

Tôi lấy làm hồ thẹn thâm trong bụng. Nhưng trọn một ngày chịu cực hình không thể nào quên được một cách dễ dàng; tôi đánh bạo đưa ra một câu hỏi cuối cùng:

- Thưa Sư Trưởng, tôi có sự nghi ngờ. Nếu theo lời dặn của Sư Trưởng tôi không đòi ăn uống khi đói bụng, và nếu không ai mời tôi ăn chắc là tôi sẽ chết đói.

- Chừng đó, em hãy chịu chết!

Những lời nói đó có tác dụng như tiếng quát của ngọn roi da.

- Chừng đó, Mukunda, em hãy chết, nếu cần! Em đừng bao giờ nghĩ rằng em sống không phải nhờ Thượng Đế, mà chỉ nhờ ở đồ ăn! Đấng Thiêng Liêng đã sáng tạo ra đồ vật thực và đã cho chúng ta biết đói bụng, chắc hẳn là sẽ lo chu đáo cho chúng ta khỏi phải thiếu thốn điều gì. Em đừng nghĩ rằng cơm gạo ban cho em sự sống và tiền bạc hay người đời có thể nuôi dưỡng em được. Họ có thể nuôi em sống được chẳng nếu Thượng Đế thu hồi lại ở nơi em hơi thở của sự sinh tồn? Họ chỉ là những khí cụ thụ động của Ngài mà thôi. Em có thể bắt buộc cái bao tử tiêu hóa đồ ăn tùy theo ý muốn được chẳng? Em hãy suy nghĩ kỹ, Mukunda, để nhận thấy cái Nguyên Lý độc nhất ở bên ngoài các hiện tượng biến hóa vô cùng tận.

Những lời nói cương nghị này làm cho tôi cảm thấy lạnh tê người. Thế là cái thành kiến cố hữu cho rằng thể xác thắng đoạt được tinh thần không còn đứng vững. Thỉnh thoảng, tôi đã có dịp thưởng thức cái thú vị về sự độc lập huyền diệu của Tinh Thần. Trong bao nhiêu thành phố mà tôi đi ngang qua suốt cuộc đời luôn luôn di chuyển

không ngọt của tôi, tôi đã có dịp nhận xét thấy cái hiệu lực của bài học ấy, mà tôi đã thọ lãnh trong một đạo viện ở Benares!

II

Món của cải duy nhất mà tôi đem theo từ Calcutta là cái linh vật hộ phù bằng bạc của vị tu sĩ thánh đức, mà mẹ tôi đã để lại cho tôi. Tôi đã giữ gìn nó kỹ lưỡng trong nhiều năm và bây giờ nó được cất giữ kín đáo trong phòng tôi.

Một buổi sáng, tôi mở cái nắp hộp để ngắm nhìn nó. Những ổ khóa đều còn nguyên vẹn, nhưng món linh vật đã biến mất. Buồn rầu, tôi xé cái vỏ bọc ngoài của nó và biết rằng nó đã không cánh mà bay, đúng như lời tiên tri của vị tu sĩ đã làm cho nó xuất hiện từ lúc đầu.

Sự giao thiệp của tôi với những đệ tử của tu sĩ Dayananda càng ngày càng trở nên căng thẳng. Sự tự do của tôi làm phật lòng đến cả vị sư trưởng. Sự áp dụng giờ giấc tham thiền quá chặt chẽ của tôi, nó vốn là cái lý tưởng vì đó mà tôi rời khỏi gia đình, đã đem đến cho tôi những sự chỉ trích nặng nề từ mọi giới.

Đau lòng, một hôm tôi quyết định cầu nguyện cho đến khi tôi được một sự trả lời. “Hỡi đức Phật Mẫu đại từ bi của Vũ Trụ, xin Ngài hãy dạy con tính chất từ bi của ngài qua những linh ảnh, hay qua một vị Tôn Sư mà Ngài sẽ gửi đến con!” Tôi khóc và nguyện cầu rất lâu, giờ khắc vẫn trôi qua mà tôi không nhận được một sự trả lời. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy như bị lôi cuốn thể xác lẫn linh hồn, lên tận những cõi giới cao siêu huyền diệu.

- Tôn Sư con sẽ đến trong ngày hôm nay!

Giọng nói ấy, một giọng nói thanh tao của phái nữ với những âm điệu của cõi trời, dường như vọng đến từ khắp nơi và cũng không từ

nơi nào.

Cái kinh nghiệm siêu linh đó bị gián đoạn bởi một tiếng kêu lanh lảnh; một đệ tử trẻ tên Habu gọi tôi từ sau bếp ở tầng dưới:

- Mukunda! Thôi đừng tham thiền nữa! Người ta cần anh đi chợ mua đồ.

Nếu trong trường hợp khác, tôi đã phản ứng kịch liệt. Nhưng không hiểu sao lúc ấy, tôi lấy khăn lau nước mắt và lẳng lặng nghe theo. Habu và tôi bước ra cửa đi về phía một chợ ở xa, trong khu vực Bengali của thành Benares. Mặt trời nóng gắt của Ấn Độ chưa lên đến tột đỉnh, chúng tôi đã mua xong những đồ vật dụng cần thiết và vạch một con đường đi xuyên qua một đám rừng người đông đảo; những đàn bà nội trợ chen lẫn những tăng lữ, hướng dẫn viên du lịch, quả phụ ăn mặc nâu sòng, người Bà La Môn, người hành khất, và...bò. Khi đi qua một con đường nhỏ hẹp có vẻ nghèo nàn, tôi quay đầu lại và nhìn thấy một người có vẻ giống như Chúa Giê Su, mặc áo màu vàng sậm của giới tu sĩ và đứng ở phía đầu đường. Người ấy trông dường như một người quen cũ, khiến tôi càng chú ý nhìn kỹ. Bỗng nhiên một sự nghi ngờ xâm chiếm lấy tôi và tôi tự nhủ: “Có lẽ mình làm người tu sĩ này với một người nào khác. Thôi ta đi!”

Mười phút trôi qua, tôi cảm thấy hai chân tôi nặng như chì, dường như chúng đã trở thành đá và không còn tuân theo ý muốn của tôi. Tôi thử quay lại thì hai chân tôi đi được như thường. Tôi lại thử tiến bước theo lối đi ngược chiều thì hai chân tôi lại nặng như chì, không thể cử động.

“Vị tu sĩ hấp dẫn tôi đến với người bằng một thứ mãnh lực từ điển nào đó.” Với cái ý nghĩ đó trong trí, tôi giao những gói đồ cho Habu;

y đã quan sát những cử chỉ của tôi một cách ngạc nhiên, sau cùng y bật cười:

- Anh làm gì vậy? Chắc anh điên rồi!

Trí óc huyền não của tôi lúc ấy làm cho tôi không màng đáp lại. Tôi quay đầu trở lại và lẳng lặng noi theo con đường nhỏ hẹp mà tôi đã đi qua. Gần đến đầu đường, tôi nhận thấy gương mặt trầm lặng ấy đang nhìn chăm chú về phía tôi. Chỉ còn vài bước nữa và tôi đã quì mọp dưới chân người.

- Kính lạy sư phụ!

Gương mặt thiêng liêng ấy không gì khác hơn là gương mặt đã từng xuất hiện trong vô số những linh ảnh của tôi. Đôi mắt yên tĩnh, cái đầu tóc dài dợn sóng xỏa xuống vai như đầu sư tử và bộ râu ngắn vuốt nhọn dưới cằm, chính gương mặt ấy đã chinh phục tôi trong những cơn linh ảnh mê ly, nó tượng trưng một sự hứa hẹn nào đó mà tôi không hoàn toàn hiểu rõ ý nghĩa.

- Con đây rồi, con đã đến!

Sư phụ tôi lập lại câu ấy bằng tiếng Bengali (*thổ ngữ tỉnh Bengale, miền Đông Ấn*), giọng nói hơi rung vì cảm động:

- Ta đã đợi con từ bao nhiêu năm nay!

Kế đó là một cơn yên lặng kéo dài, trong lúc ấy những lời nói cũng bằng thừa. Một nhạc khúc du dương không lời đang vang lên trong lòng của vị Tôn Sư và đệ tử. Một tiếng nói trong nội tâm bảo cho biết rằng Sư Phụ đã đắc Đạo và có thể dắt dẫn tôi đến chân lý. Những sự vô minh đen tối của dĩ vãng đã tiêu tan trước ánh bình minh mới

ló dạng trong cuộc đời tôi, tự nó cũng đã xuất hiện từ một tiền kiếp xa xăm nào. Dĩ vãng, hiện tại, tương lai, chỉ là một cuộc tuần hoàn tiếp diễn vô tận. Đây không phải là vàng Mặt Trời đầu tiên đã chứng kiến việc tôi ngồi dưới chân thiêng liêng của người!

Bàn tay trong bàn tay, Sư Phụ dắt tôi đến nơi am thất tạm thời của người ở khu Rana Mahal tại Benares. Người đi với những bước đi chắc chắn. Cao lớn và lưng thẳng, tuy đã có đến năm mươi lăm tuổi đời vào thời kỳ đó, người vẫn nhanh nhẹn và lực lưỡng như một thanh niên. Đôi mắt đen sậm, lớn và đẹp, chiếu sáng ngời ánh mắt minh triết. Những lọn tóc dài hơi xoắn tròn to tồ điểm gương mặt cao quý của người. Nơi người, sức mạnh đi đôi một cách điều hòa với sự dịu dàng.

Khi chúng tôi đi đến nơi sân thượng của một ngôi nhà trở ra phía bờ sông Hằng, Sư Phụ nói với một giọng ưu ái:

- Ta cho con cái đạo viện này và tất cả những gì ta sở hữu.
- Bạch sư phụ, con đi tìm sự Minh Triết và ước mong đạt tới chân lý. Đó là những kho tàng mà con đang thèm muốn nơi Sư Phụ!

Bóng hoàng hôn qua mau ở Ấn Độ đã sắp tàn, khi sư phụ lại nói tiếp, đôi mắt người phản chiếu một tình thương rộng rãi vô biên:

- Ta cho con tất cả tình thương của ta, và không điều kiện.

Đó là những lời vô cùng quý báu! Một phần tư thế kỷ trôi qua trước khi Sư Phụ nói lại một lần nữa với tôi về tình thương của người.

- Để đáp lại, con có cho ta cái tình thương cũng vô điều kiện đó không?

- Bạch sư phụ, con xin kính yêu Sư Phụ mãi mãi!

- Tình của thế gian vốn ích kỷ và bắt nguồn từ những ham muốn và thỏa mãn dục vọng. Tình thiêng liêng, vốn cho ra không điều kiện, là vô giới hạn và không thay đổi. Tâm hồn con người khi được tiếp xúc với tình thiêng liêng ấy, sẽ vĩnh viễn trở nên siêu thoát.

Kể đó, người đứng dậy và đưa tôi vào một gian phòng. Chúng tôi ăn xoài và bánh ngọt hạnh nhân, trong khi đó Sư Phụ lái câu chuyện để thăm dò tâm hồn của tôi. Tôi rất thán phục về sự minh triết hòa lẫn với đức khiêm tốn của người.

- Con đừng buồn về việc cái linh vật hộ phù đã biến mất, vì nó đã hoàn tất sứ mạng của nó.

Sư phụ tôi, chẳng khác như tấm gương thiêng liêng, đã phản ảnh trọn cả cuộc đời tôi.

- Bạch Sư Phụ, sự hiện diện của Sư Phụ là một ân huệ nó bù lại gấp bội phần sự thất lạc đó. Đã đến lúc con cần thay đổi không khí, vì con cảm thấy không vui trong cái đạo viện này.

Tôi không nói gì về dĩ vãng của tôi, vả lại điều đó cũng là thừa. Tôi hiểu rằng với đức giản dị và khiêm tốn, Sư Phụ không hề muốn thấy tôi thán phục cái nhãn quang siêu linh của người.

- Con phải trở về Calcutta. Tại sao con lại đặt gia đình ra ngoài tình thương của con đối với toàn thể nhân loại.

Lời đề nghị đó làm tôi không vui. Gia đình đã tiên đoán sự trở về của tôi, tuy tôi vẫn đứng dưng trước những lời kêu gọi khẩn thiết trong

các bức thư của nhà gửi cho tôi. Ananta, anh cả tôi, đã tuyên bố: “Chúng ta hãy để cho con chim non vỗ cánh tung bay trên những tầng trời triết lý siêu hình. Rốt cuộc nó sẽ mệt mỏi và sẽ khiêm tốn bay trở về tổ ấm gia đình.”

Những lời nói khiêu khích này hãy còn vang dội trong ký ức của tôi, tôi cương quyết không chịu trở về Calcutta.

- Bạch Sư Phụ, con không trở về nhà. Nhưng con sẽ theo Sư Phụ khắp mọi nơi. Xin Sư Phụ cho con biết quý danh và địa chỉ.

- Ta là tu sĩ Swami Sri Yukteswar. Đạo viện chính của ta ở Serampore, đường Rai Ghat Lane. Ta chỉ ở đây có vài ngày để thăm viếng mẫu thân.

Tôi trầm nghĩ:

- Thiên ý thật là một điều bí hiểm khôn lường! Serampore chỉ cách Calcutta có độ mười hai dặm đường; tuy vậy để cho cuộc gặp gỡ của chúng tôi được thực hiện, chúng tôi phải đến tận nơi thánh địa Kashi (Benares), là nơi được thánh hóa bởi kỷ niệm của đức Lahiri Mahasaya. Chính đức Phật, đức Shankaracharya, và những bậc hiền nhân thánh triết khác của Ấn Độ cũng đã đặt gót chân lên Benares và làm cho thành phố ấy trở nên bất tử!

- Con hãy đến với ta trong bốn tuần lễ.

Lần đầu tiên, Sri Yukteswar nói với một giọng nghiêm khắc.

- Ta đã bày tỏ tình thương bất diệt và niềm vui của ta khi ta tìm thấy con, và bởi đó mà con đã cải lời ta. Lần tái ngộ sau này con phải làm sao cho ta lại chú ý đến con. Ta rất nghiêm khắc trong việc chọn

lựa đệ tử; họ phải tuyệt đối tuân theo kỹ luật tâm linh của ta.

Tôi giữ một sự im lặng kéo dài. Sư Phụ đoán biết dễ dàng sự khó nghĩ của tôi.

- Con sợ về gia đình sẽ bị gia đình chế diễu chằng?

- Con sẽ không trở về nhà.

- Con phải trở về trong ba mươi ngày.

- Bạch Sư Phụ, không khi nào!

Tôi kính cẩn quì xuống chân Sư Phụ và từ biệt mà không nói gì thêm để làm dịu bầu không khí căng thẳng. Vừa bước chân ra đi trong đêm tối, tôi vừa tự hỏi tại sao sự gặp gỡ huyền diệu đó lại kết thúc bằng một điểm không vui? Sự tương đối ảo ảnh (maya) ở cõi thế gian luôn luôn pha lẫn lộn cái vui với cái buồn. Trí óc còn non nớt của tôi chưa đủ tinh luyện thuần thực để chịu nén mình dưới uy quyền của một vị tôn sư.

Sáng ngày hôm sau, tôi nhận thấy rằng sự thù nghịch của các bạn đồng môn trong đạo viện đối với tôi đã tăng gia rõ rệt; mỗi ngày, tôi đều bị đụng chạm với họ một vài lần. Sau đó ba tuần lễ, tu sĩ Dayananda rời đạo viện để di dự một phiên họp tại Bombay. Sự thù nghịch của cả đạo viện bèn có dịp đổ dồn lên đầu tôi:

- Mukunda là một kẻ ăn bám, y chịu sự nuôi dưỡng của đạo viện mà không đóng góp phí tổn!

Nghe nói vậy, lần đầu tiên tôi mới hối tiếc là đã tuân lệnh của sư trưởng và gửi tiền trả lại cho cha tôi. Buồn rầu, tôi mới tìm gặp

Jitendra, bạn duy nhất của tôi và nói:

- Tôi đi đây. Anh hãy vui lòng chuyển đạt sự hối tiếc và lời chào kính cẩn của tôi cho sự trưởng khi người trở về.

- Tôi cũng sẽ đi! Những công phu thiện định của tôi cũng bị ngăn trở và chỉ trích giống như trường hợp của anh. Jitendra than thở. Tôi vừa gặp một hiền giả lạ chưa từng có. Chúng ta hãy đến gặp người tại Serampore.

Nhân dịp đó, con “chim non” sửa soạn vỗ cánh bay về miền đông, gần bên Calcutta.

Chương 9

MỘT CHUYẾN DU LỊCH KHÔNG TỐN TIỀN

- Em sẽ làm gì, Mukunda, nếu cha không chia phần gia tài cho em. Em đã lãng phí cuộc đời một cách vô lý!

Anh cả tôi rầy tôi một ngày nọ.

Sau cuộc hành hương tại Benares vừa rồi, Jitendra và tôi liền đến nhà Ananta, anh tôi vừa được chuyển từ Calcutta đến thành phố cổ kính Agra. Anh tôi làm chuyên viên kế toán cho Công Ty Hỏa Xa Bengale Nagpur.

- Ananta, anh biết rằng em không trông mong gia tài nào khác hơn là của Thượng Đế!

- Tiền bạc trước đã, rồi sau mới tới Thượng Đế! Biết đâu cuộc đời còn dài!

- Thượng Đế trên hết! Tiền bạc là do Ngài mà có. Biết đâu cuộc đời rất ngắn ngủi!

Câu trả lời của tôi chỉ là ứng khẩu trong một lúc và không có ngụ ý một sự tiên tri nào. Tuy nhiên cuộc đời của Ananta đã sắp kết liễu vì anh ta từ trần sau đó có vài năm, để bước vào một cõi giới mà tiền bạc không còn giá trị gì nữa.

- Cái triết lý đó chắc hẳn là em mới học được ở đạo viện, phải chăng? À, tuy vậy em lại rời bỏ Benares.

Một sự khoái trá chiếu sáng trong đôi mắt của Ananta; anh ta vẫn nuôi hy vọng đem tôi trở về với gia đình.

- Không phải là vô ích mà em sống tại Benares! Em đã tìm thấy tại thành phố đó tất cả những gì mà lòng em ngưỡng mộ. Tuy vậy, đó không phải là nhà học giả có thần nhãn, hay con trai ông ta!

Ananta, cười lớn về câu chuyện kỷ niệm đó; anh ta phải nhìn nhận rằng nhà học giả nọ chỉ là một kẻ có nhãn quang tầm thường!

- Chương trình em hiện giờ như thế nào, hỡi nhà tu sĩ đi ta bà?

- Jitendra đang rủ em đi Agra để viếng thăm lăng tẩm Taj Mahal. Sau đó chúng em sẽ đến viếng một vị Tôn Sư mà em vừa mới gặp, vị này có một đạo viện ở Serampore.

Ananta lo sắp đặt mọi thứ tiện nghi cho chúng tôi tạm trú trong nhà. Tối hôm đó, tôi nhiều lần bắt chột anh ta ngắm nhìn tôi một cách nghĩ ngợi suy tư. Tôi thầm nghĩ rằng cái nhìn đó hẳn là có ngụ ý gì, chắc là anh ta đang mưu toan một việc gì đây.

Lời giải đáp đã đến ngay sáng ngày hôm sau, vào giờ ăn điểm tâm.

- Như vậy là em không thềm hưởng phần gia tài của cha?

Ananta giả vờ lấy một điệu bộ vô tư để nói lại câu chuyện ngày hôm trước. Tôi đáp với một giọng cương quyết:

- Em ý thức rằng em chỉ trông cậy nơi một mình Thượng Đế mà thôi.

- Nói thì dễ! Cuộc đời sẽ chứng minh cho em biết trái ngược lại. Nếu

em bị dồn vào một tình thế nguy cấp không ai giúp đỡ mà chỉ trông cậy vào Thượng Đế thì em sẽ phải đi ăn mày!

- Không khi nào! Không bao giờ em ngửa tay đi xin, khi mà Thượng Đế có hàng nghìn cách để nuôi dưỡng cho những đứa con của Ngài, để cho họ không cần phải ngửa tay xin ăn!

- Điều đó chỉ là lý thuyết. Nếu anh thách đố em đem những lý thuyết đó ra thực hành, em có dám không?

- Em nhận cuộc thách đố! Quyền năng của Thượng Đế vốn vô biên.

- Để rồi xem. Ngày hôm nay, em sẽ có dịp xác nhận hay bác bỏ điều anh vừa nói.

Ananta ngừng một lúc rồi nói tiếp với một giọng trầm và găng từng tiếng:

- Anh định gửi em và bạn em Jitendra đi đến Brindaban, thành phố ở gần đây. Hai em sẽ lên đường mà không có một đồng rupi nào, không được xin ăn hoặc xin tiền ở dọc đường hoặc tiết lộ việc thách đố này cho một người nào biết. Các em cũng không được nhin đói hay thất cơ lỡ vận ở Brindaban. Nếu sau khi đã thực hiện tất cả những điều kiện đó mà các em trở về nhà anh trước nửa đêm, thì chừng đó anh sẽ là người ngạc nhiên nhất của thành phố Agra này!

- Em nhận cuộc thử thách! Tôi nói không chút do dự.

Như một tia chớp, hiện ra trong trí tôi tất cả những ân huệ tốt lành mà tôi đã được hưởng qua sự can thiệp của Thiên Liêng; một lần được chữa khỏi bệnh thời khí một cách màu nhiệm do bức chân dung của đức Lahiri Mahasaya; hai con điều giấy bắt được ngay

trước mắt Uma do sự cầu nguyện Phật Mẫu tại Lahore; món linh vật an ủi lọt vào tay tôi những giờ tuyệt vọng; thông điệp quyết định của vị tu sĩ lạ mặt ở Benares, gần nhà của vị học giả Phạm ngữ; cái linh ảnh đức Phật Mẫu, những lời nói từ bi của ngài, sự cầu nguyện đức Phật Mẫu giúp cho tôi qua sự trung gian của đức Mahasaya; sự trợ giúp vào giờ chót trong cuộc thi tú tài; và sau cùng, sự gặp gỡ đức Sư Phụ mà tôi thường thấy trong giấc mộng... Bởi đó, tôi sẽ không bao giờ nhìn nhận rằng những lý thuyết của tôi sẽ tiêu tan khi bị đụng chạm với sự thật phủ phàng!

- Thiện chí của em thật đáng khen!

Anh cả tôi quay lại phía Jitendra, lúc ấy đang trở mắt nhìn chúng tôi, miệng há hốc:

- Còn em nữa, em sẽ đi theo làm chứng và cũng làm nạn nhân luôn thể!

Nửa giờ sau, Jitendra và tôi mua vé xe lửa đi Brindaban. Trong một góc hẻo lánh của nhà ga, Ananta lục soát mình chúng tôi rất tỉ mỉ và lấy làm hài lòng mà thấy chúng tôi không có đem theo tiền bạc, ngoài một cái chăn vận ngang lưng!

Jitendra nhận thấy rằng vấn đề đức tin lấn lướt quá nhiều trên lãnh vực tài chánh, bèn nói:

- Ananta, ít nhất anh hãy đưa cho tôi vài rupi để tôi có thể gọi điện thoại về nhà khi có việc cấp bách.

- Jitendra! Tôi kêu lên với một giọng trách móc. Tôi sẽ từ chối không chịu nhận cuộc thử thách này nếu anh đem theo dấu rằng chỉ có một xu!

- Tiền bạc kêu rồn rảng trong túi sẽ có tác dụng trấn an tinh thần!

Bạn tôi nói xong liền im bặt khi thấy tôi nhìn y với một vẻ mặt nghiêm khắc.

- Mukunda, em đừng cho rằng anh quá tàn nhẫn trong cuộc thử thách này.

Ananta hơi dịu giọng. Có lẽ anh ta cảm thấy hối hận, hoặc vì chuyện gửi hai thanh niên không tiền bạc đi đến một thành phố xa lạ, hoặc vì anh ta thiếu hẳn đức tin. Anh ta nói:

- Nếu do sự may mắn, hoặc do ân huệ thiêng liêng là em thắng cuộc thách đố ở Brindaban, thì anh hứa sẽ tôn em làm thầy.

Đề nghị lạ thường này cũng tương xứng với tình trạng hi hữu lúc ấy. Trong một gia đình Ấn Độ, người anh cả không bao giờ chịu khuất phục trước một người em; y được các em tôn trọng và vâng lời tuyệt đối theo tục lệ quyền huynh thế phụ. Nhưng lúc ấy không phải là lúc nói nhiều, vì chuyến xe lửa đã lăn bánh và bắt đầu chạy.

Jitendra giữ một im lặng nặng nề trong khi chuyến xe lửa nuốt cây số trên đoạn đường dài. Sau cùng, y tự chủ được mình, nghiêng về phía tôi và véo tôi một cái rất đau trên bắp đùi:

- Hình như Thượng Đế có vẻ không nghĩ đến bữa cơm chiều của chúng ta!

- Anh hãy an tâm. Thượng Đế luôn luôn che chở chúng ta.

- Anh có ý định nhắc nhở cho Ngài mau lên một chút chằng: Tôi cảm

thấy đói lắm khi nghĩ đến việc gì sẽ xảy ra. Tôi rời khỏi Benares để viếng lăng tẩm Taj Mahal chứ không phải để xây mả của tôi tại đó!

- Hãy can đảm lên, Jitendra! Lát nữa chúng ta sẽ đến viếng thành phố Brindaban từng nổi tiếng vì nhiều phép lạ đã xảy ra tại đó. Tôi cảm thấy không còn gì sung sướng hơn là bước chân lên mảnh đất đã được thánh hóa bởi đức Sri Krishna.

Xe ngừng tại một nhà ga, toa xe của chúng tôi mở cửa, có hai người hành khách mới bước vào. Trạm sắp tới đây cũng sẽ là trạm cuối cùng.

- Này các bạn, các bạn có bạn bè quen thuộc ở Brindaban không?

Người hành khách ngồi trước mặt có vẻ rất chú ý đến chúng tôi. Tôi quay mặt đi chỗ khác:

- Xin lỗi, ông hơi tò mò nhưng việc ấy không can dự gì đến ông!

- Chắc là các bạn rời bỏ gia đình để đi tầm đạo? Tôi cũng vậy, tôi là người rất mộ đạo. Tôi thấy có bồn phận lo lắng cho các bạn không thiếu thốn thứ gì, và tìm cho các bạn một nơi trú ngụ dưới ánh mặt trời nóng gắt.

- Thưa ông, ông không cần phải lo cho chúng tôi, ông rất tốt bụng, nhưng ông đã lầm mà tưởng chúng tôi là những kẻ trốn gia đình.

Đến đây, câu chuyện đứt ngang. Đoàn xe lửa ngừng tại nhà ga. Khi Jitendra và tôi vừa bước chân lên bến, hai người hành khách mới quen trên toa xe cùng nắm tay chúng tôi và gọi một cỗ xe ngựa.

Chúng tôi ngừng trước một đạo viện rất đẹp giữa một vườn cây xinh

tươi và được vun quét sạch sẽ thơm mát, những cây to lớn sầm uất tỏa bóng mát rợp trời. Hai người đồng hành với chúng tôi hẳn là những khách hàng quen thuộc: một người gia tộc tươi cười lễ phép đưa chúng tôi vào phòng khách. Một bà mệnh phụ đứng tuổi, cốt cách trang trọng cùng bước vào ngay khi đó.

- Thưa ni trưởng, hai vị hoàng thân không thể đến được. Một người đồng hành của chúng tôi thưa với bà ni trưởng của đạo viện. Chương trình của hai vị đã bị thay đổi vào giờ chót; hai vị có nhờ chúng tôi chuyển đạt tất cả sự hối tiếc của các ngài. Nhưng hôm nay chúng tôi có dắt đến hai người khách. Khi chúng tôi nhìn thấy họ trên xe lửa, tôi cảm thấy ngay rằng họ là những người mộ đạo hành hương.

Nói xong, hai người bạn mới vừa đi ra cửa quay lại phía chúng tôi:

- Thôi chào các bạn! Chúng ta sẽ gặp lại nhau, do ý muốn của Thượng Đế!

Bà ni trưởng nói với chúng tôi với một nụ cười của bậc hiền mẫu:

- Chào hai vị tân khách, hai vị đến thật đúng lúc, tôi cũng đang chờ đợi hai vị hoàng thân là những ân nhân của đạo viện. Thật bẽ bàng đến bực nào, nếu phải ra công làm bếp mà lại không có khách đến chiếu cố!

Những lời nói đầy hứa hẹn này có tác dụng gây xúc động mạnh đối với Jitendra, y bèn khóc sụt sùi. Thay vì chết đói, y lại gặp tại Brindaban một bữa tiệc sang trọng! Việc ấy thật quá sức trông đợi của y. Bà ni trưởng nhìn y với cặp mắt ngạc nhiên nhưng không nói gì. Có lẽ bà ấy đã từng quen thuộc với những cơn “dở chứng” của bọn thanh niên?

Bữa ăn đã sẵn sàng. Bà ni trưởng đưa chúng tôi vào một phòng ăn phảng phất mùi vị ngon lành thơm phức và lui vào nhà bếp ở gần bên.

Tôi đợi đến lúc ấy mới véo một cái thật đau vào bắp đùi non của Jitendra như y đã véo tôi trên xe lửa:

- Thế nào, ông bạn vô tín ngưỡng? Thượng Đế quả thật có nghĩ đến chúng ta, và lại không trễ giờ tí nào đấy chứ?

Bà ni trưởng bước vào với một cái quạt tay bằng tre đan. Bà quạt mát cho chúng tôi theo kiểu Đông Phương trong khi chúng tôi ngồi trên những tấm nệm thêu màu rực rỡ. Những đệ tử trong đạo viện lo dọn ăn và đi lại lảng xảng không ngớt. Từ thuở bé đến giờ, Jitendra và tôi chưa từng ăn bữa nào ngon như thế!

- Thưa ni trưởng, đó thật là những món ăn xứng đáng với bậc đế vương. Tôi tự hỏi không biết công việc gì cấp bách hơn là bữa tiệc hôm nay đã cầm chân hai vị hoàng thân, quý khách của ni trưởng! Chúng tôi sẽ không bao giờ quên bữa tiệc này suốt cuộc đời chúng tôi!

Lời hứa của chúng tôi với Ananta bắt buộc chúng tôi phải im lặng, nên chúng tôi không thể giải thích cho ni trưởng biết rằng chúng tôi còn biết ơn ni trưởng gấp đôi. Nhưng sự thành thật của chúng tôi đã quá rõ rệt. Khi chúng tôi khiếu từ ra về, ni trưởng bèn ban ân huệ và mời chúng tôi khi nào có dịp sẽ trở lại viếng thăm đạo viện.

Bên ngoài, ánh nắng mặt trời nóng như thêu đốt. Chúng tôi đến ẩn núp dưới bóng mát của cây cổ thụ cadamba ở trước cửa đạo viện. Chúng tôi trao đổi những lời gay gắt, vì Jitendra lại cảm thấy lạc lõng

bơ vơ:

- Anh đã gạt tôi! Bữa tiệc chỉ là một sự may mắn tình cờ mà thôi! Làm sao đi viếng thành phố mà không có một xu trong túi và anh làm cách nào để đưa tôi về nhà?

- Anh quên Thượng Đế chóng thật, sau khi anh đã ăn no đầy bao tử!

Những lời nói của tôi trở nên một sự tố giác:

- Con người rất chóng quên những ân huệ thiêng liêng; tuy vậy cuộc đời không phải là không có ít nhất một vài lần mà những lời cầu nguyện của ta được chấp thuận.

- Dầu sao, tôi cũng không quên sự làm lạc mà tôi đã làm khi tôi chịu đi theo anh!

- Anh hãy im đi, Jitendra! Nếu Thượng Đế đã cho chúng ta ăn no, ắt là Ngài cũng có thể cho chúng ta phương tiện đi viếng Brindaban và trở về Agra!

Đến đây, bỗng có một thanh niên mặt mũi khô ngô từ đâu rảo bước đi thật nhanh đến gần chúng tôi. Y ngừng bước dưới bóng cây và day về phía chúng tôi:

- Nếu tôi không lầm thì các bạn chắc là những du khách mới đến thành phố này. Các bạn hãy để tôi dẫn đường cho các bạn đi ngắm cảnh.

Một người Ấn Độ không hề tái mặt một cách dễ dàng, tuy vậy, đó chính là trường hợp của Jitendra. Tôi lễ phép từ chối.

- Các bạn hẳn là không có ý muốn đuổi tôi đi chứ?

Người lạ mặt nói với vẻ mặt lo ngại, nó có thể làm buồn cười ở vào trường hợp khác.

- Tại sao không?

- Bạn chính là thầy tôi!

Y giải thích với một giọng khấn thiết:

- Trong lúc tôi ngồi thiền trưa nay, đức Krishna đã xuất hiện đến với tôi trong một cơn linh ảnh. Ngài chỉ cho tôi hai nhân vật đứng dưới gốc cây này mà một người chính là bạn, là Thầy tôi! Tôi đã nhiều lần nhìn thấy bạn như thế trong cơn tham thiền. Thật là một điều rất hân hạnh nếu các bạn chấp nhận sự giúp đỡ khiêm tốn của tôi!

- Tôi rất sung sướng về cuộc hội ngộ giữa ông bạn với chúng tôi hôm nay. Thật là Trời Phật và người đều không bỏ chúng tôi.

Tôi mỉm cười với người bạn và thăm tạ ơn đáng Thiêng Liêng với sự kính dâng hết tất cả tấm lòng thành dưới chân Ngài.

- Các bạn hỡi, xin mời các bạn chiếu cố đến nhà tôi.

- Ông bạn thật quá tốt bụng, nhưng việc ấy không thể thực hiện được vì chúng tôi hiện là khách của anh tôi tại Agra.

- Ít nhất các bạn cũng cho tôi cái hân hạnh được hướng dẫn các bạn đi chơi Brindaban chứ.

Tôi vui vẻ nhận lời. Người thanh niên tên là Pratap Chatterji, gọi một

cỗ xe ngựa. Chúng tôi đến viếng ngôi đền Madanamohana và những nơi thánh điện khác thờ thần Krishna. Trong khi chúng tôi cúng lễ xong ở các đền thờ thì trời đã tối.

- Các bạn hãy đợi tôi đi mua ít bánh kẹo.

Pratap bước vào một tiệm gần bên nhà ga. Jitendra và tôi đi dạo chơi giữa đám đông người; không khí lúc chiều tối đã mát lạnh. Người bạn mới phút chốc đã trở lại với bánh kẹo và thức ăn.

- Các bạn hãy hạ cổ mà nhận cho món quà mọn này.

Pratap vừa tươi cười vừa cầm đưa cho chúng tôi một cuộn giấy và hai vé xe lửa đi Agra! Tôi âm thầm thành kính cảm tạ Thượng Đế đã ban cho chúng tôi quá nhiều ân huệ thiêng liêng.

Chúng tôi đi đến một chỗ hẻo lánh gần nhà ga.

- Pratap, tôi sẽ chỉ dẫn cho anh pháp môn Kriya Yoga của đức Lahiri Mahasaya, vị Yogi lớn nhất của thời đại hiện kim. Bạn sẽ không cần có thầy vì từ nay pháp môn này sẽ là thầy của bạn.

Lễ nhập môn được hoàn tất trong vòng nửa giờ.

- Pháp môn Kriya Yoga sẽ là món bữa bói của bạn, tôi nói với người học trò mới. Pháp môn rất giản dị này, như bạn đã thấy, có cái quyền năng hồi thúc sự tiến hóa tâm linh của con người. Những Thánh kinh của Ấn Độ dạy rằng linh hồn người chuyển kiếp xuống trần phải trải qua một khoảng thời gian một triệu năm mới có thể thoát khỏi sự trói buộc của ảo giác (maya). Pháp môn Kriya Yoga có thể thu ngắn kỳ hạn đó lại rất nhiều. Cũng như nhà bác học Jagadis Chandra Bose đã chứng minh rằng sự tăng trưởng của một cái cây

có thể được thúc hối mau lẹ vô cùng dưới một tỷ lệ không thể tưởng tượng, thì sự tiến hóa của linh hồn người cũng được thúc hối mau gấp bội phần do khoa học tâm linh. Bạn hãy kiên trì tập luyện pháp môn ấy rồi bạn sẽ đến gần vị Tôn Sư của các Tôn Sư.

- Tôi rất sung sướng mà được truyền thụ cái bí quyết của pháp môn Yoga này, mà tôi đã ra công tìm kiếm từ lâu! Pratap nói với một vẻ mặt im lặng.

- Sự tác động của nó, vốn có hiệu năng cắt đứt mọi sợi dây trói buộc con người với giác quan, sẽ có thể giải thoát cho tôi bước vào những trạng thái sinh hoạt tâm linh cao siêu hơn. Sự xuất hiện của đức Krisna trong cơn linh ảnh thật đã báo hiệu nhiều việc tốt lành.

Chúng tôi đồng ý tịnh tâm trong giây lát, rồi từ từ đi chậm từng bước về phía nhà ga. Tôi sung sướng bước lên toa xe lửa nhưng Jitendra lại khóc sụt sùi. Những lời từ giã đầy ưu ái của tôi và Pratap lại xen lẫn với những tiếng khóc của người bạn trẻ. Một lần nữa, Jitendra lại nổi khùng, nhưng lần này thì lại là với chính mình:

- Tôi còn thiếu đức tin, tim tôi thật sắt đá! Tôi sẽ không bao giờ còn nghi ngờ sự che chở của Thiêng Liêng!

Lúc ấy đã gần nửa đêm. Chúng tôi bước vào phòng ngủ của Ananta. Nhìn thấy chúng tôi, trên mặt y lộ một vẻ kinh hoàng. Lặng lẽ không nói gì, tôi ném cuộn giấy bạc lên bàn.

- Jitendra, hãy nói thật! Các em đã âm mưu những chuyện gì rồi?

Những câu chuyện tường thuật kéo dài, nét mặt Ananta mỗi lúc càng có vẻ nghiêm trọng.

- Định luật cung cầu lại còn có một khía cạnh hành động khác hẳn

và tế nhị hơn là anh vẫn tưởng, Ananta nói với một đức tin nhiệt thành mà anh ta chưa từng biểu lộ bao giờ. Lần đầu tiên anh mới hiểu sự thần nhiên của em đối với những của cải vật chất trần gian.

Một lát sau đó, anh tôi khẩn khoản yêu cầu tôi truyền dạy pháp môn Kriya Yoga cho anh. Thế là chỉ trong vòng một ngày, tiểu sư Mukunda đã phải đảm nhiệm việc nhập môn của hai người đệ tử bất ngờ.

Sáng ngày hôm sau, một bầu không khí hòa hợp chưa từng thấy đã có giữa chúng tôi trong bữa ăn điểm tâm.

Sau khi đã viếng lăng tẩm Taj Mahal, tôi chỉ còn một điều ước mong duy nhất là đến gặp Sư Phụ tôi. Jitendra và tôi liền đón chuyến xe lửa đi về phía tỉnh Bengale.

- Mukunda, đã từ lâu tôi không về thăm gia đình; bây giờ tôi phải về nhà trước đã, rồi có lẽ sau này tôi sẽ đến viếng đạo viện ở Serampore.

Bạn tôi bản tính vốn do dự không nhất quyết định điều gì, như chúng ta đã thấy, bèn từ giã tôi ở Calcutta. Chuyến xe lửa địa phương sau đó đã đưa tôi đến Serampore, cách mười hai dặm về phía bắc Calcutta, tôi lấy làm ngạc nhiên mà nhận thấy rằng vừa đúng hai mươi tám ngày đã trôi qua từ khi tôi gặp Sư Phụ tôi ở Benares. Chính người đã nói trước với tôi rằng: “Con sẽ đến với ta trong bốn tuần lễ!” Tôi hỏi hộp đứng chờ ngoài sân tịnh thất của người ở đường Rai Ghat Lane. Lần đầu tiên tôi sắp sửa bước vào cửa đạo viện, tại đây tôi sẽ trải qua mười hai năm tốt đẹp nhất của đời tôi bên cạnh một vị Tôn Sư minh triết của Ấn Độ.

Chương 10

NHỮNG NĂM SỐNG TẠI ĐẠO VIỆN

- À, con đã đến.

Sri Yukteswar ngồi trên một tấm da cạp trải dưới sàn một phòng khách nhỏ có bao lơn. Người nói với một giọng lạnh lùng, không biểu lộ một sự xúc cảm nào.

- Bạch Sư Phụ, con đến để xin làm đệ tử của Người.

Tôi vừa nói vừa quì lạy dưới chân Sư Phụ.

- Con không xứng đáng, vì con đã cãi lời ta.

- Bạch Sư Phụ, con sẽ không làm như vậy nữa! Từ nay, con sẽ triệt để tuân lệnh sư phụ dạy bảo.

- Tốt lắm! Bây giờ ta có thể chịu trách nhiệm về cuộc đời của con.

- Con xin đặt tương lai con trong tay Sư Phụ.

- Trước hết, ta muốn con hãy trở về với gia đình. Con phải vào trường đại học Calcutta để tiếp tục sự học.

- Bạch Sư Phụ, con xin vâng.

Tôi cố dấu sự bất mãn. Những sách vở nhồi sọ sẽ theo đuổi tôi mãi

suốt đời hay chẳng? Trước hết cha tôi muốn vậy, rồi bây giờ lại đến thầy tôi!

- Một ngày kia con sẽ đi truyền giáo ở phương Tây. Quần chúng ở các xứ ấy sẽ sẵn sàng thưởng thức nền minh triết cổ truyền của Ấn Độ hơn, nếu vị Đạo Sư Ấn Độ có một cấp bằng khoa cử đại học.

- Bạch Sư Phụ, Sư Phụ biết nhiều hơn con.

Sự bất mãn của tôi đã tiêu tan. Việc truyền giáo ở Tây Phương đối với tôi hãy còn là một chuyện quá xa vời, nhưng trước hết mọi sự tôi chỉ mong ước làm vui lòng Sư Phụ.

- Calcutta cách đây không xa, con có thể đến đây mỗi khi con có thời giờ.

- Mỗi ngày nếu có thể được! Con sẽ vui lòng tuân theo ý muốn của Sư Phụ.

Thế là sự mong ước lớn nhất trong đời tôi đã được thực hiện; những sự dò dẫm vô ích và những sự tìm kiếm lâu dài trước kia nay đã chấm dứt. Tôi đã tìm thấy nơi trú ẩn thực sự ở dưới chân Thầy.

- Con lại đây, ta sẽ đưa con đi viếng đạo viện.

Sư Phụ bèn rời tấm da cạp. Tôi liếc nhìn chung quanh và lấy làm ngạc nhiên mà nhìn thấy một bức chân dung của đức Lahiri Mahasaya trên vách. Tôi bất giác buộc miệng kêu:

- Lahiri Mahasaya!

- Phải, đó là Sư Phụ của ta.

Giọng nói của Sri Yukteswar vang lên với một âm điệu đầy hứng khởi:

- Ngài là một vị Tôn Sư cao cả nhất trong các vị Tôn Sư mà ta được biết.

Tôi kính cẩn cúi đầu trước bức chân dung quen thuộc và chiêm bái tụy trong đáy lòng vị Tôn Sư cao cả đã từng che chở cho tôi từ thuở ấu thơ và đã hướng dẫn bước chân tôi đến đây vào giờ phút đáng ghi nhớ này.

Tôi đi một vòng xem khắp đạo viện và những dãy nhà phụ thuộc với sự hướng dẫn của Sư Phụ. Đạo viện là một ngôi nhà gạch rộng lớn có hai tầng, kiến trúc theo lối cổ coi rất chắc chắn, chung quanh có sân rộng. Các vách tường ngoài có rêu phủ xanh um, những con chim bồ câu bay lượn trên mái nhà. Phía sau nhà có vườn cây ăn trái với những cây xoài, chuối, và nhiều loại kỳ hoa dị thảo. Những bao lơn của đạo viện nhìn ra sân từ ba phía nhà. Gian phòng rộng lớn ở tầng dưới hằng năm dùng làm chỗ hành lễ Durga Puja. Một cầu thang nhỏ đưa đến phía đường lộ. Đạo viện có bày những bàn ghế, tràng kỷ ở bên trong, tất cả mọi thứ đều rất giản dị, sạch bóng và tiện lợi cho việc sử dụng hàng ngày.

Sư Phụ mời tôi ở lại đạo viện một đêm. Bữa ăn chiều gồm có cơm và rau đậu nấu với đồ gia vị, do sự đảm trách của hai người đệ tử trẻ tuổi có phận sự đi chợ nấu ăn và lo việc nội bộ của đạo viện.

- Bạch Sư Phụ, xin Sư Phụ kể cho con nghe vài điều về cuộc đời của Ngài.

Tôi ngồi trên chiếc chiếu, gần bên tấm da cạp của Sư Phụ. Bên

ngoài bao lơn, ánh sao chói rạng ngời trong đêm của vùng nhiệt đới.

- Tục danh ta là Priya Nath Karar. Ta sinh ở Serampore, tại đó thân phụ ta có một cơ nghiệp thương mại đồ sộ. Người để lại cho ta cái di sản này, trước kia là nhà ở của gia đình, nay đổi làm đạo viện. Ta không thích sự học ở nhà trường vì đối với ta nó có vẻ nông cạn. Khi trưởng thành ta quyết định lập gia đình và có một con gái nay đã thành gia thất. Vào độ trung niên, ta có cái điểm phúc gặp gỡ đức Lahiri Mahasaya và theo học Đạo với Ngài. Khi hiện nội của ta qua đời, ta bèn xuất gia theo dòng của các tu sĩ Swami và lấy tên mới là Sri Yukteswar. Đó là câu chuyện giản dị về cuộc đời của ta.

Sư Phụ mỉm cười mà thấy tôi chăm chú nghe. Những lời nói của người chỉ trình bày những điểm sơ lược của một tiểu sử mà không biểu lộ phần nào về tính chất tâm linh.

Sư Phụ lại im lặng. Tối đến, người đưa tôi tới một phòng nhỏ để an nghỉ. Giấc ngủ của tôi ở nhà Sư Phụ trong đêm ấy thật mới êm đềm và ngon lành làm sao!

Sáng ngày hôm sau, Sri Yukteswar mới cho tôi làm lễ nhập môn để được truyền thụ pháp môn Kriya Yoga. Trước kia tôi đã thụ giáo về khoa Yoga này với hai vị đệ tử của đức Lahiri Mahasaya, là cha tôi và tu sĩ Swami Kebalananda, vị đỡ đầu của tôi. Nhưng bây giờ với sự hướng dẫn của Thầy tôi, tôi lại càng tinh tiến thêm nhiều. Dưới bàn tay ban phép màu của Sư Phụ tôi cảm thấy nơi tôi chiếu một Ánh Sáng diệu huyền, dường như là ánh hào quang cấu tạo nên bởi vô số vàng Thái Dương rực rỡ huy hoàng. Một nguồn an tĩnh và phúc lạc vô biên tràn ngập tâm hồn tôi; niềm an lạc ấy kéo dài cho đến tận ngày hôm sau. Sau đó, tôi bèn khiêu từ ra về. Sư Phụ dặn tôi:

- Con sẽ trở lại đây trong ba mươi ngày.

Tôi trở về nhà ở Calcutta với lời tiên tri đó ghi nhớ trong lòng. Trái hẳn với điều tôi e ngại, không ai trong gia đình nhắc nhở tới sự trở về của người con bỏ nhà ra đi hoang.

Tôi trèo lên gác nhỏ và ngắm nhìn nó với cái nhìn triu mến, dường như nó là một người bạn cũ. Thật vậy, nó đã từng chứng kiến trong im lặng những buổi tham thiền, những giọt lệ sầu, những cơn bão lòng, cùng những công phu tu luyện của tôi. Bây giờ, tôi đã tìm được một niềm an tĩnh thiêng liêng dưới chân Sư Phụ.

Cha tôi nói khi ngồi với người ngoài sân vào một buổi chiều.

- Con hỏi, cha lấy làm sung sướng cho cả hai chúng ta. Con đã tìm thấy Sư Phụ con một cách nhiệm màu, cũng như cha. Bàn tay thiêng liêng của đức Lahiri Mahasaya che chở cho cả hai ta. Sư Phụ con không phải là một vị tu sĩ ẩn dật trên dãy Tuyết Sơn hẻo lánh mà gần như một người láng giềng. Những lời cầu nguyện của ta đã được đáp ứng, ta sẽ không bị mất con trong khi con theo đuổi việc học Đạo.

Cha tôi cũng vui lòng mà thấy tôi định tiếp tục sự học; người liền lo làm những thủ tục cần thiết. Qua ngày hôm sau tôi đã ghi tên vào trường Đại Học Calcutta.

Ngày tháng trôi qua trong cuộc sống yên vui với gia đình. Quý vị chắc hẳn đã đoán biết rằng tôi không chăm chú học lắm! Đạo viện Serampore gây cho tôi một sự hấp dẫn rất mạnh. Sư Phụ chấp nhận sự có mặt thường xuyên của tôi mà không nói gì, và điều làm tôi yên lòng là người ít khi nhắc đến trường đại học. Tuy ai cũng biết rõ là tôi không chú tâm vào việc học, thỉnh thoảng tôi cũng cố gắng làm sao cho có được số điểm trung bình cần thiết.

Đời sống tại đạo viện trôi qua một cách lặng lẽ êm đềm. Sư Phụ tôi thức dậy trước lúc bình minh và ngồi tĩnh tọa ngay trên giường trong cơn nhập định.

Trước khi ăn điểm tâm, Sư Phụ và tôi cùng đi dạo một vòng trên bờ sông Hằng. Những cuộc đi bách bộ sớm mai này đều ghi khắc trong ký ức của tôi! Tôi vẫn không quên những giờ phút thần tiên khi tôi đi bên cạnh Sư Phụ: Mặt trời sớm mai hâm nóng mặt nước sông còn sương mờ bao phủ; giọng nói của Sư Phụ chứa đầy minh triết vang dội rõ ràng bên tai tôi...

Bữa cơm trưa do hai người đệ tử trẻ lo việc bếp núc nấu ăn theo chỉ thị của Sư Phụ. Sư Phụ ăn chay trường tuy rằng hồi trước khi xuất gia người có dùng trứng gà và cá. Người dạy các đệ tử nên ăn thức ăn giản dị, phù hợp với thể chất của họ.

Buổi xế trưa, khách thập phương thường đến viếng đạo viện; Sư Phụ luôn luôn tiếp đón họ một cách nhã nhặn lịch sự. Đối với ai đã hiểu rằng mình là một linh hồn chứ không phải chỉ là một thể xác vật chất, một phàm ngã giả tạo thì tất cả mọi người đều như nhau.

Sự vô tư của Sư Phụ vốn căn cứ trên sự minh triết. Những vị Tôn Sư đạo hạnh cao thâm đã thoát khỏi vòng tương đối ảo ảnh (maya), mà những đối tượng không còn làm cho họ bận khoăn chú ý. Sri Yukteswar không hề biểu lộ một dấu hiệu tôn kính, trọng vọng quá mức những kẻ có quyền thế hay những bậc hiền minh, cũng như người không bao giờ kinh rẻ những kẻ bần cùng hay dốt nát. Người sẵn lòng chú ý nghe một điểm chân lý thốt ra từ cửa miệng một đứa trẻ nhỏ hơn là nghe ý kiến của một nhà bác học tự phụ, kiêu căng.

Bữa ăn chiều dọn ra lúc tám giờ tối và đôi khi có những quan khách

đến thành linh. Sư Phụ cho là mình không làm tròn bổn phận của người chủ nhà nếu một vị khách nào rời khỏi đạo viện trong sự bất mãn hoặc không được no lòng. Người không bỏ sót một điều gì, không bao giờ bị bối rối vì có khách đến bất ngờ; không bao giờ cạn hết phương tiện, người có thể bày ra một bữa ăn đầy đủ ngon lành với những vật liệu tối thiểu, hầu như chẳng có gì! Tuy vậy, người biết tiết kiệm mà không quá ư hà tiện. Người thường hay nói: “Hãy biết ăn ở rộng rãi tùy theo phương tiện của mình,” và: “Thói xa xỉ chỉ đem đến sự thất vọng, đáng cay.”

Trong những giờ yên tĩnh của trời chiều, chúng tôi ngồi nghe những lời giảng huấn đầy minh triết của Sư Phụ. Mỗi lời nói sâu xa của người đều có mang dấu vết của sự kinh nghiệm tâm linh. Người nói với một lối hùng biện ít ai có. Những tư tưởng của người được cân nhắc kỹ lưỡng do một khối óc phân biện xác đáng, chỉ xuất khẩu thành những câu nói linh động và hùng hồn. Linh hồn người đã hòa nhập với chân lý một cách chặt chẽ đến nỗi sự thốt ra những chân lý ấy, đối với Người, dường như là một hoạt động của cơ thể. Tôi ý thức rằng tôi đang đứng trước một hiện thân của Thượng Đế, quyền năng của người bắt buộc tôi đương nhiên phải cúi đầu chịu khuất phục.

Nếu vài người khách đến trễ giờ nhận thấy Sri Yukteswar sắp sửa nhập thiền thì người liền đánh lạc hướng sự chú ý của họ bằng cách lôi cuốn họ vào một cuộc đàm thoại, vì người không hề thích phô trương những khả năng siêu đẳng của mình. Vì người đã hòa hợp thường xuyên với Chân Như Đại Thể nên người có thể nhập thiền bất cứ lúc nào mà không cần phải theo đúng giờ khắc nhất định. Một vị Tôn Sư đã thực hiện được chân ngã ắt là đã vượt lên cao hơn mức độ tham thiền. “Cái hoa rụng khi trái đã thành hình.” Nhưng các vị Tôn Sư thường tôn trọng những hình thức bề ngoài trong việc công phu tu luyện để khuyến khích các đệ tử.

Những cuộc thảo luận về đạo lý thường kéo dài suốt đêm; đôi khi vị đệ tử bắt đầu những cuộc thảo luận này bằng cách nêu ra một vấn đề thật nghiêm trọng. Khi đó tôi cảm thấy mọi sự mệt nhọc và buồn ngủ đều tiêu tan; những lời dạy tốt lành của Sư Phụ là quá đủ đối với tôi.

- Trời đã sáng rồi, chúng ta hãy đi dạo một vòng trên bờ sông. Những lời nói này của Sư Phụ thường chấm dứt những đêm thức trắng một cách thú vị đó.

Trong những tháng đầu tiên ở tại đạo viện, tôi đã học được một bài học thực tế: “Làm sao để khỏi bị muỗi cắn!” Ở nhà, chúng tôi đều ngủ có mùng và tôi lấy làm kinh ngạc mà thấy rằng người ta chỉ ngủ trần ở đạo viện Serampore mặc dù ở đây rất nhiều muỗi. Toàn thân tôi từ đầu đến chân đều có đầy những vết muỗi cắn. Sư Phụ lấy làm thương hại tôi:

- Con hãy mua một cái mùng cho con và một cái cho Thầy.

Người vừa cười vừa nói thêm:

- Nếu con chỉ mua một cái, thì tất cả muỗi đạo viện này đều bu lại cắn một mình Thầy!

Tôi vui vẻ nhận lời. Mỗi đêm tôi ngủ tại đạo viện, Sư Phụ đều bảo tôi giăng luôn cả hai cái mùng.

Một đêm có thật nhiều muỗi, Sri Ykteswar quên không ra lệnh cho tôi giăng mùng như mọi khi. Tôi lắng tai nghe ngóng và chờ đợi nhưng không nghe thấy gì. Tôi bèn lên giường nằm và cầu nguyện thiêng liêng che chở cho tôi khỏi bị muỗi cắn. Nửa giờ sau, tôi ho

lớn để làm cho Sư Phụ phải chú ý đến tôi, vì bây muỗi khát máu tấn công tôi từ bốn phía với tiếng bay kêu inh ỏi làm cho tôi muốn phát điên.

Sư Phụ vẫn nằm yên bất động; tôi bèn rón rén đến gần nhưng không nghe có hơi thở. Đó là lần đầu tiên mà tôi thấy Sư Phụ trong trạng thái xuất thần đại định và tôi lấy làm sợ hãi. Tôi thầm nghĩ: “Hay là Sư Phụ bị đứng tim.” Tôi lấy một tấm kiếng để trước miệng người nhưng không thấy dấu vết hơi thở. Tôi bèn đánh bạo lấy ngón tay bịt hay lỗ mũi và miệng người trong vài phút để kiểm chứng những sự nghi ngờ của tôi. Toàn thân người đều cứng đờ và lạnh buốt. Tôi hoảng sợ vừa chạy ra phía cửa vừa la thất thanh để kêu cứu.

- Thế nào, ông y sĩ tí hon! Ông làm khổ cái mũi tôi!

Sư Phụ cười vang lên một cách thật tình.

- Tại sao con không đi ngủ? Con tưởng rằng tất cả thế gian phải thay đổi để làm vừa lòng con hay sao? Nếu con muốn thay đổi thế gian, con hãy bắt đầu ở tự nơi con trước đã, và trước hết, con hãy tự giải thoát khỏi việc sợ muỗi cắn!

Tôi lủi thủi trở lại giường nằm thì không còn thấy bóng một con muỗi nào ở gần bên. Tôi hiểu rằng Sư Phụ chỉ chấp nhận cái mừng để làm vui lòng tôi mà thôi, chứ thực ra người không hề bị muỗi cắn. Người có quyền năng hoặc khiến cho muỗi đừng cắn hoặc trở nên bất khả xâm phạm trước sự tấn công của chúng. Tôi thầm nghĩ rằng Sư Phụ đã chứng minh cho tôi thấy cái bản lĩnh của người Yogi mà tôi còn phải cố gắng tu luyện để đạt tới. Quên hẳn tất cả những sự chi phối của ngoại cảnh, người Yogi phải trụ tâm hồn vào trạng thái siêu thức. Sự quấy rối của loại côn trùng sâu bọ, tia nắng gắt của

mặt trời v.v... tất cả những sự cảm xúc của giác quan đều phải bị loại trừ. Trong trạng thái đó người Yogi tiếp nhận những âm thanh, những linh ảnh, nhưng đó là thuộc về những cõi giới cao siêu huyền diệu hơn.

Loài muỗi còn là đầu đề của một bài học tâm linh khác nữa trong những ngày đầu tiên của tôi ở tu viện. Một buổi chiều, tôi đang thưởng thức cảnh vật êm đềm khi tôi ngồi dưới chân Sư Phụ, thành linh một con muỗi bay đến quấy rầy sự yên lặng của tôi. Khi nó vừa sửa soạn cắn vào bắp đùi non của tôi, tôi đưa bàn tay lên nhưng rồi lại ngừng tay vào giây phút chót, khi tôi nghĩ đến lời giới răn của đạo sư Patanjali về đức bất sát (Ahimasa) hay bất bạo hành:

- Tại sao con không giết nó?
- Bạch Sư Phụ, Sư Phụ định bảo con sát hại loài sinh vật chẳng?
- Không phải vậy, nhưng con đã có ý mưu sát ngay trong tư tưởng rồi đấy!
- Con không hiểu.
- Patanjali dạy rằng người ta phải diệt trừ ngay cả ý định giết chóc.

Như vậy, Sri Yukteswar đọc được tư tưởng tôi một cách rõ ràng như một quyển sách đang mở. Cõi thế gian thật là một nơi khó thực hành thuyết bất bạo động một cách tuyệt đối. Con người có thể bị bắt buộc phải tiêu diệt những loài sinh vật nguy hiểm mà không cảm thấy thù ghét hay căm hờn. Mọi sinh vật đều có quyền thờ không khí của Maya (ảo ảnh). Vị tu sĩ khám phá ra cái bí quyết của sự sinh hóa, sáng tạo, sẽ hòa hợp với mọi sắc tướng biểu hiện ra dưới thiên hình vạn trạng. Người nào đã thắng được ở tự nơi mình cái tính đa

sát, bạo hành, cũng sẽ hiểu được điều đó.

- Bạch Sư Phụ, ta có nên hy sinh tánh mạng mình thay vì phải giết một con thú dữ chẳng?

- Không! Xác thân con người là quý. Nó có khả năng tiến hóa ẩn tàng mà vị trí nằm trong bộ óc và những bí huyết trong tủy xương sống có thể giúp cho những vị đệ tử tiến hóa cao đạt được những trạng thái tâm linh siêu đẳng. Không một loài sinh vật nào có được một thể xác cấu tạo tinh vi như thế. Thật ra thì con người mắc một tội lỗi nhỏ nhặt nếu y bắt buộc phải giết một con thú hay một loài sinh vật nào khác. Nhưng kinh Phệ Đà(Véda) dạy rằng giết hại một mạng người tức là vi phạm luật nhân quả một cách nặng nề.

Tôi thốt ra một tiếng thở dài nhẹ nhõm: những trường hợp mà Thánh Kinh chấp nhận những bản năng thấp kém của con người rất là ít!

Tôi không bao giờ có dịp chứng kiến Sư Phụ đương đầu với một con cọp hay một con beo. Nhưng một ngày nọ người đã khuất phục một con rắn hổ mang dữ tợn chỉ bằng mãnh lực của lòng bác ái. Rắn hổ mang là một loại rắn dữ ở Ấn Độ và mỗi năm có đến trên năm ngàn người bị rắn cắn chết. Việc ấy xảy ra ở Puri, tại đó Sri Yukteswar có một đạo viện khác tọa lạc trong một khung cảnh thơ mộng thần tiên trên bờ biển vịnh Bengale. Lúc ấy có một vị đệ tử trẻ tuổi tên Prafulla ở bên cạnh Sư Phụ. Prafulla kể chuyện:

Chúng tôi đang cùng Sư Phụ đứng ngoài sân ở gần bên đạo viện. Một con rắn hổ mang dài độ một thước rưỡi hình linh xuất hiện, phùng mang to tướng và phóng tới chúng tôi. Sư Phụ bình tĩnh mỉm cười tiếp đón con vật chẳng khác như đó là một đứa trẻ nhỏ. Tôi kinh hoàng mà thấy người võ hai bàn tay làm nhịp (vì loại rắn này

thường tấn công những vật đang cử động, muốn thoát nạn phải đứng im một chỗ) dường như người muốn cảm hóa con rắn dữ! Tôi bèn đứng yên, hoàn toàn bất động và lặng lẽ khẩn vái cầu nguyện với tất cả tâm hồn. Con rắn bò đến gần Sư Phụ rồi ngừng lại, dường như nó bị hấp dẫn bởi cách xử êm ái dịu dàng của Người. Cái mang của con rắn phồng lên như cái đĩa bàn lúc này cũng từ từ xẹp xuống, nó lẳng lẳng bò qua giữa hai bàn chân của Sư Phụ rồi biến mất dạng trong đám cỏ rậm. Hồi đó tôi không hiểu tại sao Sư Phụ lại vỗ tay làm nhịp và tại sao con rắn không cắn người, nhưng về sau tôi biết chắc chắn rằng Sư Phụ không hề sợ sệt bất cứ một loài mãnh thú nào.

II

Trong những tháng đầu tiên tôi ở đạo viện, một buổi trưa tôi nhận thấy Sri Yukteswar nhìn tôi một cách chăm chú:

- Mukunda, con gầy ốm quá!

Lời nhận xét ấy làm tôi rất xúc động. Tôi đã uống rất nhiều thứ thuốc bổ nhưng vô hiệu vì tôi bị chứng đau bao tử kinh niên từ thuở bé. Tôi thất vọng lớn lao đến nỗi có lúc tôi đã tự hỏi rằng cuộc đời có đáng sống hay chẳng với một xác thân bệnh hoạn và suy nhược như thế?

- Sự công hiệu của thuốc men chỉ có giới hạn, còn cái nguồn sinh lực sáng tạo ra muôn loài thì vô biên. Con sẽ khỏi bệnh và sẽ trở nên cường tráng.

Những lời nói đó của Sư Phụ đánh thức dậy nơi tôi một đức tin dũng mãnh mà không một nhà chữa bệnh nào có thể gây ra được mặc dù

tôi đã viếng rất nhiều y sĩ và lang băm!

Tôi càng ngày càng nặng cân. Hai tuần lễ sau, ân huệ bí mật của Sư Phụ đã làm cho tôi trở nên lực lưỡng và nặng cân thêm gấp bội. Chúng đau bao tử kinh niên cũng đã dứt tuyệt.

Trong những trường hợp khác, tôi nhận thấy Sư Phụ cũng đã chữa khỏi một cách mau nhiệm những chứng bệnh hiểm nghèo: bệnh lao, bệnh đái đường, động kinh hay tê bại. Hơn ai hết, tôi biết Sư Phụ đã chữa khỏi bệnh cho tôi và làm cho tôi từ nay không còn vẻ suy nhược như cái xác khô héo nữa.

Về cách chữa bệnh một cách mau nhiệm này, Sri Yukteswar giải thích:

- Mọi sinh hoạt trong Vũ Trụ Càn Khôn đều chịu sự chi phối của những định luật. Những định luật mà các nhà bác học đã khám phá, nó cai quản cái thế giới bên ngoài, là những định luật thiên nhiên. Nhưng ngoài ra còn có những định luật khác nữa, tế nhị và tinh vi hơn, nó cai quản địa hạt của tâm thức, mà chỉ có khoa học huyền môn gọi là Yoga mới có thể xác định được mà thôi. Những cõi giới tâm linh, vô hình, huyền bí, cũng có những định luật thiên nhiên, những nguyên tắc tiến hóa riêng của những cõi ấy. Cái tinh hoa của vật chất có thể sờ đắc được không phải bởi nhà bác học của thế giới hữu hình mà chỉ bởi bậc tu sĩ giác ngộ đã thực hiện Chân Ngã. Chính bởi lẽ đó mà đấng Christ đã chữa lành vết thương cho người gia nô bị một vị tông đồ chém đứt vành tai.

Sri Yukteswar bình luận Thánh Kinh một cách tinh vi thâm thúy đến một mức độ hoàn hảo. Những buổi giảng thuyết của Sư Phụ kêu gọi nơi tôi nhiều kỷ niệm êm đềm. Nhưng những viên ngọc quý tiềm tàng trong những tư tưởng của người, không phải dùng để lăn trong

vững bền của sự lãng trí. Tôi chỉ làm một cử chỉ vô ích, hoặc tỏ ra, là Sư Phụ liền ngưng bật:

- Con không nghe ta nói!

Sư Phụ cắt đứt ngang câu chuyện đang nói vào một buổi chiều nọ, nhân dịp theo thói quen, người theo dõi dòng tư tưởng của tôi.

- Bạch Sư Phụ, con không hề cử động và cũng không chớp mắt; con có thể lặp lại từng lời nói của Sư Phụ!

- Tuy vậy, con không hoàn toàn chú ý đến câu chuyện; sự phản đối của con bắt buộc ta phải nói rằng con đang nghĩ trong trí việc thành lập ba đạo viện: một ở vùng đồng bằng, một ở vùng đồi núi, và một ở bờ biển!

Những tư tưởng mơ màng đó thật sự đã có thoáng qua trong trí tôi. Tôi nhìn Sư Phụ như để thú nhận việc ấy:

- Con còn làm gì được trước một vị Tôn Sư nhìn thấu suốt cả những tư tưởng thâm kín nhất của mình?

- Con đã cho ta cái quyền đó. Những chân lý thâm sâu tế nhị mà ta vừa nêu ra chỉ có thể lãnh hội được dưới điều kiện của một sự chú ý hoàn toàn. Thầy chỉ bước vào địa hạt những tư tưởng thâm kín riêng tư của một người trong trường hợp tối cần thiết; đó là một địa hạt mà mỗi người đều có trọn quyền để tư tưởng tự do phiêu lưu tùy ý muốn. Dẫu cho Thượng Đế cũng không lọt vào đó nếu không được mời! Thầy cũng không mạo hiểm bước vào đó nếu con không muốn.

- Bạch Sư Phụ, con rất hân hạnh được Sư Phụ chiếu cố.

- Những ước mơ lập đạo viện của con sẽ được thực hiện về sau này. Còn bây giờ, hãy bắt tay vào việc!

Như thế, Sư Phụ đã tiên đoán ba việc quan trọng trong đời tôi. Từ thuở thiếu niên, tôi thường thấy xuất hiện trước nhãn quang của tôi những linh ảnh lạ lùng về ba ngôi kiến trúc tọa lạc trên ba khu đất khác nhau. Những ngôi kiến trúc đó được thực hiện theo thứ tự mà Sư Phụ đã tiên đoán. Trước hết là một trường dạy Yoga cho thanh thiếu niên ở miền đồng bằng tỉnh Ranchi; kế đó là tổng hành dinh của tôi ở Mỹ Quốc trên một ngọn đồi ở Los Angeles; và sau cùng là một đạo viện trên bờ biển Thái Bình Dương ở California.

Sư Phụ không bao giờ tự hào mà tuyên bố rằng: “Ta đã tiên tri việc nọ việc kia,” mà chỉ nói rằng: “Con có nghĩ rằng việc nọ hay việc kia có thể xảy đến chăng?” Tuy nhiên, những lời nói giản dị ấy có hàm xúc một ý nghĩa sâu xa thâm trầm, tuy rằng che dấu nhưng luôn luôn được xác nhận bởi những sự kiện xảy ra về sau.

Sri Yukteswar xét đoán mọi sự một cách rất dè dặt và rất đúng đắn. Người không phải là một triết gia mơ tưởng, nói những lý thuyết vu vơ trong khoảng không. Đầu óc nghĩ trên mây nhưng hai chân đứng vững chắc trên mặt đất, Sư Phụ thu hút được sự thán phục của những người thực tế.

Tám gương cuộc đời của Sư Phụ đã cho phép tôi qui định một đường ranh giới giữa thực tế tâm linh và khoa thần bí mơ hồ. Sư Phụ không thích những cuộc thảo luận viển vông siêu hình; tâm hồn của người thật rất giản dị. Sư Phụ không hề dùng lời nói ám chỉ hoặc nhắc đến những hiện tượng siêu nhiên mà chỉ làm những việc đó một cách thật sự. Những người khác nói chuyện về những phép lạ mà không làm được; Sri Yukteswar ít khi nói đến những định luật

của thế giới vô hình nhưng sử dụng những định luật đó trong vòng bí mật và tùy theo ý muốn. Người giải thích:

- Người đã giác ngộ chỉ thực hiện những việc nhiệm mầu tùy theo mệnh lệnh của Chân Ngã. Thượng Đế không muốn những bí mật của Trời Đất được tiết lộ cho kẻ phàm tục. Mặt khác, mỗi người đều có quyền bất khả xâm phạm sử dụng tự do ý chí của mình. Dẫu cho một bậc thánh cũng không được xâm phạm đến cái quyền tự do thiêng liêng đó.

Vì Sư Phụ có một thái độ khiêm tốn, không thích khoa trương nên ít ai biết rằng người là một bậc siêu nhân. Câu nói: “Điên rồ thay cho kẻ nào không biết dấu diếm sự minh triết của mình” bao giờ cũng vẫn đúng.

Khi tôi sờ hai bàn chân thiêng liêng của Sư Phụ, tôi cảm thấy như có một luồng điện chạy khắp châu thân. Các đạo sĩ Yoga dạy rằng người đệ tử khi tiếp xúc với tôn sư, tiếp nhận được một luồng từ điển tâm linh làm cho mọi dấu vết xấu xa của dĩ vãng được xóa bỏ, mãnh lực của dục vọng trần gian được điều chỉnh lại thăng bằng, và bức màn ảo vọng, vô minh(Maya) được vén lên trong một lúc để cho y thực nghiệm chân hạnh phúc. Toàn thân tôi dường như được tinh luyện và chiếu diệu một vàng hào quang giải thoát khi mà, theo tập quán Ấn Độ, tôi quỳ dưới chân Sư Phụ.

Sư Phụ kể lại:

- Dẫu cho Lahiri Mahasaya im lặng hoặc nói về những vấn đề không liên quan đến đạo lý, ta cũng thấu thập nơi ngài một nền minh triết thâm sâu khôn lường.

Đó chính là điều mà tôi cảm xúc được khi có sự hiện diện của Sri Yukteswar. Những khi tôi mệt mỏi hoặc chán nản, tôi đến đạo viện

và tâm trạng của tôi thay đổi lần lần. Một sự yên tĩnh tốt lành xâm chiếm tâm hồn tôi khi tôi nhìn thấy Sư Phụ. Mỗi ngày sống gần bên Sư Phụ đều đem đến cho tôi một kinh nghiệm mới về sự minh triết, bằng an và phúc lạc. Sư Phụ không bao giờ cảm thấy thất vọng, ganh ghét, giận hờn hay tha thiết theo thói thường tình của thế nhân.

- Tắm màn ảo ảnh vô minh bao phủ thế gian một cách từ từ và êm lặng. Chúng ta hãy tìm nơi trú ẩn bên trong nội tâm của mình. Đó là câu mà Sư Phụ nhắc nhở các đệ tử hãy công phu theo pháp môn Kriya Yoga vào mỗi buổi chiều tà. Một hôm, một đệ tử mới bày tỏ sự nghi ngờ khả năng của mình trong việc thực hành pháp môn Yoga, Sri Yukteswar an ủi y:

- Hãy quên cái dĩ vãng. Dĩ vãng của mỗi người đều đầy dẫy những điều hổ thẹn. Cách xử thế của con người không được toàn vẹn khi mà nó không hòa hợp với thiên liêng. Trong tương lai, con sẽ tiến bộ dưới những điều kiện cố gắng công phu không ngừng về phương diện tâm linh.

Ở đạo viện của Sư Phụ luôn luôn có những đệ tử trẻ tuổi. Sư Phụ đặt hết cả tâm hồn vào việc trí dục và đức dục của họ. Những môn sinh trong đạo viện đều yêu mến và kính trọng Sư Phụ; người chỉ cần vỗ nhẹ hai bàn tay cũng đủ làm cho họ chạy đến ngay một cách mau mắn. Khi người ngồi yên bất động trong cơn tọa thiền thì tất cả đều im lặng không ai thốt ra một lời nào. Khi tiếng cười giòn giã của Sư Phụ vang lên một cách vui vẻ thì tất cả đều thoải mái và coi người như một người bạn.

Sư Phụ ít khi đòi hỏi sự phục dịch của các đệ tử và chỉ nhận công tác đó của những vị nào thành thật và sẵn lòng muốn giúp đỡ. Sư Phụ tự giặt giũ lấy quần áo của mình khi nào các đệ tử quên làm

công việc đó. Người khoác chiếc áo màu vàng sậm của giới tu sĩ và mang giày bằng da cạp hay da hươu theo thói quen của các đạo sĩ Yogi.

Sư Phụ có vẻ hài lòng về sự tiến hóa tâm linh của tôi vì người ít khi sửa chữa tôi về khía cạnh đó. Những lỗi lầm chính của tôi là sự lãng trí, tính cau có gắt gỏng, sự vi phạm một vài điểm kỷ luật và đôi khi làm việc cầu thả, thiếu phương pháp. Về điểm này một hôm Sư Phụ nói với tôi:

- Con hãy xem: những hoạt động của lệnh tôn Bhagabati, thật là sắp đặt có mục thước và tổ chức qui củ khéo léo dưới tất cả mọi phương diện.

Cha tôi và Sri Yukteswar đều là đệ tử của đức Lahiri Mahasaya. Hai vị đã gặp nhau ít lâu sau khi tôi bắt đầu những chuyến hành hương đến Serampore. Hai người đều có sự quý mến lẫn nhau và cả hai đều xây dựng đời sống tâm linh của mình trên một nền tảng vững chắc.

III

Tính chất riêng của tôi làm cho tôi thiên hẳn về con đường sùng tín. Lúc đầu tôi lấy làm hoang mang mà nhận thấy rằng Sư Phụ tuy thấm nhuần đức Minh Triết (Jnana), lại có vẻ xa lạ với đức sùng tín (Bhakti) vì người thường giảng chân lý bằng một phương pháp thuần lý trí, khô khan, máy móc và lạnh lùng. Nhưng khi tôi tự đặt mình trong sự hòa hợp tâm linh với Sư Phụ, tôi cảm thấy rằng con đường sùng tín mà tôi noi theo để đạt tới Chân Lý lại càng tăng trưởng chứ không giảm sút. Một vị Tôn Sư đã hoàn toàn giác ngộ có thể diu dắt các đệ tử trên bất cứ con đường nào thích hợp với họ.

Những sự giao cảm giữa tôi với Sư Phụ tuy im lặng không lời nhưng có ý nghĩa rất nhiều. Lắm khi sự im lặng của người đưa đến một sự giải đáp cho những tư tưởng thầm kín của tôi, làm cho lời nói cũng bằng thừa. Ngồi bên Sư Phụ tôi cảm thấy ảnh hưởng tốt lành của người thấm vào tận chỗ thâm sau bí ẩn nhất của tâm hồn tôi.

Tôi đã có dịp nhận xét sự công bình vô tư của Sri Yukteswar trong những tháng nghỉ hè ở trường đại học. Cái viễn ảnh sẽ sống trong nhiều tháng liên tiếp tại đạo viện gây cho tôi một sự hứng thú say sưa. Khi tôi vừa đến, Sư Phụ liền thông báo:

- Con sẽ làm quản đốc đạo viện. Bổn phận của con sẽ gồm có việc tiếp khách và giám sát công việc của những đệ tử khác.

Nửa tháng sau có một thanh niên miền đông tỉnh Bengale tên là Kumar được thu nhận. Y rất thông minh nên không bao lâu y được Sư Phụ mến thương, và vì một lý do khó tả, Sư Phụ dành cho y một sự ưu đãi rất đặc biệt.

- Mukunda, từ rày về sau Kumar sẽ làm quản đốc đạo viện, còn con sẽ lo việc nội trợ và bếp núc.

- Sư Phụ lại ra lệnh như thế khi Kumar vừa đến ở đạo viện mới được một tháng!

Hãnh diện với chức vụ mới, Kumar bèn lên giọng hách dịch quyền hành trong đạo viện. Các đệ tử khác ngầm thỏa thuận với nhau để tiếp tục đến nhận chỉ thị của tôi hàng ngày.

- Mukunda thật là khó chịu! Sư Phụ đã giao chức quản đốc cho con nhưng các huynh đệ khác lại đến tìm y và vâng lời y!

Kumar lên trình với Sư Phụ như thế sau đó ba tuần lễ, và tôi nghe lỏm được câu chuyện từ gian phòng bên cạnh.

- Bởi đó nên ta mới cho nó xuống nhà bếp còn con thì lên phòng khách!

Giọng nói khinh bỉ của Sư Phụ là một điều bất ngờ đối với Kumar.

- Như vậy, con sẽ hiểu rằng một người lãnh đạo có khả năng phải dốc lòng phụng sự chứ không phải ỷ thế lạm quyền. Con muốn lãnh chức vụ của Mukunda nhưng con lại bất lực không kham nổi địa vị đó bằng tài đức của mình. Bây giờ con hãy trở về với công việc ở nhà bếp mà con đã làm từ lúc đầu.

Sau khi xảy ra chuyện ấy, Sư Phụ lại tiếp tục dành cho Kumar một sự biệt đãi và khoan dung như trước. Có ai lường được sự bí ẩn của tình thương? Sư Phụ dành cho Kumar những sự ưu đãi tế nhị mà người không dành cho những đệ tử khác. Tuy Kumar đã rõ ràng là người thân tín chọn lọc của Sư Phụ, nhưng tôi không cảm thấy ganh tị.

Thậm chí các Tôn Sư cũng có những sự biệt đãi, thiên vị đối với một vài đệ tử. Điều này làm cho cuộc đời có những khía cạnh vô cùng phong phú. Bản tính tôi ít khi chú ý đến những chuyện nhỏ nhặt. Tôi hoài vọng ở Sri Yukteswar những kho tàng tâm linh quý giá khác hơn là những sự biệt đãi hoặc những lời khen tặng.

Một hôm, Kumar gây gổ với tôi một cách vô lý và thốt ra những lời lẽ nặng nề. Tôi bị chạm tự ái rất nặng.

- Huynh đừng quá nóng, tôi trả lời và cảnh cáo y. Nếu huynh không

sửa đổi tánh hạnh, chắc có ngày huynh sẽ bị trục xuất ra khỏi đạo viện.

Kumar phát lên giọng cười ngạo nghễ và lập lại những lời nói của tôi cho Sư Phụ khi người vừa bước vào. Tôi tưởng chắc phen này mình bị quở trách nặng nề, bèn khép nép đứng thu mình vào một góc phòng.

- Có thể là Mukunda nói có lý!

Sư Phụ đáp lại với một giọng lạnh lùng khác hẳn mọi khi còn tôi thì không bị trách mắng.

- Một năm sau, Kumar về quê thăm gia đình bất kể đến sự bất mãn căm lạng của Sư Phụ, vì người không bao giờ sử dụng uy quyền đối với các đệ tử. Vài tháng sau đó, khi trở lại đạo viện y thay đổi một cách bất ngờ. Y không còn là một chàng thanh niên hiên ngang có gương mặt khôi ngô sáng sủa và trầm lặng, mà là một anh nông dân thô tục mắc phải nhiều tật xấu.

Sư Phụ gọi anh ta lại và lấy làm đau lòng mà nhận thấy rằng người thanh niên ấy không còn thích hợp với đời sống đạo viện.

- Mukunda, con hãy nói với Kumar rằng y phải rời khỏi đạo viện vào sáng ngày mai. Ta không đủ can đảm nói với y!

Sư Phụ rưng rưng giọt lệ nhưng người bèn trấn tĩnh ngay:

- Nếu y biết vâng lời ta mà đừng về nhà để bị bạn bè bắt hảo lời cuốn thì y đã không đến nỗi quá trụy lạc như vậy. Y đã khước từ sự che chở của ta, từ nay cuộc đời cay đắng phủ phàng sẽ là thầy của y.

Sự ra đi của Kumar không gây nơi tôi một sự thỏa mãn tự ái nào cả, lòng buồn man mác, tôi tự hỏi vì sao một người có cái điểm phúc được Sư Phụ mến yêu lại có thể coi trọng những thú vui phàm tục hơn Thầy. Rượu chè, đàng điếm có tác dụng như những thứ thuốc độc hại người. Trong nội tâm ta vốn có sẵn một niềm phúc lạc mà chúng ta phí công đi tìm một cách vô ích ở khắp mọi nơi.

Có lần Sư Phụ bình phẩm về Kumar:

- Trí thông minh có hai mặt: nó có thể xây dựng hay phá hoại, cũng như con dao bén có thể dùng để giải phẫu một mụn nhọt ung thư hoặc để giết người. Trí thông minh chỉ đi đúng đường khi nào con người đã phát triển tâm linh và hiểu biết Đạo lý.

IV

Trong số các đệ tử ở đạo viện, có vài người thuộc về phái nữ: Sư Phụ săn sóc tất cả mọi người cũng như những người con trong gia đình. Ý thức được sự bình đẳng của tất cả mọi linh hồn, người không phân biệt vấn đề nam nữ. Người nói:

- Trong giấc ngủ, người ta không ý thức rằng mình là đàn ông hay đàn bà. Cũng như một người nam không trở thành một người nữ khi y mặc áo quần của người đàn bà, thì linh hồn cũng vậy: linh hồn khoác lấy một thể xác đàn ông hay đàn bà nhưng thật ra nó vốn không có tính chất nam hay nữ. Linh hồn con người chỉ là một hình ảnh thuần khiết và bất tử của đấng Thiêng Liêng.

Sri Yukteswar không tránh né phụ nữ, người không cho rằng phụ nữ là mục tiêu cám dỗ người đàn ông, và nói rằng: “Đàn ông cũng là một sự cám dỗ đối với đàn bà!” Tôi bèn hỏi vì sao một vị thánh nhân

thời cổ đã nói rằng đàn bà là cửa vào địa ngục? Sư Phụ giải thích:

- Chắc hẳn là trước kia một thiếu nữ đã gây nhiều xáo trộn và làm mất sự bình an trong lòng của ông ta. Nếu không, thì ông ta đã không lên án đàn bà mà chỉ trách mình không biết tự chủ.

Những đệ tử thật lòng muốn diệt trừ ảo vọng đã tìm thấy nơi Sư Phụ những lời khuyên sáng suốt:

- Cũng như người ta ăn uống để giải bớt sự đói khát chứ không phải để thỏa mãn sự tham ăn thì bản năng sinh lý là để lưu truyền nòi giống theo định luật thiên nhiên chứ không phải để thỏa mãn nhục dục thấp hèn. Hãy diệt trừ dục vọng xấu xa ngay bây giờ kéo nó sẽ theo dõi ta qua tận cõi trung giới khi ta rời bỏ xác phàm. Nếu xác thịt yếu đuối thì tinh thần phải được dũng mãnh. Trước một sự cám dỗ quá mạnh, ta phải chống lại bằng một sự phân tích khách quan và một ý chí bất khuất. Như thế những dục vọng mạnh mẽ tự nhiên sẽ được chế ngự.

Chúng ta hãy biết bảo toàn sinh lực. Ta hãy làm như biển đại dương, thu hút về mình tất cả mọi nguồn sông, rạch của giác quan. Trong cái kho vô tận của niềm an tịnh bên trong nội tâm, những mối xúc cảm nhỏ nhất nhất của thất tình lục dục đều là những lỗ hổng làm chảy mất đi những nguồn sinh khí bảo dưỡng, nó sẽ bị khô cạn trên bãi cát khô khan của duy vật chủ nghĩa. Áp lực chuyên chế của những dục tính xấu xa là kẻ thù lớn nhất của hạnh phúc con người. Các con hãy tập lấy tính tự chủ và đừng bao giờ mở rộng cửa để dung dưỡng sự yếu đuối.

Ngoài các Kinh Thánh, Sri Yukteswar rất ít chú trọng đến sách vở. Tuy thế, người vẫn biết rõ những phát minh khoa học mới nhất và những ngành học thuật khác của nhân loại. Sư Phụ rất hùng biện trong những cuộc đàm thoại với những vị khách viếng thăm đạo

viện: tính tình vui vẻ, người làm cho câu chuyện trở nên sôi nổi hào hứng. Người thường nghiêm trang nhưng không bao giờ có nét mặt sàu thẳm. Người nói: “Tu hành không có nghĩa là lúc nào phải có một bộ mặt đờ đám. Các con hãy nhớ rằng tu hành đắc Đạo tức là chấm dứt tất cả mọi điều phiền não, nghiệp chướng.”

Trong số những nhà trí thức, học giả, bác học từng đến viếng đạo viện, nhiều người tưởng rằng ở đây họ sẽ gặp một tu sĩ thuộc về loại tầm thường cũng như bao nhiêu tu sĩ khác. Họ biểu lộ tâm trạng đó đôi khi bằng một cái cười ngạo nghễ hay cặp mắt khinh thường. Nhưng đến khi ra về họ lấy làm ngạc nhiên mà thấy rằng Sri Yukteswar đã tỏ ra có những kiến thức rộng rãi và tầm hiểu biết sâu xa trên mỗi lãnh vực chuyên môn của họ.

Sư Phụ rất hiền hòa và khả ái đối với những khách viếng thăm và tiếp đón họ một cách lịch sự. Tuy nhiên những kẻ ích kỷ, lố lăng ngạo mạn đều bị người cho những bài học thích đáng. Trong những dịp đó, họ bị người dành cho một sự thờ ơ lạnh nhạt hoặc bị chống đối mãnh liệt.

Ngày nọ, một nhà khoa học trứ danh đã có dịp chạm trán với Sư Phụ. Ông ta từ chối không nhìn nhận là có Thượng Đế bởi vì khoa học không thể chứng minh được việc ấy. Sư Phụ nói mỉa mai:

- À, thế là ông chưa tìm ra cái Quyền Năng Thiêng Liêng bằng những công thức hóa học trong phòng thí nghiệm ư? Tôi đề nghị là ông hãy thử làm một cuộc thí nghiệm khác thường này: ông hãy theo dõi và phân tích những tư tưởng của ông không ngừng trong hai mươi bốn giờ liên tiếp. Chừng đó ông không còn thắc mắc về sự không tìm thấy Thượng Đế.

Những người hãnh diện về quyền thế và địa vị cao sang của họ ở

ngoài đời đã có dịp nhận một bài học khiêm tốn trước mặt Sư Phụ. Một vị thẩm phán địa phương một hôm tình cờ đến viếng đạo viện của Sư Phụ trên bờ biển ở Puri. Vị này từng nổi tiếng là một viên chức khắc nghiệt và có đủ quyền hành để đuổi chúng tôi ra khỏi đạo viện nếu ông muốn. Tôi dặn trước Sư Phụ hãy nên cẩn thận tiếp đón ông ta, nhưng Sư Phụ không màng để ý đến lời dặn của tôi chút nào và thậm chí không đứng dậy để tiếp đón vị khách quý ấy. Tôi hơi e ngại và đứng khẹp nép một bên ở phía gần cửa ra vào. Vị thẩm phán buộc lòng phải chịu ngồi trên một cái ghế đầu nhỏ bằng gỗ vì Sư Phụ không ra lệnh cho tôi lấy ghế bành. Vị thẩm phán hẳn là trông đợi một sự tiếp đón trọng hậu hơn với những nghi lễ xứng đáng với quyền chức của mình, bèn lộ vẻ thất vọng rõ rệt.

Kế đó diễn ra một cuộc thảo luận về đạo lý. Người khách bình luận các Thánh Kinh với rất nhiều điểm sai lầm. Khi Sư Phụ vạch cho thấy những điểm đó, thì ông ta nổi nóng cãi lại và nói lớn:

- Đại đức có biết rằng tôi đã đậu thủ khoa trong kỳ thi Tiến Sĩ Triết Học?

Sư Phụ đáp:

- Nay ông thẩm phán, ông không phải đang ngồi trước một phiên tòa. Những lời bình luận kém cỏi của ông làm cho tôi nghĩ rằng có lẽ sự học của ông không được chu đáo lắm. Một bằng cấp khoa cử, tuy vậy, không có liên hệ đến cái tinh hoa thâm thúy của thánh kinh Phê Đa. Người ta không sản xuất thánh nhân từng kỳ hạn như những vị tân khoa.

Vị thẩm phán bị “chỉnh” bằng cách đó rất cuộc đành cười lớn một cách thật tình. Ông ta nói:

- Đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với một vị thẩm phán của trời!

Ít tháng sau đó, ông ta làm một lá đơn chánh thức với những danh từ luật pháp nó đã trở thành bản tính tự nhiên thứ nhì của ông ta, để xin nhập môn vào đạo viện với tư cách một đệ tử tập sự.

Sư Phụ đích thân chăm lo việc quản lý tài sản của mình. Những kẻ bất lương đã nhiều lần âm mưu chiếm đoạt đất hương hỏa của Sư Phụ. Sri Yukteswar đã cương quyết lật tẩy âm mưu đen tối của họ, thậm chí đã đưa họ ra trước pháp luật. Người tự mình đảm nhiệm việc kiện thưa rắc rối này để khỏi phải làm gánh nặng cho các đệ tử. Tôi không bao giờ nghe Sư Phụ đòi hỏi tiền bạc hoặc ám chỉ việc cần dùng tiền vì mục đích này hay mục đích khác. Việc giảng huấn tại đạo viện được hoàn toàn miễn phí cho tất cả các đệ tử.

Ngày nọ một viên thừa phát lại đột nhiên xuất hiện tại đạo viện Serampore với một trát tòa và có vẻ hỗn láo với Sư Phụ:

- Ông nên từ giả đạo viện để đến thở bầu không khí lương thiện của pháp đình.

Y vừa nói vừa có một nụ cười khinh mạn. Tôi không thể tự chủ được nữa, giận dữ tiến tới:

- Nếu ông còn hỗn láo, tôi sẽ đập ông một trận nên thân.

Kanai, một đệ tử trẻ đứng gần đó cũng nói trong cơn thịnh nộ:

- Đồ hỗn láo, chớ buông lời xúc phạm trong chốn đạo viện thiêng liêng.

Sư Phụ bèn can gián chúng tôi:

- Các con hãy bình tĩnh, đừng nóng giận. Người này chỉ làm bổn phận của y đó thôi.

Viên thừa phát lại ngạc nhiên vì sự can thiệp đầy hảo ý đó, bất giác thốt ra vài lời xin lỗi và liền khiêu từ ra về mà không đòi hỏi gì nữa.

Thật là một điều lạ lùng mà thấy một vị Tôn Sư với một ý chí dũng mãnh bất khuất lại có thể bình tĩnh được như vậy. Người thật là tiêu biểu cho một bậc siêu nhân đúng theo định nghĩa của kinh Phệ Đà:

“Nói về sự tốt lành thì người còn êm dịu hơn bông hoa, nhưng khi những nguyên tắc đạo lý bị xâm phạm thì người còn dũng mãnh hơn sấm sét.”

Cách sử thế toàn vẹn của một bậc thánh nhân gây cho ta một ấn tượng mạnh mẽ sâu sa hơn những lời nói: “Kẻ nào thắng được cơn nóng giận còn cương dũng hơn một bậc anh hùng, và người tự chủ được mình còn cao cả hơn một viên hổ tướng chiếm đoạt thành trì.”

Tôi thường suy nghiệm rằng Sư Phụ đã có thể trở nên một bậc Hoàng Đế hay một nhà chinh phục tiếng tăm lừng lẫy nếu người chọn con đường lợi danh và những sự thành công theo thế tục. Nhưng trái lại, người đã chọn việc đả phá những thành trì của sự hận thù và lòng ích kỷ, sự triệt hạ những thành trì đó mới là ghi dấu sự cao cả của con người.

Chương 11

VỊ TU SĨ KHÔNG NGỦ

- Bạch Sư Phụ, xin Sư Phụ cho phép con đi lên dãy Tuyết Sơn. Con hy vọng rằng trong vùng núi non cô tịch trên đó, con có thể đạt tới sự giao cảm tâm linh với Thiên Không.

Tôi trình với Sư Phụ những lời nói bạc bẽo ấy một ngày nọ. Nhưng điều này đôi khi xảy đến cho tất cả những người tu sĩ, tôi cảm thấy chán nản; những bổn phận hàng ngày ở đạo viện, những bài vở phải làm ở trường đại học bắt đầu làm cho tôi nhàm chán. Tuy rằng tôi chỉ trình bày sự yêu cầu đó sau một thời gian sáu tháng sống tại đạo viện của Sri Yukteswar, điều ấy không đủ là một trường hợp giảm khinh: Tôi vẫn chưa hiểu biết rõ tầm mức cao cả tâm linh của Sư Phụ.

Sư Phụ cảnh cáo tôi với một giọng yên tĩnh:

- Những thổ dân trên dãy Tuyết Sơn không phải đã đắc Đạo. Chi bằng hãy tìm sự minh triết ở gần bên một người đã giác ngộ tâm linh hơn là giữa những đồng đá vô tri bất động.

Không biết đến lời ngụ ý của Sri Yukteswar ám chỉ rằng thầy tôi chính là người chứ không phải là một quả núi, tôi lặp lại lời yêu cầu của tôi một lần nữa. Sư Phụ không nói gì, tôi lại hiểu lầm rằng sự im lặng đó có nghĩa là sự bằng lòng, vì người ta luôn luôn sẵn sàng tưởng tượng là thật.

Tại nhà tôi ở Calcutta, trọn buổi tối hôm đó tôi bận rộn lo việc chuẩn bị lên đường. Khi tôi sửa soạn hành lý gói trong một cái mền, tôi nhớ đến một cái gói tương tự mà tôi ném qua cửa sổ trên gác nhỏ của tôi cách đây vài năm. Tôi tự hỏi rằng không biết chuyến đi lên núi lần này cũng sẽ thất bại nữa chăng? Lần trước tôi cảm thấy một sự kích động tâm linh rất lớn; nhưng tối hôm nay tôi lấy làm buồn bực với ý nghĩ phải từ biệt Sư Phụ.

Sáng ngày hôm sau, tôi đến tìm nhà học giả Behari, giáo sư Phạn ngữ của tôi tại trường đại học.

- Thưa ông, ông có nói chuyện với tôi về tình bạn giữa ông và một đệ tử của đức Lahiri Mahasaya. Ông có thể cho tôi địa chỉ của ông ấy?

- Anh muốn nói Ram Gopal Muzumdar chăng? Tôi vẫn gọi y là nhà tu sĩ không ngủ. Y luôn luôn thức tỉnh và đắm chìm trong một trạng thái đại định. Y ở tại Ranbajpur gần Tarakeswar.

Tôi cảm ơn nhà học giả và lập tức đáp chuyến xe lửa đi Tarakeswar. Tôi nghe nói hình như tu sĩ đã đạt tới sự giác ngộ tâm linh sau nhiều năm tu luyện pháp môn Kriya Yoga trong các động đá âm u cô tịch.

Ở Tarakeswar có một ngôi đền danh tiếng được người Ấn Độ sùng bái cũng như Lộ Đức(Lourdes) của người Thiên Chúa Giáo. Tại đây đã xảy ra vô số những trường hợp chữa khỏi bệnh một cách mầu nhiệm, trong số đó có trường hợp của một người trong thân quyến của tôi.

Bà cô của tôi thuật chuyện cho tôi nghe như sau:

- “Cô ở lại ngôi đền hết trọn một tuần. Cô vừa tuyệt thực vừa cầu

nguyện cho cậu Sarada của con được khỏi một chứng bệnh kinh niên. Vào ngày thứ bảy, một nhánh dược thảo hiện ra trong bàn tay của cô! Cô đem về làm thuốc sắc cho cậu con uống. Căn bệnh liền dứt ngay không trở lại nữa.”

Tôi bước vào ngôi đền Tarakeswar; trên chánh điện chỉ có một tảng đá mà chu vi hình tròn không đầu không đuôi là biểu tượng của Vô Cực.

Lúc ấy tôi nghĩ rằng người ta chỉ nên chiêm bái Thượng Đế tự trong lòng mà thôi, nên tôi không chịu quỳ lạy trước một tảng đá biểu tượng Sức Mạnh Thiên Liêng. Bước ra khỏi đền tôi liền đi mau đến làng Ranbajpur. Tôi hỏi thăm địa chỉ của tu sĩ với một người đi đường; sau khi suy nghĩ rất lâu, y đáp trịnh trọng như bói quẻ:

- Ông đi tới ngã tư, ông quẹo sang tay mặt rồi đi thẳng tới trước.

Theo lời chỉ dẫn đó, tôi đi dọc theo một con kên đào. Trời đã tối. Tiếng rú rùng rợn của những con sơn cầu, và những ánh đèn lửa lập lòe là những nét linh động của một vùng làng mạc ở ven rừng già với những chòm cây rậm rạp diễn ra đến tận chân trời. Ánh trăng mờ làm cho cảnh vật đượm thêm một nét huyền ảo.

Tôi đi lang thang như thế đã được hai tiếng đồng hồ thì nghe có tiếng lục lạc khua vang bên tai. Một nông dân từ dưới ruộng bước lên đường lộ với một con bò. Tôi hỏi:

- Ông cho tôi hỏi thăm tu sĩ Ram Gopal.

- Không có ai tên đó ở trong làng này.

Người nông dân có vẻ nghi ngờ tôi là một thám tử. Để dẹp tan mọi

sự nghi hoặc, tôi giải thích cho y nghe mục đích sự tìm kiếm của tôi. Y đưa tôi về nhà và dọn chỗ cho tôi nghỉ một cách rất khả ái. Y giải thích:

- Ranbajpur cách đây rất xa. Lúc này đến ngã tư, đáng lẽ ông phải quẹo sang bên tay trái chứ không phải tay mặt.

Tôi buồn mà nghĩ rằng người chỉ đường đầu tiên quả là một nguy cơ đáng sợ cho khách lữ hành. Sau một bữa ăn ngon lành gồm có cơm xào với ca ri, súp đậu, khoai tây và chuối, tôi bèn lui vào nơi nghỉ trong một chòi lá ở ngoài sân. Từ xa vọng lại tiếng ca của dân làng cùng với tiếng trống mridangam (*tên một loại trống nhỏ có buộc dây để quàng lên cổ và đánh bằng hai tay, chỉ dùng trong các buổi lễ âm nhạc tôn giáo*). Tôi không ngủ được trong đêm ấy.

Sáng ngày hôm sau, tôi lên đường để về làng Ranbajpur. Đi một quãng rất xa tôi mới gặp một nông dân để hỏi thăm đường; đi nhiều chặng như vậy, những người nào tôi gặp cũng đều nói giống nhau là chỉ còn độ chừng hai dặm đường nữa là đến nơi. Đến xế trưa tôi đã đi bộ hết sáu tiếng đồng hồ mà chỉ thấy có đồng trống ở hai bên đường. Mặt trời nóng gắt trên một nền trời xanh thẳm không có một cụm mây làm cho tôi choáng váng. Thành linh có một người chậm rãi bước đến gần và ngừng bước trước mặt tôi. Tác người nhỏ thó, gầy ốm, người ấy không có gì đáng chú ý trừ ra đôi mắt đen sáng rõ và linh động vô cùng. Y nói:

- Tôi định rời khỏi Ranbajpur nhưng vì em đến đây với hảo ý nên tôi còn đợi em.

Y nói thêm trong khi tôi chưa dứt sự ngạc nhiên:

- Em điên hay sao mà tưởng rằng có thể gặp tôi khi em không báo

trước! Giáo sư Behari không có quyền cho em địa chỉ của tôi.

Thấy rằng không cần phải tự giới thiệu nữa, tôi đứng im nhưng hơi bị chạm tự ái vì sự đón tiếp ấy. Người ấy đột nhiên hỏi tôi:

- Em hãy nói cho tôi biết Thượng Đế ở đâu?

- Ở nơi tôi, ở nơi ông và ở khắp cả.

- Phải chăng là Ngài toàn thông?

Tu sĩ cười và nói tiếp:

- Như thế, này người bạn trẻ, tại sao ngày hôm qua em không quì lạy đấng Thiêng Liêng trong hình biểu tượng bằng đá tại đền Tarakeswar? Chính vì để trừng phạt tội ngạo mạn đó mà em bị một kẻ lạ mặt chỉ làm đường để cho hôm nay em phải trải qua một ngày vất vả cực khổ như thế này!

Tôi vui vẻ chấp nhận sự việc đã xảy ra; một nhãn quang sáng suốt như vậy ở nơi người có bề ngoài khiêm tốn nghèo nàn đó làm cho tôi vô cùng kinh ngạc. Một nguồn thần lực tốt lành từ người tu sĩ thoát ra làm cho tôi cảm thấy hết cả mệt nhọc. Y nói:

- Người tu hành thường cho rằng chỉ có con đường của mình là con đường duy nhất. Đức Lahiri Mahasaya dạy rằng đạo pháp Yoga là pháp môn tối thượng giúp cho hành giả đạt tới Thượng Đế ở tận chỗ thâm sâu bí ẩn của nội tâm mình. Nhưng khi đã đạt Đạo trong lòng mình, hành giả cũng thấy đạo khắp ở mọi nơi. Một ngôi thánh điện dấu rằng ở Tarakeswar hay ở bất cứ nơi nào khác, cũng đều được sùng kính ngang nhau như một trung tâm thần lực.

Tu sĩ đã từ bỏ thái độ chê trách, đôi mắt người đã lắng dịu. Người võ nhẹ trên vai tôi một cách thân ái:

- Nay người bạn trẻ, tôi thấy rằng em đã bỏ Thầy ra đi. Lệnh Tôn Sư có đủ những gì em cần; em phải trở về với Thầy. Những quả núi đá không phải là Thầy của em!

Tu sĩ Ram Gopal đã lập lại chính cái ý tưởng mà Sri Yukteswar đã thốt ra trong buổi đàm luận cuối cùng của chúng tôi.

- Không có một định luật thiêng liêng nào bắt buộc các vị Tôn Sư phải chọn một nơi trú ẩn đặc biệt.

Tu sĩ nói tiếp với một cái nhìn mỉa mai:

- Dãy Tuyết Sơn dù ở Ấn Độ hay ở Tây Phương không phải là chỗ ở riêng biệt của các vị thánh nhân hiền triết. Điều mà người ta không chịu khó tìm ra trong cái Chân Ngã thâm sâu bí ẩn của mình, thì người ta không thể tìm thấy bằng cách đi đó đi đây. Khi người hành giả sẵn sàng đi đến tận chân trời góc bể để tìm Đạo thì Thầy y sẽ xuất hiện ở một bên y.

Tôi im lặng biểu đồng tình và nhớ lại lời cầu nguyện của tôi tại đạo viện ở Benares, rồi tiếp theo đó là sự gặp gỡ của tôi với Sri Yukteswar ở giữa đám đông người.

- Em có một gian phòng nhỏ để sống biệt lập trong sự yên tĩnh chăng?

- Phải, tôi có.

Tôi nghĩ rằng tu sĩ đang lập luận từ đại cương đến chi tiết một cách

mau chóng lạ thường.

- Đó chính là cái động đá của em!

Người Yogi phóng đến tôi một cái nhìn nẩy lửa mà tôi không bao giờ quên:

- Đó chính là ngọn núi thiêng của em! Chính đó là nơi em sẽ đạt tới cõi Đạo diệu huyền!

Những lời nói giản dị đó làm tiêu tan sự ám ảnh của dãy núi Tuyết Sơn nó vẫn theo đuổi tôi từ thuở nhỏ. Chính ở giữa những ruộng lúa nóng cháy dưới ánh mặt trời như thiêu đốt mà tôi vĩnh viễn thức tỉnh khỏi cơn mê tuyết lạnh giá băng trên đỉnh núi Tuyết Sơn!

- Này người bạn trẻ, sự khát khao tầm đạo của em thật rất đáng khen. Tôi rất mến em.

Tu sĩ Ram Gopal nắm lấy tay tôi và dắt tôi đến một áp nhỏ với những mái nhà tranh lợp lá dừa, cửa bằng cây mộc mạc.

Tu sĩ mời tôi ngồi dưới mái nhà tranh của y. Y mời tôi dùng nước chanh còn y bước vào chái bên để ngồi thiền. Bốn giờ sau đó, tôi xả thiền và dưới ánh trăng tôi nhìn thấy Tu sĩ vẫn còn ngồi yên bất động. Bụng đói như cào, tôi mới nhận thấy rằng người ta không phải chỉ sống bằng nước lã. Ram Gopal bước đến gần tôi và nói:

- Tôi biết em đang đói bụng. Mình cũng sắp ăn cơm.

Tu sĩ đi nhúm lửa trong cái lò đất sét ở bên chái, rồi trong giây lát cơm và đậu nấu đã được dọn ra trên những mảnh lá chuối. Tu sĩ lễ phép từ chối sự giúp đỡ của tôi trong việc dọn ăn. Từ nghìn xưa

người Ấn vẫn có truyền thống hiếu khách và tiếp đãi trọng hậu khi có khách đến nhà.

Trong cảnh hoang vắng của tôi nơi thôn ấp nhỏ bên ven rừng già, ở bên cạnh người Yogi, những tiếng động ồn ào của thế gian chỉ còn là một dư âm đã tàn. Một ánh sáng êm dịu và huyền bí chiếu lóng lánh trong gian phòng. Ram Gopal trải nệm dưới đất để cho tôi ngủ, còn y thì ngồi trên một chiếc chiếu bằng rơm. Bị lôi cuốn bởi luồng từ điển tâm linh của tu sĩ, tôi đánh bạo hỏi:

- Bạch thầy, xin thầy hãy hạ cố ban phép nhập định cho tôi.

- Tôi rất sung sướng được giúp em có sự giao cảm với thiêng liêng, nhưng đó không phải là vai trò của tôi.

Tu sĩ nhìn tôi qua đôi mắt hé mở:

- Không bao lâu thầy em sẽ cho em cái kinh nghiệm đó. Hiện giờ thể xác em chưa được chuẩn bị sẵn sàng cho một kinh nghiệm như thế. Cũng như một bóng đèn nhỏ không thể chịu đựng nổi một điện thế quá cao, những dây thần kinh của em chưa sẵn sàng để lưu chuyển luồng từ điển của vũ trụ. Nếu tôi đưa em vào trạng thái đại định như bây giờ, em sẽ bốc cháy như bó thuốc chẳng khác nào tất cả những tế bào trong thân thể em đều bắt lửa.

Người Yogi nói tiếp với một giọng suy tư:

- Em trông mong rằng tôi có thể giúp em đạt tới sự giác ngộ trong khi tôi tự hỏi rằng không biết tôi đã thành công hay chưa, và đã được Thiêng Liêng ban ân phước hay chưa?

- Bạch Thầy, nhưng Thầy đã dốc lòng tìm Đạo và công phu tu luyện

trong hằng bao nhiêu năm.

- Tôi không có công trạng gì cả! Đáng lẽ Behari phải thuật lại cho em nghe cuộc đời của tôi. Tôi đã tham thiền suốt hai mươi năm trời trong một hang núi cô tịch, trung bình mười tám giờ mỗi ngày. Sau đó, tôi di chuyển đến một động đá còn xa xôi hẻo lánh hơn nữa, tại đây tôi công phu tu luyện trong hai mươi lăm năm và tham thiền hai mươi giờ mỗi ngày. Tôi không cần phải ngủ vì tôi luôn luôn giao cảm với Thiên Liêng. Thế xác tôi tìm thấy trong an tĩnh của cõi siêu thức một sự bồi dưỡng còn bổ khỏe hơn sự nghỉ ngơi trong trạng thái tiềm thức của giấc ngủ thông thường.

Trong giấc ngủ, những bắp thịt được thoải mái, bớt căng thẳng nhưng tim, phổi và bộ máy tuần hoàn không hề nghỉ. Trong trạng thái siêu thức, sự hoạt động của những cơ quan trong thân thể tạm thời gián đoạn, và những bộ phận ấy được truyền điện do nguồn sinh lực của vũ trụ. Chính nhờ bởi phương pháp này mà tôi không cần ngủ trong nhiều năm. Em cũng vậy, thời gian sẽ đến khi đó em cũng sẽ không ngủ nữa.

Tôi nhìn tu sĩ với đôi mắt ngạc nhiên:

- Bạch thầy, thầy đã thiền định lâu năm như vậy mà còn không chắc chắn được ân huệ thiêng liêng, thì những kẻ sơ cơ như tôi đây còn có hy vọng gì!

- Em há biết rằng Đạo vốn là vô cùng! Thật là đại dột mà tưởng rằng người ta có thể đạt tới cõi Đạo diệu huyền sau bốn, năm mươi năm thiền định. Tuy vậy, Đức Babaji nói rằng dù cho tham thiền rất ít cũng giúp chúng ta khỏi bị những khổ đau trong cơn hấp hối, và trong những trạng thái sau khi chết em đừng đặt sở vọng tâm linh của em nơi một ngọn núi, em hãy nhắm vào sự giao cảm, hợp nhất với Thiên Liêng! Nếu kiên tâm bền trí, có ngày em sẽ thành công.

Triển vọng đó làm tôi vô cùng phấn khởi, tôi bèn yêu cầu tu sĩ nói rõ thêm vài chi tiết. Tu sĩ mới thuật lại cho tôi nghe câu chuyện nhiệm màu về sự gặp gỡ đầu tiên của y với Babai, Sư Phụ của Lahiri Mahasaya. Đến nửa đêm, Ram Gopal lại đắm chìm trong im lặng, còn tôi nằm xuống sửa soạn đi ngủ. Khi tôi nhắm mắt, tôi nhìn thấy những tia chớp; toàn thân tôi là một ánh hào quang sáng rực. Tôi mở mắt ra: ánh hào quang đó chiếu sáng khắp phòng, gian nhà tranh trở nên một phụ ốc của cõi Vô Cùng và thấm nhuần những tia sáng vô hình mà tôi cảm xúc được bằng một nhãn quang siêu nhiên.

- Tại sao em không ngủ?

- Bạch thầy, làm sao tôi ngủ được với những tia sáng chớp nhoáng xẹt đến từ bốn phía, trong khi tôi nhắm mắt hay mở mắt cũng vậy?

- Thật là một ân phước mà có cái kinh nghiệm đó; những tia sáng vô hình không dễ gì mà nhìn thấy được đâu!

Tu sĩ nói thêm vài lời đầy tình cảm thương mến.

Đến sáng là lúc chúng tôi phải chia tay nhau. Tôi cảm thấy buồn mà phải từ biệt tu sĩ đến nỗi không ngăn được hai dòng lệ chảy trên gò má tôi. Tu sĩ nói với giọng thân ái:

- Tôi không để cho em trở về tay không. Tôi sẽ ban cho em một vài ân huệ.

Tu sĩ mỉm cười và nhìn thẳng vào mắt tôi một cách chăm chú. Tôi cảm thấy một niềm an tĩnh tràn ngập tâm hồn tôi như một luồng ân huệ tốt lành, và đột nhiên tôi được chữa khỏi chứng bệnh đau lưng mà tôi đã bị trong nhiều năm qua! Được bình phục sức khỏe, đắm

chìm trong một biển đại dương an tĩnh và phúc lạc vô biên, tôi không còn khóc nữa.

Tôi cúi mình xuống làm lễ và nắm hai bàn chân của Tu sĩ để từ biệt, và đi bộ băng rừng để tìm đường đến Tarakeswar. Vừa trở về thành phố này, tôi lại viếng thăm ngôi đền một lần nữa và quì lạy trước chánh điện. Tầng đá hình tròn dường như nói rộng chu vi trước nhãn quang siêu linh của tôi cho đến tận những cõi giới xa xăm trong càn khôn vũ trụ, để sau cùng hòa hợp với Thiên Liêng.

Một giờ sau, tôi vui vẻ đáp chuyến xe lửa trở về Calcutta. Chuyến du hành của tôi không đưa tôi đến chân núi Tuyết Sơn mà lại đến dưới chân Sư Phụ.

Chương 12

MỘT KINH NGHIỆM VỀ TÂM THỨC SIÊU ĐẲNG

- Bạch Sư Phụ, con đã về.

Sri Yukteswar hẳn đã thấy rõ sự bần khoản của tôi nhưng người vẫn bình tĩnh dường như tôi chỉ vắng mặt có vài giờ chứ không phải vài ngày:

- Chúng ta hãy ra sau bếp để xem có gì ăn không?

- Bạch Sư Phụ, sự ra đi vội vàng của con chắc hẳn là đã làm mất lòng Sư Phụ, con tưởng là Sư Phụ đã giận con.

- Không, chắc chắn là không! Sự giận hờn thường chỉ do sự thất vọng mà ra. Ta không trông cậy điều gì ở kẻ khác, bởi đó những hành động của họ không thể làm ta phật lòng. Ta không lợi dụng con để thực hiện những mục đích ích kỷ; chỉ có sự hạnh phúc của con mới có thể làm cho ta được sung sướng.

- Bạch Sư Phụ, người ta thường hay nói một cách mơ hồ về tình bác ái. Đây là lần đầu tiên mà con nhìn thấy cái bản chất thiêng liêng của Sư Phụ! Ở ngoài thế gian một người cha cũng không dễ gì tha thứ một người con bỏ dở công việc gia đình và bỏ nhà ra đi mà không báo trước. Nhưng Sư Phụ không hề tỏ vẻ bất mãn, trong khi con bỏ dở công việc đạo viện ra đi và đặt Sư Phụ trong tình trạng

bối rối!

Thầy trò chúng tôi nhìn nhau, bốn mắt long lanh ứa lệ. Lòng tôi tràn ngập một niềm hạnh phúc vô biên; tôi ý thức được rằng Sư Phụ tôi, hiện thân của lòng Từ Ái Thiên Liêng, đã nhen nhúm ngọn lửa thiêng trong lòng tôi cho nó trở thành một tình thương bao la khắp vũ trụ.

Vài ngày sau, tôi đến ngồi tại phòng khách của Sư Phụ, lúc ấy vắng người. Tôi định tham thiền nhưng không thể tập trung tư tưởng; tư tưởng tôi tán loạn như một bầy chim bay tản mác trước tiếng súng của người đi săn.

- Mukunda, Mukunda!

Tiếng gọi của Sư Phụ vọng đến tai tôi từ một bao lơn gần đó. Tôi cảm thấy trái ý và thầm nghĩ rằng: “Sư Phụ vẫn thường bảo tôi nên tham thiền; nay người không nên quấy rầy tôi, vì người biết tôi vào đây để làm gì.”

Sư Phụ lại gọi tôi; tôi vẫn im lặng không đáp lại. Lần thứ ba tiếng gọi của người có một giọng trách móc. Tôi phản kháng:

- Bạch Sư Phụ, con đang bận tham thiền!

- Ta biết con tham thiền như thế nào rồi! Tư tưởng con tản mác như là bay trước gió. Hãy lại đây!

Bị nói đúng ngay tâm trạng của mình, tôi lẳng lẳng cúi đầu đi về phía Sư Phụ.

- Con hỡi, những ngọn núi cao không đem lại cho con những gì con

muốn.

Sư Phụ nói với một giọng dịu dàng, thương hại tôi. Cái nhìn im lặng của người biểu lộ một tâm hồn tế nhị sâu sắc khôn lường.

- Ước vọng của con sẽ thành sự thật!

Sri Yukteswar ít khi nói những lời bóng bẩy cao xa nên tôi lấy làm bối rối. Người vỗ nhẹ một cái lên ngực tôi, ở chỗ trên quả tim. Đột nhiên, thân mình tôi dường như ngay cứng; hơi thở thoát ra khỏi hai luồng phổi của tôi, dường như bị thu hút bởi một đá nam châm vĩ đại; linh hồn tôi dường như bị đứt ra khỏi thể xác và toát ra ngoài do mỗi lỗ chân lông như một thứ hào quang sáng rỡ. Tôi không còn cảm giác được xác thân tôi, tuy rằng những quan năng bị kích động mãnh liệt làm cho tôi có ý thức một cách toàn vẹn về sự sống mà tôi chưa từng cảm giác bao giờ. Cái bản ngã của tôi không còn giới hạn trong thể xác mà bao trùm cả những nguyên tử của cảnh vật chung quanh. Những nhân vật ở ngoài dường như nhẹ nhàng uyển chuyển đi xuyên qua thân mình đã trở nên vô giới hạn của tôi. Những rễ cây lớn nhỏ xuất hiện dưới lòng đất trở nên trong vắt trước nhãn quang của tôi, và tôi nhìn thấy cả nhựa cây luân chuyển mãnh liệt bên trong những rễ và thân cây.

Cái viễn ảnh của vùng chung quanh diễn ra đến vô tận trước mắt tôi. Tầm nhãn quang của tôi đã nở rộng đến khắp nơi khắp chốn làm cho tôi có thể nhìn thấy tất cả mọi sự cùng một lúc. Tôi nhìn thấy cả phía sau lưng tôi, người người qua lại trên đường lộ và tôi thấy một con bò trắng từ từ đến gần; con bò đi đến cửa đạo viện và lọt vào tầm nhãn quang thông thường của tôi. Khi nó đi qua khỏi cửa tôi vẫn còn nhìn thấy nó một cách rõ ràng xuyên qua bức tường rào bằng gạch.

Trong tầm nhãn quang siêu linh của tôi, những vật rung động và rung chuyển như những hình ảnh trong phim chớp bóng. Thể xác tôi, thân thể của Sư Phụ, những cột trụ ngoài sân, bàn ghế, sàn gạch trong nhà, cây cỏ ngoài đường cùng vàng mặt trời mọc lúc ban mai rung động mỗi lúc càng mãnh liệt hơn cho đến khi tất cả đều biến tan trong một biển lớn với những luồng sóng chớp sáng lòe như chất lân tinh, chẳng khác nào như chất đường biến tan trong nước.

Một niềm phúc lạc say sưa khôn tả xâm chiếm lấy tâm hồn tôi từng đợt như những luồng sóng dập dồn ngoài biển cả. Một vàng hào quang rực rỡ huy hoàng nảy nở từ bên trong thân mình tôi nở rộng mãi cho đến khi nó bao trùm cả những vùng lục địa, thung lũng, đất liền, biển đại dương, những vàng thái dương và tinh tú, tinh vân, chòm sao, thậm chí đến cả những giải ngân hà vĩ đại vô biên...

Toàn thể vũ trụ lóng lánh một ánh sáng êm dịu như một thành phố nhìn từ xa lúc ban đêm đều hỗn hợp với cái Chân Ngã vô biên giới của tôi. Những vành ngoài thật rõ rệt xuất hiện ở chỗ chu vi cái linh ảnh của tôi, nhưng tôi còn nhận thấy ở xa hơn nữa một thứ hào quang tinh anh chiếu sáng không hề giảm bớt cường độ rực rỡ huy hoàng của nó; giữa cái bối cảnh huyền diệu là hình ảnh những bầu hành tinh chiếu một thứ ánh sáng đục và thô thiển hơn nhiều.

Vàng ánh sáng huyền diệu xuất hiện từ Nguồn Gốc thiêng liêng, từng đúc kết những bầu tinh tú, thêu dệt những dãy Ngân Hà, từ từ biến thành muôn ngàn vòng hào quang rực rỡ huy hoàng khôn tả. Liên tiếp không ngừng, tôi nhìn thấy những tia điện lực sáng tạo kết tinh thành những chòm sao và phóng ra những tia lửa chói sáng. Hàng hà sa số những bầu thế giới nối tiếp nhau luân chuyển nhịp nhàng từng đợt trong một vòng hào quang trắng đục, toàn thể nền trời rực sáng lên như một cơn hỏa hoạn khổng lồ.

Tôi biết rằng trung tâm của những linh ảnh đó nằm ở một vị trí trong quả tim của tôi tức là trung tâm trực giác. Bao nhiêu linh ảnh rực rỡ huy hoàng đó toát ra từ những tế bào trong cơ thể của tôi và thâm nhập vào tận guồng máy vô hình huyền diệu của vũ trụ! Nước cam lồ thiêng liêng của sự trường sinh bắt tử vọt ra từ bên trong con người của tôi như một vòi suối nóng. Tiếng nói của Thượng Đế, Động Từ của sức sáng tạo thiêng liêng vang lên trong thánh ngữ AUM, một rung động của Thiên Cơ huyền diệu.

Bỗng nhiên, tôi cảm thấy hơi thở đã trở lại với tôi. Với một sự thất vọng lớn lao, tôi nhận định rằng tính chất bao la vô cùng của Vũ Trụ ở chung quanh tôi đã không còn nữa. Lại một lần nữa tôi bị giam hãm trong cái thể xác ngục tù đốn mạt này, ở trong đó Linh Hồn tôi phải chịu ẩn trú một cách gượng gạo, miễn cưỡng. Như một người con bỏ nhà đi hoang, tôi vừa rời khỏi cái vũ trụ bao la là chỗ cư trú vĩnh viễn của tôi để tự giam cầm trong sự chật hẹp tù túng của thể xác vật chất này.

Sư Phụ đứng yên lặng trước mặt tôi; tôi liền quỳ lạy dưới chân người để tỏ lòng biết ơn về sự kinh nghiệm siêu linh mà tôi đã từng mong ước từ lâu một cách say sưa nồng nhiệt. Sư Phụ giữ tôi lại và nói một cách bình tĩnh, không chút tự hào:

- Không nên mê mẩn say sưa trong cơn đại định! Con còn có nhiều việc phải làm ở thế gian này. Thôi, con đi quét bao lơn đi, và sau đó chúng ta sẽ đi dạo một vòng trên bờ sông Hằng.

Tôi cảm cái chối và liền hiểu rằng Sư Phụ vừa dạy tôi những bí quyết của một đời sống quân bình. Linh hồn phải bay cao trong Vũ Trụ Càn Khôn bao la vô tận, trong khi thể xác phải làm công việc hàng ngày.

Sau đó, khi Thầy trò chúng tôi đi dạo trên bờ sông, một niềm phúc lạc say sưa khó tả vẫn còn xâm chiếm lấy tôi. Tôi cảm thấy hai thân mình chúng tôi dường như hai hình bóng lướt trên đường lộ dọc theo một con sông màu lửa đỏ. Sư Phụ giải thích:

- Tinh thần của Thượng Đế tích cực bảo dưỡng mọi hình thể và vật chất trong vũ trụ; nhưng Ngài vốn toàn thông và tiêu diêu trong chỗ hư không bên ngoài hiện tượng giới. Những vị thánh đã thực hiện bản chất thiêng liêng của mình trong khi còn ở thế gian, từng kinh nghiệm một đời sống song đôi giống y nhau. Trong khi họ vẫn làm công việc thế gian, tâm hồn họ đắm chìm trong một trạng thái phúc lạc bên trong nội tâm. Thượng Đế sáng tạo ra con người để cho họ có thể tham dự vào niềm phúc lạc tự tại vô biên của Ngài. Tuy bị dính liền với thể xác, những linh hồn được tạo ra theo hình ảnh của Thượng Đế, rốt cuộc phải giải thoát khỏi sự trói buộc của giác quan và hợp nhất với Ngài.

Tôi thu thập được một sự ích lợi rất lớn do sự kinh nghiệm siêu linh vừa qua. Cố gắng hằng ngày để kiểm soát tư tưởng, tôi đã có thể thoát sự nhận định sai lầm rằng tôi là cái thể xác bằng xương bằng thịt này, và chọc thủng cái vỏ cứng của vật chất. Hơi thở, tư tưởng luân phiên hoạt động không ngừng, giống như cơn giông bão làm giao động mặt biển Ánh Sáng với vô số những ngọn sóng vật chất: đất, trời, người, động vật, chim muông, cây cỏ. Người ta chỉ có thể nhìn thấy chân tướng của sự vật trong những lúc biển lặng sóng êm.

Một vị Tôn Sư chỉ ban cho đệ tử cái kinh nghiệm tâm thức siêu linh khi nào người đệ tử, bằng cách tham thiền, đã tăng cường tinh thần của mình đến mức độ có thể dung túng được những chân trời rộng lớn đó. Tâm trí thức và quan điểm rộng rãi cũng chưa đủ. Chỉ có sự kiên tâm tu luyện và thực hành... mới có thể chịu đựng nổi cái kinh

nghiệm giải thoát đó. Người hành giả thật tâm tu luyện chắc chắn sẽ đạt tới trạng thái đó; đức tin mãnh liệt của y tự nhiên sẽ thúc đẩy y đến gần Thượng Đế.

Sri Yukteswar dạy tôi làm thế nào để nhớ lại cái kinh nghiệm huyền linh ấy tùy ý muốn, và làm sao chuyển đạt nó cho những người nào đã phát triển trực giác một cách khá đầy đủ. Tôi trải qua nhiều tháng trong trạng thái phúc lạc triền miên do sự hợp nhất với Thiên Liêng. Một hôm tôi hỏi Sư Phụ:

- Bạch Sư Phụ, con muốn biết xem bao giờ con sẽ tìm thấy Thượng Đế.

- Nhưng con đã thấy Ngài rồi!

- Bạch Sư Phụ, không phải. Con không tin như vậy.

Sư Phụ mỉm cười:

- Ta chắc con không nghĩ rằng Ngài là một ông già đạo mạo râu tóc bạc phơ ngồi trên một chiếc ngai vàng ở một góc cạnh nào đó trong vũ trụ càn khôn! Chắc hẳn con tưởng tượng rằng biết được Thượng Đế tức là thủ đắc được những quyền năng nhiệm mầu? Người ta có thể chinh phục cả vũ trụ mà không tìm thấy Thượng Đế, sự thủ đắc tâm linh không thể đo lường bằng quyền năng của ta trên địa hạt vật chất, mà chỉ bởi niềm phúc lạc say sưa mà người hành giả cảm giác được trong cơn tham thiền.

Thượng Đế tức là niềm phúc lạc luôn luôn thay đổi mới không ngừng. Niềm phúc lạc ấy không bao giờ khô cạn; người ta có thể tham thiền trong nhiều năm nhưng vẫn không nắm được nó. Người hành giả nào đã tìm thấy con đường đưa đến niềm phúc lạc ấy sẽ

không bao giờ đem đổi nó với bất cứ giá nào.

Người đời chóng chán những lạc thú trần gian! Sự đòi hỏi thật là vô cùng, sự thỏa mãn chỉ trong chốc lát; con người theo đuổi từ một mục đích này, đến một mục đích khác. Cái mà y khát khao tìm kiếm nhưng vẫn không gặp, đó là Thượng Đế, chỉ có Ngài mới đem lại cho con người nguồn hạnh phúc vô tận.

Bây giờ con đã hiểu tại sao các vị thánh gọi Thượng Đế là Đấng Vô Cùng. Một đời sống trường cửu vô tận cũng không đủ để đạt tới Ngài.

Thật vậy, nhưng Ngài cũng rất gần chúng ta. Khi mà tinh thần giải thoát khỏi sự kèm hãm của giác quan, thì chừng đó sự thiền định đưa đến một chứng minh song đôi về Thượng Đế. Trước hết, một niềm phúc lạc luôn luôn đổi mới thấm nhuần vào tâm hồn chúng ta cho đến tận những nguyên tử tế bào trong châu thân. Kế đó, người hành giả luôn luôn được Ngài dìu dắt trong cơn thiền định và những câu hỏi băn khoăn thắc mắc sẽ được giải đáp.

Tôi mỉm cười biết ơn:

- Bạch Sư Phụ, Sư Phụ đã giải đáp mọi sự nghi ngờ của con. Bây giờ con biết rằng mình đã tìm thấy Thượng Đế, vì trong khi tham thiền, tâm hồn con được từ từ thấm nhuần một niềm hạnh phúc và an lạc vô biên, và trong những giờ hoạt động con được hướng dẫn một cách tế nhị để có một phép xử thế đúng đắn tốt lành trong mọi công việc, chí đến những phần chi tiết nhỏ nhất.

Cuộc đời sẽ còn đau khổ phiền não khi con người chưa biết sống đúng theo Thiên Ý. Thượng Đế mang lấy cái gánh nặng của vũ trụ càn khôn; chỉ có Ngài mới hướng dẫn một cách không lầm lạc.

Chương 13

CÂY BÔNG CẢI BỊ MẮT TRỘM

- Bạch Sư Phụ, đây là món quà tặng của con: sáu cây bông cải do chính tay con trồng và chăm sóc đặc biệt.

Với một cử chỉ trịnh trọng, tôi dâng lên cho Sư Phụ cái rễ đưng bông cải. Sư Phụ đáp lại với một giọng sốt sắng:

- Cám ơn con. Con hãy cất trong phòng con. Ngày mai, Thầy sẽ cần dùng để nấu một bữa tiệc lớn.

Tôi vừa đến Puri để nghỉ hè tại đạo viện trên bờ biển của Sư Phụ. Đó là một ngôi nhà nhỏ, khang trang, với hai tầng lầu do Sư Phụ và các đệ tử dựng lên và day mặt ra vịnh Bengale.

Sáng hôm sau, tôi thức rất sớm và cảm thấy khỏe khoắn nhẹ nhàng trong bầu không khí miền biển cả với phong cảnh đẹp quanh vùng. Nghe giọng nói thanh tao của Sư Phụ, tôi nhìn thấy mấy bông cải quý và cất kỹ dưới gầm giường. Sư Phụ bảo tôi:

- Chúng ta hãy đi dạo một vòng trên bờ biển.

Sư Phụ mở đường đi trước, vài đệ tử và tôi đi từng nhóm lẻ tẻ. Sư Phụ nhìn chúng tôi bằng cặp mắt đầy khoan dung:

- Khi các đệ tử bên Tây Phương đi chơi chung với nhau, họ thường đi ăn rập từng bước. Bây giờ các con hãy sắp hàng đôi và tiến tới...

Chúng tôi cất bước đi nhịp nhàng; Sri Yukteswar vừa đi theo vừa hát một bài ca hành khúc. Tôi nhìn theo và thán phục sự tự nhiên bình thản của Sư Phụ khi người cùng hòa mình thi đua cùng sự hăng say với các đệ tử.

- Ngừng lại... ngừng!

Đôi mắt của Sư Phụ nhìn quanh để tìm tôi:

- Mukunda, con có nhớ đóng cửa sau của đạo viện?

- Bạch Sư Phụ, con nhớ là đã đóng rồi!

Sri Yukteswar im lặng trong vài phút với một nụ cười trên môi. Sau cùng người nói:

- Không, con đã quên. Sự thiền định công phu không phải là một cái có để bào chữa cho sự cầu thả trong đời sống hằng ngày. Con đã xao lãng bổn phận trông nom đạo viện và con sẽ bị trừng phạt về cái tội đó.

Tôi tưởng Sư Phụ nói đùa khi người nói thêm:

- Trong sáu cây bông cải của con, lát nữa chỉ còn lại có năm!

Theo lệnh Sư Phụ, chúng tôi quay trở lại và trong giây lát đã về gần tới đạo viện.

- Hãy đợi một lát, Mukunda; kìa con hãy nhìn về đằng xa, trên con đường ở bên đạo viện. Một người đang đi trên con đường đó, y là cái lý do sự trừng phạt của con!

Tôi cố dẫu sự bất mãn với những lời nói lạ lùng đó. Thành linh, một người nông dân xuất hiện trên đường lộ với tướng đi xiêu vẹo, hai tay y múa may quay cuồng với những cử chỉ lạ lùng của một người điên. Vừa kinh ngạc, tôi vừa nhìn xem cảnh tượng buồn cười đó. Khi người ấy vừa đi đến một nơi trên đường lộ mà y sẽ khuất tầm nhãn quang của chúng tôi, Sri Yukteswar nói:

- Bây giờ, y sẽ quay đầu trở lại.

Quả thật, người nông phu đổi chiều hướng và noi theo con đường về đạo viện. Sau khi vượt qua một mảnh đất trống, y lọt vào đạo viện do cánh cửa sau mà tôi đã quên khóa lại cẩn thận theo lời dặn của Sư Phụ. Trong giây lát, người ấy bước ra, tay ôm theo một cây bông cải trong số sáu cây bông cải quý báu của tôi. Bây giờ, y đi một cách vững chãi, dường như y đã làm xong một kỳ công hiển phách.

Cuộc đùa nghịch vô lý này không làm cho tôi ngỡ ngàng quá mức, tôi bèn rượt theo tên ăn trộm. Tôi chạy theo đến nửa đường thì Sư Phụ gọi tôi trở lại và ôm bụng cười lớn. Giữa hai trận cười giòn giã, Sư Phụ giải thích:

- Người điên này đang mơ ước một cây bông cải. Thầy nghĩ rằng thật không phải là một điều dở mà cho y vào lấy một cây trong mấy cây bông cải của con, khi con không biết giữ gìn cẩn thận.

Tôi vội chạy vào phòng riêng của tôi và nhận thấy rằng tên ăn trộm hẳn là bị ám ảnh bởi một loại rau cải, nên không đá động đến những chiếc nhẫn vàng, đồng hồ tay và tiền bạc của tôi để rải rác trên giường. Thay vì lấy trộm của quý này y lại bò xuống gầm giường là nơi cất những cây bông cải của tôi, hoàn toàn che dấu đối với những cặp mắt không để ý, lại kêu gọi lòng tham của y.

Đến chiều, tôi yêu cầu Sư Phụ giải thích hiện tượng khó hiểu đó. Sư Phụ chậm rãi lắc đầu:

- Một ngày kia con sẽ hiểu. Không bao lâu nữa khoa học sẽ khám phá vài định luật huyền bí về loại đó trong thiên nhiên.

Về sau, khi toàn thể thế giới lấy làm ngạc nhiên trước những phát minh nhiệm màu về khoa vô tuyến điện, tôi mới nhớ lại lời tiên tri của Sư Phụ. Những quan niệm cổ xưa về thời gian và không gian đều bị đảo lộn, không một gian nhà nào là quá nhỏ để không thể chứa đựng cả Luân Đôn hay Vọng Các! Bằng chứng không thể chối cãi về một trong những khía cạnh toàn thông của con người từ nay dường như đã nằm trong tầm hiểu biết của những bộ óc hoài nghi nhất.

Sự so sánh với khoa vô tuyến có thể giúp cho ta hiểu rõ hơn câu chuyện cây bông cải. Sri Yukteswar chẳng khác nào như một trạm vô tuyến điện. Tư tưởng con người không gì khác hơn là một rung động truyền đi xuyên qua chất dĩ thái. Cũng như một máy vô tuyến điện thu thanh một bản nhạc nhất định trong số hàng trăm nghìn chương trình phát thanh truyền đi từ khắp mọi nơi trên thế giới, Sư Phụ tôi đã bắt được những tư tưởng của một người điên bị ám ảnh bởi sự mong ước có một cây bông cải, giữa hàng hà sa số những tư tưởng của tất cả mọi người, tức bao nhiêu máy truyền thanh trên thế giới. Ý chí mạnh mẽ của Sư Phụ đã hành động xuyên qua không gian và bắt buộc người nông dân đổi chiều hướng quay đầu trở lại theo cửa sau bước vào nhà lấy một cây bông cải trong phòng tôi!

Mọi việc có ý nghĩa đã xảy ra vài ngày sau vụ ăn trộm bông cải. Một cây đèn dầu lửa bị thất lạc. Đã nhiều lần chúng kiến khả năng tiên tri của Sư Phụ, tôi cho rằng đối với Sư Phụ thì tìm lại cây đèn chỉ là

một trò chơi trẻ con.

Sư Phụ đoán biết ý nghĩ của tôi. Người hỏi tất cả các đệ tử trong đạo viện với một vẻ mặt nghiêm trọng khác thường. Một đệ tử thú nhận đã dùng cây đèn để đi ra giếng nước ngoài sân sau.

Sri Yukteswar trịnh trọng đưa ra lời khuyên.

- Hãy tìm cây đèn ở gần cái giếng.

Tôi hồi hả chạy nhanh đến nơi thì không thấy đèn đâu cả! Thất vọng, tôi trở lại tịnh xá, Sư Phụ thốt ra một chuỗi cười dài không màng đến sự thất vọng của tôi:

- Tại sao con muốn cho ta phải tìm thấy lại cây đèn? Ta đâu phải là nhà phù thủy!

Người nói thêm với một tia sáng tinh ranh trong cặp mắt:

- Và cũng không phải là một thám tử tài ba!

Khi ấy tôi mới nhận định rằng Sư Phụ từ chối không dùng đến những quyền năng siêu phàm khi bị thử thách hoặc vì một mục đích nhỏ mọn.

Thời gian trôi qua trong cuộc sống hòa hợp vui vẻ giữa Thầy trò. Sri Yukteswar định tổ chức một cuộc rước lễ tôn giáo. Người giao cho tôi điều khiển cuộc diễu hành của các đệ tử qua thành phố và vịnh Puri. Ngày rước đèn đã đến, mặt trời bình minh xuất hiện với một nhiệt độ nóng bức khác thường.

Tôi hỏi trong cơn tuyệt vọng:

- Bạch Sư Phụ, làm sao con có thể hướng dẫn các huynh đệ đi chân trần trên bãi cát nóng như thiêu đốt?

Sư Phụ đáp:

- Ta sẽ tiết lộ cho con biết một điều bí mật. Thượng Đế sẽ đưa đến một cụm mây che bớt ánh nắng và các con sẽ đi đứng dễ dàng không chướng ngại.

Tôi vui vẻ nhận công tác tổ chức cuộc rước lễ. Nhóm đệ tử rời khỏi đạo viện, người đi đầu cầm cây đạo kỳ Sat Sanga (*Sri Yukteswar đặt tên đạo viện là Sat Sanga, có nghĩa là “Môn phái của Chân Lý.”*) Trên cây cờ có vẽ một con mắt thánh tượng trưng cho Huệ Nhãn thiêng liêng. (*“Nếu mắt người chỉ có một, toàn thân người sẽ soi sáng. (Mathieu VI, 22)”* Trong cơn thiên định thâm sâu, Huệ Nhãn thức động ở một điểm trên trán, giữa hai chân mày. Các Kinh Sách gọi đó là con mắt Toàn Tri, con mắt thứ ba, con mắt của Thần Shiva, con mắt trực giác v.v...)

Khi chúng tôi rời khỏi đạo viện thì góc trời ở ngay trên đầu chúng tôi có mây kéo đen nghịt dường như do một phép màu. Giữa những tiếng kêu ngạc nhiên của tất cả mọi người, một cơn mưa lâm tẩm nhẹ hột rơi xuống làm dịu bớt sức nóng trên đường lộ và bãi cát nóng cháy da. Trong hai tiếng đồng hồ của cuộc diễn hành, mưa vẫn rơi đều hột không ngừng, đem đến sự mát rượi trong không khí và cả trong lòng người! Khi chúng tôi trở về đạo viện, cả mây lẫn mưa đều biến tan không còn để lại dấu vết.

Khi tôi tỏ lòng biết ơn Sư Phụ, người đáp:

- Con thấy rằng Thượng Đế che chở chúng ta, Thượng Đế thương yêu và giúp đỡ tất cả mọi người. Cũng như Ngài đã đem mây mưa

để ứng lời cầu nguyện của Thầy, Ngài thỏa mãn mọi điều mong ước chân thành của những người sùng tín. Người đời ít khi nhận thấy Thượng Đế đã đáp ứng bao nhiêu lần những ước vọng của họ. Ngài không thiên vị một thiểu số nào, nhưng Ngài lắng nghe những kẻ nào cầu nguyện Ngài với tất cả tâm hồn. Như vậy, người đời phải có một đức tin tuyệt đối nơi lòng Từ Bi Bác Ái của đấng Cha Lành trên trời.

Hằng năm, Sri Yukteswar hành lễ bốn mùa, trong những dịp đó các đệ tử tề tựu kéo về đông đảo từ khắp chốn xa gần. Cuộc rước lễ mùa đông cử hành tại Serampore, đó là lần rước lễ đầu tiên mà tôi tham dự, và nó đã đem đến cho tôi một niềm an lạc lạ thường.

Cuộc lễ bắt đầu từ lúc sáng sớm mai bằng một đám rước gồm những đệ tử sắp hàng đi chân trần diễn hành qua các đường phố. Giọng hát của hàng trăm đệ tử cùng hòa tấu một khúc thánh ca tôn giáo làm dịu tâm hồn, những nhạc công thổi sáo, đánh trống và chập chĩa. Dân chúng hứng khởi ném bông hoa dưới chân chúng tôi, họ lấy làm sung sướng mà nghe chúng tôi suy tôn danh hiệu đấng Chí Tôn trong một khúc thánh ca vang lừng, đem đến cho họ một nét thay đổi mới lạ trong cuộc sống lặng lẽ với những bồn phận quen thuộc hàng ngày. Sau cuộc diễn hành khắp các đường phố, đám rước đã trở về sân đạo viện, tại đó chúng tôi đứng vây quanh Sư Phụ trong khi những bạn đồng môn khác từ những bao lơn trên đầu ném xuống chúng tôi từng đợt những cành hoa cúc và hoa mẫu đơn vàng ánh.

Những quan khách dự lễ bước lên từng lầu trên, tại đây họ được tiếp đãi với món sũa chua và cam ngọt. Tôi vạch một lối đi xuyên qua nhóm bạn đồng môn đang làm bếp. Trong dịp lễ long trọng này, với một số quan khách và đệ tử đông đảo như thế, những nồi cháo khổng lồ được đem ra sử dụng và việc nấu bếp được đặt ở ngoài sân. Những đám lửa củi nhúm trong các lò gạch xây tạm phát ra một luồng khói khét làm nghẹt thở, nhưng chúng tôi vẫn làm việc một

cách vui vẻ hết lòng. Ở Ấn Độ, những cuộc thánh lễ tôn giáo không bao giờ bị coi như một việc khó nhọc, mỗi người đều làm bất cứ việc gì tùy sức mình, họ đóng góp tiền bạc, cơm gạo, rau trái hoặc phụ giúp một cánh tay lao碌.

Sư Phụ phút chốc đã đến với chúng tôi, người theo dõi mọi công việc chuẩn bị hành lễ. Không hề mệt mỏi, người thi đua sức vóc và niềm hứng khởi trong việc làm với những đệ tử trẻ nhiệt thành nhất.

Trên tầng lầu hai, một nhóm nhạc công và ca sĩ hát các bài thánh ca theo nhịp đàn kéo và trống nhỏ. Sư Phụ lắng tai nghe như một người sành điệu, vì người có một lỗ tai âm nhạc toàn hảo:

- Hát sai nhịp rồi!

Sau khi đi một vòng quan sát chỗ nhà bếp, Sư Phụ trở lại nhóm nhạc công lúc nãy. Bản nhạc du dương vang lên nhưng lần này thì hoàn toàn đúng nhịp.

Ở Ấn Độ, âm nhạc được coi như một nghệ thuật thiêng liêng, ngang hàng với hội họa hay kịch nghệ. Thần Brahma, thần Vishnou và thần Shiva, tức Ba Ngôi bất tử của Thượng Đế đều là những vị nhạc sĩ đầu tiên. Trong truyện Thần Thoại Ấn Độ, thần Shiva biểu hiện vị Vũ Công Thiêng Liêng với những vũ điệu thần bí, diễn tả cuộc sáng tạo, bảo dưỡng và biến tan của Vũ Trụ, trong khi thần Brahma đánh nhịp theo âm điệu những chập chĩa khua động vang tai và thần Vishnu đánh trống mridanga. Thần Krishna, một hậu thân của thần Vishnou luôn luôn được hình dung với một ống sáo mà những âm điệu du dương làm thức tỉnh những linh hồn còn đang mê muội trong giấc mơ của ảo giác(Maya), tức ảo ảnh của vũ trụ và nhắc nhở họ hãy quay trở về gốc cũ trường cửu muôn đời. Saraswati, vị nữ thần minh triết, được hình dung khảy đàn vina, mẹ

của tất cả các thứ đàn dây. Bộ kinh Sama Veda chứa đựng những thiên luận nhạc cổ nhất thế giới.

Trong ngày lễ, ban nhạc công trên từng lầu hai đã làm hứng khởi đến cả những tay đầu bếp tình nguyện ở chung quanh những lò chảo sôi bỏng của họ. Các bạn đạo và tôi cùng vui vẻ hát những bài thánh ca và đánh nhịp bằng hai bàn tay.

Đến chiều, chúng tôi đã dọn cơm chiên với đậu, rau cải nấu với cari và bánh hấp cho hàng trăm quan khách. Sau bữa cơm chiều, chúng tôi trải nệm bằng vải cứng ở ngoài sân, tất cả mọi người đều ngồi xếp bằng trên nệm vải dưới màn trời đầy sao, chăm chú nghe lời giảng đầy minh triết của Sư Phụ về pháp môn Kriya Yoga, theo đó người nêu lý tưởng sống của cuộc đời thanh cao, yên tĩnh, tinh tiến, theo phép ăn uống giản dị và hoạt động cơ thể hàng ngày. Kế đó, nhóm đệ tử trẻ hát những bài thánh ca và cuộc lễ kết thúc bằng một khúc nhạc hòa tấu. Từ mười giờ tối đến nửa đêm, các đệ tử chia nhau rửa chén bát và quét sân đạo viện. Sư Phụ gọi tôi lại gần:

- Thầy hài lòng về công việc mà con đã làm ngày hôm nay và suốt cả tuần lễ chuẩn bị. Thầy cần dùng đến con, đêm nay con có thể ngủ trên giường Thầy.

Đó là một đặc ân mà tôi chưa bao giờ dám nghĩ đến. Chúng tôi ngồi yên lặng trong một lúc, đắm chìm trong cơn tọa thiền thiêng liêng. Chúng tôi vừa nằm nghỉ trên giường được độ mười phút thì Sư Phụ bèn ngồi dậy mặc áo chỉnh tề:

- Bạch Sư Phụ, có chuyện chi?

Tôi còn cảm thấy tràn đầy một niềm sung sướng với ý nghĩ được nằm gần bên Sư Phụ.

- Hình như có vài đệ tử đến trễ do chuyến xe lửa đêm, họ sẽ đến đây trong giây lát. Chúng ta hãy sửa soạn vài món ăn.

- Bạch Sư Phụ, ai lại đến đây vào lúc một giờ sáng?

- Con hãy ngủ yên, hôm nay con đã làm việc nhiều, để Thầy tự làm bếp.

Có một giọng quả quyết trong câu nói của Sư Phụ làm cho tôi phải ngồi dậy và theo người vào bếp. Trong giây lát, nồi cơm nóng và chảo đậu xào gia vị đã bốc khói nghi ngút.

Sư Phụ nở một nụ cười đầy vẻ ưu ái:

- Đêm nay con đã thắng đoạt sự mệt nhọc và không ngại làm một công việc bất ngờ, từ nay về sau không một công việc nặng nhọc nào có thể làm cho con e ngại được nữa.

Khi người vừa dứt lời, tôi nghe có tiếng chân người ở ngoài sân. Tôi bèn chạy xuống cầu thang và đưa vào một nhóm đệ tử. Một người trong nhóm nói thấp giọng:

- Thưa sư huynh, chúng tôi không dám quấy rầy Sư Phụ vào một giờ khuya khoắt như vậy. Chúng tôi đi nhằm chuyến xe khuya, biết là đến trễ nhưng chúng tôi không lẽ trở về mà không chào Sư Phụ.

Sư Phụ đang đợi các huynh, giờ này người đang lo cơm nước cho các huynh đó.

Giọng nói của Sư Phụ vang lên, tôi dắt nhóm đệ tử còn vẻ ngạc nhiên vào bếp. Đôi mắt chớp sáng, Sư Phụ quay sang phía tôi:

- Bây giờ con đã được nghe xong tin tức, Thầy hy vọng con lấy làm sung sướng mà thấy các vị khách của ta thật sự đã đi về chuyến xe lửa đêm nay!

Nửa giờ sau, tôi theo Sư Phụ vào buồng ngủ và lấy làm hãnh diện mà được nằm gần bên một vị Tôn Sư thánh thiện.

Chương 14

ĐỀ ĐÁNH LỬA CÁC TINH TÚ

- Mukunda, tại sao con không đeo một vật phù hộ chiêm tinh?

- Bạch Sư Phụ, bởi vì con không tin khoa chiêm tinh.

- Vấn đề không phải là tin hay không tin! Thái độ khoa học duy nhất là tìm hiểu xem một vấn đề có đúng không đúng. Luật hấp dẫn vẫn có trước cũng như sau Newton. Thế giới này sẽ hỗn loạn nếu những định luật thiên nhiên chỉ hành động dưới điều kiện là phải được chấp nhận bởi con người. Những tay thầy bói giả mạo đã làm hoen ố khoa học khảo sát tinh tú. Khoa chiêm tinh có một tầm bao quát trên địa hạt toán học và triết lý, nó rộng rãi đến nỗi chỉ người nào có một tầm kiến thức bao la mới có thể lãnh hội được nó một cách toàn diện. Bởi thế, kẻ ngu dốt không biết quan sát càn tượng, chỉ nhìn thấy ở đó một sự rối rắm không ý nghĩa, nhưng bậc hiền triết lại có một quan niệm khác hẳn.

Sư phụ nói tiếp: - Những dây liên lạc vô hình, những sự tương quan ảnh hưởng, vẫn có luôn luôn giữa vạn vật trong vũ trụ. Nhịp độ điều hòa của vũ trụ căn cứ trên sự tương quan. Con người, trong cái lớp vỏ bằng xương thịt, phải chiến đấu với hai thứ mãnh lực: trước hết, sự nhu cầu của thể xác cấu tạo nên bởi tứ đại giả hiệp: đất, nước, lửa, gió; sau đó là những mãnh lực phá hoại trong thiên nhiên, thuộc về ngoại cảnh. Khi con người còn chịu sự chi phối, kiểm tỏa của xác thịt, y còn chịu ảnh hưởng của những sức mạnh biến chuyển không ngừng trong vũ trụ càn khôn.

Khoa chiêm tinh nghiên cứu những phản ứng của con người dưới ảnh hưởng kích động của các bầu tinh tú. Những bầu tinh tú vốn không lạnh không dữ mà chỉ phát ra những làn sóng rung động tích cực hay tiêu cực, thuộc âm hay thuộc dương. Chúng không phù trợ, cũng không làm hại con người, mà chỉ là những khí cụ trung gian do đó được biểu lộ một cách đúng đắn không hề suy chuyển, những mối tác động quân bình về nhân quả gây nên bởi những hành động trong quá khứ.

Một người sinh ra đời vào một ngày giờ mà những ảnh hưởng của các bầu tinh tú hòa hợp một cách đúng đắn với nghiệp quả cá nhân của y. Lá số chiêm tinh của người ấy tiết lộ cái dĩ vãng và những gì có thể xảy ra trong tương lai. Chỉ những người nào có khiếu linh giác và minh triết sâu xa mới có thể diễn đạt lá số ấy một cách đúng đắn, và những người ấy rất hiếm.

Bức thông điệp khắc trên bầu tinh tú đúng vào ngày giờ sinh của một người không phải là để tăng cường cái định mệnh của y (kết quả của những hành động thiện ác trong quá khứ) mà để gây ra nơi con người cái ý chí giải thoát khỏi cái ngục tù kiềm tỏa của vũ trụ. Người ấy không thể xóa bỏ kết quả của những việc mà y đã làm. Y đã gây ra những duyên nghiệp trong quá khứ, nó sẽ đem bông kết quả từ từ trong cuộc đời hiện tại của y. Y có thể vượt qua mọi chướng ngại bởi vì y có những hành động của mình, và bởi vì y có những khả năng tâm linh vượt ra ngoài vòng ảnh hưởng độc đoán của các bầu tinh tú.

Sự sợ sệt dị đoan về khoa chiêm tinh biến con người thành một vật thụ động, nô lệ của một sức mạnh mù quáng. Người khôn ngoan sáng suốt thẳng đoạt được những bầu hành tinh, tức dĩ vãng của mình. Khi người ta càng nhận thức được sự hợp nhất tâm linh của mình với Tinh Thần, hay Đại Thể của vũ trụ người ta càng thoát khỏi sự kiềm tỏa của vật chất. Linh hồn người vốn tự do trường cửu; vốn bất sinh bất diệt, nó không thể chịu áp lực trói buộc của các bầu tinh tú.

Thượng Đế, chính là Công Lý. Người hành giả hòa hợp bản thể của mình với đấng Thiên Liêng sẽ không bao giờ làm một việc bất công. Sự hoạt động của y từ nay sẽ phù hợp một cách tự nhiên với những định luật chiêm tinh. Sự cầu nguyện, sự tham thiền quán tưởng sẽ giúp y giao cảm với Thiên Ý và không một mãnh lực nào là cao hơn sự che chở của sức mạnh đó từ bên trong.

- Bạch Sư Phụ, như vậy tại sao Sư Phụ muốn cho con đeo một vật hộ phù chiêm tinh?

Tôi đưa ra câu hỏi đó sau một cơn im lặng kéo dài, trong khi đó tôi suy ngẫm rất lâu về những lời vàng ngọc của Sư Phụ.

- Chỉ khi nào người lữ hành đã đi đến mục tiêu cuộc hành trình, y mới không còn cần đến bản đồ. Trên đường thiên lý, y phải biết sử dụng mọi con đường tắt để tiết kiệm sinh lực và thời giờ. Những vị chân sư thời cổ đã khám phá được nhiều phương tiện thu ngắn khoảng thời gian mà con người trải qua giữa cảnh vô minh hắc ám của thế gian. Trong cái guồng máy phức tạp của luật nhân quả, có những bộ phận mà một bàn tay minh triết có thể điều chỉnh một cách khéo léo.

Tất cả những tai họa thống khổ của con người đều do bởi y đã vi phạm những định luật thiên nhiên. Các Thánh Kinh nói rằng con người phải tuân theo những định luật thiên nhiên đó trước khi kêu gọi đến quyền lực tối cao của Trời. Y phải cầu nguyện như sau: “Con tin nơi Thượng Đế. Con biết Ngài có thể giúp con; nhưng về phần con, con sẽ cố gắng tối đa để sửa chữa những điều tội lỗi mà con đã làm.”

Sự cầu nguyện, sức mạnh ý chí, sự tham thiền, sự gìn giữ các bậc chân tu, việc sử dụng những vật hộ phù chiêm tinh giúp cho ta có thể làm dịu bớt hoặc tiêu trừ nghiệp chướng do quả báo gây nên.

Cũng như một cái nhà có ống thu lôi được che chở khỏi bị sét đánh,

thì xác thân chúng ta cũng có thể được che chở bằng nhiều biện pháp. Từ nhiều thế kỷ, các nhà đạo sĩ Yogi đã nghiệm thấy rằng vài loại kim khí phát ra một thứ hào quang có thể ngăn ngừa ảnh hưởng khốc hại của các bầu tinh tú. Những luồng từ khí tinh vi lưu chuyển thường xuyên trong vũ trụ, con người không hề biết những luồng từ điển đó ảnh hưởng ra sao, có lợi hay có hại cho thân thể và không thể làm gì được để đề phòng những ảnh hưởng đó.

Vấn đề này đã từng kêu gọi sự chú ý của các vị chân sư thời cổ, các vị ấy khám phá những phối hợp tốt lành của những loại kim khí, thậm chí cả những loại thảo mộc nhưng trên hết là các loại ngọc quý không tỳ vết nặng ít nhất là hai carats. Ngoài xứ Ấn Độ, ít có xứ nào đem việc sử dụng khoa chiêm tinh vào mục đích ngăn ngừa bệnh tật, tai họa, làm một đầu đề nghiên cứu quan trọng. Người ta thường không biết rằng những linh vật hộ phù bằng kim khí, đá quý hay thảo mộc, chỉ có hiệu nghiệm khi nào người ta đeo những vật ấy dính trên da thịt mình.

- Bạch Sư Phụ, con sẽ nghe theo lời khuyên của Sư Phụ và con sẽ mua một vật hộ phù. Con cảm thấy thích thú với ý nghĩ có thể đánh lừa các bầu tinh tú.

- Thường thì Thầy khuyên nên đeo một chiếc neo vàng pha bạc và đồng. Nhưng trong trường hợp riêng của con, Thầy muốn con hãy đeo một chiếc neo bằng bạc và chì.

Kế đó Sư Phụ đưa ra thêm một vài chi tiết.

- Bạch Sư Phụ, trường hợp của con là như thế nào?

- Không bao lâu, những tinh tú sẽ chiếu cố đến con một cách không được thuận thảo lắm, Mukunda! Nhưng con đừng sợ, con sẽ được che chở. Trong chừng một tháng, lá gan của con sẽ gây cho con

nhieu lo lắng. Bệnh ấy đáng lẽ kéo dài đến sáu tháng, nhưng món vật hộ phù sẽ thu ngắn thời gian ấy lại còn hai mươi bốn ngày!

Qua ngày hôm sau, tôi đến một tiệm kinh hoàn và đặt làm một vật hộ phù. Lúc ấy sức khỏe tôi dồi dào nên tôi quên những lời tiên tri của Sư Phụ! Người cũng đã rời Serampore để đi Benares. Một tháng sau, tôi cảm thấy đau nhói bên hông ở chỗ vị trí của lá gan. Những tuần lễ tiếp theo sau đó, tôi bị chứng đau gan nhưng tôi do dự không muốn làm phiền Sư Phụ tôi và hy vọng sẽ có đủ sức chịu đựng cơn thử thách.

Nhưng hai mươi bốn ngày đau đớn đã làm suy yếu quyết định của tôi. Tôi đáp xe lửa đi Benares, tại đây Sư Phụ tiếp đón tôi với một lòng ưu ái khác thường, nhưng không để cho tôi có dịp gặp riêng để nói chuyện với người về chứng bệnh của tôi. Nhiều đệ tử hôm ấy đặng viếng Sư Phụ để có dịp chiêm ngưỡng tôn nhân. Bị bỏ rơi, lại đau yếu, tôi bèn ngồi riêng một góc. Sau bữa cơm chiều, những người khách đã rút lui. Sư Phụ mới gọi tôi lên bao lơn lầu bát giác của tịnh xá.

- Phải chăng con đến đây vì chứng bệnh đau gan?

Sri Yukteswar day mặt qua chỗ khác, rồi đứng dậy đi bách bộ qua lại trong phòng, vóc dáng cao lớn của người thỉnh thoảng che khuất ánh trăng rọi xuyên qua cửa sổ.

- Con đã đau hai mươi bốn ngày, có phải không?

- Thưa vâng.

- Con hãy tập môn thể dục trị chứng bao tử mà Thầy đã chỉ dẫn cho con trước đây.

- Nếu Sư Phụ biết rõ con đau đớn đường nào thì chắc Sư Phụ sẽ không bảo con tập thể dục nữa!

Tuy vậy, tôi cố gắng vâng lời:

- Con nói rằng con đau, nhưng thầy nói là không. Làm sao có một sự tương phản như thế được?

Sư Phụ nhìn tôi với đôi mắt dò xét.

Tôi lặng người vì ngạc nhiên. Thành linh tôi lấy làm vui mừng mà thấy rằng cơn bệnh của tôi đã nhẹ, tôi không còn cảm thấy sự đau đớn nó đã làm cho tôi mất ngủ trong nhiều tuần! Một lời nói của Sư Phụ cũng đủ làm tiêu tan sự đau đớn của tôi dường như là tôi chưa hề bị đau bao giờ.

Với tấm lòng biết ơn, tôi định quì xuống dưới chân Sư Phụ thì người đã chặn tôi lại:

- Đừng làm trò trẻ con! Hãy đứng dậy và nhìn xem vàng trắng đẹp trên khu rừng già!

Nhưng đôi mắt của Sư Phụ long lanh một niềm hạnh phúc, trong khi tôi đứng lặng im trước mặt người. Nhìn thái độ của Sư Phụ tôi hiểu rằng người muốn tôi hãy cảm ơn, không phải Sư Phụ, mà là Thượng Đế.

Đến nay, tôi vẫn còn đeo món vật hộ phù bằng bạc và chỉ để tưởng niệm cái ngày đã qua không còn trở lại, ngày mà tôi hiểu rằng tôi đã sống bên cạnh một bậc siêu nhân. Trong những dịp khác, khi tôi đưa những bạn bè của tôi đến đạo viện để nhờ Sư Phụ chữa bệnh cho họ, người luôn luôn khuyên họ dùng những vật hộ phù hay ngọc

quí và giải thích sự hiệu nghiệm của những vật ấy để ngăn ngừa những sự chẳng lành, căn cứ trên khoa chiêm tinh.

Từ thuở nhỏ, tôi đã từng dùng những vật hộ phù như vậy, một phần bởi vì tôi thấy rất nhiều người có thái độ sợ sệt dị đoan với khoa chiêm tinh, và cũng bởi vì nhà chiêm tinh của gia đình tôi đã thốt ra lời tiên tri như sau: “Em sẽ cưới hỏi ba lần và bị hai lần góa vợ!” Tôi ngẫm nghĩ đến số mạng đáng buồn của tôi, và có cảm giác như linh hồn một con trầu sấp sữa bị hy sinh trước bàn thờ của ba cuộc hôn nhân!

- “Em phải chấp nhận số mệnh”, Ananta khuyên tôi như thế. “Lá số của em đã tiên liệu việc em trốn lên dãy Tuyết Sơn hỏi còn thơ ấu nhưng sẽ bị bắt lại. Như vậy lời tiên tri về ba cuộc hôn nhân cũng sẽ thành sự thật.

Một đêm kia, tôi có linh cảm rõ rệt rằng lời tiên tri ấy là sai. Tôi bèn đem đốt lá số của tôi và gói nhúm tro vào trong bao giấy, trên đó tôi viết giòng chữ: “Những mầm nghiệp quả của quá khứ không còn đâm chồi mọc nhánh, một khi nó đã bị cháy tiêu trong ngọn lửa minh triết thiêng liêng.” Tôi để cái gói giấy ở một nơi mà Ananta có thể nhìn thấy rõ ràng, anh tôi đọc xong lời thách thức của tôi bèn có nụ cười khinh miệt:

- Em không thể đốt cháy sự thật một cách dễ dàng như là đốt lá số này.

Quả thật, trước khi đến tuổi trưởng thành, gia đình tôi đã ba lần mưu toan xếp đặt việc hôn phối của tôi. Mỗi lần như thế tôi đều phá hỏng kế hoạch của họ, vì tôi biết rằng lòng yêu Đạo Lý của tôi còn mạnh mẽ hơn ảnh hưởng của tinh tú gây nên bởi sự hành động của luật quả báo.”

-“Khi một người càng tiến hóa trên đường tâm linh thì những rung động tinh vi của y càng ảnh hưởng đến toàn thể vũ trụ và y càng ít bị ảnh hưởng hơn bởi những chuyển biến không ngừng trong hiện tượng giới.”

Những lời nói đó của Sư Phụ thường trở lại trong trí nhớ để trấn tĩnh tâm hồn tôi.

Tôi đã từng yêu cầu các nhà chiêm tinh hãy hoạch định những thời kỳ xung khắc căn cứ theo lá số của tôi, trong những thời kỳ đó tôi vẫn tiếp tục hành động và coi như không có chuyện gì; tôi vẫn làm những công việc theo chương trình mà tôi đã vạch sẵn, không màng để ý đến sự sung khắc hay thất bại. Quả thật, tôi chỉ đạt được sự thành công bằng một cái giá rất đắt, là va chạm với những khó khăn trắc trở vô cùng lớn lao. Tuy vậy tôi đã có sự quả quyết chắc chắn, đức tin nơi sự che chở thiêng liêng, việc sử dụng khôn khéo quyền tự do ý chí, là những mảnh lực vô cùng mạnh mẽ hơn là tất cả những sự phối hợp ảnh hưởng của các tinh tú.

Tôi hiểu rằng lá số chiêm tinh của một người, không có nghĩa là người ấy chỉ là một kẻ nô lệ của quá khứ. Trái lại, nó có một ý nghĩa vinh diệu hơn: do Khoa Chiêm Tinh, đấng Thiêng Liêng tìm cách thức tỉnh nơi con người cái quyết định tự giải thoát khỏi mọi sự trói buộc, hạn chế. Thượng Đế sáng tạo ra con người như một linh hồn có cá tính riêng biệt, một phần tử cần thiết cho cơ cấu toàn diện của vũ trụ, bất luận trong vai trò tạm thời nào, dù quan trọng hay nhỏ nhặt tầm thường. Sự giải thoát của y sẽ là một việc tối hậu, nó tùy thuộc nơi sự thành công về đường tâm linh chứ không phải về phương diện vật chất.

Chương 15

VÀI KỶ NIỆM LẠ LÙNG

- Nghe em và con tôi quá đề cao và khâm phục Sri Yukteswar, tôi sẽ đến viếng ông ấy một lần xem sao!

Bác sĩ thú y Chunder Roy nói với một giọng trịnh thượng, nhưng tôi không tỏ ra bất mãn. Ông ta là một người duy vật hạng nặng. Con trai ông, Santosh, khẩn khoản yêu cầu tôi giúp đỡ cha y, nhưng trường hợp này có vẻ tuyệt vọng.

Qua ngày hôm sau, bác sĩ Roy cùng đi với tôi đến đạo viện Serampore, Sư Phụ bằng lòng tiếp ông ta, cuộc hội kiến ngắn ngủi chỉ là một cơn im lặng kéo dài ở cả đôi bên, sau cùng người khách đứng dậy bỏ về.

- Con đem một người chết tới đây làm gì? Sri Yukteswar hỏi tôi khi cánh cửa vừa đóng lại phía sau lưng bác sĩ.

- Bạch Sư Phụ, bác sĩ Roy vẫn còn sống!

- Nhưng y sắp chết đến nơi rồi!

Lời nói đó làm tôi xúc động:

- Đó là một điều nặng nề cho người con của ông ta. Santosh hy

vọng rằng thời gian sẽ đánh tan những ý tưởng duy vật của cha y. Cầu xin Sư Phụ hãy giúp đỡ người này.

- Được, Thầy sẽ làm vừa lòng con; gương mặt Sư Phụ vẫn thản nhiên. Người bác sĩ thú y này không biết rằng y bị chứng đái đường rất nặng và y sẽ phải nằm liệt giường trong vòng mười lăm ngày. Các bác sĩ phải bó tay và y sẽ từ già cõi đời trong vòng sáu tuần lễ kể từ ngày hôm nay nhờ sự can thiệp của con nên y sẽ khỏi bệnh vào ngày đó. Nhưng ta đặt một điều kiện: con hãy khuyên y đeo một vật hộ phù chiêm tinh, chắc chắn là y sẽ nhảy dựng lên như ngựa trước khi bị đem giải phẫu!

Sau một lúc im lặng, trong khi đó tôi ngẫm nghĩ nên làm cách nào để thuyết phục vị bác sĩ thú y, Sư Phụ nói tiếp:

- Khi y cảm thấy khá, con hãy khuyên y nên kiêng ăn thịt. Y sẽ không nghe lời khuyên đó và y sẽ chết trong sáu tháng, đúng vào lúc mà y tưởng là đã khỏi bệnh. Sáu tháng phụ trội đó chỉ được ban cho y là do lời cầu xin của con!

Ngày hôm sau, tôi dặn Santosh hãy đặt làm một vật hộ phù tại tiệm kim hoàn, bảy ngày sau đó, vật ấy đã làm xong nhưng bác sĩ Roy từ chối không chịu đeo.

- Tôi cảm thấy sức khỏe dồi dào. Các con đừng nhát tôi với những bùa phép chiêm tinh dị đoan đó.

Bác sĩ vừa nói vừa nhìn tôi cười ngạo nghễ. Tôi thích thú mà nhớ lại rằng Sư Phụ vừa so sánh vị thú y với một con ngựa chứng. Một tuần lễ trôi qua, vị thú y thành linh nhuốm bệnh, nên đành chịu đeo vật hộ phù. Hai tuần sau, viên y sĩ khám bệnh cho y nói với tôi rằng trường hợp ấy đã tuyệt vọng và nói thêm nhiều chi tiết về những sự

tàn phá trong cơ thể do bệnh đái đường gây ra.

Tôi lắc đầu:

- Sư Phụ tôi nói rằng bác sĩ Roy sẽ bình phục, bệnh này chỉ kéo dài trong vòng một tháng.

Viên y sĩ nhìn tôi với cặp mắt nghi ngờ. Nhưng hai tuần sau, ông ta gặp lại tôi và nói:

- Bác sĩ Roy đã hoàn toàn bình phục! Đây là trường hợp lạ lùng nhất trong đời bác sĩ của tôi. Tôi chưa từng thấy một người nào bệnh đang hấp hối mà tự nhiên lại bình phục một cách đột ngột như vậy. Thầy của anh chắc chắn là một nhà tiên tri và chữa bệnh!

Trong cuộc gặp gỡ với bác sĩ Roy, tôi có nói cho ông ta biết Sri Yukteswar có lời cảnh cáo ông ta không nên ăn thịt. Sau đó tôi không gặp ông ta trong sáu tháng. Một hôm tôi đang đứng trước hành ba nhà tôi, ông ta từ đâu tiến đến và nói:

- Em hãy nói với Thầy em rằng sở dĩ tôi mau lại sức là nhờ ăn rất nhiều thịt. Quan niệm phản khoa học của ông về vấn đề dinh dưỡng không thuyết phục được tôi!

Lúc ấy bác sĩ Roy quả thật là hiện thân của sức khỏe. Nhưng qua ngày hôm sau, Stantosh hốt hoảng chạy đến nhà tôi:

- Cha tôi thành linh ngã lăn ra chết hồi sáng này!

Đó là một trong những kinh nghiệm lạ kỳ nhất của đời tôi trong thời kỳ tôi sống chung với Sư Phụ. Người chữa khỏi bệnh cho viên thú y ngoan cố, không màng để ý đến sự hoài nghi thiên cận của ông ta,

và kéo dài đời sống thế gian của ông ta thêm sáu tháng chỉ vì có lời cầu khẩn của tôi. Sri Yukteswar thường tỏ ra có lòng ưu ái vô bờ bến đối với những đệ tử chân thành cầu xin người giúp đỡ với tấm lòng khẩn thiết.

II

Điều làm tôi hãnh diện là tôi có đặc quyền đem những bạn học của tôi đến gặp Sư Phụ. Phần nhiều các bạn tôi trong những dịp đó đã từ bỏ thái độ hoài nghi của họ về vấn đề tôn giáo, một thái độ thịnh hành lúc đương thời.

Một trong những người bạn đó tên Sasi đã trải qua nhiều dịp nghỉ cuối tuần thích thú tại đạo viện. Sư Phụ có nhiều cảm tình với người thanh niên này và lấy làm buồn về cuộc đời phóng đãng, vô kỷ luật của y.

- Sasi, nếu con không sửa đổi cách sinh hoạt của con, con sẽ bị đau nặng!

Sri Yukteswar vừa nói vừa nhìn bạn tôi một cách tuyệt vọng.

- Ta nói có Mukunda làm chứng; con sẽ không còn nói rằng ta không khuyên giải con từ trước.

Sasi cười và nói:

- Bạch Thầy, con xin nhờ Thầy cầu nguyện giúp cho con! Con có nhiều thiện chí nhưng thiếu can đảm. Trên đời này, Thầy là vị cứu tinh của con, con không tin được ai nữa ngoài Thầy ra.

- Con phải đeo một hột đá xanh nặng hai carats. Đeo nó có lợi cho con.

- Con không đủ sức sắm vật ấy. Tuy nhiên, nếu con bị chuyện gì nguy cấp, con xin Thầy che chở cho con.

Sri Yukteswar trả lời với một vẻ bí hiểm:

- Trong vòng một năm, con sẽ đem đến đây ba hột ngọc bích, nhưng lúc bấy giờ thì những viên ngọc ấy không có ích gì cho con nữa.

Câu chuyện vẫn trở lại chung quanh một vấn đề. Sasi thú nhận với một sự tuyệt vọng đáng buồn cười:

- Con không thể tự sửa đổi! Đức tin của con đặt nơi Thầy, còn quý báu hơn mọi loại ngọc quý!

Một năm sau, tôi đến Calcutta cùng với Sư Phụ, người ở tại nhà một đệ tử tên là Naren Babu. Vào lúc mười giờ sáng, Sư Phụ và tôi đang ngồi nghỉ trong phòng khách trên lầu, thành tình tôi nghe tiếng mở cửa. Sư Phụ bèn nhồm dậy và nói một cách nghiêm trọng:

- Sasi đã đến. Một năm vừa trôi qua, hai buồng phổi của y đã hỏng! Y không nghe lời Thầy. Con hãy nói rằng Ta không muốn tiếp y.

Tôi chạy xuống lầu thì thấy Sasi cũng đang lần từng bước thang đi lên.

- Mukunda, tôi hy vọng rằng Thầy có ở đây!

- Có, nhưng người không muốn bị ai quấy rầy.

Sasi vừa khóc sụt sùi vừa vượt qua trước mặt tôi để thụp xuống lạy Sư Phụ và đặt dưới chân người ba viên ngọc bích thật đẹp.

- Bạch Sư Phụ, các y sĩ nói rằng con bị chứng ho lao cấp số! Họ nói con sẽ không sống được tới ba tháng. Con khẩn cầu Sư Phụ giúp con vì con biết chỉ có Sư Phụ mới cứu được con.

- Phải chăng đã quá trễ để nghĩ đến việc cải tạo cuộc đời? Con hãy đi đi với những viên ngọc bích vô dụng này, thời kỳ hiệu nghiệm của nó đã qua rồi.

Sư Phụ nói xong thì chìm vào một cơn im lặng kéo dài, chỉ còn tiếng khóc nức nở của người thanh niên.

Tôi linh cảm rằng Sri Yukteswar chỉ nói vậy để thử thách đức tin của Sasi nơi quyền năng chữa bệnh của người. Bởi đó tôi không ngạc nhiên khi mà một giờ sau, Sư Phụ ban cho bạn tôi một cái nhìn thương hại và nói:

- Con hãy đứng dậy, Sasi, và đừng làm mất sự yên tĩnh trong nhà người khác! Hãy trả các viên ngọc bích cho người kim hoàn vì hiện giờ đó là một sự phí tổn vô ích. Con đừng sợ, trong vài tuần con sẽ cảm thấy khỏi bệnh!

Một nụ cười chói sáng trên gương mặt đăm lẹ của Sasi chẳng khác nào như mặt trời xuất hiện sau cơn mưa:

- Bạch Sư Phụ, con cần phải uống thuốc chẳng?

Sri Yukteswar tỏ ra giàu lòng tha thứ:

- Nếu con muốn. Uống thuốc hay không cũng chẳng hại gì. Dầu cho

mặt trời mặt trăng dời đi chỗ khác, con cũng không chết vì bệnh lao! Người nói thêm một cách đột ngột. Bây giờ con hãy đi đi kẻo có khi ta lại đổi ý.

Sasi khiêu từ và rút lui. Trong những tuần lễ sau đó, tôi đến thăm y nhiều lần và lấy làm thất vọng vì sức khỏe của y càng ngày càng hao mòn.

- Sasi sẽ không qua khỏi đêm nay!

Lời tuyên bố của vị y sĩ, và tình trạng nguy kịch của bạn tôi làm cho tôi phải hối hả lên đường đến đạo viện. Sư Phụ lạnh lùng nghe lời báo cáo của tôi trong khi tôi vừa nói vừa khóc vì xúc động.

- Tại sao con đến làm phiền ta như vậy? Ta há chẳng nói trước rằng Sasi sẽ khỏi bệnh sao?

Tôi kính cẩn cúi đầu trước Sư Phụ và âm thầm rút lui. Sư Phụ không nói gì nhưng trầm mình trong im lặng, đôi mắt hé mở của người đang chiêm ngưỡng một cõi giới xa xăm nào. Tôi trở lại nhà Sasi ở Calcutta ngay khi đó và lấy làm vô cùng ngạc nhiên mà thấy bạn tôi đang ngồi tỉnh táo và uống sữa!

- Mukunda hỡi! Thật là kỳ diệu. Trong mấy tiếng đồng hồ qua, tôi cảm thấy trong phòng có sự hiện diện của Sư Phụ, ngay tức khắc chứng bệnh tôi liền thuyên giảm và biến tan đi mất. Tôi biết rằng chính nhờ Sư Phụ mà tôi được hoàn toàn bình phục!

Chỉ trong vài tuần, Sasi đã lên cân và sức khỏe dồi dào hơn bao giờ hết. Nhưng sự khỏi bệnh của y lại có những hậu quả bất ngờ: y tỏ ra vô ơn bạc nghĩa, những cuộc viếng thăm đạo viện của y cũng thưa thớt dần. Một ngày nọ bạn tôi tâm sự với tôi rằng y cảm thấy hổ thẹn

vì thái độ của mình đến nỗi y không dám đến gặp Sri Yukteswar.

Việc ấy đưa tôi đến kết luận rằng chứng bệnh của Sasi có cái hậu quả bất ngờ là làm cho y bị lệch lạc ý chí và không còn biết phép xử thế lịch sự ở đời!

III

- Tôi thường bị xâm chiếm bởi những tư tưởng hoài nghi, vô thần. Tuy nhiên, một ý nghĩ bản khoản đôi khi cũng thoáng qua trong trí tôi: linh hồn có hay chẳng những tiềm năng chưa hề khai thác? Con người có lãng quên mục đích thật sự của mình chẳng khi họ không quan tâm đến vấn đề này?

Dijen Babu, một người bạn học cùng lớp, tâm sự với tôi như thế khi tôi mời y đến viếng thăm đạo viện. Tôi bèn đáp:

- Sư Phụ Sri Yukteswar sẽ khai tâm cho anh theo pháp môn Kriya Yoga. Pháp môn này sẽ làm lắng dịu những sự cuồng loạn của ảo vọng bằng một sự giác ngộ thiêng liêng trong nội tâm.

Chiều hôm ấy, Dijen theo tôi đến đạo viện. Trước mặt Sư Phụ, bạn tôi cảm thấy một niềm an lạc thâm trầm xâm chiếm lấy tâm hồn y, và từ đó y thường đến viếng đạo viện luôn. Những điều lo lắng nhỏ nhặt của đời sống hằng ngày không đủ làm thỏa mãn con người, trong tính chất của y cũng còn có sự khát khao chân lý. Trong những lời giảng huấn của Sri Yukteswar, Dijen nhận thấy một sự khích lệ thúc đẩy y tìm kiếm tận nơi thâm sâu bí ẩn của nội tâm cái Chân Ngã bất diệt, khác hẳn với phàm ngã chật hẹp, ích kỷ của con người.

Dijen và tôi cùng theo học ban Cử Nhân tại trường Serampore College, trực thuộc trường đại học Calcutta và thường có thói quen đến đạo viện ngay sau giờ học. Sri Yukteswar thường nhìn thấy chúng tôi từ trên bao lơn từng lầu hai và tiếp đón chúng tôi với một nụ cười.

Một hôm, Kanai, một đệ tử trẻ nội trú tại đạo viện, đợi chúng tôi ở ngoài cửa và nói:

- Sư Phụ hôm nay vắng mặt, người có việc gấp phải đi Calcutta.

Ngày hôm sau, tôi nhận được một bưu phiếu của Sư Phụ viết như sau: “Thầy sẽ rời khỏi Calcutta sáng ngày thứ Tư, con và Dijen hãy đón Thầy ở ga Serampore trên chuyến xe lửa 9 giờ.”

Sáng thứ Tư, vào lúc 8 giờ rưỡi, một thông điệp thần giao cách cảm của Sư Phụ đi xuyên qua trí tôi: “Thầy mắc bận vào giờ chót, đừng đón chuyến xe 9 giờ.”

Tôi liền báo tin cho Dijen, y đã sửa soạn ra đi nhưng nghe tin ấy thì nói với giọng bất mãn.

- Anh cứ hay nói chuyện linh cảm với linh giác! Tôi chỉ tin những việc đó khi nào có chữ viết của Sư Phụ.

Tôi nhún vai, lặng lẽ ngồi xuống và quyết định ở lại, Dijen vừa bước ra cửa vừa nói lầm bầm và đóng sầm cánh cửa khi đi ra.

Trong phòng hơi u ám, tôi bèn đi đến chỗ cửa sổ trở ra ngoài đường. Bỗng nhiên ánh sáng dịu lúc ban mai đổi thành một thứ ánh sáng chói lòa trong đó cửa sổ song sắt hoàn toàn biến mất dạng. Trên

sàn gạch chói sáng, đứng sừng sững giữa phòng chính là Sri Yukteswar bằng xương bằng thịt rõ ràng!

Bàng hoàng và vô cùng kinh ngạc, tôi thụp xuống dưới chân Sư Phụ và sờ nhẹ hai bàn chân người để tỏ lòng tôn kính như thường lệ. Sư Phụ mang đôi giày bố màu da cam, đế giày bằng sơ dừa; tôi nhận ra một cách rõ ràng đó là đôi giày mà Sư Phụ vẫn thường dùng hằng ngày. Chiếc vạt áo màu vàng sậm của người phất qua đụng da mặt tôi, tôi cảm xúc được không những cái vạt áo mà còn nhận thấy mặt nhám của đôi giày bố và hai ngón chân cái cộm lên ở bên trong. Quá xúc động đến không thể nói chuyện được, tôi chỉ có thể nhìn Sư Phụ bằng cặp mắt dọ hỏi:

- Thầy rất vui lòng mà thấy con nhận được bức thông điệp thần giao cách cảm của Thầy.

Giọng nói của Sư Phụ vẫn bình thường không thay đổi.

- Thầy không thể hoàn tất mọi công việc kịp thời ở Calcutta và sẽ về đến Serampore trên chuyến xe lửa 10 giờ.

Câm lặng vì ngạc nhiên, tôi vẫn tiếp tục nhìn Sư Phụ. Sri Yukteswar nói tiếp:

- Không, đây không phải là một sự hiện hình, mà chính là Thầy bằng xương thịt. Thầy ban cho con cái kinh nghiệm hiếm có này do bởi Thiên Ý. Con hãy đợi Thầy tại nhà ga, Dijen và con sẽ gặp Thầy cũng trong bộ áo Thầy đang mặc lúc này, và đi trước Thầy có một thiếu nhi cầm một cái bình bằng bạc.

Sư Phụ bèn đặt hai bàn tay lên đầu tôi và nói thì thầm những lời ban ân huệ. Vừa dứt lời thì tôi nghe một tiếng động đặt biệt. Thế xác của

Sư Phụ từ từ tan rã trong ánh sáng chói lòa. Hai bàn chân, rồi hai chân biến mất trước hết, kế đó tới thân mình và đầu, cũng ví như một cuộn giấy bị cuốn tròn lại. Cho đến phút chót, tôi cảm thấy sự đụng chạm nhẹ nhàng của những ngón tay luồn trong mái tóc tôi. Trong giây lát, ánh sáng chói lọi lúc nãy đã lu mờ dần, tôi chỉ còn nhìn thấy cái cửa sổ song sắt và những tia nắng mặt trời êm dịu.

Tôi đắm chìm trong một cơn bàng hoàng như tỉnh như mê và tự hỏi phải chăng đó là một cơn nắng quáng đèn lòa, khiến cho tôi nhìn thấy một ảo ảnh. Trong lúc đó, Dijen mặt mày ngờ ngác bước vào gian phòng và nói:

- Sư Phụ không về trên chuyến xe 9 giờ, và luôn cả chuyến xe 9 rưỡi!

Bạn tôi nói câu đó dường như để xin lỗi.

- Anh hãy đi theo tôi! Tôi biết Sư Phụ sẽ về trên chuyến xe 10 giờ.

Tôi kéo Kijen đi theo tôi, hầu như cưỡng bách, mặc dù y không bằng lòng. Mười phút sau chúng tôi đến nhà ga thì chuyến xe cũng vừa đến. Tôi kêu lên:

- Hào quang của Sư Phụ chói lòa khắp các toa xe lửa! Người đã về!

- Anh chỉ tưởng tượng! Dijen nói giọng châm biếm.

- Chúng ta hãy đợi ở đây.

Tôi diễn tả từng chi tiết hình dáng của Sư Phụ khi người sẽ trở về. Tôi vừa nói xong thì Sri Yuktswar đã xuất hiện với bộ áo vàng sậm mà tôi đã thấy từ lúc nãy. Người đi chậm bước và theo sau một đừa

trẻ nhỏ mang một cái bình bằng bạc.

Trong một lúc tôi cảm thấy lạnh mình vì kinh hãi trước sự kiện lạ lùng vừa xảy ra. Cả một bầu thế giới quen thuộc của thế kỷ 20 duy vật dường như sụp đổ trước đôi mắt ngạc nhiên của tôi, tôi tưởng chừng như sống thụt lùi trở lại thời kỳ mà đức Jesus xuất hiện trước thánh Pierre trên bờ biển Galilée!

Khi Sri Yukteswar đi đến chỗ mà Dijen và tôi ngồi bàng hoàng và câm lặng vì kinh sợ, Sư Phụ vừa mỉm cười vừa nói với người bạn tôi:

Ta cũng có gửi đến cho con một thông điệp, nhưng con không nhận được.

Dijen lặng thinh và nhìn tôi với một vẻ nghi ngờ. Sau khi đưa Sư Phụ về đạo viện, chúng tôi đi đến trường đại học Serampore College. Dijen ngừng lại giữa đường và nói với giọng bức tức:

- À, thì ra là như vậy! Sư Phụ có gửi thông điệp cho tôi! Tại sao anh giấu tôi? Anh phải trả lời cho tôi rõ.

- Có phải lỗi tại tôi chẳng nếu tám gương của linh hồn anh quá lu mờ nên không thể phản chiếu những thông điệp của Sư Phụ?

Dijen liền bình tĩnh lại ngay và nói với một giọng đầy hối hận:

- Tôi hiểu anh muốn nói gì. Nhưng anh hãy giải thích do đâu mà anh biết trước có một đứa trẻ nhỏ mang một cái bình bằng bạc?

Khi tôi vừa kể hết câu chuyện Sư Phụ xuất hiện một cách nhiệm màu hồi lúc sáng sớm, thì chúng tôi đã đến trước cửa trường

Serapore. Dijen bèn kết luận:

- Những gì tôi vừa được nghe về quyền năng của Sư Phụ làm cho tôi nghĩ rằng tất cả những trường đại học của thế giới chỉ là những vườn chơi trẻ con!

Chương 16

CHUYẾN DU HÀNH LÊN TỈNH KASHMIR

- Thưa cha, con muốn mời Sư Phụ và bốn người bạn cùng đi với con lên dãy Tuyết Sơn trong dịp nghỉ hè. Cha có thể cho con sáu vé xe lửa đi Kashmir và tiền túi để đi đường?

Như tôi đã đoán trước, cha tôi liền bật cười:

- Đây là lần thứ ba mà con xin cha chuyện đó! Phải chăng con đã xin cha như thế trong dịp hè cách đây hai năm? Vào giờ chót, Sri Yukteswar đã từ chối không đi.

- Thưa cha, đúng vậy. Con không biết lần này Sư Phụ có định đi không. Nhưng nếu con cho người biết rằng vé xe lửa đã sẵn sàng thì con hy vọng Sư Phụ rất cuộc sẽ chịu đi.

Cha tôi không tin chuyện ấy lắm, tuy nhiên ngày hôm sau người đưa cho tôi sáu tấm vé biểu đặc biệt và một cuộn giấy bạc mười rupi:

- Cha không nghĩ rằng cuộc du hành tưởng tượng của con phải cần dùng đến những thứ này, nhưng dù sao con cũng cứ cầm lấy!

Trong ngày hôm đó, tôi phô trương món quà đó trước mặt Sư Phụ, người mỉm cười về sự hứng khởi của tôi và nói một cách phân đôi, không quả quyết lắm:

- Thầy cũng mong có thể đi được, để xem sao.

Ngoài ra tôi còn mời bốn người bạn trong số đó Kanai, một đệ tử trẻ nội trú tại đạo viện, Rajendra, Auddy và một bạn khác, ngày lên đường đã định là thứ Hai tuần tới.

Ngày thứ Bảy và Chủ Nhật tôi có mặt ở Calcutta để dự lễ cưới của một người anh họ tổ chức tại nhà tôi. Sáng sớm ngày thứ Hai, tôi đến Serampore với đồ hành lý. Rajendra đã đợi tôi trước cửa đạo viện và nói:

Sư Phụ không chịu đi, người mới bước ra đi dạo một vòng.

Tôi cảm thấy bất mãn, và sau cùng tôi quyết định:

- Tôi không thể để cho cha tôi cười một lần thứ ba về những kế hoạch ngao du tưởng tượng của tôi nữa. Chúng ta cũng cứ đi dù không có Sư Phụ.

Rajendra bằng lòng. Tôi rời khỏi đạo viện để tìm một đứa gia nô vì tôi biết rằng Kanai sẽ không đi nếu không có Sư Phụ và tôi cần một người để coi sóc hành lý. Tôi nghĩ đến Behari, trước kia đã từng giúp việc trong gia đình tôi và hiện đang giúp việc nhà cho một vị giáo chức ở Serampore. Trong khi tôi đang đi mau, tôi gặp Sư Phụ ở trước nhà thờ Gia Tô cách tòa án Serampore không xa. Sư Phụ có vẻ không vui:

- Con đi đâu?

- Bạch Sư Phụ, con nghe Kanai không chịu đi trong chuyến du ngoạn mà con đã sắp đặt. Con phải đi tìm Begari. Sư Phụ có nhớ chằng năm ngoái, nó thích đi chơi Kashmir đến nỗi nó đòi đi theo phục dịch chúng con mà không nhận tiền thù lao.

- Thầy nhớ. Tuy nhiên, Thầy không tin rằng lần này nó chịu đi.

Tôi càng bực mình:

- Nhưng, bạch Sư Phụ, đó là cái mộng mà nó vẫn ôm ấp từ lâu kia mà!

Sư Phụ lặng thinh và tiếp tục cuộc đi dạo, còn tôi thì đi đến nhà vị giáo chức. Đến trước sân, Behari tiếp đón tôi một cách nồng nhiệt nhưng thái độ ấy liền đổi thành một sự dè dặt khó hiểu khi tôi vừa nói đến Kashmir. Với vài lời xin lỗi, y bèn khiêu từ và đi vào nhà người chủ của y. Tôi đợi mát nửa giờ ngoài sân, hy vọng một cách mơ màng rằng chắc có lẽ y vào nhà trong để chuẩn bị hành trang lên đường. Sau cùng tôi gõ cửa. Người chủ nhà bước ra, mỉm cười và nói:

- Behari đã đi chợ bằng cửa sau cách đây độ nửa giờ.

Tôi bước đi trong sự thất vọng và tự hỏi phải chăng vì lời mời của tôi quá đột ngột hay đó là do ảnh hưởng vô hình của Sư Phụ. Khi tôi đi gần đến nhà thờ, tôi thấy Sư Phụ từ từ bước đến. Không đợi cho tôi nói gì, người bèn nói trước:

- À vậy là Behari cũng không đi! Bây giờ chương trình con ra sao?

Tôi cảm thấy như một đứa con ngỗ nghịch, quyết định đương đầu với cha:

- Bạch Sư Phụ, con sẽ yêu cầu chú con cho mượn người gia nô tên là Lai Dhari.

Sri Yukteswar đáp với nụ cười:

- Con cứ đi hỏi chú con nếu con thấy cần. Nhưng Thầy không tin rằng con sẽ thành công.

Tôi từ biệt Sư Phụ và đi vào pháp đình Serampore. Chú tôi là Sarada Gosh làm luật sư tại tòa án, tiếp đón tôi một cách cởi mở. Tôi nói:

- Hôm nay cháu cùng với vài người bạn đi du ngoạn lên xứ Kashmir. Từ mấy năm nay cháu vẫn hằng mong ước có dịp đi chơi trên dãy núi Tuyết Sơn.

- À, chú cũng chung vui với cháu. Cháu có muốn chú giúp đỡ điều gì trong cuộc đi chơi này không?

Những lời chú cởi mở đó có vẻ khích lệ đối với tôi:

- Thưa chú, cháu có thể mượn người gia nô Lai Dhari chăng?

Lời yêu cầu khiêm tốn này có ảnh hưởng như một tiếng sét đánh. Chú tôi nhảy dựng lên mạnh đến nỗi nó làm lật đổ bàn ghế, những giấy tờ trên bàn bay tản mát tứ phía, cái ống điếu dài dẽo bằng cây dứa của chú lăn lông lốc xuống sàn gạch. Chú hét lớn trong cơn thịnh nộ:

- Đồ ích kỷ! Thật là hỗn láo! Ai sẽ lo việc nhà cho tao nếu mày đem người nô bộc của tao đi theo mày chơi?

Tôi cố dẫu vẻ ngạc nhiên và nghĩ rằng sự thay đổi tâm lý đột ngột này lại là một trong những sự kỳ lạ bí hiểm trong ngày hôm đó. Tôi bèn hối hả rút lui, không màng nghĩ đến lòng tự ái bị va chạm!

Tôi trở lại đạo viện, tại đây các bạn tôi đã đợi sẵn. Trong trí tôi bắt đầu nảy sinh ra một sự tin tưởng chắc chắn rằng thái độ của Sư Phụ hẳn là có lý do chính đáng. Tôi cảm thấy hối hận vì đã không chịu vâng lời Sư Phụ.

Sri Yukteswar thấy tôi bèn hỏi:

- Mukunda, con có muốn ở nán lại với Thầy thêm ít lâu chẳng? Rajendra và các bạn có thể đi trước và đợi con ở Calcutta, khi đến đó con sẽ có thừa thời giờ đáp chuyến xe cuối cùng lúc chiều để đi lên Kashmir.

- Bạch Sư Phụ, con cảm thấy không vui nếu không có Sư Phụ cùng đi.

Các bạn tôi không hề để ý đến lời tuyên bố này. Họ kêu một cỗ xe ngựa, chất hành lý lên xe và đi thẳng. Còn lại Kanai và tôi lẳng lặng ngồi dưới chân Sư Phụ. Sau độ ba mươi phút im lặng hoàn toàn, Sri Yukteswar đứng dậy đi lên phòng ăn trên lầu hai và nói:

- Kanai, con hãy theo săn sóc Mukunda. Chuyến xe lửa đã sắp khởi hành.

Thình lình tôi vặn mình đau đớn với cơn buồn mửa, trong bụng quặn đau một cách kinh khủng. Cơn đau nhức nhối như dùi nhọn đâm vào ruột, tôi cảm thấy như một tội nhân bị quỷ sứ hành hình moi ruột dưới địa ngục. Tôi bò lết đến chỗ Sư Phụ ngồi và ngã vật xuống chân người, khi đó tôi mới biết mình đã bị bệnh thời khí Á Châu, một chứng bệnh vô cùng hiểm nghèo! Sư Phụ cùng với Kanai khiêng tôi vào phòng khách. Bị dày vò trong cơn đau đớn, tôi rên siết:

- Bạch Sư Phụ, con xin giao mạng sống của con vào tay Sư Phụ.

Tôi cảm thấy dường như linh hồn tôi sắp sửa bị đứt ra khỏi thể xác một cách tàn nhẫn, phủ phàng!

Sri Yukteswar đặt đầu tôi lên hai đầu gối của người, vuốt trán tôi một cách nhẹ nhàng và nói:

- Con thấy việc gì sẽ xảy ra cho con nếu con cùng với các bạn đi ra nhà ga từ lúc này! Thầy đã phải coi chừng săn sóc con một cách kín đáo, vì con đã cãi lời Thầy mà muốn đi du ngoạn vào thời kỳ bất lợi.

Sau cùng tôi đã hiểu. Khi một vị Tôn Sư không chịu phô trương quyền năng của mình trước mắt mọi người thì người ta có thể nghĩ rằng sự việc đã diễn ra một cách bình thường. Sự can thiệp của Sư Phụ đã diễn ra một cách quá âm thầm tế nhị nên không ai hay biết gì cả. Sư Phụ đã ảnh hưởng đến Behati; vị luật sư Sarada, tức chú tôi; Rajendra và những người khác; một thứ ảnh hưởng vô hình vô ảnh đến nỗi tất cả mọi người trừ tôi ra đều nghĩ rằng sự việc đã xảy ra một cách tự nhiên và không có gì khác thường. Vì Sư Phụ không bao giờ quên noi theo những tập quán thông thường, người khiến Kanai đi gọi một y sĩ chuyên khoa và báo tin cho chú tôi hay. Tôi kêu nài:

- Bạch Sư Phụ, chỉ có Sư Phụ mới có thể chữa khỏi bệnh cho con. Bệnh trạng của con quá nguy kịch, một y sĩ có thể làm được gì?

- Con hỡi, cầu xin Thượng Đế ban ân huệ thiêng liêng cho con! Con đừng băn khoăn về việc gọi y sĩ; y sĩ không còn thấy con ở vào tình trạng nguy kịch ấy nữa, vì con đã khỏi bệnh!

Sư Phụ vừa nói xong, cơn đau bụng dữ dội của tôi liền biến mất. Tôi

ngồi dậy nhưng hãy còn yếu. Không bao lâu vị y sĩ đã đến nơi và khám tôi rất tỉ mỉ rồi nói:

- Em vừa trải qua một cơn đau kinh khủng. Tôi phải lấy máu để thử vi trùng xem sao.

Sáng ngày hôm sau, vị y sĩ hồi hả trở lại thì thấy tôi đã ngồi dậy và cười nói vui vẻ.

- À, em đã nói chuyện được và lại tươi cười dường như mới ngày hôm qua đây em không nằm dưới nanh vuốt của Tử Thần!

Y vỗ nhẹ vào bàn tay tôi:

- Tôi không chắc là sẽ thấy em còn sống hôm nay khi cuộc khảo nghiệm hóa học cho biết là em bị chứng thời khí Á Châu. Em thật là phúc đức có được một vị Tôn Sư có quyền năng chữa bệnh, một quyền năng thiêng liêng của Trời Phật ban cho! Tôi không nghi ngờ gì về việc ấy.

Tôi cũng hoàn toàn đồng ý. Khi vị y sĩ khiêu từ ra về, Rajendra và Auddy xuất hiện ở trước cửa. Họ có vẻ bất mãn nhưng sắc mặt họ liền hòa dịu trở lại khi họ nhìn thấy vị y sĩ và gương mặt hãy còn xanh mét của tôi.

- Chúng tôi rất tức giận khi thấy anh không đến với chúng tôi tại Calcutta như đã hẹn trước. Anh bị đau hay sao?

- Phải.

Tôi không thể nín cười khi tôi thấy các bạn tôi đặt đồ hành lý xuống ngay chỗ ngày hôm qua.

Lúc đó Sư Phụ bước vào gian phòng. Tôi lấy tư cách một kẻ đang nằm dưỡng bệnh để tự cho phép nắm lấy bàn tay Sư Phụ một cách trù mền:

- Bạch Sư Phụ, từ năm con mười hai tuổi đến nay con đã mưu toan thất bại nhiều lần để đi lên dãy Tuyết Sơn. Bây giờ con tin rằng nếu không có ân huệ của Sư Phụ, đức Phật Mẫu Quan Âm chắc sẽ từ chối không chịu tiếp con ở trên đó!

II

- Nay con đã khá mạnh khỏe để có thể lên đường, Thầy sẽ cùng đi với con lên Kashmir.

Sư Phụ nói với tôi hai ngày sau khi tôi được chữa khỏi bệnh thời khí Á Châu một cách mau nhiệm. Chiều hôm ấy, sáu người trong nhóm chúng tôi đáp chuyến xe lửa lên miền Bắc. Trạm ngừng đầu tiên là Simla, một thành phố hùng vĩ dưới chân Tuyết Sơn. Chúng tôi đi dạo chơi trên những con đường dốc và chiêm ngưỡng phong cảnh đẹp của miền núi.

- Ai mua dâu không?

Một bà già bán dâu tươi ngồi rao hàng tại một góc chợ của thành phố. Những trái dâu đỏ thắm kêu gọi sự chú ý của Sư Phụ. Người mua một giỏ đầy và đưa cho chúng tôi ăn. Tôi ném thử một trái nhưng liền nhăn mặt và nhả ra:

- Bạch Sư Phụ, dâu chua quá! Chắc không bao giờ con ăn nữa!

Sư Phụ bèn cười và nói:

- Trái lại, sau này con sẽ thích ăn dâu hơn, khi con sang Mỹ Quốc. Trong một bữa cơm tối, bà chủ nhà sẽ dọn ra cho con món dâu chua với đường và kem. Bà ấy sẽ nghiền nát những trái dâu bằng một cái nĩa và con sẽ khen rằng: “Thật là ngon tuyệt diệu!” Chừng đó con sẽ nhớ đến ngày hôm nay ở Simla.

“Tôi hoàn toàn quên những lời tiên tri đó và chỉ nhớ lại nhiều năm về sau. Sau khi đến Mỹ Quốc, một hôm tôi được mời dùng cơm tối tại nhà bà Alice T. Hasey(pháp danh Yogmata) tại West Somerville, Massachusetts. Đến lúc ăn tráng miệng, bà chủ nhà cầm một cái nĩa, nghiền nát những trái dâu đỏ rồi thêm kem và đường. Bà mời tôi dùng và nói:

- Những trái dâu này rất chua, tôi mong đại đức sẽ thích dùng nó với kem và đường.

Tôi ném thử một muỗng bột giác thốt lên:

- Thật là ngon tuyệt trần!

Khi đó lời tiên tri của Sư Phụ mới trở lại trong ký ức của tôi. Tôi lấy làm kinh ngạc mà thấy rằng nhiều năm trước đây, tinh thần Sư Phụ hòa hợp với Thiên Liêng, đã nhìn thấy sự liên hệ về nhân quả giữa các sự việc diễn biến sẽ xảy ra trong tương lai.”

Nhóm chúng tôi lại rời Simla để đáp chuyến xe lửa đi Rawalpindi. Tại đây chúng tôi thuê một chiếc xe song mã để thực hiện một chuyến đi bảy ngày đến Srinagar, thủ phủ tỉnh Kashmir. Qua ngày thứ hai của cuộc hành trình bằng xe song mã lên miền bắc, chúng tôi đã thấy xuất hiện dãy Tuyết Sơn trước cặp mắt kính ngạc của chúng tôi. Những bánh xe bằng sắt của chiếc xe song mã kêu rít lên trên con đường lót đá nóng như thiêu đốt dưới ánh mặt trời, nhưng

phong cảnh hùng vĩ của miền núi đưa tâm hồn chúng tôi lên một trạng thái lâng lâng thoát tục. Auddy bèn thưa với Sư Phụ:

- Bạch Tôn Sư, con rất hân hạnh mà được thưởng thức toàn vẹn phong cảnh huy hoàng này bên cạnh tôn sư.

Lời nói đó của Auddy làm cho tôi khoái chí vì tôi cảm thấy vai trò hướng dẫn của tôi có vẻ quan trọng. Sri Yukteswar đọc được tử tưởng của tôi vì Sư Phụ dạy qua tôi và nói nhỏ:

- Con đừng quá vui thích như thế! Auddy ít thưởng thức cảnh đẹp hơn là muốn tìm một góc nào đó để được tự do hút thuốc lá.

Tôi cảm thấy dội ngược, và nói nhỏ lại:

- Bạch Sư Phụ, Sư Phụ quá nghi ngờ chẳng? Con không tin rằng Auddy lại nghiện thuốc lá.

Tôi vừa nói vừa nhìn Sư Phụ một cách do dự vì người thường hay nói đầu trúng đó. Sư Phụ cười nói:

- Được rồi. Thầy sẽ không nói gì với Auddy. Nhưng con sẽ thấy rằng đến trạm ngừng tới đây, Auddy sẽ không để lỡ cơ hội.

Chiếc xe ngựa ngừng trước một trạm nghỉ. Khi người ta dắt ngựa đi uống nước, Auddy liền thưa:

- Bạch Tôn Sư, lát nữa xin Tôn Sư cho phép con ngồi đằng trước với người đánh xe. Con muốn ngồi ngoài để hứng luồng gió cho mát.

Sư Phụ gật đầu và quay qua nói nhỏ với tôi:

- Nó không phải muốn hứng gió mà là thèm thuốc lá.

Chiếc xe song mã lại lăn bánh kêu rít lên trên đường lộ. Đôi mắt Sư Phụ long lanh sáng, người bảo tôi:

- Con hãy thò đầu qua cửa sổ và nhìn xem Auddy hứng gió!

Tôi vâng lời và lấy làm ngạc nhiên mà nhìn thấy Auddy đang thở ra những vòng khói tỏa theo chiều gió. Tôi liền xin lỗi Sư Phụ:

- Bạch Sư Phụ, Sư Phụ luôn luôn nói có lý. Auddy thật sự đang thở khói mù mịt như ống khói tàu!

Tôi chắc là bạn tôi đã xin một điếu thuốc của người đánh xe, vì tôi biết y không có mua thuốc lá tại Calcutta.

Chúng tôi dong ruổi trên đường núi gập ghềnh khúc khuỷu và một viễn ảnh huy hoàng đẹp đẽ diễn ra trước mắt chúng tôi đến tận chân trời: sông rạch, thung lũng, vực thẳm, sườn núi cheo leo. Chúng tôi ngủ đêm trong những quán trọ đơn sơ ở dọc đường và tự nấu lấy các bữa ăn. Sri Yukteswar đặc biệt chăm nom bữa ăn của tôi và bảo tôi phải uống nước chanh. Tuy hãy còn yếu, tôi lấy lại sức lần lần mặc dù đi du lịch bằng xe ngựa chạy trên đường núi không lấy gì làm tiện nghi cho lắm.

Tâm hồn chúng tôi tràn đầy một niềm hứng khởi khi chúng tôi đến gần trung tâm tỉnh Kashmir, một nơi đất lành với những hồ sen rộng lớn, những vườn hoa mọc trên mặt nước, những chiếc du thuyền màu mè sặc sỡ, con sông Jhelum với vô số những chiếc cầu vòng, những đồng cỏ xanh tươi điểm lác đác những đóa hoa rừng được bao bọc chung quanh bằng dãy Tuyết Sơn hùng vĩ!

Chúng tôi đến Srinagar theo một con đường nhỏ giữa hai hàng cây cổ thụ có tàn che bóng mát và thuê phòng tại một lữ quán hai tầng. Mùa hè năm ấy, tiết trời tuyệt đẹp, ban ngày thì nóng, ban đêm hơi lạnh.

Chúng tôi đến viếng ngôi đền cổ ở Srinagar với đạo viện Shankara. Trong khi tôi đang ngắm nhìn đạo viện trên đỉnh một ngọn núi mà nóc nhọn chỏ lên trên nền trời xanh biếc, thành linh tôi rơi vào một trạng thái bằng an phúc lạc lạ thường. Dưới mắt tôi, đạo viện Shankara biến thành cái linh ảnh của một ngôi kiến trúc mà nhiều năm về sau tôi dùng làm tổng hành dinh “Cơ Quan Thực Hiện Chân Ngã” của tôi ở Mỹ Quốc. Khi tôi viếng thành phố Los Angeles lần đầu tiên và nhìn thấy ngôi biệt thự này từ ngọn núi Washington, tôi liền nhận ra ngay ngôi nhà kiến trúc đồ sộ đã từng xuất hiện trong vô số những cơn linh ảnh của tôi.

Sau khi đã trải qua vài tuần lễ nghỉ hè ở tỉnh Kashmir, tôi phải trở về tỉnh Bengale nhân dịp tựu trường ở Serampore College. Sư Phụ còn ở lại Srinagar với Kanai và Auddy. Trước khi tôi lên đường, Sư Phụ nói cho tôi biết người sẽ bị đau nặng ở Kashmir. Tôi nói:

- Nhưng Sư Phụ đang dồi dào sức khỏe kia mà.

- Thậm chí, có lẽ Thầy cũng phải từ già cõi trần.

- Ôi, Sư Phụ!

Tôi vừa nói vừa thụt xuống chân người:

- Sư Phụ hãy hứa với con là không rời bỏ thể xác trong lúc này. Con sẽ không thể sống được nếu không có Sư Phụ.

Sri Yukteswar giữ im lặng nhưng nụ cười đầy vẻ từ ái của người làm tôi yên lòng. Tôi bèn từ giã người một cách luyến tiếc.

Vài ngày sau khi tôi trở về đạo viện Serampore, tôi nhận được bức điện tín của Auddy: “Sư Phụ đau nặng.”

Tôi gửi một điện tín cho Sri Yukteswar: “Sư Phụ đã hứa không từ bỏ con. Sư Phụ đừng rời bỏ thể xác, nếu không con sẽ chết theo.”

Từ Kashmir, Sư Phụ gửi điện tín trả lời: “Sẽ y như điều con mong ước.”

Vài ngày sau đó, tôi nhận được thư của Auddy cho biết rằng Sư Phụ đã bình phục. Nửa tháng sau, khi Sư Phụ và các đệ tử đã về tới Serampore, tôi lấy làm buồn mà nhận thấy rằng Sư Phụ đã sụt cân rất nhiều.

Sri Yukteswar bị đau nặng để cứu chuộc những tội lỗi của các đệ tử! Phương pháp chuyển di bệnh tật là một điều mà các nhà đạo sĩ cao tay vẫn biết rõ. Một người khỏe mạnh có thể giúp đỡ một người yếu đuối bằng cách mang theo một đồ vật nặng thế cho y; cũng giống như thế, một bậc siêu nhân có trình độ tiến hóa cao có thể làm nhẹ bớt gánh nặng thể chất hoặc tinh thần của các đệ tử bằng cách tự mình gánh chịu lấy cái nghiệp quả của họ. Cũng như một người giàu chịu mất một ít tiền để trả nợ cho con cái y để cứu họ thoát khỏi hậu quả của những việc làm bất chính, một vị Tôn Sư hy sinh một phần sức khỏe thể chất của mình để làm nhẹ bớt những nỗi đau khổ bệnh tật của các đệ tử.

Người đạo sĩ Yogi biết cái bí thuật giao cảm trên cõi giới vô hình với một người bệnh, bởi thế bệnh của người này được truyền một phần

hoặc tất cả sang thể xác của người Yogi. Một vị Tôn Sư đã đạt tới hợp nhất tâm linh với Chân Như Đại Thể của Vũ Trụ không còn bận tâm đến việc gì xảy ra cho cái thể xác bằng xương bằng thịt của mình. Tuy rằng vị ấy tình nguyện cho xác thân mình nhuộm bệnh để giúp đỡ kẻ khác, tinh thần của người vẫn còn nguyên vẹn và không hề thương tổn, người lấy làm sung sướng mà có thể làm nhẹ bớt nỗi khổ của kẻ khác.

Người tu sĩ đạt tới sự giải thoát tâm linh, biết rằng thể xác của mình đã hoàn tất cái vai trò của nó; từ nay người có thể sử dụng nó bằng cách nào tùy ý. Sứ mạng của người ở trên thế gian là làm nhẹ bớt những nỗi khổ đau của nhân loại bằng mọi phương diện tâm linh, vật chất hay trí tuệ; giúp đỡ bằng lời khuyên sáng suốt tốt lành, sức mạnh của ý chí, hay bằng việc chuyển di bệnh tật của người khác sang cho mình. Một vị Tôn Sư đã hoạt động tự do trên cõi siêu thức có thể tự làm cho mình không còn biết cảm xúc những sự đau đớn của xác thân. Đôi khi người cũng tình nguyện chịu đựng sự đau đớn thể xác một cách can đảm để làm gương cho các đệ tử. Người Yogi hứng chịu sự đau khổ của kẻ khác về phần mình, tức là thanh toán giùm cho họ những oan nghiệt nợ nần mà họ phải chịu theo định luật nhân quả: định luật này vốn hành động một cách máy móc theo phép số học và có thể được điều chỉnh một cách khoa học bởi các bậc siêu nhân đã ném mùi giải thoát.

Những định luật siêu nhiên không bắt buộc một vị Tôn Sư phải bị đau nặng để chữa khỏi bệnh cho người khác. Sự khỏi bệnh thường xảy ra bởi vì vị Tôn Sư biết rõ các phương pháp chữa bệnh một cách nhiệm màu mà không làm tổn thương đến sức khỏe của mình. Tuy nhiên trong vài trường hợp rất hiếm, vị Tôn Sư vì muốn thúc đẩy mau chóng sự tiến hóa tâm linh của các đệ tử, có thể tình nguyện hứng chịu lấy một phần nghiệp quả xấu của họ trên bản thân mình.

Chính bằng cách đó mà đức Jesus đã tình nguyện cứu chuộc tội lỗi thế gian. Thánh thể của Chúa đáng lẽ không bao giờ có thể bị tử nạn trên thập tự giá nếu Ngài không có tình nguyện hợp tác với những định luật huyền bí về nhân quả trong vũ trụ. Ngài đảm nhiệm lấy cái khối nghiệp quả chung của toàn thể nhân loại và đặc biệt nhất là của các vị thánh tông đồ, đệ tử của Ngài, nhờ đó các vị này mới được tinh luyện và trở nên xứng đáng nhận lãnh sự giác ngộ tâm linh siêu đẳng.

Chỉ có những bậc Tôn Sư đã giác ngộ mới có thể thực hiện sự chuyển di sinh lực của mình cho kẻ khác, hoặc hứng chịu lấy bệnh tật của kẻ khác trên xác thân mình. Bí thuật chữa bệnh bằng phương pháp Yoga này thật là ngoài vòng khả năng của kẻ thế nhân phàm tục, đối với họ nó lại là một điều không nên khuyến khích, bởi vì một thể xác đau ốm bệnh tật là một chướng ngại cho sự công phu tu luyện. Các Thánh Kinh Ấn Độ đều nói rằng bốn phạm đầu tiên của con người là giữ cho thể xác được mạnh khỏe, nếu không, thì tinh thần sẽ không thể bước vào trạng thái thiền định thâm sâu.

Tuy nhiên, một tinh thần dũng mãnh có thể bất chấp những chướng ngại của thể chất để thực hiện sự giác ngộ tâm linh. Nhiều vị Thánh đã đạt tới mục đích đó mà kinh thường bệnh tật của thể xác. Thánh Françoise d'Assise trong một tình trạng ốm đau tuyệt vọng, đã thực hiện những cuộc chữa bệnh rất nhiệm màu và thậm chí đã cải tử hồi sinh cho một người.

Tôi được biết một vị tu sĩ Ấn Độ bị chứng ung nhọt lở loét khắp cả nửa thân mình, cùng với bệnh đái đường rất nặng đến nỗi xét về những trường hợp thông thường thì vị ấy không thể nào ngồi được hơn một khắc đồng hồ, nhưng tinh thần của người thật tinh tiến dũng mãnh phi thường. Bằng một ý chí mãnh liệt tu sĩ có thể ngồi thiền trong tư thế liên hoa suốt mười tám giờ mỗi ngày không gián

đoạn trong trạng thái xuất thần nhập định. Về sau vị ấy thuật cho tôi nghe rằng:

- “Sau ba năm thiền định công phu, Ánh Sáng thiêng liêng tràn ngập vào thể xác bệnh tật của tôi mà trong cơn xuất thần say sưa mùi Đạo, tôi quên hẳn không còn cảm giác được nó nữa. Về sau, do ân phước thiêng liêng, cái thể xác của tôi đã hoàn toàn khỏi hết các bệnh tật.”

Một trường hợp lịch sử về việc chữa khỏi bệnh một cách nhiệm màu là của vua Baber (1483 - 1530), nhà sáng lập nên đế quốc Mogul ở Ấn Độ. Khi thái tử Humayun vướng phải một chứng bệnh hiểm nghèo thập tử nhất sinh, nhà vua trong cơn lo sợ bèn cầu nguyện Thiêng Liêng hãy để cho người nhuốm bệnh thay cho thái tử. Khi các vị y sĩ đã tuyệt vọng, thái tử Humayun đột nhiên bình phục một cách bất ngờ, nhưng Baber hoàng đế lại bị đau nặng và băng hà vì một chứng bệnh giống như của thái tử. Về sau, thái tử nối nghiệp cha lên ngôi hoàng đế xứ Ấn Độ.

Nhiều người tưởng rằng một vị Tôn Sư chắc là phải có một sức khỏe phi thường như Hercule. Điều đó hoàn toàn không đúng. Một thể xác đau yếu không phải là một dấu hiệu chỉ rằng vị Tôn Sư không thể đắc Đạo, cũng như một sức khỏe tât biến dời non không phải là triệu chứng của sự giác ngộ tâm linh. Nói cách khác, sức khỏe của thể xác không phải là cái tiêu chuẩn để xét đoán sự giác ngộ thiêng liêng, người ta phải xét đoán một vị Tôn Sư ở ngay trên lãnh vực tâm linh mà thôi.

Nhiều học giả Tây Phương tưởng lầm rằng một vị Tôn Sư là người giảng thuyết các vấn đề đạo lý, siêu hình bằng lời nói hay bằng sách vở. Trái lại, các bậc hiền triết đã nói rằng một vị Tôn Sư phải có thể đạt tới các trạng thái siêu thức tùy ý muốn, và ở trong trạng thái đại

định một cách thường xuyên không gián đoạn. Chỉ có một bản lĩnh như thế mới có thể chứng tỏ rằng người hành giả đã chế ngự được mọi điều vô minh ảo vọng của trần gian.

Chỉ có những bậc Tôn Sư siêu thoát mới có thể đảm trách việc gánh chịu lấy nghiệp quả của các đệ tử. Sri Yukteswar chỉ bị đau nặng ở Kashmir sau khi đã được các đấng thiêng liêng cho phép giúp đỡ những đệ tử bằng các phương pháp lạ lùng đó. Ít có vị thánh nhân nào có đầy đủ minh triết như Sư Phụ tôi vì người đã đạt tới sự hòa hợp với Chân Như Đại Thể của vũ trụ.

Khi tôi tỏ lòng ưu ái về sự gầy ốm và sụt cân của người, thì Sư Phụ vui vẻ trả lời:

- Trong cái họa ắt có cái phúc! Bây giờ nhờ gầy bớt Thầy đã có thể mặc cái áo lót của mình hơi chật mà Thầy đã bỏ không mặc đến từ nhiều năm nay!

Tiếng cười vang với một âm thanh trong trẻo của Sư Phụ làm cho tôi nhớ lại lời nói của St. Francois d'Assise: “Một ông thánh buồn rầu là một ông thánh đáng thương hại !”

Chương 17

MỘT CUỘC HOÁN CẢI LẠ LÒNG

- Với tư cách một người vợ hiền Án Độ, chị không phiền trách chồng chị, nhưng chị mong ước làm sao y từ bỏ những quan điểm duy vật của y. Y thường chế diễu những hình ảnh treo trong phòng tham thiền của chị! Em hỡi, chị tin tưởng chắc chắn rằng em có thể giúp chị.

Roma, chị cả tôi, nhìn tôi với cặp mắt van lơn. Tôi đến viếng chị tôi trong giây lát tại nhà chị ở Calcutta. Lời yêu cầu của chị làm tôi cảm động vì chị tôi từ thuở nhỏ vẫn gây cho tôi một ảnh hưởng tâm linh rất lớn và từ khi mẹ tôi mất, chị đã cố gắng điền khuyết sự trống trải đó trong gia đình bằng tình thương của chị đối với chúng tôi.

- Thưa chị, lẽ tự nhiên em sẽ cố gắng hết sức để giúp chị.

Tôi mỉm cười để tìm cách dẹp tan sự buồn rầu hiện trên gương mặt chị, trái hẳn với nét mặt bình thản và vui tươi hàng ngày.

Một năm trước đây, chị tôi đã yêu cầu tôi chỉ dẫn pháp môn thiền định và chị đã thực hiện những tiến bộ đáng kể trên con đường đó.

Bỗng nhiên tôi có ý kiến:

- Ngày mai tôi sẽ đi viếng thăm ngôi đền thờ đức Phật Mẫu Quan Âm ở Dakshineswar. Chị hãy cùng đi và cố gắng thuyết phục chồng chị cùng đi với chúng ta. Tôi cảm thấy rằng tại nơi đền miếu trang

nghiêm đó, đức Phật Mẫu sẽ cảm động được lòng y, nhưng chị đừng nói cho y biết lý do cuộc hành hương này.

Chị tôi nhận lời với tấm lòng tràn đầy hy vọng. Sáng ngày hôm sau, tôi sung sướng mà thấy chị và anh rể tôi sẵn sàng lên đường. Trong khi chiếc xe ngựa của chúng tôi dong ruổi trên đường lộ trực chỉ Dakshineswar, anh rể tôi Satish Chandra Bose buông lời diễu cợt những vị Chân Sư của quá khứ, hiện tại và vị lai. Tôi nhận thấy Roma khóc thầm trong im lặng. Tôi an ủi chị:

- Chị hãy can đảm lên. Đừng cho y có sự thỏa mãn mà thấy chúng ta bực tức những lời nói chế nhạo của y.

Satish nói mỉa mai:

- Mukunda, làm sao cậu có thể bị hấp dẫn bởi những kẻ bịp đời giả mạo đó? Chỉ nội một cái hình dáng của người tu sĩ cũng làm cho ta dội ngược; có người gầy đét như bộ xương, có người lại to béo như một con voi!

Tôi bất giác bật cười vang lên, sự phản ứng này làm cho Satish cụt hứng, y trở nên im lặng trầm ngâm. Khi cỗ xe vừa tới Dakshineswar, y bèn đưa cọt và nói với giọng châm biếm:

- Có phải chẳng cuộc đi chơi này có dụng ý để thuyết phục tôi?

Tôi không nói gì nhưng y lại nắm lấy tay tôi:

- Nay ông tu sĩ, ông đừng quên thương lượng trước với nhà chùa về bữa cơm trưa nay của chúng ta!

- Bây giờ tôi phải tham thiền. Anh đừng lo lắng về bữa cơm trưa.

Đức Phật Mẫu sẽ đảm nhiệm việc đó.

- Tôi không cần biết đức Phật Mẫu là ai! Nhưng cậu phải chịu trách nhiệm về bữa cơm trưa của tôi!

Giọng nói của Satish có vẻ như một sự hăm dọa. Tôi đi một mình về phía hành lang có nhiều cột của ngôi đền thờ đức Quan Thế Âm. Tôi chọn một góc có bóng mát gần một cây cột và ngồi xếp bằng theo tư thế liên hoa. Tuy lúc ấy mới khoảng bảy giờ sáng nhưng ánh nắng mặt trời có vẻ sắp sửa nóng gắt. Quên hẳn sự vật ngoại cảnh, tôi sửa soạn ngồi thiền. Tâm trí tôi tập trung vào đức Phật Mẫu Quan Thế Âm mà vị tu sĩ Ramakrishna trước đây đã từng chiêm ngưỡng một cách nhiệt thành tại Dakshineswar. Đáp ứng những lời kêu gọi khẩn thiết của tu sĩ, pho tượng đức Phật Mẫu đã cử động và đã nói chuyện với tu sĩ ở chính ngôi đền này.

Tôi cầu nguyện: “Hỡi đức Phật Mẫu Quan Thế Âm từ bi vô lượng, hằng im lặng trong pho tượng bằng đá, ngài đã cử động, sinh hoạt trước sự khẩn cầu của đức Ramakrishna, xin ngài cũng chiếu cố đến lời cầu xin khẩn thiết của con hằng khao khát được chiêm ngưỡng sự có mặt của ngài.”

Sự nhiệt thành của tôi mỗi lúc càng tăng, kèm theo với một sự bằng an thiêng liêng trong tâm hồn. Tuy nhiên, năm tiếng đồng hồ đã trôi qua, đức Phật Mẫu mà tôi ghi khắc hình dáng trong tư tưởng vẫn không đáp ứng; tôi cảm thấy hơi thất vọng. Đôi khi Thiên Liêng cũng thử thách người hành giả bằng cách chậm ứng đáp lời cầu nguyện của y. Nhưng Ngài thường xuất hiện trước mắt người tu sĩ kiên tâm bền chí dưới một hình thức mà y thường chiêm bái. Người Gia Tô có khi nhìn thấy đức Giê Su, người Phật Giáo nhìn thấy Phật Thích Ca hoặc đức Quán Âm, hoặc thấy một vầng hào quang từ từ nói rộng, nếu sự chiêm bái của y khoác lấy một hình thức trừu

tượng.

Tôi mở đôi mắt một cách luyến tiếc và thấy một vị tăng lữ bước tới đóng cửa đèn vào giờ trưa như thường lệ. Tôi bèn đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi và bước ra sân. Mặt trời giữa trưa rọi thẳng xuống nền gạch như thiêu đốt làm cho hai bàn chân của tôi rất đau đớn như bị phỏng. Tôi vừa đứng giữa sân day mặt vào chánh điện vừa cầu nguyện một lần cuối cùng: "Ôi, Phật Mẫu, ngài đã không xuất hiện trong linh ảnh trước nhãn quang của con và bây giờ thì ngài đã khuất dạng trong đèn thờ, phía sau những cánh cửa đã đóng. Hôm nay con đặc biệt cầu xin Phật Mẫu độ cho anh rể con."

Lời cầu nguyện đó tức khắc được đáp ứng. Trước hết một luồng từ điển mát rượi, tốt lành từ trên đi xuống dọc theo xương sống sau lưng tôi, xuống dưới tận hai bàn chân và đem cho tôi một cảm giác khoan khoái dễ chịu vô cùng. Kế đó tôi vô cùng ngạc nhiên mà thấy ngôi đền dường như từ từ nở rộng đến những kích thước khổng lồ không thể tưởng tượng! Những cánh cửa vĩ đại từ từ mở rộng để lộ pho tượng đá của đức Phật Mẫu, lúc đầu còn đứng yên, sau đó ngài từ từ cử động và nở một nụ cười tiếp đón làm cho tôi say sưa ngây ngất. Hơi thở toát ra từ hai buồng phổi của tôi dường như bị thương hút bởi một thứ đá nam châm khổng lồ. Toàn thân tôi vẫn yên tĩnh nhưng không phải là bất động.

Tâm thức tôi đắm chìm trong cơn đại định, đã nở rộng một cách kinh khủng; tầm nhãn quang của tôi phóng ra xa đến mấy dặm đường cho thấy sông Hằng ở bên tay trái, phía bên mặt là khung cảnh bao quát của vùng Dakshineswar. Những vách tường của ngôi đền đều trong suốt, xuyên qua đó tôi nhìn thấy ở đằng xa những người nông dân đang cày bừa trên những đồng ruộng diễn ra tận chân trời. Tuy tôi không mất hơi thở và toàn thân tôi đắm chìm trong một sự yên tĩnh lạ lùng nhưng tôi vẫn có thể cử động tay chân.

Trong nhiều phút tôi chỉ mở mắt và nhắm mắt, trong cả hai trường hợp tôi đều nhìn thấy rõ ràng khung cảnh bao quát của vùng Dakshineswar. Cũng như quang tuyến X, nhãn quang tâm linh soi thấu mọi vật vì con mắt thần thông đặt trung tâm ở khắp chốn nhưng không đặt chu vi ở đâu cả. Tôi lại hiểu thêm một lần nữa, trong sân đền nóng như thiêu đốt dưới ánh nắng gắt của mặt trời, rằng: chỉ khi nào con người không còn say mê vật chất, đắm chìm trong cơn mơ ảo vọng của cuộc đời thế gian, chừng đó y mới có được sự sống trường cửu muôn đời.

Trong cái linh ảnh của tôi tại Dakshineswar, những vật duy nhất được phóng đại lạ thường là ngôi đền và pho tượng đức Phật Mẫu. Kỳ dư đều hiện ra dưới hình dáng bình thường, tuy rằng bao bọc trong một ánh hào quang lạ lùng, với đủ tất cả các màu sắc rực rỡ của chiếc cầu vồng. Thề xác tôi dường như mỏng như sương và sẵn sàng bay bổng! Hoàn toàn ý thức được cảnh vật ở chung quanh, tôi nhìn chung quanh tôi và thậm chí bước đi vài bước mà không làm gián đoạn giây phút huyền diệu đó. Bên ngoài các bức tường của ngôi đền thành linh tôi thấy anh rể tôi ngồi dưới bóng mát của một cây đại thụ. Tôi theo dõi một cách dễ dàng giòng tư tưởng của y; bầu không khí thiêng liêng của ngôi đền làm cho y có đôi chút giảm bớt những ý nghĩ trần tục nhưng y lại có ý nghĩa oán trách tôi. Tôi bèn quay lại pho tượng khổng lồ của đức Quán Thế Âm:

- Bạch Phật Mẫu! Xin Ngài hãy cứu độ tâm linh cho anh rể con!

Pho tượng từ trước vẫn câm lặng bèn thốt ra những lời này: “Lời cầu nguyện của con đã được đáp ứng.”

Tôi sung sướng nhìn Satish. Dường như một giọng nói bí mật nào đã cho y biết rằng y đang chịu ảnh hưởng của một quyền năng thiêng liêng, y bèn đứng dậy và đi tới ngôi đền. Hầm hầm nét mặt, y

đến gần tôi với hai bàn tay nắm chặt.

Cái linh ảnh thiêng liêng liền liền biến mất. Tôi không còn nhìn thấy đức Phật Mẫu: ngôi đèn lúc nãy vốn to lớn vĩ đại, nay đã trở lại bình thường và không còn trong suốt nữa. Một lần nữa thân thể tôi lại quần quại dưới những tia nắng gắt của mặt trời. Tôi lao mình vào bóng mát của dãy hành lang nhiều cột. Satish bèn giận dữ đuổi theo tôi. Tôi nhìn đồng hồ, lúc ấy vừa đúng một giờ trưa! Cái linh ảnh thiêng liêng đã kéo dài đúng sáu mươi phút.

- Thằng ngốc! Anh rể tôi la lên. Thế là mày vẫn ngồi khoanh tay khoanh chân ở một chỗ suốt sáu tiếng đồng hồ không nhúc nhích! Tao bắt gặp mày tại trận đó nhé! Bữa cơm trưa của tao đâu? Bây giờ đèn đã đóng cửa, mày đã không dọn trước cho họ nấu cơm, thế là chúng ta phải ngồi trơ mồm ra đây phải không?

Sự xuất hiện của Đức Quan Thế Âm trong linh ảnh của tôi lúc này hãy còn làm cho tôi say sưa ngây ngất. Tôi bèn đáp:

- Đức Phật Mẫu sẽ cho chúng ta ăn no.

Satish nổi cơn thịnh nộ đến cực điểm:

- Đây là lần chót, tao muốn xem thấy đức Phật Mẫu dọn cơm cho chúng ta ăn mà không cần có sự thỏa thuận của nhà chùa.

Y vừa nói dứt lời thì một vị tăng lữ đi ngang qua sân đền và đến gần chúng tôi:

- Con hỡi, ta đã nhìn thấy ánh hào quang hiện trên gương mặt con trong những giờ tham thiền vừa rồi. Sáng nay, khi các con vừa đến, ta cảm thấy cần để phần cơm dành cho bữa trưa của các con. Thật

là trái luật lệ nhà chùa mà mời khách dùng bữa khi họ không dặn trước, tuy vậy ta cũng vui lòng dành một ngoại lệ cho các con.

Tôi cảm ơn vị tăng lữ và nhìn Satish thẳng vào đôi mắt y. Sự cảm xúc làm cho y đỏ mặt và cúi đầu. Khi một bữa ăn thịnh soạn được dọn ra cho chúng tôi, thậm chí có cả xoài ngon và trái mùa, tôi nhận thấy ông anh rể tôi chỉ ăn lấy lệ nhưng tâm hồn y vợ vẫn ở đâu đó. Y có vẻ đắm chìm trong cơn suy tư thâm trầm. Trong chuyến trở về Calcutta, Satish lòng đã lắng dịu, nhìn tôi như có ý xin lỗi. Nhưng y vẫn lẳng lặng không nói gì kể từ khi vị tăng lữ mời chúng tôi dùng cơm trưa, việc này có cái tác dụng như một phép màu nó đảo lộn tất cả những ý nghĩ duy vật của y.

Ngày hôm sau, tôi đến thăm chị tôi. Chị đón tiếp tôi một cách nồng nhiệt và nói:

- Này em, thật là một phép lạ! Tối hôm qua, Satish đã khóc trên đầu gối của chị. Y vừa khóc vừa nói: “Em yêu quý, anh thật là sung sướng vô bờ bến mà thấy rằng Mukunda đã thành công trong ý định muốn hoán cải anh. Anh sẽ sửa chữa lại tất cả những điều lầm lỗi của anh đối với em. Kể từ nay, buồng ngủ của chúng ta sẽ dành riêng cho sự cầu nguyện mà thôi, còn em sẽ ngủ trong phòng tham thiền nhỏ của em. Anh cảm thấy vô cùng hối tiếc mà đã diễu cợt Mukunda. Anh sẽ cứu chuộc lại tội lỗi bằng cách sẽ giữ im lặng đối với Mukunda cho đến khi nào anh đã tiến bộ khá nhiều trên đường Đạo. Kể từ ngày này, anh sẽ tôn thờ đức Phật Mẫu Quan Thế Âm và hy vọng một ngày kia sẽ được đức Phật Mẫu ban phước lành!”

Nhiều năm sau, tôi đến viếng anh rể tôi ở Delhi. Tôi lấy làm vô cùng vui sướng mà thấy y đã đạt tới một trình độ tâm linh khá cao, và đức Phật Mẫu đã hạ cố mà xuất hiện trong những linh ảnh của y. Trong những ngày tôi tạm trú tại nhà y, tôi nhận thấy Satish dùng phần lớn

thời giờ mỗi đêm để tham thiền trong vòng bí mật, dẫu trong những khi đau ốm và ban ngày còn phải làm việc tại văn phòng.

Đó là câu chuyện lạ lùng của anh rể tôi, từ một người duy vật đã trở thành vị tu sĩ thánh thiện.

Chương 18

TÔI TRỞ THÀNH TU SĨ XUẤT GIA

Kỳ thi Cử Nhân Văn Khoa của trường đại học Calcutta đã đến. Tôi không phải là một học trò chăm học, rất ít khi đi đến trường và chỉ học bài một cách hời hợt, gấp rút vào giờ chót, vài ngày trước khi đi thi. Tuy vậy, do một sự may mắn lạ thường, tôi được ưu điểm về môn triết học và có đủ số điểm trung bình về các môn học khác.

Cha tôi không còn nổi vui mừng nào lớn hơn khi nghe tin tôi thi đậu. Người nói:

- Thật cha không dám hy vọng rằng con sẽ thi đậu, Mukunda, con dành quá nhiều thời giờ gần bên Sư Phụ con ở đạo viện!

Trong nhiều năm, tôi không hề dám ước mong có ngày danh hiệu “Cử Nhân Văn Khoa” sẽ đi kèm đằng sau tên tôi. Tôi ít khi dùng danh hiệu ấy mà không nghĩ rằng đó là một ân huệ thiêng liêng ban cho tôi vì một lý do bí ẩn nào đó mà tôi không được biết rõ.

Bạch Sư Phụ, cha con muốn con nhận một chức vụ trong Công ty Hỏa xa Bengal-Nagpur Railway nhưng con đã quyết liệt từ chối, tôi thưa với Sri Yukteswar một ngày nọ và tôi nói thêm một cách tuyệt vọng. Xin Sư Phụ hãy cho con làm lễ xuất gia.

Tôi nhìn Sư Phụ bằng cặp mắt van xin một cách khẩn thiết. Trong nhiều năm, Sư Phụ đã từ chối lời yêu cầu của tôi để đặt tôi trong một cuộc thử lòng, nhưng lần này người vui vẻ nhận lời:

- Được rồi. Ngày mai Thầy sẽ làm lễ xuất gia cho con. Thầy rất vui mà thấy con vẫn kiên quyết mong muốn trở thành một tu sĩ. Đức Lahiri Mahasay vẫn thường nói: “Nếu ta không mời Thượng Đế vào nhà trong thời kỳ còn xuân xanh thì Ngài sẽ không đến với ta vào lúc mùa đông của cuộc đời.”

- Bạch Sư Phụ, con không bao giờ quên mục đích ấy, là được xuất gia theo dòng tu sĩ Swami như Sư Phụ vậy.

Tôi mỉm cười nhìn Sư Phụ với tất cả tấm lòng quý mến và nhớ đến một câu trong thánh kinh, “Người không lập gia đình thì lo việc Đạo và tìm cách làm vui lòng Thượng Đế, còn người lập gia đình thì lo việc đời và tìm cách làm vui lòng vợ nhà.”

Tôi đã quan sát cuộc đời của nhiều bạn hữu đã từng lập gia đình sau khi muốn theo đuổi một đời sống tâm linh. Đắm chìm trong biển trần gian tục lụy với những nỗi lo âu vô bờ bến, họ đã quên hẳn chí nguyện công phu hành Đạo, tham thiền.

Ngày hôm sau là một trong những ngày đáng ghi nhớ nhất của đời tôi. Đó là một ngày hè sáng sủa đẹp trời vào tháng 7 năm 1914, vài tuần sau khi tôi nhận cấp bằng Cử nhân Văn Khoa. Trên bao lơn đạo viện ở Serampore, áo Sư Phụ nhuộm màu vàng sậm, tức màu áo cổ truyền của giới tu sĩ, một mảnh lụa trắng mới nguyên. Khi mảnh lụa đã khô ráo, Sư Phụ quấn nó trên mình tôi để mặc vào cho tôi như biểu tượng của sự dứt bỏ cuộc đời trần gian. Sư Phụ giải thích:

- Một ngày kia, con sẽ sang các nước Âu Mỹ, ở nơi đó người ta thích lụa hơn. Với ý nghĩa tượng trưng, Thầy chọn cho con manh áo lụa thay vì manh áo vải theo truyền thống của các dòng tu sĩ.

Bên Ấn Độ là nơi mà các tu sĩ đều lập nguyện thanh bần, một vị tu sĩ mặc áo lụa là một cảnh tượng ít có. Tuy nhiên nhiều tu sĩ Yogi cũng mặc áo lụa vì nó gìn giữ những giòong từ điển của thể xác hơn là áo vải.

Trong dịp làm lễ cho một người trở thành một tu sĩ xuất gia, có nhiều lễ nghi phiền phức nhưng Sri Yukteswar vốn chủ trương giản dị tối đa trong mọi việc, đã miễn tất cả những nghi lễ đó và chỉ yêu cầu tôi chọn lấy một pháp danh. Người mỉm cười và nói:

- Thầy cho con cái đặc quyền tự mình chọn lấy một pháp danh.

Sau một lúc suy nghĩ, tôi đáp:

- Pháp danh của con là Yogananda.

Danh hiệu này có nghĩa là: “Phúc lạc(Ananda) sở đắc được nhờ bởi Hợp Nhất với Thiêng Liêng(Yoga).”

- Được lắm! Kể từ nay con sẽ từ bỏ tên Mukunda Lal Ghosh và sẽ lấy pháp danh Yogananda thuộc dòng tu sĩ Swami.

Tôi quỳ trước mặt Sư Phụ và khi tôi nghe Sư Phụ xưng pháp danh mới của tôi lần đầu tiên, lòng tôi tràn ngập một nỗi niềm biết ơn sâu xa đối với người. Với một tình thương bao la, Sư Phụ đã cố gắng huấn luyện không ngừng để đào tạo chàng thanh niên Mukunda trở nên tu sĩ Yogananda.

Người tu sĩ Swami thuộc về một dòng tu cổ xưa do đức giáo chủ Shankara thành lập. Dòng tu này đã trải qua hàng bao nhiêu thế kỷ do một truyền thống liên tục gồm có các vị Tăng thống đạo hạnh cao

thâm để duy trì sự nghiệp tâm linh của vị thủy tổ Shankara. Dòng tu sĩ Swami chủ trương lập nguyện thanh bần, khiết bạch và vâng lời.

Cái lý tưởng phụng sự nhân loại, dứt bỏ mọi điều tham vọng và ái dục trói buộc cuộc đời với thế gian làm cho phần nhiều các tu sĩ Swami đảm trách lấy một công trình cứu tế hay giáo dục ở Ấn Độ và đôi khi cũng ở ngoại quốc. Gạt bỏ tất cả mọi thành kiến về giai cấp, tôn giáo, màu da, nam nữ hay chủng tộc, một tu sĩ Swami hoàn toàn thấm nhuần lý tưởng bác ái đại đồng trong nhân loại. Người nêu cao một mục đích: đó là sự hoàn toàn hòa hợp với Tinh Thần. Dù trong lúc tỉnh giấc hay khi ngủ mê, tâm thức của người tu sĩ luôn luôn thấm nhuần tư tưởng: “Ta là Chân Ngã, hay Chân Như Phật Tánh,” bởi đó vị tu sĩ Swami tuy thân còn ở nơi trần thế nhưng lòng đã thoát tục và không còn vướng bận chuyện trần gian. Chỉ khi đó người mới xứng đáng với danh hiệu của người, vì danh từ Phạm Ngữ Swami có nghĩa là: người đang tìm cách hợp nhất với Đại Ngã hay Chân Như Phật Tánh. Lẽ tự nhiên cũng cần nói thêm rằng không phải tất cả các tu sĩ Swami đều đã đạt tới cái lý tưởng tối cao đó một cách đồng đều nhau.

Sri Yukteswar vừa là một tu sĩ Swami lại vừa là một người Yogi. Người tu sĩ Swami xuất gia theo dòng tu truyền thống của đức giáo chủ Shankara, không hẳn phải là một người Yogi. Người Yogi là người tu luyện theo một pháp môn nhất định dắt dẫn tới sự ngộ Đạo hay giao cảm với Thiên Liêng; y có thể là người độc thân hay có gia đình, tu tại gia hay xuất gia. Người tu sĩ Swami noi theo con đường luận thuyết triết lý và từ bỏ thế gian: còn người Yogi thực hành một pháp môn được qui định một cách chặt chẽ nhằm mục đích chủ trị thể xác lẫn tinh thần và đưa linh hồn đến mục đích giải thoát. Ở mỗi thế kỷ pháp môn Yoga đã từng đem đến cho Ấn Độ những bậc siêu nhân đã đắc đạo giải thoát.

Trái hẳn với người thường, một người Yogi chân chính có thể sống ngoài thế gian mà vẫn trung thành với lý tưởng tối cao của mình. Thật là một điều cao quý mà làm tròn những bổn phận thế gian, đồng thời chủ trị những dục vọng ích kỷ thấp hèn để nhằm mục đích trở nên một khí cụ hoạt động có ý thức và thuận theo Thiên Ý.

II

- Những ngày cuối cùng của Ananta sắp đến, y sẽ không còn sống được bao lâu nữa!

Những lời nói này vang dội trong trí tôi một buổi sáng, khi tôi đang đắm chìm trong cơn thiền định. Ít lâu sau khi tôi xuất gia theo dòng tu sĩ Swami, tôi trở về quê quán ở Gorakhpurr để thăm nhà và tạm trú tại nhà của anh tôi. Một cơn bệnh bất ngờ làm cho anh tôi phải nằm liệt giường, tôi săn sóc anh tôi hết lòng.

Lời báo điềm gở kể trên làm cho tôi rất buồn. Tôi cảm thấy không thể ở nán lại Gorakhpur để chứng kiến một cách bất lực cơn hấp hối của anh tôi. Trước lời xét đoán gay gắt của cha tôi, tôi rời khỏi Ấn Độ bằng chuyến tàu đầu tiên khởi hành sang Miến Điện rồi vượt biển Trung Hoa để sang Nhật Bản. Tôi bước chân lên hải cảng Kobé và lưu trú tại đây vài ngày. Trong lòng buồn bực, tôi không cảm thấy có hứng thú để đi ngoạn cảnh.

Trên đường về Ấn Độ, tàu ghé bến Thượng Hải. Bác sĩ Misra, y sĩ trên tàu, đưa tôi đi dạo phố ngắm cảnh. Tôi có dịp viếng những cửa tiệm để mua ít quà lạ đem về biếu thân nhân và bạn bè. Tôi mua một món quà bổn xứ cho Ananta. Người chủ tiệm Trung Hoa vừa đưa cho tôi món quà mới mua, tôi liền đánh rơi xuống đất và ghen ngào kêu lên:

- Anh tôi đã mất rồi!

Bác sĩ Misra nhìn tôi với một nụ cười hoài nghi:

- Đại đức chớ vội bi quan, để chờ xem có tin gì không đã.

Khi tàu cập bến Calcutta, tôi cùng lên bờ với bác sĩ Misra. Em út tôi, Bisnu, đã đợi tôi trên bến. Tôi liền nói trước:

- Anh biết rằng Ananta đã từ trần. Em hãy nói trước mặt bác sĩ đây cho biết xem anh mất vào ngày nào.

Bishnu liền nói đúng ngày mà tôi mua món quà biếu cho Ananta ở Thượng Hải. Bác sĩ Misra liền nói:

- Lạ thật! Nhưng chúng ta không nên loan tin này, kéo các giáo sư lại thêm một năm học thần giao cách cảm vào chương trình ban Y Khoa vốn dĩ đã nặng nhọc lắm rồi!

Khi tôi về đến nhà, cha tôi ôm chầm lấy tôi một cách nồng nhiệt khác thường:

- Con đã về!

Cha tôi nói một cách thân ái. Hai gòong lệ chảy xuống hai bên gò má cha tôi. Bình nhật không hề biểu lộ tình cảm ra ngoài, người chưa bao giờ tỏ ra với tôi những cử chỉ yêu mến như thế. Tuy nhìn bề ngoài có vẻ nghiêm nghị, nhưng người có bên trong một quả tim ưu ái của một người mẹ. Trong gia đình, người đóng một vai trò song đôi của bậc phụ mẫu.

Ít lâu sau khi Ananta từ trần, Nalini, em gái tôi, được cứu thoát khỏi nanh vuốt của Tử Thần vì em được chữa khỏi bệnh một cách nhiệm

màu. Trước khi kể lại chuyện này, tôi xin nói vài lời về cuộc đời của em gái tôi.

Từ thuở nhỏ, tôi và em gái tôi vẫn không thuận nhau. Tôi là một thiếu nhi rất gầy ốm, nhưng Nalini thì lại còn gầy hơn nữa! Do bởi một thứ “mặc cảm” vô ý thức nào đó mà những nhà phân tâm học có lẽ nhận biết được dễ dàng, tôi thường hay trêu ghẹo em tôi về hình thù gầy đét như bộ xương của nó, và em tôi cũng trả đũa lại tôi với một sự thất thà ngây ngô của tuổi thơ ấu. Đôi khi mẹ tôi cũng can thiệp vào những cuộc gây gổ giữa chúng tôi và kéo lỗi tai tôi vì tôi là anh mà không chịu nhường nhịn em gái.

Thời gian trôi qua, Nalini được cha mẹ tôi đính hôn cho một viên y sĩ trẻ tuổi ở Calcutta tên Panchanon Bose. Chàng rể được một món tiền hồi môn dồi dào chắc hẳn là để bù trừ lại việc y phải cưới một cô vợ gầy đét như vậy!

Hôn lễ được cử hành rất long trọng. Tối hôm ấy tôi cũng có mặt cùng với một nhóm bạn bè thân quyến vui vẻ tề tựu trong phòng khách nhà chúng tôi ở Calcutta. Chàng rể ngồi trên ghế dài lót nệm thêu chỉ vàng óng ánh, còn Nalini ngồi bên cạnh với một chiếc áo cưới tuyệt đẹp, nhưng than ôi, chiếc áo tân hôn vẫn không thể nào che kín những khía cạnh xương xẩu của cô dâu. Tôi bước lại ngồi gần bên ông em rể mới của tôi và mỉm cười với y một cách thân tình. Y chỉ mới nhìn thấy mặt Nalini lần đầu tiên khi cử hành hôn lễ vào sáng ngày hôm ấy, và lúc ấy y mới biết số phận của y phải gặp một người vợ như thế nào trong cuộc sống lứa đôi.

Cảm thấy lòng ưu ái của tôi đối với y, chàng rể mới đưa mắt ám chỉ Nalini và kề tai tôi hỏi nhỏ:

- Cái đó là cái gì vậy?

Tôi đáp:

- Cái đó, thưa bác sĩ, là một bộ xương để cho ông khám nghiệm.

Cả hai chúng tôi đều phát tiếng cười vang trước cử tọa đông đảo gồm quan khách hai họ, sau khi đã cố nín cười mà không được!

Trong những năm kể đó, bác sĩ Bose đã chinh phục được lòng ưu ái của gia đình chúng tôi và thường được mời đến nhà xem bệnh mỗi khi trong gia đình có người đau ốm.

Chúng tôi đã trở nên đôi bạn thân và thường nói đùa với nhau về cô em gái tôi. Một hôm em kể tôi tâm sự với tôi:

- Vợ em thật là một trường hợp y khoa kỳ lạ. Em đã thử tất cả mọi thứ bổ dưỡng như dầu gan cá thu, bơ, sữa, mạch nha, mật ong, cá, thịt, trứng gà và nhiều thứ thuốc bổ khác. Rốt cuộc vẫn không mập thêm ra chút nào cả.

Chúng tôi lại cùng nhau cười lớn.

Vài ngày sau đó tôi đến nhà em kể tôi. Tôi không có ý định ở lại lâu và định rời khỏi nhà mà không cho Nalini biết có tôi đến. Khi tôi vừa ra đến cửa thì tôi nghe giọng nói thân mật của em gái tôi:

- Anh ơi, hãy ở lại. Lần này anh sẽ không trốn thoát. Em có chuyện muốn nói với anh.

Tôi bước lên phòng của em tôi và ngạc nhiên thấy em rưng rưng nước mắt:

- Anh ơi, chúng ta hãy quên đi mọi hiềm khích thuở xưa! Em biết rằng từ nay anh đã theo con đường xuất gia tầm đạo và em cũng muốn được như anh.

Kể đó em tôi nói tiếp với niềm hy vọng:

- Anh đã trở nên lực lưỡng khỏe mạnh như vậy. Anh có thể giúp em chẳng? Em rất yêu chồng em, nhưng anh lúc nào cũng tránh né em, làm em rất tủi thân. Em lo trau dồi tâm tính và công phu tu niệm, nhưng phải chăng em phải chịu gầy ốm và vô duyên bạc phước suốt cuộc đời?

Lời khẩn cầu của em tôi làm tôi rất cảm động. Tôi cảm thấy thương xót cho số phận của em tôi. Một hôm Nalini yêu cầu tôi nhận em làm đệ tử. Em nói:

- Anh hãy thử thách em bằng cách nào tùy ý. Từ nay em chỉ đặt đức tin nơi Thượng Đế chứ không còn tin tưởng ở thuốc men.

Nói đoạn, em tôi mở nút những chai thuốc bỏ trút sạch tất cả xuống máng xối.

Để thử đức tin của em, tôi dặn em hãy kiêng cử ăn thịt, cá và trứng, và chỉ dùng toàn là rau trái mà thôi. Khi Nalini đã ăn chay trường trong nhiều tháng, không ngại nhiều nỗi khó khăn và đã theo đúng những qui luật khác của tôi đưa ra, tôi mới trở lại thăm em. Tôi nói:

- Em đã tôn trọng và tuân theo những qui luật của đời sống tâm linh, phần thưởng của em đã sắp đến!

Tôi mỉm cười và nói một cách trào phúng:

- Em tôi muốn trở nên mập béo như dì Tám nhà mình không, dì không còn thấy hai bàn chân của dì từ nhiều năm nay.

- Ôi thôi! Em chỉ muốn được như anh vậy thôi.

Tôi bèn long trọng tuyên bố:

- Do ân huệ thiêng liêng, cũng như tôi vẫn luôn luôn nói sự thật, điều ước vọng mà tôi tuyên bố ngày hôm nay sẽ trở thành sự thật. *(Thánh kinh Ấn Độ nói rằng người nào có thói quen nói lên sự thật có thể đạt được quyền năng làm cho lời nói của mình được thể hiện theo ý muốn. Điều mong ước mà y thốt ra với tất cả tâm hồn sẽ được thực hiện.)*

- Kể từ bây giờ, thân thể của em sẽ chịu một sự thay đổi nhiệm màu và trong vòng một tháng em sẽ cân nặng cũng như tôi.

Điều mong ước mà tôi nói lên bằng tất cả tâm hồn đã được đáp ứng. Trong vòng một tháng, Nalini đã cân nặng bằng tôi! Những nét tròn trĩnh duyên dáng làm cho thân hình em trở nên vô cùng hấp dẫn và chồng em càng yêu em thêm. Cuộc hôn nhân của em bắt đầu trong những điều kiện không toàn hảo nay đã trở thành một cuộc hôn nhân lý tưởng.

Từ Nhật Bản trở về, tôi nghe nói rằng trong khi tôi vắng mặt, Nalini bị đau chứng bệnh thương hàn. Tôi bèn hối hả đến nhà em thì lấy làm kinh ngạc mà thấy em mình gầy đét như bộ xương và đang mê man bất tỉnh. Em kể tôi thuật lại rằng lúc em còn tỉnh thì em luôn luôn lập đi lập lại những lời này: “Nếu Mukunda có mặt ở nhà thì tôi đã không bị đau đến nỗi này.” Y cho biết:

- Tôi và các bác sĩ khác đều tuyệt vọng. Bệnh kiết lại xuất hiện cùng một lúc với bệnh thương hàn!

Tôi bèn cầu nguyện với tất cả tấm lòng thành và áp dụng những

phương pháp chữa bệnh theo khoa Yoga. Bệnh kiết của Nalini liền dứt hẳn nhưng bác sĩ Bose lắc đầu với một vẻ mặt u ám và nói:

- Điều ấy chỉ có nghĩa là vợ em không còn chút máu nào nữa.

Tôi liền trấn tĩnh y với một giọng quả quyết:

- Em tôi sẽ hết bệnh. Trong bảy ngày cơn nóng sốt sẽ dứt hẳn.

Một tuần lễ sau tôi lấy làm mừng mà thấy Nalini mở mắt và nhận ra tôi. Kể từ lúc đó em đã lần lần bình phục. Khi em đã thấy khỏe hẳn và nặng cân trở lại như trước, than ôi, em lại phải bù trừ cơn bệnh ấy với một giá quá đắt: hai chân em đã bị liệt bại. Những y sĩ chuyên khoa người Anh và Ấn đều tuyên bố rằng em sẽ phải mang tật suốt đời.

Mệt mỏi vì sự cố gắng mà tôi đã làm để cứu Nalini, tôi bèn đến Serampore để yêu cầu Sư Phụ giúp tôi. Sư Phụ động lòng trắc ẩn về bệnh trạng nguy kịch của em tôi và nói:

- Em con sẽ sử dụng hai chân lại được vào cuối tháng này. Con bảo nó hãy đeo một hạt trân châu nặng hai carats, không được đục lỗ và cột dính trên da thịt bằng một sợi dây.

Tôi quì dưới chân Sư Phụ để tạ ơn mà mừng rỡ trong lòng.

- Bạch Sư Phụ, lời nói của Sư Phụ cũng đủ chữa khỏi bệnh cho em con, tuy nhiên, nếu Sư Phụ muốn, con sẽ kiếm mua một hạt trân châu ngay lập tức.

Sư Phụ gật đầu bằng lòng rồi diễn tả hình dáng và tính tình Nalini, tuy người chưa biết mặt em gái tôi bao giờ.

Tôi trở về Calcutta và mua một hộp trâm châu cho Nalini. Một tháng sau, hai chân liệt bại của em tôi đã hoàn toàn được chữa khỏi.

Em tôi yêu cầu tôi chuyển đạt sự biết ơn sâu xa của em cho Sư Phụ. Sư Phụ nghe tôi đưa tin lành về trong cơn im lặng và khi sửa soạn khiếu từ, người nói:

- Các bác sĩ đều nói rằng Nalini sẽ không bao giờ có con. Con hãy chuyển đạt cho em con bức thông điệp của thầy, rằng trong vài năm, nó sẽ sanh hai đực con gái.

Quả thật sau đó vài năm, Nalini sanh một đứa con gái và nhiều năm kể đó, lại sanh thêm một đứa con gái nữa. Em tôi vui mừng vô hạn và nói:

- Sư Phụ của anh đã ban phước lành cho gia đình em và cả nhà chúng ta. Một bậc siêu nhân như thế thật là thánh hóa cả xứ Ấn Độ do bởi sự hiện diện của người. Anh hỡi, anh hãy thưa với Sư Phụ rằng nhờ anh mà bây giờ em cũng xin làm đệ tử của Người để được thụ giáo theo phép môn Kriya Yoga.

Chương 19

PHÁP MÔN KRIYÂ YOGA

Pháp môn Kriyâ Yoga, thường được đề cập đến trong quyển sách này, đã từng được phổ biến rộng rãi ở xứ Ấn Độ hiện kim nhờ bởi đức Lahiri Mahâsaya, vị Tôn Sư của thầy tôi. Danh từ Kriyâ do Phạm Ngữ Kri, có nghĩa là làm, hành động, và cùng một gốc rễ với danh từ Karma, nguyên lý tự nhiên về nhân quả. Kriyâ Yoga có nghĩa là: “Hợp nhất với đấng Vô Cùng do sự trung gian của một nghi thức hay hành động”. Người Yogi thực hành đúng đắn pháp môn này sẽ lần lần tự giải thoát khỏi sự trói buộc của nghiệp quả.

Theo một nguyên tắc cổ xưa có tự nghìn đời về trước, tôi không thể tiết lộ trọn cả pháp môn Kriyâ Yoga trong một quyển sách dành cho đại chúng. Chỉ có người đạo sĩ Kriyâ Yogi mới có thẩm quyền truyền dạy pháp môn này, mà tôi sẽ trình bày dưới những nét đại cương.

Pháp môn Kriyâ Yoga là một phương pháp giản dị về cả hai mặt tâm linh và thể chất, giúp cho con người bài tiết chất thán khí của cơ thể ra ngoài và tiếp thêm dưỡng khí vào máu. Những nguyên tử dưỡng khí phụ trội sẽ chuyển thành một luồng sinh khí phục hồi sinh lực cho bộ phận thần kinh tủy não (*Bác sĩ George W. Crile, nhà Bác học Mỹ nổi tiếng, năm 1940 có trình bày trong một phiên họp của Hội Phát Triển Khoa Học Mỹ, những cuộc thí nghiệm đã giúp cho ông chứng minh rằng tất cả những tế bào trong cơ thể con người đều chứa âm điện, trừ ra những tế bào của óc và thần kinh hệ chứa dương điện bởi vì những tế bào này tiêu thụ chất dưỡng khí mau lẹ hơn*). Người Yogi có thể trì hoãn, hoặc ngăn ngừa sự già cỗi của các tế bào bằng cách ngăn chặn sự tích tụ của máu đen, những nhà đạo sĩ tiến hóa cao có thể thay đổi các tế bào của họ thành chất tinh lực

thuần túy. Elie, Jesus, Kabir và các nhà tiên tri khác đều biết rõ pháp môn Kriyâ hay một pháp môn tương tự có thể giúp các ngài biến thể hay tàng hình tùy theo ý muốn.

Kriya Yoga là một pháp môn rất cổ, mà Lahiri Mahâsaya đã thụ giáo của Tôn Sư Babâji, vị này đã phát hiện và chấn chỉnh lại pháp môn ấy sau nhiều thế kỷ bị đấm chìm trong quên lãng. Babâji đã nói với Lahiri Mahâsaya:

- “Pháp môn Kriyâ Yoga mà Thầy dùng con làm trung gian để truyền bá cho đời vào giữa thế kỷ mười chín này, chính là cái pháp môn mà cách đây nhiều ngàn năm, đức Krishna đã truyền dạy cho Arjuna. Đạo sư Phantanjali, đáng Christ, thánh Jean, thánh Paul và những vị thánh tông đồ khác cũng đã từng biết rõ pháp môn ấy.”

Krishna, đáng tiên tri lớn nhất Ấn Độ, đã đề cập đến pháp môn Kriyâ Yoga trong một câu thánh kinh Byhagavad gita: *"Những người khác vận chuyển luồng sinh khí bằng cách điều chỉnh hơi thở ra hít vào, và tập luyện phép khí công Pranâyama"*.

Câu ấy có nghĩa là: “Người Yogi ngăn chặn sự già nua của thể xác bằng cách tiếp thêm luồng sinh khí, và ngăn sự trưởng thành bằng phương tiện bài tiết. Bằng cách hóa giải sự già nua và trưởng thành của thể xác, và điều hòa nhịp độ của quả tim, người Yogi nắm vững cái bí quyết của vấn đề sanh tử”.

Krishna cũng nói rằng trong một tiền kiếp, ngài đã truyền dạy pháp môn Yoga bất tử này cho Vivasvat, bật giác ngộ của thời đại cổ, việc này truyền lại cho đức Manu, nhà sáng lập nên luật pháp Ấn Độ. Đức Manu truyền lại cho Ixvâku, nhà sáng lập nên triều đại vương tướng của Ấn Độ. Được truyền khẩu từ thế kỷ này qua thế kỷ khác, pháp môn Yoga này được các đáng chân Sư gìn giữ trải qua thời gian cho đến kỷ nguyên duy vật. Nhưng vì các vị tăng lữ thời xưa bao trùm nó trong một bức màn bí mật và cũng do bởi sự thản nhiên của người đời, nên rốt cuộc pháp môn Thiên liêng này đã dần dần biến mất.

Đạo sư Pâtanjali viết như sau:

“Pháp môn Kriyâ Yoga gồm có: Kỷ luật của xác thân, kiểm soát tư tưởng, và tham thiền về thánh ngữ AUM”. Pâtanjali cho rằng Thượng Đế, tức là sự rung động trong vũ trụ của thánh ngữ AUM mà người hành giả nghe được trong cơn tham thiền. AUM tức là danh từ sáng tạo, là tiếng động cơ của vũ trụ. Người hành giả tu luyện Yoga sẽ có lúc nghe được âm thanh vắng vắng của thánh ngữ AUM vang lên từ chỗ sâu thẳm của nội tâm mình. Trong khi y nhận được một sự kích lệ tâm linh như thế, người hành giả biết rằng y đã tiếp xúc với cõi thiêng liêng. Trong trạng thái tiếp xúc sơ khởi với Thiêng Liêng như vừa kể trên(*Savikalpa Samâdkhi*), tâm thức của người hành giả đắm chìm trong tâm thức của vũ trụ, nguồn sinh lực thoát ra khỏi xác thân y, làm cho xác thân y có vẻ như chết, cứng đờ, bất động. Người Yogi hoàn toàn ý thức được sự sống chậm lại của thể xác y. Khi y đạt tới trạng thái cao siêu hơn(*Nirvikalpa samâdhi*), tâm thức của y hòa hợp với Thiêng Liêng trong khi y vẫn tỉnh táo và hoàn toàn ý thức được mọi việc xảy ra chung quanh mình.”

Sri Yukteswar giảng giải cho các đệ tử như sau:

- “Pháp môn Kriyâ Yôga là một phương pháp hồi thúc sự tiến hóa của con người. Từ thời cổ xưa, các nhà đạo sĩ Yogi đã khám phá ra điều bí mật này, là tâm thức vũ trụ được nối liền chặt chẽ với sự kiểm soát hơi thở, đó là sự góp phần bất hủ và độc đáo của Ấn Độ vào cái kho tàng kiến thức của nhân loại. Nguồn sinh lực của con người, lúc bình thường bị hao tán do bởi sự náo động hằng ngày, phải được gom lại để dùng trong những hoạt động tâm linh cao siêu hơn bằng cách thực hành pháp môn Yoga làm lắng dịu nhịp độ của hơi thở.”

Người Yogi dùng tư tưởng dẫn luồng sinh lực đi theo một đường vòng xuyên qua sáu bí huyết của tủy xương sống (từ bí huyết trên đỉnh đầu xuống các bí huyết ở cuống họng, ở tim, ở rún, ở lá lách và xương mông), rồi đi ngược trở lên, để khép một vòng tròn tương đương với mười hai cung Hoàng Đạo, tượng trưng vũ trụ trong con

người(Tiểu thiên địa). Một lần công phu chừng nửa phút đồng hồ vòng quanh xương sống theo pháp môn kriyâ, giúp cho con người thực hiện một sự tiến bộ bằng một năm tiến hóa tâm linh thông thường. Một ngàn lần công phu Kriyâ thực hiện trong vòng một ngày đem đến cho người Yogi một sự tiến hóa tâm linh tương đương với một ngàn năm tiến hóa tự nhiên, và công phu của một năm tu luyện sẽ đưa kết quả bằng 365.000 năm. Như thế, pháp môn Kriyâ Yoga giúp cho người hành giả thực hiện trong ba năm tu luyện công phu, một sự tiến bộ vượt bậc mà theo đà tiến hóa tự nhiên, nó phải cần đến 10.000 thế kỷ. Tuy nhiên, muốn theo con đường tắt của pháp môn Kriyâ Yoga, chỉ có những người Yogi đã được huấn luyện thuần thực dưới sự chỉ dẫn của các vị chân sư, nhờ đó họ chuẩn bị thể xác lẫn tinh thần đến mức tuyệt đỉnh, khả dĩ tiếp nhận cái quyền năng phát triển bằng sự công phu tu luyện thường xuyên. Người sơ cơ mới tập luyện pháp môn Kriyâ chỉ nên tu luyện từ mười bốn đến hai mươi tám lần vào mỗi thời công phu, mỗi ngày hai thời. Thường thì các nhà đạ sĩ Yogi chỉ hoàn tất công phu tu luyện của họ trong sáu năm, mười hai năm, hai mươi bốn năm, hay bốn mươi tám năm. Người Yogi chết trước khi đạt được mục đích tối cao sẽ đem theo một căn quả tốt do nơi công phu tu luyện trong quá khứ, và trong kiếp sau, y sẽ có điều kiện tốt để tiếp tục tu luyện cho đến lúc thành công. Thể xác của một người thường cũng ví như một ngọn đèn năm mươi Watt, không thể chịu nổi một điện thế một triệu volt gây ra bởi sự thực hành quá mức pháp môn Kriyâ Yoga. Sự gia tăng một cách tuần tự và hợp lý số lượng công phu Kriyâ sẽ từ từ thay đổi xác thân đến mức có thể chịu đựng nổi luồng thần lực mạnh mẽ của vũ trụ, tức là sự biểu lộ đầu tiên của Tinh Thần.

Sự bồi dưỡng sinh lực trong giấc ngủ là do bởi sự kiện rằng con người tạm thời mất đi cái ý thức xác thân và hơi thở của mình. Trong khi ngủ, người ta vô tình trở nên một người Yogi, mỗi đêm, vô tình và không hề hay biết y thực hiện pháp môn Yoga là thoát ra ngoài mọi ý thức về xác thân, và để cho nguồn sinh lực thấm nhuần

vào bộ óc và sáu trung tâm bí yếu bên trong tủy xương sống. Như vậy, trong giấc ngủ, người ta đắm chìm một cách vô ý thức trong cái kho dự trữ tinh lực của vũ trụ, nguồn gốc của mọi sự sinh tồn.

Trái hẳn với người ngủ, người Yogi áp dụng có ý thức một phương pháp giản dị và tự nhiên cùng một loại. Người Yogi dùng pháp môn Kriya Yoga để đem Ánh Sáng bất diệt thấm nhuần và nuôi dưỡng các tế bào của thể xác, và duy trì chúng trong một trạng thái thấm nhuần từ điện một cách thường xuyên. Y khiến cho sự hô hấp trở nên không còn cần thiết, nhưng không vì thế mà đưa đến giấc ngủ hay sự hôn mê bất tỉnh.

Nhờ luyện pháp môn Kriyâ, nguồn sinh lực của con người không bị hao tán, hay lãng phí bởi sự loạn động của giác quan, mà được gom về những trung tâm bí yếu trên tủy xương sống để được thấm nhuần một thứ thần lực tinh anh. Chính bởi đó mà thể xác và những tế bào trong óc của người Yogi được truyền vào một sức mạnh tâm linh nó tăng cường sự sống. Khi đó, người Yogi không còn phải tuân theo chặt chẽ những định luật thiên nhiên, như là ăn uống thanh đạm, sống gần thiên nhiên, với ánh nắng và khí trời, nuôi tư tưởng tốt lành... là những phương tiện quanh co nó chỉ có thể đưa y đến mục đích trong một thời kỳ lâu dài là mười ngàn thế kỷ. Một người thường, có sức khỏe tốt, phải mất mười hai năm tu luyện mới gây nên một sự thay đổi khả quan trong cơ cấu của bộ óc, và cần đến một triệu năm để tinh luyện bộ óc cho đến mức có thể khai triển tâm thức vũ trụ (Conscience cosmique).

Cuộc đời của người đạo sĩ Kriyâ Yoga không còn tùy thuộc vào những nghiệp quả của quá khứ, mà chỉ tùy thuộc nơi những mệnh lệnh của linh hồn. Do đó, mọi hành động tốt hay xấu của cuộc đời hằng ngày, chẳng khác nào như sự tiến triển thô sơ của con ốc, không còn phù hợp với đôi cánh bay xa của con chim phụng hoàng.

Một phương pháp sinh hoạt tâm linh rất cao siêu giúp cho người Yogi thoát ra khỏi các ngục tù của bản ngã để thở bầu không khí tự do của trạng thái siêu thức. Cuộc đời thế gian, trái lại, đưa con

người vào một ngõ bí không có lối thoát. Dẫn cho con người noi theo con đường tiến hóa, y cũng phải chịu lệ thuộc những định luật thiên nhiên, dù cho y không vi phạm một định luật nào về vật chất hay tinh thần, y cũng không khỏi mắc kẹt trong vòng luân hồi sinh tử trải qua một thời gian mười ngàn thế kỷ trước khi đạt tới sự giải thoát cuối cùng.

Để thoát ra khỏi cái vòng lẩn quẩn đó, pháp môn Kriyâ Yoga là cái bí quyết để trả lời cho những người nào bất mãn với cái chu kỳ một triệu năm. Cái chu kỳ đó còn kéo dài hơn nữa đối với những người, tuy có thức tỉnh đôi chút để nghĩ đến sự sống tâm linh, nhưng hãy còn theo đuổi những thú vui phàm tục, và làm tổn thương đến tính chất thiêng liêng của họ bằng hành động và tư tưởng. Đối với họ, thì hai triệu năm cũng còn chưa đủ để tự giải thoát!

Con người tự làm lộn mình với cái phàm ngã, y tưởng rằng chính y suy tư, cảm xúc, mong muốn, ước vọng, hay hành động việc nọ việc kia, chứ không biết rằng trong cuộc đời hằng ngày, y chỉ là một kẻ bù nhìn bị cai quản bởi những nghiệp quả của quá khứ, và bởi hoàn cảnh chung quanh. Tuy nhiên, những khả năng trí thức, những khuynh hướng, tập quán, thói quen.... đều tùy thuộc một cách chặt chẽ nơi những nguyên nhân trong quá khứ mà nguồn gốc có thể truy ra hoặc trong kiếp này, hoặc ở một tiền kiếp. Thoát khỏi sự lệ thuộc chặt chẽ đó, chỉ có linh hồn, một thực thể bất biến mà pháp môn Kriyâ Yoga có sứ mạng giải thoát bằng cách xé tan bức màn vô minh, nguồn gốc của mọi sự chướng ngại và trói buộc Linh hồn vào vòng luân hồi sinh tử.

Đức Giáo chủ Shankara viết trong quyển sách bất hủ “Những thế kỷ” (Centuries) của ngài như sau: “Những nghi thức lễ bái bề ngoài không thể dẹp tan sự vô minh, hai điều đó có khi lại còn đi đôi với nhau. Chỉ có sự hiểu biết mới có thể dẹp tan được sự vô minh. Sự hiểu biết hay kiến thức, chỉ có thể đạt tới được bằng sự tìm tòi, tọc mạch về lý trí. Tôi là ai? Tôi từ đâu đến? Vũ trụ từ đâu mà có? Ai

sáng tạo ra nó? Nguồn gốc nó do đâu mà ra?... Đó là sự tọc mạch tìm tòi mà tôi muốn nói đến”.

Trí óc con người đành chịu bất lực không thể giải đáp những câu hỏi đó. Bởi đó, các đấng Chân sư thời cổ mới đem đến cho chúng ta pháp môn Yoga để làm cho ta thỏa mãn sự khát khao hiểu biết.

Chương 20

MỘT TRƯỜNG YOGA TẠI RANCHI

Khi tôi xuất gia theo dòng tu sĩ Swâmi, một hôm Sri Yukteswar có nói với tôi chuyện khá bất ngờ:

- Con có cảm thấy thiếu một người vợ hiền để săn sóc con trong lúc tuổi già chẳng? Con nghĩ rằng một người gia trưởng làm một công việc hữu ích để nuôi dưỡng vợ con, há lại không được đẹp lòng Thượng Đế sao?

Tôi phản kháng trong sự kinh ngạc:

- Bạch sư phụ, Sư phụ đã biết rằng ước vọng duy nhất của con trong kiếp này là xuất gia tầm đạo kia mà!

Sri Yukteswar cười lớn một cách cởi mở đến nỗi tôi hiểu rằng người chỉ muốn thử thách tôi mà thôi.

Đoạn, Sư phụ nói một cách chậm rãi:

- Con hãy nhớ rằng người nào từ bỏ những bổn phận thế gian, phải biện minh cho thái độ của mình bằng cách đảm đương những trách nhiệm nặng nề đối với một gia đình đông hơn nhiều, đó tức là đại gia đình nhân loại.

Tôi vẫn thường nuôi cái lý tưởng giáo dục có thể phát triển tất cả mọi khía cạnh của tính chất con người. Tôi biết quá rõ cái hậu quả của nền giáo dục thông thường, nó chỉ phát triển thể xác và trí tuệ. Những giá trị tinh thần và tâm linh là những điều kiện thiết yếu của hạnh phúc, lại hoàn toàn thiếu hẳn trong những chương trình giáo dục chính thức. Tôi bèn quyết định thành lập một trường học đem cho thiếu niên, học sinh một nền giáo dục toàn mỹ, để giúp cho họ trở nên những người tài đức, vẹn toàn. Tôi bắt đầu thu nhận bảy thiếu sinh ở Dihika, một thành phố nhỏ ở tỉnh Bengale. Sau đó một

năm, nhờ lòng hào hiệp giúp đỡ của vị quốc vương Kasimbaxar, tôi đã có thể dời lớp học của tôi đến Ranchi, và lớp học càng ngày càng đông học trò. Ranchi, thành phố của tỉnh Bihar cách Calcutta độ hai trăm dặm, có một khí hậu tốt lành được liệt vào hàng những nơi khí hậu lành mạnh nhất ở Ấn Độ. Hoàng cung Kasimabzar ở Ranchi được đổi thành học đường mới của tôi, mà tôi đặt tên là Thiếu Sinh Học Đường. Theo lý tưởng giáo dục của các vị chân sư thời cổ xưa ở Ấn Độ, các đạo viện giữa vườn cây u nhân, tịch mịch tự muôn đời về trước vẫn là những trung tâm giáo dục ban bố cả hai nền học vấn thế tục và giáo dục tâm linh.

Tại Ranchi, để dạy ban tiểu học và trung học, tôi thiết lập những chương trình gồm cả các môn canh nông, kỹ nghệ và thương mại, không kể những môn kỹ thuật thông thường. Các học sinh cũng học những phương pháp Yoga về tập trung tư tưởng và tham thiền và một môn thể dục mệnh danh Yogada, mà tôi đã khám phá những nguyên tắc đại cương vào năm 1916.

Sau khi năm học đầu tiên mãn khóa, những đơn xin gia nhập học năm sau lên đến số hai nghìn thiếu sinh. Nhưng trường học chỉ có đủ chỗ nội trú cho độ một trăm học sinh và những lớp mới cho học sinh ngoại trú được tổ chức thêm sau đó.

Tại học đường, tôi phải lo săn sóc những trẻ thiếu nhi và giải quyết những vấn đề gay go về phương diện tổ chức.

Những lời nói của đức Jesus Christ thường trở lại trí nhớ của tôi:

"Ta nói thật cho các người biết, người nào vì ta và chính nghĩa của ta mà từ bỏ nhà cửa, hay anh em, chị em, cha mẹ, con cái, hay đất vườn của họ sẽ nhận được ngay trong đời này nhiều gấp trăm lần những nhà cửa, anh chị em, cha mẹ, con cái, đất ruộng cùng với những sự khủng bố ngược đãi của người thế gian, và trong đời sau họ sẽ được sự sống trường cửu muôn đời".

Sri Yukteswar bình luận những lời ấy như sau:

- "Người hành giả đã từ bỏ hôn nhân và cuộc sống gia đình sẽ đổi những nỗi lo âu phiền lụy của một tiểu gia đình và của những

hoạt động trần gian để đảm đương lấy một trách nhiệm lớn lao hơn, là phụng sự nhân loại, trong công trình này y thường đụng chạm với sự hiểu lầm của người đời, nhưng trái lại, y sẽ nhận được phần thưởng là một sự an lạc bên trong thuộc về tính chất thiêng liêng.”

Có lần cha tôi đến Ranchi để thăm tôi sau một thời gian im lặng kéo dài, vì tôi đã làm trái ý cha tôi khi tôi từ chối không nhận một địa vị của người dành cho tôi trong Công ty Hỏa Xa. Cha tôi nói:

- Con hỡi, cha đã thông cảm sự chọn lựa của con. Cha sung sướng mà thấy con hoạt động giữa những thiếu nhi vui tươi và hồn nhiên. Cha nhìn nhận đó mới là chí hướng của con, thay vì những văn phòng của Công ty với những bản đồ vô tri bất động.

Cha tôi chỉ một nhóm độ mười hai thiếu nhi đang quanh quẩn bên cạnh tôi:

- Cha chỉ có tám người con, nhưng cha hiểu những gì con đang kinh nghiệm!

Trường có một khu vườn độ hai mươi sáu mẫu, tại đây các giáo viên và học trò cùng làm việc trong những lớp học lộ thiên, dưới bóng mát của các cây cổ thụ giữa một khung cảnh thiên nhiên đầy thú vị. Vào năm 1946, trường đã sống được hai mươi tám năm. Một trong những quan khách tai mắt đến viếng trường, trong năm đầu tiên, là tu sĩ Pranabâ, "vị tu phân thân" ở Bénarès. Tu sĩ lấy làm vô cùng cảm động mà thấy những lớp học lộ thiên dưới bóng mát của cây cối sầm uất, và những thiếu nhi tập ngồi tham thiền mỗi buổi chiều dưới gốc cây giữa cảnh thanh u tịch mịch. Tu sĩ nói:

- Tôi lấy làm sung sướng mà thấy lý tưởng giáo dục thanh thiếu niên do đức Lahiri Mahâysaya chủ trương, được đem ra thực hành tại trường này. Cầu xin ân huệ của sự phụ ta đến với con.

Một thiếu niên đứng gần bên tôi lúc ấy bèn hỏi vị tu sĩ:

- Bạch đại đức, sau này con có thể trở nên một tu sĩ chăng? Con có thể hiến dâng cuộc đời con cho Thượng Đế chăng?

Tu sĩ Pranabâ mỉm cười một cách nhẹ nhàng, và phóng tầm nhãn quang nhìn về tương lai:

- Con hỡi, khi con trưởng thành, có một vị hôn thê rất đẹp sẽ chờ đợi con.

Quả thật, người thiếu sinh về sau đã thành gia thất sau nhiều năm ước nguyện xuất gia để theo dòng tu sĩ Swami. Ít lâu sau cuộc viếng thăm của tu sĩ Pranabâ, tôi theo cha tôi đến tịnh thất của tu sĩ ở Calcutta. Khi đó, lời tiên tri của tu sĩ thốt ra từ nhiều năm trước mới trở lại ký ức của tôi.

Hồi đó người đã nói rằng: - “Tôi sẽ gặp lại con và cha con một ngày về sau.”

Khi cha tôi bước vào phòng của tu sĩ, người liền đứng dậy và ôm chầm lấy cha tôi một cách rất trọng hậu và quý mến.

- Bhagabati, anh nên tự hào về cái phước lớn của anh. Anh há chẳng hay rằng con anh đang lao mình vào lòng của đấng Vô cùng?

Tôi ngỡ ngàng thềm vì được khen tặng dường ấy trước mặt cha tôi. Tu sĩ Pranabâ mà tôi đã gặp với một vóc dáng mạnh khỏe lực lưỡng trong cuộc viếng thăm lần đầu ở Bénarès trước đây, nay đã có vẻ già nhiều, tuy người vẫn còn đi đứng ngay thẳng.

Tôi hỏi và nhìn tu sĩ ngay vào tận mắt:

- Bạch đại đức, đại đức có cảm thấy sự già nua đến gần hay chẳng? Khi xác thân yếu dần, sự chiêm ngưỡng Thiêng Liêng có bị thương tổn chút nào hay chẳng?

Tu sĩ mỉm cười một cách êm ái:

- Đấng Thiêng Liêng còn gần tôi hơn bất cứ lúc nào!

Sự quả quyết mãnh liệt này gây một ấn tượng mạnh mẽ trong tâm hồn tôi. Người nói tiếp:

- Tôi vẫn thụ hưởng hai món hươu bổng: một của Bhagabati và một của Thượng Đế!

Vừa đưa một ngón tay chỉ lên trời, tu sĩ liền rơi vào trạng thái xuất thần đại định và gương mặt người chiếu diệu một vàng ánh sáng thiêng liêng huy hoàng: Thật là một cách trả lời hùng biện nhất. Nhận thấy phòng của tu sĩ Pranabâ chứa đầy những chậu cây, và những hột giống, tôi hỏi:

- Những thứ ấy để dùng làm gì?

Tu sĩ giải thích:

- Tôi sẽ rời khỏi Bénarès một cách vĩnh viễn để lên dãy Tuyết Sơn, tại đó tôi sẽ lập một đạo viện cho các đệ tử tôi. Những hột giống này là để sản xuất các loại rau trái. Các đệ tử tôi sống rất giản dị, và dành hết tất cả thời giờ cho việc tu luyện. Ở đời còn gì cần hơn nữa?

Cha tôi hỏi tu sĩ có định trở về Calcutta một ngày gần đây không?

Tu sĩ đáp:

- Không bao giờ. Theo lời tiên đoán của Đức Lahiri Mahâsaya, năm nay là năm mà tôi phải rời khỏi đất Bénarès mến yêu của tôi đến lên dãy Tuyết Sơn, tại đó tôi sẽ bỏ xác trong kiếp này.

Nghe đến đó, tôi rưng rưng hai giong nước mắt, nhưng tu sĩ vẫn mỉm cười trong yên lặng. Người có vẻ rất ung dung tự tại như một người con yêu của Đức Phật Mẫu, đặt vận mạng mình trong bàn tay của ngài. Một người Yogi chân chính, đã đạt tới sự giác ngộ tâm linh, không còn sợ những năm tàn thán gụi. Người có thể đổi mới những tế bào trong thân thể mình tùy ý, tuy nhiên, đôi khi người cũng không màng trì hoãn sự tàn phá của thời gian mà cứ để cho nghiệp quả tự do hành động và dứt tuyệt ngay trong kiếp sống hiện tại, để không còn phải lo trả trong một kiếp khác.

Vài tháng sau đó, tôi gặp một người bạn cũ tên là Sanandan, đệ tử của tu sĩ Pranabâ. Y vừa khóc vừa nói:

- “Sự phụ tôi không còn nữa. Sau khi đã thành lập đạo viện gần Rishikesh, người dạy chúng tôi trong tình thương. Khi chúng tôi đã yên nơi chỗ và đang tiến bộ mau chóng dưới sự hướng dẫn của người, thì một ngày nọ Sự phụ mở tiệc lớn đãi một số đông người ở Rishikesh. Tôi mới hỏi lý do vì sao Sự phụ lại làm như vậy thì người nói:

- Đó sẽ là một dịp long trọng cuối cùng của Thầy.

Lúc đó, tôi không hiểu hết ý nghĩa những lời nói của Sư Phụ. Ngày đại nhật hôm ấy, Sư phụ tôi dặn mua rất nhiều lương thực. Chúng tôi đãi ăn hơn hai ngàn người. Kế đó, sư phụ ngồi lên một bậc thềm cao và ứng khẩu thuyết pháp về đấng Tuyệt đối. Thuyết pháp xong, trước mặt mọi người, Sư phụ day qua phía tôi lúc ấy đang đứng bên cạnh người và nói với một giọng mạnh mẽ lạ thường:

- Con hãy sẵn sàng, Sanandan, Thầy sắp bỏ xác.

Sau một cơn im lặng vì ngạc nhiên, tôi la lên:

- Bạch sư phụ, đừng, sư phụ đừng làm thế!

Đám quần chúng, ngạc nhiên trước câu chuyện lạ lùng đó, trở mắt nhìn chúng tôi một cách tò mò. Sư phụ mỉm cười nhìn tôi, nhưng nhãn quang của người đã hướng về cõi vô cùng. Người đáp:

- Con đừng ích kỷ, và đừng nên sầu thảm vì sự ra đi của Thầy. Bây giờ con hãy vui lên vì Thầy sắp trở về với đấng Tuyệt đối!

Trong một hơi thở dài, sư phụ nói thêm:

- Thầy sẽ tái sinh trở lại một ngày gần đây. Sau khi đã trải qua một thời kỳ ngắn ngủi trong một niêm Phúc Lạc vô biên, Thầy sẽ trở lại thế gian để theo đức Bâbâji. Không bao lâu, con sẽ được biết Thầy chuyển kiếp ở đâu và vào lúc nào linh hồn Thầy lại khoác lấy một thể xác mới.

Sư phụ lại kêu lên:

- Sanandan con hỡi, Thầy từ giã thể xác bằng đệ nhị pháp môn Kriyâ Yoga! *(Pháp môn Kriyâ Yoga cấp đẳng thứ nhì, do đức Lahiri Mahâysaya truyền dạy, giúp cho người hành giả rời khỏi và trở về thể xác tùy ý muốn. Những tu sĩ Yogi tiến hóa cao dùng pháp môn này để bỏ xác một cách có ý thức vào lúc từ trần, mà họ luôn luôn biết trước)*

Khi ấy, Sư phụ mới nhìn về đám đông và người đưa tay làm một cử chỉ ban ân huệ. Sau khi đã thu thập tinh thần nhìn về bên trong theo phép hồi quang phản chiếu, người bèn ngồi yên bất động. Chính vào lúc mà quần chúng tưởng rằng người đang lọt vào trạng

thái đại định xuất thân, thì Sư phụ đã bỏ xác và hòa hợp linh hồn với Đại Thể vô biên của vũ trụ. Các đệ tử đến sờ vào thân mình sư phụ, vẫn còn giữ tư thế liên hoa, nhưng xác thân đã lạnh, linh hồn người đã thoát lên cõi giới trường tồn bất diệt. Tôi bèn hỏi Sanandan về địa điểm tại đó Sư phụ y sẽ tái sinh trở lại. Y đáp:

- Đó là một điều bí mật mà tôi không được tiết lộ cho bất kỳ người nào. Sau này có lẽ anh sẽ tự mình biết được điều đó bằng cách này hay cách khác.”

Về sau, tu sĩ Keshabâ cho tôi biết rằng tu sĩ Pranabâ ít năm sau khi tái sinh trở lại, đã đến Badrinârayan, trên dãy Tuyết Sơn, để gia nhập nhóm đệ tử cao cấp của đức Bâhâji.

II

- Các em đừng lội xuống ao.

- Các em hãy tắm bằng các lấy gáo dội nước lên mình mà thôi.

Tôi dặn các thiếu sinh trường học Ranchi của tôi, khi các em cùng với tôi đi dạo lên một ngọn đồi gần bên, cách đó độ mười hai cây số.

Trên đồi có một cái ao đầy nước và có vẻ hấp dẫn, nhưng khi nhìn thấy ao, tôi có cảm giác rờn rợn một cách bí mật, không thể giải thích lý do. Phần đông các thiếu sinh nghe theo lời khuyên của tôi, nhưng có vài em bị quyết rũ bởi nước trong và mát, khi các em vừa lặn xuống ao thì những con rắn liền vây phủ chung quanh, để thoát thân các em phải hồi hải nhảy vọt lên bờ một cách thật buồn cười. Tắm xong, tôi đưa các thiếu sinh lên đồi và chúng tôi dùng bữa ăn trưa trên bãi cỏ. Ngồi dưới bóng mát của một cây to, tôi bị các em vấn nạn với nhiều câu hỏi, và các em tưởng rằng tôi có nhiều linh cảm thiêng liêng sau vụ bị rắn rượt dưới ao. Một em hỏi tôi:

- Bạch Thầy, sau này con có thể nào xuất gia tu hành theo Thầy được không?

- Không, tôi đáp. Cha mẹ em sẽ bắt em về, và sau này em sẽ lập gia đình.

Em không tin, và liền phản đối kịch liệt:

- Con chỉ bị bắt về khi nào con chết.

Nhưng sau đó vài tháng, cha mẹ em tới trường bắt em về, mặc dầu em kháng cự mãnh liệt. Về sau, em ấy đã lập gia đình. Sau khi tôi đã trả lời nhiều câu hỏi, một thiếu sinh tên là Kashi độ mười hai tuổi, mới bắt đầu hỏi tôi. Em là một học trò giỏi và được mọi người thương mến.

- Bạch Thầy, số mạng của con sau này ra sao?

- Em sẽ qua đời một ngày gần đây.

Câu trả lời này vô tình từ miệng tôi thốt ra mà tôi không cưỡng lại được. lời tiên tri bất ngờ và chẳng lành đó làm cho tất cả nhóm thiếu sinh đều xúc động và buồn thảm. Tôi hối hận trong âm thầm và từ chối không trả lời thêm những câu hỏi khác nữa. Khi trở về trường, Kashi đến tìm tôi trong phòng riêng.

- Bạch Thầy, nếu con chết, Thầy có tìm lại con chẳng khi con tái sinh trở lại, để dìu dắt con trên đường đạo?

Em vừa nói vừa khóc nức nở. Tôi bắt buộc phải từ chối việc nhận lãnh một trách nhiệm nặng nề như thế về phương diện huyền linh. Nhưng trong những tuần lễ sau đó, Kashi cứ theo nài van xin tôi một cách khẩn thiết đến nỗi tôi phải bằng lòng chấp thuận để an ủi em.

Tôi nói:

- Được rồi, nếu Thượng Đế chịu giúp Thầy, Thầy hứa sẽ cố gắng hết sức để tìm lại em.

Trong những tháng nghỉ hè, tôi phải đi một chuyến du lịch ngắn hạn. Rất buồn vì không đem Kashi đi theo, tôi gọi em vào phòng và căn dặn em đừng bỏ trường đi đâu, mà phải ở lại trong bầu không khí tâm linh tốt lành của trường. Tôi cảm thấy rằng nếu em đừng về nhà trong những tháng hè, em có thể tránh khỏi điều tai họa đang chờ đợi em. Khi tôi vừa rời khỏi Ranchi, thì cha của Kashi đã đến trường. Trong suốt hai tuần lễ, y cố gắng thuyết phục Kashi hãy trở về nhà thăm mẹ ở Calcutta trong bốn ngày, và hứa sẽ đem em trở

lại trường. Kashi từ chối không chịu đi. Sau cùng người cha nói rằng y sẽ nhờ cảnh sát can thiệp để bắt em trở về. Lời hăm dọa đó làm cho Kashi phân vân, và sợ rằng điều đó sẽ gây tai tiếng không tốt cho trường, em đành phải chịu vâng lời. Vài ngày sau, tôi trở về trường và khi tôi nghe nói Kashi đã bị cha đến bắt đi, tôi liền hối hả đáp chuyến xe lửa đi Calcutta. Khi đến nơi, tôi thuê một chiếc xe ngựa. Khi cỗ xe đi qua cầu Howrah trên sông Hằng, thì... lạ thay, tôi thấy cha của Kashi đang mặc đồ tang. Tôi bảo người phu xe ngừng lại, tôi nhảy vọt ra ngoài xe và phóng đến trước mặt người cha vô phước.

- Kìa. Ông già sát nhân!

Tôi kêu lên với một giọng hơi vô lý,

- Ông đã giết chết học trò của tôi!

Người cha đã hiểu sự lỗi lầm của mình khi cưỡng bách con y trở về Calcutta. Trong những ngày đầu tiên về ở thành phố này, Kashi đã ăn nhầm thức ăn bị nhiễm trùng, làm cho em mắc bệnh thời khí và đã trút linh hồn.

Tình thương của tôi đối với Kashi và lời hứa của tôi sẽ tìm lại em khi em đầu thai trở lại, ám ảnh tôi ngày đêm. Bất cứ tôi đi đâu, tôi đều thấy gương mặt của em hiện ra trước mắt tôi. Tôi bắt đầu cuộc tìm kiếm một cách sốt sắng, tuyệt vọng cũng như tôi đi tìm mẹ tôi vậy.

Tôi cảm thấy rằng, nếu Thượng Đế đã cho tôi có một lý trí, tôi có thể xử dụng nó theo một chiều hướng nhằm mục đích khám phá những luật huyền bí cai quản sự tác động của một linh hồn ở bên kia cửa Tử, như vậy để trắc nghiệm cái khả năng và bản lĩnh mà tôi đã thu thập được nhờ pháp môn Yoga. Từ nay Kashi là một linh hồn, rung động với những ước vọng chưa được thỏa mãn, một điểm linh quang phưởng phát trong số hàng triệu những linh hồn khác trên cõi Trung giới. Giữa tất cả những âm ba rung động toát ra từ vô số linh hồn khác, tôi làm cách nào để có thể tiếp nhận sự rung động của linh hồn Kashi?

Sử dụng một bí thuật Yoga, tôi tập trung tất cả tình thương của tôi đến linh hồn Kashi xuyên qua bí huyết của Linh Nhãn nằm ở giữa hai chân mày. Dùng hai bàn tay và các ngón tay làm những dây "ăng ten", tôi đi xoay vòng ở một chỗ trên hai bàn chân để định phương hướng do đó tôi phải tìm ra linh hồn đã nhận được thông điệp của tôi. Bằng cách đó tôi hy vọng nhận được một sự trả lời, trong trường hợp này, tôi dùng bí huyết ở quả tim làm cái trạm thu thanh vô tuyến. Các nhà đạo sĩ Yogi đã từng biết rằng ý chí con người, phóng ra từ chỗ bí huyết ở giữa hai chân mày, có thể dùng làm phương tiện di chuyển cho những luồng sóng tư tưởng. Khi cảm giác được tập trung một cách nhẹ nhàng vào bí huyết ở quả tim, bí huyết này sẽ có tác động như một trạm vô tuyến thu thanh có thể tiếp nhận những thông điệp của những người khác, dầu họ ở gần hay ở cách xa. Trong trường hợp thần giao cách cảm, những rung động tinh vi của tư tưởng được truyền đi từ bộ óc này sang bộ óc khác xuyên qua chất dĩ thái cõi trung giới (tế nhị hơn nhiều), và chất dĩ thái hồng trần (nặng trọc hơn), tạo nên những luồng sóng từ điện và kể đó đổi thành những luồng sóng tư tưởng trong trí của người tiếp nhận thông điệp này.

Trực giác cho tôi biết rằng Kashi không bao lâu sẽ đầu thai trở lại thế gian, và nếu tôi cứ tiếp tục kêu gọi không ngừng, thì linh hồn em sẽ đáp ứng. Tôi biết rằng tôi sẽ cảm xúc được một cách chắc chắn mọi phản ứng của Kashi trên những ngón tay, bàn tay, trên lưng và thần kinh hệ của tôi.

Không hề nản chí, tôi kiên tâm thực hành bí thuật Yoga kể trên suốt sáu tháng trường kể từ ngày Kashi qua đời. Một buổi sáng, tôi cùng với vài người bạn đi chơi ở khu Bowbazar tại Calcutta là một khu rất đông người. Như thường lệ, tôi đưa bàn tay lên và lần đầu tiên, tôi cảm thấy có sự trả lời. Một sự rung cảm truyền khắp thân mình tôi khi tôi phát hiện ra một luồng điện chạy trong mấy ngón tay và hai bàn tay tôi. Luồn điện ấy liền truyền lên óc tôi thành một tư tưởng cụ thể và kêu gọi liên tiếp:

- Con là Kashi, con là Kashi đây. Thầy hãy đến với con!

Khi tôi thu thập tinh thần vào chỗ bí huyết ở quả tim, thì cái tư tưởng ấy trở nên rõ ràng gần như có thể nghe được. Tôi nghe giọng nói hơi khàn khàn đặc biệt của Kashi (*Một linh hồn trong trạng thái tinh khiết, có thể biết rõ tất cả. Linh hồn Kashi nhớ rõ mọi đặc điểm của mình hồi còn sống và bắt chước giọng nói khàn khàn của em thuở xưa để cho tôi dễ nhận ra*) lập đi lập lại lời kêu gọi của em luôn luôn không ngừng. Tôi nắm lấy cánh tay của một người bạn trong nhóm, là Prokash Das, và mỉm cười với y một cách hứng khởi.

- Hình như tôi đã tìm ra chỗ đầu thai của Kashi!

Tôi bèn xòe mười ngón tay và đi xoay vòng ở một chỗ trên hai bàn chân tôi để định hướng. Các bạn tôi và người đi đường thấy thế đều buồn cười. Khi tôi vừa đi rẽ vào một con đường nhỏ, thì tôi cảm giác được luồng điện giật nhẹ lăn tăn trong những ngón tay tôi. Tôi thử quay đầu đi ngược chiều để qua một lối khác, thì nguồn điện lại ngưng bật. Tôi bắt giác kêu lên:

- A! Linh hồn Kashi chắc là nằm trong bụng một người mẹ cư ngụ tại con đường này!

Khi chúng tôi đến gần con đường nhỏ nói trên, thì những rung động lăn tăn của luồng điện mỗi lúc càng mạnh thêm và càng rõ rệt hơn trong hai bàn tay tôi. Tôi có cảm giác dường như một viên đá nam châm hấp dẫn tôi từ phía tay mặt của con đường nhỏ này. Khi đi vừa tới cửa một nhà nọ, một sự xúc cảm tình linh xâm chiếm lấy tôi. Tim đập mạnh vì hồi hộp, tôi vừa nín thở vừa gõ cửa với ý nghĩ rằng sự tìm kiếm kiên nhẫn và lạ kỳ của tôi sắp sửa thành công! Một người gia nô ra mở cửa, và cho biết có chủ y ở nhà, ngay lúc ấy người chủ nhà cũng vừa bước ra để gặp tôi. Tôi không biết phải mở lời như thế nào cho tiện, vì câu hỏi của tôi trong trường hợp này có vẻ như một sự tò mò.

- Thưa ông, có phải bà có thai độ chừng sáu tháng nay?

- Thưa phải.

Nhìn thấy tôi là một tu sĩ xuất gia khoác bộ áo vàng sậm, chủ nhà lễ phép hỏi:

- Xin đại đức cho biết vì sao đại đức biết như vậy?

Tôi bèn kể chuyện về Kashi, và lời hứa của tôi. Người chủ nhà lấy làm ngạc nhiên, và tin lời tôi nói.

- Bà nhà sẽ sinh ra một con trai, nước da trắng, gương mặt hơi rộng bề ngang, và có những khả năng tâm linh khá phát triển.

Tôi nói thế vì tôi chắc rằng đứa bé sẽ giống Kashi như đúc!

Về sau, tôi đến thăm đứa bé, mà cha mẹ nó đặt tên là Kashi. Em bé này giống một cách lạ thường người thiếu sinh yêu mến của tôi ở Ranchi. Khi em vừa thấy tôi, em liền có cảm tình ngay, tình yêu mến thuở xưa lại bộc lộ một cách mãnh liệt hơn trước.

Năm em lên mười tuổi, em bé ấy viết thư cho tôi, lúc ấy đang ở bên Mỹ, và bày tỏ sự mong ước nồng nhiệt của em là theo con đường tu hành. Tôi liền gửi gắm em cho một vị minh sư trên dãy Tuyết Sơn, vị này hiện nay đang hướng dẫn Kashi tái sinh, và huấn luyện em trên đường Đạo.

Chương 21

SƯ MẪU KASHI MONI

- Bạch Sư mẫu, chính lệnh Tôn Sư đã làm phép truyền Đạo cho con. Tôn Sư là Thầy của cha mẹ con và của sư phụ con, tức là Sri Yuteswar. Xin Sư mẫu hãy cho con có hân hạnh được nghe Sư mẫu kể lại cuộc đời của Tôn sư?

Tôi thừa những lời trên với Sư mẫu Kashi Moni, phu nhân của đức Lahiri Mahāsaya. Nhân dịp đi ngang qua Bénarès, tôi quyết định thỏa mãn ước mơ mà tôi hằng ôm ấp từ lâu, là thăm viếng Sư mẫu. Bà tiếp tôi một cách khả ái tại ngôi nhà cổ của gia đình bà. Tuy tuổi tác đã cao, bà có một gương mặt hồng hào tươi tỉnh, bao trùm bởi một bầu không khí tâm linh. Vóc dáng trung bình, bà có một nước da trắng, đôi mắt lớn trong sáng làm dịu hẳn gương mặt của một bậc hiền phụ. Bà nói với tôi:

- Chúc lành cho con, con hãy bước vào.

Sư mẫu Kashi Moni đưa tôi vào một nơi tịnh thất tại đây bà từng sống chung với đức phu quân của bà. Thật là một sự hân hạnh cho tôi khi tôi được viếng nơi tịnh thất của vị Tôn Sư độc đáo, tại đây người đã từng đóng vai trò của một người chủ gia đình như mọi người thế gian. Sư mẫu chỉ chỗ cho tôi ngồi trên một ghế lót nệm, ở bên cạnh bà. Sư mẫu bắt đầu nói:

- “Nhiều năm đã trôi qua trước khi tôi biết được tính chất thiêng liêng của phu quân tôi. Một đêm nọ, chính trong phòng này, tôi nằm mơ thấy một linh ảnh nhiệm màu. Các vị thiên thần bay lượn nhẹ nhàng trên đầu tôi. Phu quân tôi, ngồi trong tư thế liên hoa, cũng lơ lửng trên không, với các vị thiên thần bao vây chung quanh. Vô cùng ngạc nhiên khôn tả, tôi vẫn không biết là tôi đang mơ.

Lahiri Mahāsaya nói:

- Em hỡi, em không mơ đâu. Em hãy từ bỏ sự ngủ mê của linh hồn em.

Lúc ấy, phu quân tôi mới từ từ hạ xuống đất, tôi liền quỳ lạy dưới chân người, và nói:

- Bạch Tôn Sư, xin người hãy tha thứ cho tôi sự điên rồ đến mức vẫn coi như người là chồng tôi. Tôi hổ thẹn xiết bao mà thấy rằng tôi vẫn ngủ mê trong sự vô minh bên cạnh một người đã thức tỉnh trong cõi thiêng liêng. Kể từ đêm nay, người sẽ không còn là chồng tôi nữa, mà là Thầy tôi. Tôn Sư có vui lòng nhận kẻ hèn này làm đệ tử chăng?

Tôn Sư bảo tôi:

- Hỡi linh căn thánh thiện, hãy đứng dậy. Tôi bằng lòng nhận.

Người chỉ các vị thiên thần:

- Em hãy nghiêng mình trước mỗi vị thiên thần này.

Khi tôi đã nghiêng mình kính cẩn chào mừng hết tất cả các vị, những giọng nói của các thiên thần đồng thanh vang rền:

- Hỡi phu nhân cao cả! Chúng tôi xin chào mừng phu nhân!

Các vị liền cúi chào dưới chân tôi và biến mất. Linh ảnh ấy rõ ràng thật sự đến nỗi làm cho tôi thức dậy liền khi đó, một ánh sáng rạng ngời tràn ngập khắp phòng. Tôn Sư bèn dạy tôi hãy làm lễ nhập môn theo pháp môn Kriyâ Yoga. Tôi nói:

- Tôi tiếc là không được biết pháp môn này sớm hơn để thánh hóa cuộc đời tôi.

Lahiri Mahâsaya nói với một nụ cười an ủi:

- Đó là bởi vì thời giờ chưa đến. Tôi đã âm thầm cứu chuộc trong vòng bí mật một phần lớn nghiệp quả của em. Bây giờ, em đã chuẩn bị sẵn sàng và đã bằng lòng, thì nay mới đúng lúc.

Tôn Sư bèn đặt bàn tay lên trán tôi. Một vầng ánh sáng xoay vòng hình tròn ốc xuất hiện và lần lần biến thành một ngôi sao năm nhánh.

- Cầu cho tâm thức của em hòa hợp với cõi Thiêng Liêng Tuyệt Đối xuyên qua ngôi sao này.

Giọng nói của Tôn Sư vọng lại như một khúc nhạc vắng vắng từ đằng xa. Những linh ảnh nối tiếp theo sau những linh ảnh cũng như các đợt sóng ngoài biển cả, diễn ra trước nhãn quang tâm linh của tôi. Kế đó, những chân trời sáng chói đổi thành một biển tràn đầy một niềm phúc lạc nó lôi cuốn lấy tôi và làm cho tôi ngất lịm đi không còn ý thức về ngoại cảnh. Khi tôi tỉnh dậy vài giờ sau đó, Tôn Sư truyền thụ cho tôi bí thuật của pháp môn Kriyâ Yoga. Kể từ đêm đó, Tôn Sư không còn ngủ trong phòng tôi nữa, và lại người có cần ngủ đâu, và chỉ ở gian nhà tầng dưới cùng với các đệ tử, ngày cũng như đêm.”

Sư mẫu Kashi Moni đắm chìm trong cơn im lặng, và tôi phải xin bà kể lại những kỷ niệm khác về cuộc đời của Tôn sư. Sư mẫu mỉm cười và nói:

- Tôi phải thú nhận tội lỗi đối với Tôn sư.

“Vài tháng sau lễ nhập môn, tôi bắt đầu cảm thấy bị bỏ rơi và cảm thấy cô đơn. Một buổi sáng Tôn Sư bước vào hòng. Sẵn bắt mẫn trong lòng, tôi liền trách móc:

- Ông dành hết tất cả thời giờ cho các đệ tử ông, và hoàn toàn bỏ phế trách nhiệm đối với vợ con. Tôi rất tiếc rằng ông không hề lo nghĩ gì đến việc trợ cấp thêm ít tiền bạc để chi dụng trong gia đình.

Tôn sư nhìn tôi một lúc và thình lình, không hề rời khỏi chỗ, người đã tàng hình biến mất. Kinh hoảng, tôi nghe tiếng người vang rền trong gian phòng trống trơn:

- Em thấy chằng, tất cả đều là hư không. Làm sao một vật hư không như tôi có thể đem tiền bạc cho em?

- Bạch Tôn sư, em xin lỗi, muôn vàn lần xin người thứ lỗi! Đôi mắt tội lỗi của em không còn nhìn thấy Tôn Sư nữa. Xin Tôn Sư hãy hiện hình trở lại trong thánh thể của người!

- Có ta đây!

Những lời này vang rền ở phía trên đầu tôi. Tôi ngẩng đầu nhìn lên thì thấy Tôn Sư hiện hình trong khoảng không, đầu dựng tới trần nhà. Đôi mắt người phóng ra những tia chớp sáng lòa làm chói mắt

tôi. Kinh sợ thất thần, tôi bèn sụp lạy, vừa úp mặt xuống đất vừa khóc nức nở khi Tôn Sư bình tĩnh hạ xuống đất. Người nói:

- Em hỡi, hãy tìm kiếm sự phong phú tâm linh thay vì những của cải vật chất bỉ ổi của trần gian. Khi em sở đắc được cái kho tàng tâm linh đó, em sẽ thấy rằng những lợi lộc vật chất tự nhiên sẽ đến.

Người lại nói:

- Một trong các người con tâm linh của ta sẽ đáp ứng mọi nhu cầu vật chất của em.

Những lời nói của Tôn Sư đã được thực hiện, một vị đệ tử cúng dường một số tiền lớn để trợ cấp cho gia đình chúng tôi.”

Tôi cảm ơn Sư mẫu Kashi Moni đã thuật lại cho tôi nghe những kỷ niệm quý báu. Ngày hôm sau tôi lại đến nhà Sư mẫu và có dịp đàm luận về triết lý với Tincuri và Ducuri, hai người con trai của đức Lahiri Mahâsaya. Hai anh em đều cao lớn, mạnh khỏe, có một bộ râu đen dày, giọng nói êm dịu, và những dáng điệu lịch sự, theo lối cổ. Cả hai đều đang tu học để nối nghiệp cha mình. Kashi Moni không phải là nữ đệ tử duy nhất của đức Lahiri Mahâsaya. Tôn Sư còn có đến hàng trăm nữ đệ tử khác, trong số đó có mẹ tôi.

Có một vị nữ đệ tử một ngày nọ cầu xin một bức chân dung của Tôn Sư. Tôn Sư bèn cho bà ấy và nói:

- Nếu con tin rằng đó là một linh vật hộ phù thì nó sẽ đúng như con tin tưởng; nếu không thì nó chỉ là một tấm ảnh thường.

Vài ngày sau bà ấy cùng với người con dâu của đức Lahiri đang học quyển thánh kinh Bhagavad Gita tại một bàn có treo bức chân dung của đức Tôn Sư ở phía sau, tình hình một cơn dông kinh khủng nổi dậy.

- Cầu xin Tôn Sư che chở cho chúng con!

Hai người đàn bà bèn quỳ lạy trước bức ảnh. Giữa cơn giông bão một tiếng sét đánh lên bàn cháy tiêu quyển thánh kinh mà họ vừa đọc, nhưng hai nữ đệ tử được an toàn tính mạng. Vị nữ tu ấy thuật lại rằng :

- Tôi cảm thấy dường như có một tấm khiên bằng kính dày bao bọc chung quanh mình và che chở cho tôi.

Đức Lahiri cũng đã thực hiện hai phép màu khác nữa để giúp cho đệ tử tên là Abhoya. Vị nữ môn đồ này cùng với chồng là một luật sư ở Calcutta, một ngày nọ đi Bénarès để thăm đức Tôn Sư. Chiếc xe hơi của họ bị kẹt ở dọc đường vì tắc lưu thông và khi vừa đến nhà ga Howrah thì chuyến xe lửa đã rú còi lên và sắp sửa chạy. Abhoya bèn cầu nguyện trong im lặng:

- Tôn Sư Lahiri, xin ngài hãy chặn chuyến xe lửa lại. Con sẽ đau khổ xiết bao khi phải đợi thêm một ngày nữa mới được chiêm ngưỡng Tôn Sư.

Các bánh xe sắt đã quay tít lên, nhưng chuyến xe lửa vẫn đứng yên một chỗ. Người thợ máy trưởng xa và các hành khách đều lên bến để nhìn xem hiện tượng kỳ lạ này. Khi đó một nhân viên hỏa xa người Anh bước đến gần vợ chồng bà Abhoya và tình nguyện giúp đỡ, trái hẳn với những luật lệ thông thường:

- Thưa ông, ông hãy đưa tiền để tôi lấy vé giúp cho, ông bà cứ bước lên toa xe trước đi.

Khi vợ chồng Abhoya đã lấy vé và bước lên xe, chuyến xe lửa bắt đầu chạy. Viên trưởng xa và các hành khách chỉ có thời giờ trở về chỗ ngồi và vẫn còn hoang mang không hiểu tại sao chuyến xe lửa lại chạy đi cũng như tại sao nó lại đứng yên một chỗ.

Khi đến nhà Tôn Sư ở Benarès, Abhoya liền âm thầm quỳ lạy dưới chân sư phụ. Người nói:

- Abhoya con hãy biết tự chủ mới được, và không nên làm rộn thầy. Con làm như là con không thể đến được bằng chuyến xe lửa sau hay sao?

Abhoya cũng đã gặp đức Lahiri trong một dịp đáng nhớ khác nữa, nhưng lần này thì còn nghiêm trọng hơn là một chuyến xe lửa. Bà thưa với Tôn Sư:

- Xin Tôn Sư cứu mạng cho đứa con thứ chín của con! Con có tám đứa đều chết yểu chỉ ít lâu sau khi sinh ra đời.

Tôn Sư mỉm cười, thương hại:

- Đứa con sắp tới của con sẽ được sống. Con hãy tuân theo một cách chặt chẽ những lời dặn của Thầy. Đó là một đứa con gái sẽ sinh ra trong đêm nay. Con hãy giữ cho cái đèn dầu còn cháy cho đến sáng, nhất là đừng để cho nó tắt trong khi con ngủ mê.

Con gái của Abhoya sinh ra trong đêm, đúng như đức Tôn Sư đã tiên đoán. Bà dặn người nữ trợ tá hãy châm đèn cho đầy dầu. Hai người đàn bà thức như vậy cho đến khuya, nhưng sau cùng thì ngủ thiếp đi. Cái đèn cạn dầu chỉ còn cháy leo lét và sắp sửa tắt. Thình lình, cửa phòng ngủ mở ra với một tiếng động lớn. Hai người đàn bà liền thức giấc và trước đôi mắt kinh ngạc của họ, đức Lahiri liền xuất hiện:

- Abhoya con hãy nhìn xem cái đèn đã sắp tắt. Người vừa nói vừa chỉ cái đèn.

Người nữ trợ tá liền hỏi hả châm thêm dầu. Kế đó, ngọn đèn lại sáng và Tôn Sư liền biến mất. Cái cửa phòng tự đóng lại và tự khóa chặt lấy nó.

Thế là người con thứ chín của Abhoya còn sống sót. Người con gái ấy vẫn còn sống vào năm 1935 khi tôi được tin tức của gia đình Abhoya.

II

Một trong những đệ tử của đức Lahiri là Kali Kumar Roy có thuật cho tôi nghe nhiều chi tiết lạ kỳ về cuộc đời y, khi y sống bên cạnh sư phụ. Roy kể chuyện như sau:

- “Tôi thường trải qua nhiều tuần nơi tịnh xá của Tôn sư. Tôi nhận thấy rằng những tu sĩ dòng “Danda” (*cây gậy biểu tượng của tủy xương sống, mà các tu sĩ dòng này thường cầm nơi tay*) mỗi đêm đều đến am thất ngồi dưới chân Tôn sư. Đôi khi họ thảo luận về vấn đề tham thiền hay những vấn đề đạo lý cho đến sáng mới khiêu từ ra về. Trong những dịp sống tại tịnh xá, tôi nhận thấy rằng

Tôn Sư không bao giờ ngủ. Trong giai đoạn đầu tiên tiếp xúc với Tôn Sư, tôi thường gặp phải sự chống đối mãnh liệt của chú tôi, một người có óc duy vật. Chú tôi chế diễu:

- Tôi không muốn thâm dụng những kẻ cuồng tín. Nếu tôi gặp phải ông thầy bịp bợm của anh, tôi sẽ cho y một bài học.

Lời hăm dọa đó suýt nữa đã làm cho tôi chấm dứt những cuộc viếng thăm tịnh xá. Tôi trải qua hầu như mỗi đêm tại nhà Tôn sư. Có một lần chú tôi rình mò đi theo tôi và lọt vào phòng khách, hẳn là với ý định thi hành lời hăm dọa của ông ta. Khi ông ta vừa ngồi xuống thì đức Tôn Sư liền nói với một nhóm đệ chường mười hai người đệ tử:

- Các con có muốn xem một bức tranh không?

Chúng tôi đều đồng tình, sư phụ bèn ra lệnh tắt đèn và nói:

- Các con hãy ngồi thành vòng tròn, kẻ trước người sau, và đưa hai bàn tay ra bịt mắt người ngồi đằng trước mình.

Tôi không ngạc nhiên mà thấy ông chú tôi cũng vâng lời làm theo lệnh của Tôn sư, hẳn làm một cách miễn cưỡng. Sau vài phút đồng hồ, Tôn Sư hỏi chúng tôi nhìn thấy gì? Tôi đáp:

- Bạch sư phụ, con thấy một giai nhân mặc chiếc áo Sari viền chỉ vàng, đứng bên cạnh một loại cây cỏ lá rất to.

Những đệ tử khác cũng tả cảnh đúng y như thế. Tôn Sư bèn dạy qua ông chú tôi và hỏi:

- Ông có nhận ra người đàn bà đó chăng?

- Thưa có!

Người chú tôi cố đè nén cơn xúc động mạnh:

- Tôi đã hoang phí tiền bạc rất nhiều vì người đàn bà này, mặc dầu tôi đã có một người vợ hiền. Tôi rất hổ thẹn vì ý định nó đã đưa tôi đến đây; Tôn Sư có thể tha thứ cho tôi và nhận tôi làm đệ tử chăng?

- Nếu ông sống một cuộc đời tốt lành gương mẫu trong sáu tháng, ông sẽ được chấp nhận.

Sư phụ bèn nở một nụ cười bí hiểm và nói thêm:

- Nếu không tôi sẽ không thể thu nhận ông.

Trong suốt ba tháng chú tôi chiến đấu với sự căm dỗ nhưng rốt cuộc ông ta bại trận và lại nổi tiếp liên lạc với người đàn bà kia. Hai tháng sau đó ông ta từ trần. Khi đó tôi mới hiểu ý nghĩa lời nó úp mở của sư phụ về việc không thể thu nhận ông ta.”

Đức Lahiri Mahasaya có một người bạn đồng môn bản lĩnh rất cao cường, là Tôn Sư Trailinga, mà người ta nói rằng đã già đến gần ba trăm tuổi. Hai vị Yogi này thường tham thiền chung với nhau. Tôn Sư Trailinga nổi tiếng đến nỗi ít người Ấn Độ nghi ngờ những phép lạ của người làm. Nếu đấng Christ tái sinh và đi dạo trên các đường phố ở New York, điều ấy cũng không gây xúc động mạnh và sôi nổi trong dân chúng như việc xuất hiện của Trailing ở Bénarès cách đây khoảng vài chục năm.

Người ta thường thấy Tôn Sư nuốt nhiều thứ thuốc độc rất mạnh mà không sao cả. Hàng ngàn người, trong số đó hiện nay có nhiều người còn sống, đã từng thấy Trailinga ở Bénarès nổi trên mặt nước sông Hằng. Trong nhiều ngày, Tôn Sư nằm trên mặt nước, hoặc lặn xuống nước trong một thời gian rất lâu. Người ta thường thấy, trên bờ sông Hằng, Tôn Sư ngồi yên bất động trên bực thềm đá nóng như thiêu đốt dưới ánh nắng mặt trời Ấn Độ. Bằng những việc lạ lùng đó, Trailinga định chứng tỏ rằng một người Yogi thoát khỏi sự trói buộc của vật chất, chẳng hạn như nhu cầu dưỡng khí và những thứ khác. Dầu ở trên mặt nước, hay ở dưới nước, dưới bóng mát hay dưới ánh nắng gắt của mặt trời, Tôn Sư chỉ sống bằng sức mạnh thiêng liêng. Sự chết không còn xâm phạm đến người được nữa.

Quyền năng của Tôn Sư Trailinga không phải chỉ trên địa hạt tâm linh mà còn trên địa hạt vật chất. Người cân nặng trên 300 cân Anh, tính trung bình mỗi tuổi một pound! Ngoài ra người chỉ ăn rất ít và lâu lắm mới ăn một lần. Như thế một vị minh sư bất chấp mọi luật lệ khi nào điều đó có một lý do bí ẩn, mà chỉ có vị ấy biết mà thôi. Tôn Sư thường giữ giới tịnh khẩu. Tuy có một gương mặt tròn và bụng

hơi lớn, Tôn Sư Trailinga ít khi ăn uống, như đã nói ở trên. Sau khi không ăn uống gì trong nhiều tuần, người chỉ gián đoạn cơn tuyệt thực bằng vài chén sữa chua của các đệ tử đem cúng dường. Có một lần, một kẻ hoài nghi định dùng một cách thử và để y chứng minh rằng Tôn Sư Trailinga chỉ là một tay đại bọm. Y đặt trước mặt Tôn Sư một bình nước vôi để quét tường, làm bộ kính cần cúi đầu và nói:

- Bạch Tôn sư, con xin cúng dường Tôn Sư một bình sữa tươi để ngài dùng.

Không do dự chút nào, Tôn Sư Trailinga cầm bình nước vôi uống hết sạch đến giọt cuối cùng. Trong giây lát kẻ đùa nghịch ác độc kia nhào lặn xuống đất và ôm bụng kêu trời:

- Bạch Tôn sư, xin Tôn Sư cứu con! Bao tử con nóng như lửa cháy, xin Tôn Sư tha tội cho con!

Tôn Sư bèn từ bỏ cơn im lặng thường nhật và nói:

- Con há chẳng biết rằng khi con đưa chất độc cho ta uống, mạng sống của ta và con chỉ là một. Nếu ta không biết rằng Thượng Đế vốn hiện diện khắp nơi, ở trong bao tử của ta cũng như tiềm tàng trong mỗi hạt nguyên tử của vũ trụ, thì ta đã bỏ mạng vì bình nước vôi ấy rồi. Bây giờ, con đã hiểu ý nghĩa thiêng liêng của quả báo dội ngược, con hãy đứng dậy và từ nay đừng gây nghiệp ác với bất cứ một người nào!

Kẻ đùa ác bị trừng phạt đích đáng, được chữa khỏi bởi lời nói của Tôn Sư Trailinga, y bèn cúi đầu lủi thủi ra đi.

Việc đảo ngược sự đau đớn trở về cho người tác họa này không phải là do ý chí của Tôn Sư khiến ra như thế mà là do luật công bằng nó cai quản mọi sự sinh hoạt theo định luật chu kỳ của vũ trụ. Đối với một người đã có sự giác ngộ thiêng liêng như Tôn Sư Trailinga, định luật đó hành động một cách đương nhiên vì người đã hoàn toàn chinh phục được phàm ngã.

Luật công bằng thiêng liêng tác động một cách máy móc trong trường hợp Trailinga và kẻ đùa giỡn độc ác đó, an ủi chúng ta về

mọi sự bất công trong xã hội loài người. Chúa trời đã nói: "Sự báo thù là ở trong tay Ta, hãy để cho Ta phát lặc mọi việc ân đền oán trả". Ta có cần gì phải nghĩ đến sự trả thù khi mà luật công bình của Trời Đất sớm muộn gì cũng giải quyết mọi sự vay trả, trả vay? Những người bất minh phỉ báng sự công bằng, tình bác ái và sự toàn tri thiêng liêng, họ cho rằng những điều đó đều là không tưởng, bịa đặt. Quan điểm thiên cận đó thật ra là sai lầm, và sự thật đã chứng minh trái ngược lại.

Ân huệ của Tôn Sư Trailinga cũng đã được ban rải cho người cậu tôi. Một buổi sáng, cậu tôi gặp Tôn Sư và một nhóm đệ tử nơi những bậc thềm đá trên bờ sông Hằng ở Bénarè. Cậu tôi vạch một lối đi xuyên qua đám đông để đến gần Tôn Sư Trailinga, cúi xuống làm lễ và sờ hai bàn chân của Tôn sư, ngay tức khắc cậu tôi lấy làm vui mừng mà cảm thấy được chữa khỏi một chứng bệnh kinh niên làm cho người rất đau đớn khổ sở lúc bình thường. Có một lần, Tôn Sư Trailinga quên sự im lặng thường nhật của mình để làm lễ trước đức Lahiri Mahâsaya giữa chốn công cộng. Một đệ tử phản kháng:

- Bạch Tôn Sư, với tư cách một bậc tu sĩ khổ hạnh và xuất gia, tại sao Tôn Sư lại làm lễ một cách quá tôn kính đối với người tu sĩ tại gia?

Trailinga đáp:

- Con hỡi, Lahiri Mahâsaya là người nắm giữ một vai trò thiêng liêng và một sứ mạng đặc biệt trong Thiên Cơ. Xét bề ngoài, người làm tròn những bổn phận của người gia trưởng, nhưng đồng thời người cũng có một sự giác ngộ tâm linh, là điều mà vì đó ta đã từ bỏ hết tất cả mọi sự chiếm hữu của cải vật chất của trần gian.

Chương 22

LAHIRI VÀ BABÂJI

Một buổi sáng đẹp trời, Sri Yukteswar bình luận Thánh kinh Gia Tô tại đạo viện ở Serampore. Ngoài ra vài đệ tử khác, tôi cũng có mặt với một nhóm thiếu sinh của tôi ở trường học Ranchi.

Sư phụ bình luận đến đoạn phục sinh nhiệm màu của thánh Lazaea. Xong rồi, người xếp quyển thánh kinh đặt trên đầu gối và đắm chìm trong im lặng. Một lúc sau, Sư phụ nói một cách trịnh trọng:

- Thầy cũng đã từng chứng kiến một phép màu tương tự, đức Lahiri Mahâsaya đã làm cho một người bạn của Thầy sau khi đã chết rồi, được hồi sinh trở lại.

Sự tò mò hiện trong đôi mắt của những thiếu sinh đứng chung quanh tôi. Phần tôi, tôi luôn luôn thích thú được nghe những câu chuyện kinh nghiệm của Sri Yukteswar về đức Tôn Sư của người. Sư phụ bắt đầu nói:

- “Râma với Thầy là hai người bạn thân thiết không hề rời nhau. Nhút nhát và thích sống cô đơn, y chỉ đến tịnh thất của sư phụ vào lúc sáng sớm, là những giờ ít có những đệ tử ở gần bên. Vì thầy là người bạn thân nhất, nên Râma thường tâm sự cho Thầy biết những tiến bộ tâm linh của mình và nhờ đó Thầy cũng hưởng thụ được nhiều sự ích lợi.”

Gương mặt của Sri Yukteswar dịu hẳn lại vì kỷ niệm đó.

- “Thình lình, Râma bị một cơn thử thách rất nặng. Y mắc bệnh thời khí Á Châu. Vì sư phụ thầy không bao giờ quên kêu gọi đến các bác sĩ trong mọi trường hợp trọng bệnh, nên hai vị y sĩ chuyên khoa được mời đến một cách khẩn cấp. trong khi hai vị đang săn sóc người bệnh, Thầy hết lòng cầu nguyện Thượng Đế để cho sư phụ ra

tay cứu giúp. Thầy bèn hồi hả đến gặp Sư phụ và vừa khóc vừa thuật lại chuyện. Sư phụ nói với một nụ cười khích lệ:

- Các vị y sĩ đang lo chữa cho Râma. Nó sẽ hết bệnh.

Thầy vui mừng trở về giường bệnh của Râma, lúc ấy đang nằm trong cơn bất tỉnh! Một trong hai vị y sĩ nói với thầy, với một cử chỉ thất vọng:

- Y chỉ còn sống chừng vài giờ nữa thôi.

Thầy lại chạy đến gặp sư phụ. Người vẫn vui vẻ nói:

- Các y sĩ đều là những người có lương tâm. Thầy chắc là Râma sẽ bình phục.

Thầy lại trở về chỗ cũ, thì các vị y sĩ không còn trực bên giường bệnh nữa, một vị để lại cho Thầy ít chữ: "Chúng tôi đã cố gắng hết sức mình, nhưng trường hợp này đã tuyệt vọng!"

Râma dường như đã sắp trút hơi thở cuối cùng. Thầy không hề nghi ngờ lời nói của Sư phụ, tuy vậy nhìn thấy bệnh trạng của Râma mỗi lúc càng suy sụp dần, Thầy đã nghĩ rằng:

"Thôi, thế là hết!"

Thầy rán sẵn sức y với hết sức mình. Bỗng y mở mắt kêu lên:

- Yukteswar, anh hãy chạy mau cho sư phụ hay rằng tôi sắp chết. Yêu cầu người ban ân huệ cho thể xác tôi trước khi làm lễ hỏa táng.

Nói vừa dứt lời, Râma thở dài một tiếng và trút linh hồn. Thầy khóc trọn một giờ trên xác chết của Râma. Luôn luôn ôn hòa, yên tĩnh lúc sinh thời, y đã đạt tới sự yên tĩnh hoàn toàn trong lúc chết. Một đệ tử vừa bước vào, Thầy yêu cầu y hãy trực tại đó cho đến khi Thầy trở về. Hoàn toàn thất vọng, thầy đi đến tịnh thất của sư phụ. Sư phụ vừa mỉm cười vừa hỏi:

- Râma mạnh giỏi thế nào?

Thầy đáp một cách run rẩy:

- Bạch sư phụ, sư phụ sẽ thấy y trong giây lát! Trong vài giờ nữa, sư phụ sẽ có thể chiêm ngưỡng xác chết của y trước khi đem đi hỏa táng ở nghĩa địa!

Nói đến đó, thầy ngưng bật và khóc sụt sùi. Sư phụ nói:

- Con hãy bình tĩnh, Yukteswar. Hãy ngồi xuống để tham thiền.

Sư phụ liền đắm chìm trong cơn đại định. Trong buổi tối và đêm hôm đó diễn ra trong sự im lặng hoàn toàn, Thầy cố gắng lấy lại bình tĩnh nhưng vô hiệu quả. Đến sáng, Sư phụ nhìn Thầy, an ủi:

- Ta thấy con hãy còn xúc động. Tại sao hôm qua con không nói rõ là con ước mong thầy cứu giúp cho Râma một cách cụ thể, dưới hình thức một phương thuốc nào đó chẳng hạn?

Sư phụ bèn chỉ một cái đèn dầu đậu phộng, tim bắc để nằm trong một cái bình đựng dầu hình giống như cái chén.

- Con hãy rót dầu từ trong bình đó ra một cái lọ, rồi con hãy rót đúng bảy giọt vào trong miệng của Râma. Thầy phản đối:

- Bạch sư phụ, y đã chết từ trưa ngày hôm qua, dầu này nay còn dùng để làm gì?

-Không sao! Con hãy làm như lời Thầy dặn!

Sự vui vẻ của Sư phụ thật không hiểu nổi. Thầy lấy làm buồn bực vô cùng, tuy vậy Thầy cũng lấy một ít dầu và trở về nhà của Râma. Thầy thấy thân mình y đã cứng đờ trong trạng thái của xác chết. Tuy vậy, Thầy cũng lấy một ngón tay cậy miệng y và nhỏ dầu vào giữa hai hàm răng cắn chặt của y. Khi đã nhỏ đủ bảy giọt dầu vào miệng y. Râma cử động mạnh. Những bắp thịt của y run lên từ đầu đến chân, y liền ngồi nhổm dậy và nói:

- Tôi thấy sư phụ mình bao bọc hào quang sáng rõ như mặt trời, chung quanh có những tia chớp. Người ra lệnh cho tôi: "Con hãy ngồi dậy và hãy quên đi giấc ngủ của con. Hãy cùng với Yukteswar đến đây với Thầy!"

Thầy còn chưa tin những gì đang diễn ra trước mắt, thì Râma đã ngồi dậy và tỏ ra có đủ sức để cùng đi với Thầy đến nhà sư phụ. Đi đến nơi, y cúi lạy dưới chân sư phụ và vừa khóc vừa tạ ơn. Sư phụ không còn cảm thấy cái vui nào hơn. Đôi mắt người long lanh sáng nhìn Thầy với một cái nhìn có ý nghĩa. Người nói:

- Yukteswar, thầy chắc rằng từ nay con sẽ không bao giờ rời khỏi chai dầu đậu phộng! Khi con vừa thấy một xác chết, con chỉ cần đổ

bảy giọt dầu là có thể đẩy lui được Thần Chết!

- Bạch Sư phụ, sư phụ chế diều con và con chưa hiểu tại sao, xin Sư phụ giải thích rõ về sự làm lạc của con.

Đức Lahiri Mahâsaya bèn giải thích:

- Thầy đã nói lặp lại hai lần rằng Râma sẽ khỏi bệnh, nhưng con vẫn chưa hoàn toàn tin lời Thầy. Thầy không hề nói rằng các y sĩ sẽ cứu y khỏi chết, mà chỉ nói rằng họ đang săn sóc y. Giữa hai điều đó, không hề có một sự liên hệ về nhân quả. Thầy không muốn can thiệp vào việc làm của các y sĩ, họ cũng cần phải sống!

Sư phụ vui vẻ nói tiếp:

- Con hãy biết rằng Chân Như Đại Ngã(Paramatman) có thể chữa khỏi bất cứ người bệnh nào, dù rằng có hay không có thầy thuốc ở gần bên. Thầy thú nhận một cách bẽn lẽn:

- Bạch sư phụ, con đã thấy lỗi của con. Kể từ nay con biết rằng lời nói của sư phụ cũng đủ làm đảo lộn cả vũ trụ!.”

Khi Sri Yukteswar vừa kể xong câu chuyện bi kịch lạ lùng ấy, một trong những thiếu sinh của tôi đưa ra một câu hỏi thật ngây thơ:

- Bạch Tôn sư, tại sao đức Sư Tổ lại cho uống dầu đậu phộng?

- Con hỡi! chất dầu đậu phộng không có quan hệ gì cả, vì ta trông mong ở sư phụ một hành động cụ thể nào đó, nên người lấy bất cứ vật gì nằm trong tầm tay, như một tượng trưng để kêu gọi nơi ta một đức tin mãnh liệt. Sư phụ để cho Râma chết bởi vì ta đã có sự nghi ngờ. Nhưng Sư phụ biết rằng, khi người đã tuyên bố rằng Râma sẽ khỏi bệnh, thì việc đó phải xảy ra đúng y như vậy, dầu rằng phải làm cho Râma hồi sinh sau khi đã chết, vì bệnh thời khí này thường làm chết người!

Sri Yukteswar cho nhóm thiếu sinh đi về, người bảo tôi ngồi trên nệm gần bên, và nói với một giọng nghiêm trọng khác thường:

- Yogânanda con hỡi, từ thuở lọt lòng mẹ, con đã luôn luôn sống với những vị đệ tử của đức Lahiri Mahâsaya ở chung quanh con. Sư phụ ta đã sống cuộc đời siêu việt của người trong sự ẩn dật, và nhiệt liệt từ chối không cho phép các đệ tử thành lập một cơ quan

tinh thần nào căn cứ trên những giáo lý của người. Tuy nhiên, người đã đưa ra một lời tiên tri có ý nghĩa:

"Vào khoảng năm chục năm sau khi Thầy từ trần, cuộc đời Thầy sẽ được ghi chép lại vì pháp môn Yoga sẽ gây nên một sự thích thú sâu xa ở phương Tây. Tiểu sử Thầy sẽ là một thông điệp Yoga lưu truyền đi khắp thế giới để giúp cho việc thiết lập một nền thân hữu đại đồng trong nhân loại".

Sri Yukteswar nói:

- Yogânanda con hỏi, con phải thực hiện việc lưu truyền bức thông điệp đó bằng cách viết tiểu sử của sư phụ ta.

Lahiri Mahâsaya từ trần năm 1895 và quyển sách này được viết xong vào năm 1945. Tôi phải lưu ý đến sự kiện này là năm 1945, lại trùng hợp với năm mở màn cho một kỷ nguyên mới, đó là kỷ nguyên của nguyên tử lực. Hơn bất cứ lúc nào hết, vấn đề hòa bình và tình thương trong nhân loại lại được nêu ra, vì nếu không có hai điều này thì việc lạm dụng nguyên tử lực sẽ tiêu diệt nhân loại trên mặt quả địa cầu, với tất cả những vấn đề khó khăn của họ.

Lòng bác ái, tương trợ lẫn nhau, là những phương thuốc để hàn gắn những vết thương của nhân loại, không thể nảy sinh ra từ những sự tranh luận lý trí giữa người đời, mà do sự ý thức được tính đồng nhất giữa vạn vật, vì là cùng xuất xứ từ một nguồn gốc duy nhất tức là Thượng Đế. Mong rằng pháp môn Yoga, được phổ biến rộng rãi trên thế gian không phân biệt chủng tộc và tín ngưỡng, sẽ là cái khí cụ để thể hiện lý tưởng bác ái đại đồng trong nhân loại.

Ít có sử gia nào đã vạch rõ sự kiện này, là sự tồn tại của nền văn minh Ấn Độ như một quốc gia cổ nhất thế giới, không phải là một việc ngẫu nhiên tình cờ, mà là cái hậu quả hợp lý của lòng sùng thượng của dân tộc Ấn đối với những chân lý trường cửu muôn đời. Những chân lý này, nền văn minh cổ Ấn Độ đã từng nêu cao và làm sáng tỏ trải qua các thời đại do bởi các bậc Thánh Nhân Hiền Triết. Chính điều ấy đã làm cho nền văn minh Ấn Độ có thể thách thức thời gian, trong khi thời gian đã tiêu diệt các nền văn minh khác.

Trong Thánh kinh (Bible) có thuật chuyện Abraham cầu nguyện đấng Thiêng Liêng che chở cho dân tộc Sodome, và được câu trả lời của đấng Vô cùng: "Dân tộc ấy sẽ không bị tiêu diệt, nhờ bởi mười vị hiền giả của họ". Câu chuyện này gieo một tia ánh sáng mới để giúp cho ta hiểu lý do vì sao xứ Ấn Độ đã thoát khỏi cái số phận của Babylone, Ai Cập và những nước lớn khác của thời đại cổ xưa cùng thời với nó. Câu trả lời của đấng Thiêng Liêng chỉ rõ rằng một dân tộc được tồn tại không phải nhờ sự tiến bộ vật chất, mà là nhờ bởi sống thuận theo đạo lý.

Mong sao nhân loại ngày nay có thể nghe lời cảnh cáo thiêng liêng đó, trong một thế kỷ đã từng trải qua hai cuộc Thế Chiến đẫm máu. Một quốc gia nào không đếm được ít nhất là mười người hiền đức chắc chắn sẽ đi vào con đường diệt vong. Xứ Ấn Độ được che chở là nhờ bởi những bậc thánh nhân hiền triết của nó. Từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, những bậc sứ giả của Thiêng Liêng đã từng thánh hóa xứ Ấn Độ. Những bậc hiền giả hiện kim như Lahiri Mahâsaya và vị đệ tử người là Sri Yukteswar đã xuất hiện để tuyên bố rằng pháp môn Yoga là cần thiết cho nền hạnh phúc và sự sinh tồn của một quốc gia, một dân tộc, hơn cả những thành quả tiến bộ vật chất, kỹ thuật.

Cho đến nay, chỉ có rất ít tài liệu được công bố về đời sống của đức Lahiri Mahâsaya và giáo lý của người. Trong khoảng ba mươi năm, tôi đã gặp ở Ấn Độ, Mỹ quốc và Âu châu một sự thích thú nồng nhiệt về pháp môn Yoga qua sự diễn đạt và phổ biến của Tôn Sư. Do đó, ngày nay người ta cảm thấy cần công bố một bản tiểu sử của đức Tôn Sư ở bên các nước Tây Phương, là nơi người ta biết rất ít về đời sống của các nhà đạo sĩ Yogi hiện đại.

o0o

Lahiri Mahâsaya sinh ngày 30 tháng 9 năm 1828 tại làng Ghurni, quận Nadia, gần Krishnagar, tỉnh Bengale, Ấn Độ. Sinh trưởng trong một gia đình Bà La Môn đạo hạnh, ông là con út của bà Muktakashi, vợ kế Gaua Mohan Lahiri. Bà mẹ từ trần từ ngày ông còn thơ ấu.

Người thiếu niên tên gọi Shyama Charan Lahiri trải qua thời kỳ thơ ấu tại nhà cha mẹ tại quận Nadia. Hồi mới lên ba bốn tuổi, Lahiri đã biết ngồi thiền theo tư thế Yoga. Tài sản của gia đình Lahiri bị tàn phá vào mùa đông năm 1833, khi con sông Jalangi ở gần nhà thành linh đổi dòng nước và đổ vào sông Hằng. Một ngôi đền thờ thần Shiva do gia đình Lahiri dựng lên cùng với ngôi nhà đều bị dòng nước cuốn đi mất.

Tôn ông Gaur Mohan Lahiri và gia đình bèn rời khỏi Nadia và định cư tại Bénarès, tại đây ông mới xây dựng một ngôi đền Shiva khác. Tôn ông điều khiển gia đình theo giới luật Phệ Đà, gồm có những nghi thức lễ bái, thực hành hạnh bố thí, và học thánh kinh. Tâm hồn ngay chính và khoáng đạt, tôn ông vẫn không xa cách trào lưu tư tưởng cận đại.

Thuở nhỏ Lahiri theo học các môn Phạn ngữ và sinh ngữ, thánh kinh Phệ Đà, và từng tham dự một cách say mê những cuộc thảo luận triết lý giữa các nhà bác học Bà La Môn.

Lahiri là một thanh niên tốt bụng, dễ thương và được các bạn hữu mến chuộng. Thân hình cân đối và khỏe mạnh, chàng rất giỏi về môn bơi lội và các môn thể dục khác.

Năm 1846, chàng Lahiri cưới Kashi Moni, con gái của một vị nhân sĩ khả kính trong vùng. Là một hiền phụ gương mẫu, Kashi Moni đảm trách mọi việc nội trợ một cách hoàn hảo theo truyền thống cổ Ấn Độ. Trong vài năm sau, gia đình Lahiri sinh được hai người con trai, là Tincuri và Ducuri.

Năm 1851, vào năm 23 tuổi, Lahiri Mahâsaya làm kế toán viên sở quản trị hành chánh trong quân đội Anh và đã được thăng chức nhiều lần trong thời gian phục vụ. Như thế, Người không phải chỉ là một vị Tôn Sư có sứ mạng Thiêng Liêng mà còn làm tròn những bổn phận thế gian trong đời sống hằng ngày mà người có một vai trò phải đóng góp.

Khi các công sở được chỉnh đốn lại, Lahiri Mahâsaya được chuyển chuyển lần lượt đến nhiều thị trấn khác nhau. Khi lệnh tôn

qua đời, Lahiri phải hoàn toàn đảm lấy trách nhiệm coi sóc gia đình, lúc ấy đang cư ngụ tại một khu vực yên tĩnh gần Bénarès.

Chính vào năm 33 tuổi là lúc mà Lahiri Mahâsaya mới biết rõ cái định mệnh nó dắt dẫn người đầu thai chuyển kiếp xuống thế gian. Ngọn lửa tàn âm ỉ dưới lớp tro thành linh bốc cháy phừng lên thành một ngọn lửa hồng rực rỡ sáng chói. Một định luật thiêng liêng, ẩn dấu đối với mắt phàm của người đời, hành động một cách bí mật để biểu lộ mọi sự mọi việc vào đúng lúc, khi ngày giờ đã điểm. Lahiri đã gặp gỡ sư phụ của người, đức Babaji, ở gần Ranikhet trên dãy Tuyết Sơn, và được thụ giáo pháp môn Kriyâ Yoga.

Cơ hội tốt lành ấy xảy ra không phải vì sự tiến hóa riêng của Lahiri, mà toàn thể nhân loại sẽ được hưởng thụ cái kho tàng kiến thức và minh triết thâm sâu của pháp môn Kriyâ Yoga. Mất đi từ nhiều thế kỷ, và sau cùng được đưa ra ánh sáng trở lại, pháp môn Kriyâ Yoga, ví như nguồn nước suối cam lồ để giải khát cho những linh hồn khát khao đạo lý đi tìm sự hợp nhất với thiêng liêng, phải là vật sở hữu chung cho tất cả mọi người trần gian đau khổ đi tìm sự giải thoát.

II

Những vùng cao nguyên miền bắc dãy Tuyết Sơn đến ngày nay đã được thánh hóa bởi sự hiện diện của Babaji, Sư phụ của Lahiri Mahâsaya. Vị Tôn Sư ấy vẫn giữ gìn nguyên vẹn một thể xác từ nhiều thế kỷ, hoặc có thể từ nhiều ngàn năm. Đức Babaji trường sinh bất tử đó vốn là một đấng "Lâm Phàm" (avatar) một danh từ Phạn ngữ có nghĩa là "hạ giáng, giáng phàm" tức là đấng thiêng liêng hạ xuống cõi vật chất.

Sri Yukteswar giải thích cho tôi nghe rằng:

- "Trình độ tâm linh của Babaji vượt khỏi tầm hiểu biết của con người. Tầm nhãn quang thiên cận của con người không thể nhìn thấu suốt vàng hào quang tâm linh cao cả thiêng liêng của ngài. Người ta không thể dùng trí phàm của mình để diễn tả tính chất của

đấng "Lâm Phàm", mà con người không thể quan niệm được một cách rõ rệt."

Kinh Ưu Bà Ni Tát (Upanished) của Ấn Độ có phân loại tỉ mỉ những trạng thái sở đắc tâm linh khác nhau. Một Bậc Toàn Thiện (siddha) đã tiến hóa từ trạng thái Jivanmukta (giải thoát trong khi còn sống ngoài thế gian) đến trạng thái Paramukta. (tự do tối thượng, tuyệt đối chế ngự được sự chết): Vị này đã vĩnh viễn chấm dứt mọi sự trói buộc của nghiệp quả và hoàn toàn thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử. Đấng Paramukta ít khi đầu thai vào một thể xác vật chất và, nếu trường hợp này xảy ra, thì người trở nên một đấng "Lâm Phàm", được giao phó một sứ mạng cứu thế lớn lao trên thế gian.

Như vậy, một đấng "Lâm Phàm" là một ngoại lệ trong cái guồng máy tinh tế và vi diệu của vũ trụ. Thể xác của ngài, hoàn toàn tinh khiết, là một sự kết tinh ánh sáng và không bị lệ thuộc bởi sự vay trả vật chất với thiên nhiên. Mới nhìn thoáng qua, thể xác ấy không có gì khác thường, nhưng nó không tỏa ra một cái bóng và không để dấu vết trên mặt đất trong khi đi đứng. Nói theo ý nghĩa tượng trưng, thì đó là những bằng chứng chỉ rằng trong con người ấy không hề có bóng tối của sự vô minh hay những sự trói buộc vật chất. Một bậc Siêu Nhân như thế đã thấu triệt mọi vấn đề sinh tử và đạt tới chân lý cùng tột.

Krishna, Râma, Phật Thích Ca, và Patânjali đều là những vị trong số các đấng "Lâm Phàm" của xứ Ấn Độ thời cổ. Ngoài ra, người ta đã để lại rất nhiều tài liệu văn chương nói về đức Chân Sư Agastya, một đấng Lâm Phàm của miền Nam Ấn Độ, đã từng làm nhiều phép lạ trong những thế kỷ trước và sau kỷ nguyên Thiên Chúa. Người ta nói rằng đức Agastya vẫn giữ thể xác ngài cho đến bây giờ.

Ở Ấn Độ, vai trò của Babâji là trợ giúp những bậc sứ giả tiên tri trong sứ mạng của các ngài. Bằng cách đó, ngài xứng đáng với danh hiệu Mahâvatar (Đại Lâm Phàm) như được diễn tả trong các kinh thánh. Truyền thuyết cho rằng ngài đã đích thân làm phép điềm đạo cho vị giáo chủ Shankara, nhà sáng lập ra dòng tu sĩ xuất gia

Swâmi, và cho vị thánh nhân Hồi giáo Kabir. Ở thế kỷ 19, vị đệ tử chính của ngài là Lahiri Mahâsaya đã từng làm sống lại và chấn chỉnh pháp môn Kriyâ Yoga, sau khi pháp môn này đã bị mất đi và đắm chìm trong quên lãng trải qua hàng mấy nghìn năm.

Vị Đại Lâm Phàm (Mahâvatar) này giao cảm tâm thức với đấng Christ, cả hai cùng ban rải ân huệ thiêng liêng và thiết lập nên một phép tu cứu rỗi cho nhân loại. Công trình của hai đấng Tôn Sư cao cả này, một vị còn giữ thể xác, và một vị chỉ còn là Tinh Thần, nhằm gây nên cho người đời cái cảm hứng chán ghét chiến tranh, những sự tranh chấp xã hội, sự chia rẽ thù nghịch tôn giáo và chủ nghĩa duy vật. Đức Babâji hoàn toàn biết rõ ngài muốn truyền bá đạo giải thoát của Yoga sang Phương Tây cũng như ở Phương Đông.

Nếu lịch sử không nói gì đến Babâji, điều ấy không làm cho ta ngạc nhiên. Tôn Sư không hề xuất hiện dưới thế gian bất cứ ở vào thời đại nào, vấn đề làm cho người đời biết danh là một điều không hề có trong kế hoạch trường cửu nghìn đời của ngài! Cũng như đấng Sáng tạo, sinh hóa vạn vật trong im lặng và ẩn khuất, Babâji vẫn hoạt động âm thầm và trong vòng bí mật.

Những bậc Đại giáo chủ như đấng Christ và Krishna chỉ xuất hiện trên thế gian vì một mục đích nhất định, với một sứ mạng to tát vĩ đại, rồi tịch diệt sau khi mục đích của các ngài đã được hoàn thành. Trái lại những đấng "Lâm Phàm" khác như Babâji đảm nhiệm một công trình nhằm mục đích tiến bộ tuần tự lâu dài trải qua hàng nhiều thế kỷ, hơn là một công trình lớn lao phải được thành tựu vào một thời kỳ nhất định trong lịch sử văn minh nhân loại. Những vị Tôn Sư ấy ẩn dấu cuộc đời mình trước mắt của kẻ thế nhân phàm tục và có quyền năng tàng hình tùy ý muốn. Bởi đó, và cũng bởi vì các ngài chỉ huấn luyện đệ tử trong vòng bí mật, nên một số các đấng cao cả không được người đời biết đến. Trong những trang sách này, tôi chỉ tường thuật vắn tắt cuộc đời của đức Babâji, với vài sự việc mà tôi nghĩ rằng có thể được tiết lộ một cách hữu ích cho công chúng. Người ta không biết gì cả về gia đình hoặc về nơi sinh trưởng của

Babâji. Ngài thường nói tiếng Hindi, thổ ngữ miền bắc Ấn, nhưng cũng nói chuyện trôi chảy bằng tất cả mọi thứ sinh ngữ. Đức Tôn Sư Babâji không mang dấu vết gì của sự già nua, ngài có hình dáng của một thanh niên độ 25 tuổi. Nước da trắng, dáng vóc trung bình, lực lưỡng và đẹp đẽ, thân mình của ngài phóng ra những tia sáng có thể nhìn thấy được bằng cặp mắt phàm. Đôi mắt đen huyền, yên lặng và dịu hiền, tóc dài và bóng, óng ánh màu đồng đỏ. Một điều lạ lùng là Babâji giống đệ tử Lahiri Mahâsaya y như đúc; giống đến nỗi khi trở về già người ta lầm tưởng Lahiri là cha của Babâji.

Tu sĩ Kecalâ, vị Thầy dạy Phạn ngữ của tôi, đã từng trải qua một thời gian sống bên bên đức Babâji trên dãy Tuyết Sơn. Tu sĩ thuật chuyện như sau:

- “Tôn Sư thường đi ta bà khắp chốn trên các vùng cao nguyên dãy Tuyết Sơn cùng với một nhóm đệ tử, trong số đó có hai vị đệ tử người Mỹ đã tiến hóa rất cao. Ngài không bao giờ ở lâu một chỗ. Ngài thường cầm một cây gậy tre nơi tay, và mỗi khi ngài ra hiệu lệnh di chuyển, thì cả nhóm đều biến mất trong nháy mắt để xuất hiện ở một chỗ khác. Tuy nhiên, không phải lúc nào ngài cũng dùng phương pháp thần thông đó để di chuyển, đôi khi ngài cũng vui lòng đi bằng hai chân.

Người ta chỉ có thể nhìn thấy và nhận ra đức Babâji khi nào ngài muốn. Truyền thuyết cho rằng ngài đã từng xuất hiện trước đám môn đồ dưới một hình thức mỗi lần mỗi khác, đôi khi có râu cằm và râu mép, đôi khi lại không. Thể xác bất biến của ngài không cần dùng đến đồ vật thực, Tôn Sư rất ít khi ăn uống. Tuy vậy, vì lịch sự, đôi khi ngài cũng nhận trái cây, cơm nấu với sữa hoặc bơ, của các đệ tử đem dâng”.

Tu sĩ Kecalâ nói tiếp:

- “Tôi được biết hai việc lạ lùng xảy ra trong đời của đức Babâji. Một đêm nọ, ngài và các đệ tử đang ngồi chung quanh một đám lửa hồng được đốt lên nhân dịp cử hành một cuộc lễ tôn giáo Phệ Đà. Thành linh, Tôn Sư rút ra một khúc gỗ đang cháy trong đám lửa và

đánh một cái trên vai của một đệ tử đang ngồi gần bên. Lahiri Mahâsaya lúc ấy cũng có mặt, thấy vậy lấy làm ngạc nhiên, bèn hỏi:

- Bạch sư phụ, sao sư phụ lại chơi ác như thế?

Tôn Sư đáp:

- Con muốn thấy y bị chết cháy ngay trước mắt con chẳng, theo nghiệp quả mà y phải trả?

Nói xong, Babâji đưa bàn tay vuốt nhẹ lên vai bị phỏng lửa của người đệ tử, và người này liền hết đau. Tôn Sư giải thích:

- Đêm nay, thầy đã cứu con thoát khỏi bị chết cháy do nơi quả báo của con. Cán cân nhân quả đã được lập lại thăng bằng do bởi cái vết phỏng trên vai này!

Một lần khác, trong khi cả đoàn thầy trò đang tụ họp ở một chỗ hẻo lánh trên dãy Tuyết Sơn, bỗng có một người lạ mặt thành linh xuất hiện, sau khi y đã lần mò vượt qua vùng núi non hiểm trở dựng lên như vách và đột nhập vào chỗ cắm trại của Babâji.

- Bạch Tôn sư, chắc hẳn ngài là đức Babâji?

Người lạ mặt vừa hỏi vừa biểu lộ một vẻ tôn kính vô biên trên nét mặt. Y nói tiếp:

- Từ nhiều tháng nay, con đã tìm kiếm Tôn Sư không hề biết mệt giữa những vách núi đá cheo leo này. Cầu xin Tôn Sư hãy ban cho con cái hân hạnh là được ngài thu nhận làm đệ tử.

Thấy Tôn Sư không đáp lại, người ấy chỉ vục thắm gần bên:

- Nếu Tôn Sư từ chối không nhận, con sẽ lao mình xuống vực sâu. Cuộc đời không còn giá trị đối với con nữa, nếu con không xứng đáng được nhập môn học Đạo dưới sự dìu dắt tâm linh của Tôn sư.

Babâji lạnh lùng đáp:

- Nếu vậy, người hãy nhảy xuống vực nếu người muốn! Ta không thể chấp nhận một người với trình độ tiến hóa của người hiện nay.

Không nói một lời, người kia tức khắc lao mình xuống vực thẳm, trước sự hoang mang ngỡ ngàng của mọi người. Babâji bèn ra lệnh cho các đệ tử đi vớt xác người ấy lên. Khi họ trở về với cái xác

không hồn đã bị dập nát, Tôn Sư bèn đưa hai bàn tay đặt nhẹ lên xác chết, người ấy liền mở hai mắt ngồi dậy và cúi lạy dưới chân đức Tôn sư.

- Bây giờ, thì con đã sẵn sàng để trở thành đệ tử của ta.

Babâji mỉm cười một cách trêu mếu với người đệ tử mới hồi sinh:

- Con vừa mới vượt qua một cơn thử thách kinh khủng. Kể từ nay, sự chết không còn có thể xâm phạm đến con được nữa. Con sẽ có chân trong nhóm bất tử của chúng ta.

Nói xong, ngài ra hiệu lệnh di chuyển đi chỗ khác, và cả đoàn đều biến mất dạng".

Trong thời gian tôi ở tại nhà của tu sĩ Ram Gopal, vị "Tu Sĩ Không Ngủ" ở Tanbajpur, tu sĩ đã thuật lại cho tôi nghe câu chuyện gặp gỡ màu nhiệm của người với Babâji như sau:

- "Đôi khi tôi đã rời khỏi động đá thâm u của tôi để đến ngồi dưới chân của đức Lahiri Mahâsaya ở Bénarès. Có một lần vào lúc nửa đêm, trong khi tôi đang ngồi thiền trong im lặng giữa các đệ tử khác, Tôn Sư Lahiri nói với tôi một câu lạ lùng:

- Ram Gopal, con hãy lập tức đi ngay đến những bụi thềm đá trên bờ sông Hằng ở khu Dasasamedh.

Tôi vâng lời và trong giây lát tôi đến nơi hẻo lánh đó. Giữa lúc đêm thanh trăng tỏ ngồi im lặng trong một lúc, khi ấy một tảng đá lớn dưới thềm làm cho tôi chú ý. Phiến đá rộng và vuông nhấc lên từ từ, và để lộ cái miệng hang sâu thẳm. Kế đó, phiến đá chuyển động một cách dị kỳ và một người đàn bà đẹp tuyệt trần từ trong hang xuất hiện và khinh thân nhẹ bỗng lên trên không!

Bao phủ trong một vầng hào quang sáng diệu, vị giai nhân từ từ hạ xuống trước mặt tôi rồi ngồi im lặng, đắm chìm trong một cơn đại định. Sau cùng, giai nhân cử động và nói với tôi những lời này:

- Ta là Matâji, hiền muội của Babâji. Ta đã yêu cầu đạo huynh ta cùng với Lahiri Mahasaya đêm nay hãy đến viếng động của ta để thảo luận về một vấn đề tối quan trọng.

Lúc ấy, một vầng ánh sáng nhạt mờ như sương bay lơ lửng trên sông Hằng, và phản chiếu ánh sáng dị kỳ của nó dưới mặt nước. Vầng hào quang ấy từ từ tiến lại gần, mỗi lúc càng mau hơn và sau cùng nó phóng ra một tia sáng rạng ngời và xuất hiện bên cạnh Matâji dưới hình thể của một người; đó là Lahiri Mahâsaya. Lahiri bèn cúi đầu làm lễ một cách rất tôn kính dưới hình thể của vị Nữ Thánh.

Trước khi tôi định tĩnh tinh thần sau cơn kinh ngạc vừa qua, tôi lại thấy một khối hào quang rạng rỡ trên nền trời. Trong nháy mắt, vầng ánh sáng ấy xoay tít thành một cơn trốt lửa và hiện ra dưới hình thể của một người thanh niên dung mạo khôi ngô, cốt cách thanh kỳ, và tôi liền hiểu rằng đó là đức Babâji. Ngài trông giống Lahiri Mahâsaya một cách lạ thường, duy có khác là Ngài có vẻ trẻ hơn nhiều và có những lọn tóc vàng óng ánh. Ngài nói:

- Nay đạo muội, ta có ý định rời bỏ xác thân để hòa hợp với Nguồn sống vô cùng.

- Thưa đạo huynh, em đã đoán biết ý nghĩ ấy. Chính vì đó mà đêm nay em muốn cùng đạo huynh thảo luận lại vấn đề ấy. Tại sao đạo huynh định bỏ xác?

Vị Nữ Thánh vừa nhìn anh vừa nói với một giọng cầu khẩn. Babâji nói:

- Tinh thần ta ví như biển cả. Dầu ta có khoác bên ngoài một lớp sóng hữu hình hay vô hình, thì điều ấy có khác chi?

Nhân một lúc cảm hứng, Matâji liền đáp:

- Thưa đạo huynh, nếu điều ấy không có gì khác biệt, vậy tại sao đạo huynh lại muốn rời khỏi xác phàm? *(Câu chuyện này làm cho ta nhớ lại chuyện Thalès. Vị triết gia Hy Lạp dạy rằng vốn không có gì khác nhau giữa sự sinh và sự tử. Một người nọ hỏi: "Nếu vậy, tại sao ông lại không chết đi?" Thalès đáp: "Chính vì lý do đó, là bởi vì không có gì khác biệt cả!")*

Babâji trịnh trọng nói:

- Nếu vậy, ta sẽ y theo lời ấy, và sẽ không bao giờ từ bỏ xác phàm. Thể xác của ta sẽ có thể nhìn thấy được, ít nhất bởi một thiểu số người được chọn lọc. Thượng đế đã phán quyết qua giọng nói hiền muội đó.

Trong khi tôi nghe câu chuyện đối thoại giữa hai đáng cao cả ấy, đức Babâji quay lại phía tôi và nói một cách đầy hảo ý:

- Con đừng sợ gì cả, Ram Gopal, con có phước lành mà được chứng kiến câu chuyện hi hữu ngày hôm nay!

Babâji nói vừa dứt lời, hình dáng của ngài và của Lahiri Mahâsaya từ từ thăng lên không trung phía trên sông Hằng. Một vàng hào quang như ánh lửa bao phủ lấy thân mình của hai vị và cả hai đều biến mất dạng trong đêm tối. Vị Nữ Thánh Matâji cũng biến mất trong hang động, phiến đá lớn đóng sập lại lấp mất cửa hang dường như một cánh cửa bí mật.

Trong cơn say sưa ngây ngất, tôi trở về tịnh thất của đức Lahiri Mahâsaya. Lúc trời hừng sáng, khi tôi về đến nơi và quỳ dưới chân người, thì Sư phụ vừa mỉm cười vừa nói với tấm lòng ưu ái:

- Thầy mừng cho con, Ram Gopal. Con thường mong muốn được gặp Babâji và Matâji, nay điều ước vọng của con đã được thỏa mãn rồi đó.

Các bạn đồng môn của tôi cho tôi biết rằng sư phụ không hề bước ra khỏi tịnh thất từ chiều hôm qua. Một vị đệ tử nói với tôi:

- Sau khi sư huynh vừa ra đi để tới các bậc thềm đá ở Dasasamedh, thì sư phụ có nói một bài thuyết pháp hùng hồn về sự bất tử của linh hồn.

Lần đầu tiên, tôi mới hiểu những đoạn trong Thánh Kinh nói rằng một người đã đạt tới sự giác ngộ thiêng liêng có thể đồng thời xuất hiện ở nhiều nơi khác nhau. Ram Gopal kết luận:

- Về sau, đức Lahiri Mahâsaya có giải thích cho tôi rõ nhiều điểm thiên cơ huyền bí liên quan đến quả địa cầu này. Thượng Đế đã chọn Babâji để xuất hiện xuyên qua cái thể xác bằng xương thịt của

ngài trong suốt chu kỳ hiện tại của bầu thế giới. Các thế kỷ sẽ nối tiếp theo nhau trải qua giòng thời gian vô tận, nhưng đức Tôn Sư bất diệt, chứng kiến màn bi kịch của trần gian, sẽ luôn luôn tồn tại, bất biến”.

Chương 23

MỘT CUNG ĐIỆN TRÊN DÃY TUYẾT SƠN

-“Sự gặp gỡ giữa Lahiri Mahâsaya và Babâji là một truyện thần tiên, một huyền thoại phàm thật xứng đáng với tác phong của vị Tôn Sư bất tử”.

Chính bởi những lời này mà tu sĩ Kecalâ bắt đầu câu chuyện tường thuật của ông. Lần đầu tiên tôi nghe câu chuyện này, tôi đã thật sự giật mình vì kinh ngạc. Sau đó, tôi đã nhiều lần yêu cầu tu sĩ, thầy dạy Phạn ngữ của tôi, hãy lập lại cho tôi nghe câu chuyện ấy, mà về sau Sri Yukteswar đã kể lại cho tôi nghe cũng đại khái giống y như thế. Hai vị đều là đệ tử của đức Lahiri Mahâsaya, và đều đã được nghe Tôn Sư trực tiếp kể lại câu chuyện ấy. Đức Lahiri Mahâsaya thuật chuyện như sau:

- “Cuộc gặp gỡ lần đầu tiên của tôi với đức Babâji xảy ra hồi năm tôi 33 tuổi. Mùa thu năm 1861, tôi đang làm kế toán viên của sở Hành chánh quân đội Anh ở Danapur. Một buổi sáng, ông trưởng phòng cho mời tôi đến và nói:

- Lahiri, chúng tôi vừa nhận được một bức điện tín của văn phòng Trung ương. Anh sẽ được chuyển đi Ranikhet, tại đây tiền đồn quân sự vừa mới được thiết lập.

Tôi bèn cùng với một người gia nô bắt đầu một chuyến viễn du dài 500 dặm đường. Khi thì đi ngựa, khi đi xe, sau một tháng trường chúng tôi đã đến Ranikhet, dưới chân dãy núi Tuyết Sơn. Công việc của tôi tại đây cũng nhàn, nên tôi có nhiều thời giờ rảnh để đi chơi trên núi. Người ta đồn rằng vùng này được thánh hóa bởi sự hiện diện của nhiều bậc hiền giả, chân tu đã đắc Đạo. Tôi cảm thấy một sự mong ước mãnh liệt là được gặp các ngài.

Một buổi chiều, trong một chuyến đi ngao du trên núi, tôi ngạc nhiên mà nghe thấy có một giọng nói từ đằng xa gọi tên tôi. Tôi đang cố gắng leo lên sườn núi cheo leo như vách của ngọn núi Drongiri, và hơi e ngại rằng có thể tôi không kịp về nhà trước khi trời tối. Sau cùng, tôi đến một khoảng trống và hẹp giữa hai bên vách núi có những hang động thâm u, ở trước một hang động này tôi thấy một dị nhân gương mặt trẻ như một thanh niên, vừa mỉm cười vừa đưa một tay vẫy tôi như một cử chỉ đón tiếp. Tôi lấy làm ngạc nhiên mà thấy người ấy giống tôi như đúc, chỉ trừ ra mái tóc của người như màu đồng đỏ.

- Lahiri, con đây rồi!

Dị nhân nói với tôi một cách trêu mếu bằng tiếng thổ ngữ Bắc Ấn.

- Con hãy nghỉ ngơi trong động này. Chính ta đã gọi con đến đây.

Tôi bước vào động và nhìn thấy có những nệm, chăn bông và vài cái bình bát khát thực.

- Lahiri, con có nhớ chỗ ngồi này không?

Dị nhân vừa nói vừa chỉ một nệm vuông ở một góc.

- Bạch ngài, tôi không nhớ.

Hơi ngạc nhiên vì cuộc gặp gỡ lạ lùng này, tôi nói thêm:

- Bây giờ, tôi phải trở về trước khi trời tối. Sáng mai, tôi còn phải có mặt tại sở làm!

Dị nhân nói một câu bằng tiếng Anh rất trôi chảy:

- Sở làm được tạo ra cho con, chứ không phải con được tạo ra cho sở làm! (*"Ngày lễ Chúa Nhật được đặt ra cho con người, chứ không phải con người được sinh ra cho cuộc lễ ngày Chúa Nhật"* - *Marc, II:27*).

Tôi lấy làm kinh ngạc mà thấy dị nhân không những nói được tiếng Anh, mà còn chú thích cả lời nói của đấng Christ.

- Ta thấy rằng bức điện tín của ta đã có hiệu quả.

Câu nói đó đối với tôi là một điều bí hiểm. Tôi xin dị nhân giải thích rõ. Người đáp:

- Ta nói về bức điện tín nó đã kêu gọi con đến nơi thị trấn hẻo lánh này. Chính ta đã dùng thần giao cách cảm để gợi ý cho thượng cấp của con thuyên chuyển con đến Tanikhet. Đối với người nào đã đạt tới sự hợp nhất tâm linh với toàn thể nhân loại, thì tất cả những linh hồn đều là những trạm thu thanh vô tuyến sẵn sàng tiếp nhận mệnh lệnh của y.

Dị nhân nói thêm với tấm lòng ưu ái:

- Lahiri, chắc hẳn con đã từng quen thuộc với chốn hang động này?

Tôi còn đang hoang mang trong sự trầm lặng, dị nhân bèn bước đến gần và vỗ nhẹ một cái trên trán tôi. Ngay khi đó, một luồng từ điện chạy xuyên qua óc tôi, làm cho tôi nhớ lại những kỷ niệm đã bị che lấp về tiền kiếp của mình.

- À, con nhớ ra rồi!

Giọng nói tôi đứt quãng vì xúc động, xen lẫn với những giọt lệ sung sướng:

- Ngài tức là Babâji, Sư phụ con! Cũng như tự thuở nào!

Những hình ảnh của quá khứ diễn ra rõ ràng trong trí tôi! Chính tại đây, trong động núi thâm u này, tôi đã từng sống trong nhiều năm trải qua nhiều tiền kiếp! Những kỷ niệm đó mỗi lúc càng hiển hiện ra trong ký ức tôi, tôi bèn cúi xuống hôn hai bàn chân của sư phụ thiêng liêng.

- Ta đã đợi con ở đây từ trên ba mươi năm nay, ta hy vọng con sẽ trở lại!

Một tình thương bao la biểu lộ trong giọng nói của Babâji:

- Con đã từ biệt ta, và biến mất dạng giữa những cảnh giới bên kia cửa Tử. Sự hành động của nghiệp quả màu nhiệm như chiếc đĩa thần, đã khiến cho con từ già cõi trần, và con đã biến mất. Tầm nhãn quang của con không còn nhìn thấy ta nữa, nhưng còn ta, thì trái lại, không khi nào! Ta đã theo dõi con trên những làn sóng hào quang dập dờn của biển trung giới, là nơi mà các vị thiên thần bay lượn thung dung. Xuyên qua bóng tối dày đặc, xuyên qua bão bùng,

mưa gió, ánh sáng, ta đã theo dõi con như một người mẹ tìm con. Khi con đầu thai vào lòng mẹ trong kiếp này, ta đã chú ý đến con. Khi còn nhỏ, con tập ngồi thiền trong tư thế liên hoa, ta đã có mặt một bên, tuy rằng vô hình vô ảnh. Trải qua bao nhiêu năm tháng dập dờn, ta luôn luôn để ý theo dõi con, và trông đợi đến ngày tốt lành mà con sẽ trở lại sống gần bên ta. Đây là cái động đá thân yêu của con khi xưa. Ta vẫn giữ nó được sạch sẽ, sẵn sàng tiếp đón ngày con trở về. Đây là tấm nệm con vẫn ngồi thiền định. Kìa, con hãy nhìn xem, đây là cái bình bát khát thực, trong đó con đã bao lần uống cạn nước cam lồ mà ta rót cho con. Con có nhận thấy chẳng nó vẫn trơn tru, bóng láng, sáng chói, chờ đợi đến ngày nó sẽ phục vụ con như thuở nào. Con hỡi, bây giờ con đã hiểu chưa?

- Bạch sư phụ, con còn biết nói gì hơn?

Tôi nói thì thảm, giọng nói đứt đoạn vì xúc động,

- Chưa bao giờ con được nghe nói đến một thứ tình thương sâu rộng bao la như thế, tình ấy còn mạnh hơn cả bất cứ một mãnh lực nào trên thế gian này!

Tôi rơi vào một trạng thái say sưa ngây ngất trong một lúc rất lâu, và chiêm ngưỡng đức sư phụ mến yêu của tôi. Thầy của tôi trong cõi sống và cả trong cõi chết.

- Lahiri, con phải tinh luyện xác thân con. Con hãy uống chất dầu đựng trong cái chén này, rồi đi ra tắm rửa dưới giòng sông ở trước mặt.

Tôi trầm nghĩ:

“Sự minh triết của Babâji cũng vẫn như độ nào!”

Tôi bèn tuân theo các chỉ thị đó. Tuy rằng đêm lạnh như băng của vùng Tuyết sơn đã đến, một nhiệt độ tốt lành, dễ chịu, phát sinh từ những rung động thầm kín bên trong nội tâm, đã thấm nhuần khắp cả những tế bào trong thân thể tôi. Hay là chất dầu mà tôi vừa uống đã đem lại sự công hiệu nhiệm màu?

Một ngọn gió lạnh như cát thổi rít lên chung quanh tôi, và tung hoành như vũ bão trong đêm tối. Những ngọn sóng nhấp nhô của

con sông Gogash lạnh như băng đập vào mình tôi, trong khi tôi bám chặt lấy những tảng đá lớn. Những tiếng gầm thét của chúa sơn lâm vang dội gần bên, nhưng lòng tôi không cảm thấy sợ sệt, một nguồn thần lực vô hình xâm chiếm lấy tôi và đem cho tôi một sự dũng cảm phi thường không thể lay chuyển. Thời gian trôi qua rất mau. Những kỷ niệm xa vời của một tiền kiếp trở lại dồn dập trong trí tôi, xen lẫn với niềm hạnh phúc vừa được gặp lại vị sư phụ thiêng liêng của tôi.

Thình lình, giữa cơn vắng lặng của núi rừng tôi nghe có tiếng chân người bước đến gần. Trong bóng tối, một bàn tay ưu ái đỡ tôi đứng dậy và cầm đưa cho tôi một bộ áo quần khô ráo.

- Sư huynh hãy trở về động. Sư phụ đang chờ đấy!

Người ấy đưa đường cho tôi xuyên qua rừng. Từ đằng xa, một ánh sáng rực rỡ chọc thủng màn đêm u tối một cách đột ngột. Ngạc nhiên, tôi hỏi:

- Trời đã sáng rồi chăng? Sao mà mau lắm vậy, vì tôi tưởng là đêm hầy còn lâu mới hết!

- Mới vừa nửa đêm thôi, sư huynh ạ.

Người hướng dẫn tôi mỉm cười:

- Ánh sáng đó toát ra từ một tòa cung điện bằng vàng khối mà đức sư phụ toàn năng vừa tạo ra. Trong một tiền kiếp, sư huynh đã bày tỏ lòng mong ước có một tòa lâu đài bằng vàng. Sư phụ đã làm thỏa mãn điều ước vọng đó để cho sư huynh giải tỏa khỏi sợi dây trói buộc của nghiệp quả (*Luật nhân quả định rằng mọi điều ước vọng của con người rất cuộc sẽ được thực hiện. Bởi đó, mọi điều ham muốn, dục vọng là sợi dây trói buộc con người vào vòng luân hồi sinh tử*). Người lại nói thêm:

- Tòa cung điện này sẽ là nơi sư huynh làm lễ nhập môn theo đạo pháp Kriyâ Yoga. Tất cả các huynh đệ đều vui mừng chào đón sư huynh sau một thời gian vắng mặt lâu dài. Kìa, sư huynh hãy nhìn xem!

Một tòa cung điện nguy nga đồ sộ bằng vàng chói sáng rực rỡ hiện ra trước mắt tôi. Lâu đài có cần muôn nghìn viên ngọc quý đủ

màu, và dựng lên giữa một khung cảnh vườn tược rộng rãi, cây cối sầm uất, thật là một cảnh tượng có một không hai trên thế gian này. Những vị tu sĩ thánh đức, gương mặt hiền hòa, đứng túc trực nơi các cửa vàng có chạm những viên ngọc lưu ly màu đỏ thắm chói lòa. Các cổng ngoài, cửa trong, và khung cửa lớn, cửa nhỏ, thảy đều cẩn ngọc trai, trân châu, kim cương, ngọc bích, ngọc thạch... huy hoàng, lộng lẫy, sang trọng vô cùng.

Tôi đi theo người hướng dẫn viên vào tòa sảnh đường. Một mùi hương trầm và mùi thơm của hoa hường đượm trong không khí, hàng nghìn ngọn hoa đăng muôn màu nghìn sắc chiếu một ánh sáng nhạt mờ huyền ảo. Từng nhóm tu sĩ hoặc môn đồ da trắng hoặc nâu sậm, ngồi rải rác đó đây, hoặc hát thánh ca, hoặc ngồi thiền theo tư thế liên hoa, đắm chìm trong cơn yên tĩnh của nội tâm. Một niềm vui tươi phảng phất trong không khí. Người hướng dẫn viên mỉm cười một cách thân tình với tôi, trong khi tôi thốt ra những tiếng kêu ngạc nhiên và thán phục. Y nói:

- Sư huynh hãy chiêm ngưỡng cho thỏa lòng sự huy hoàng lộng lẫy của tòa lâu đài này, vì nó được tạo lập nên để chào mừng sự huynh đầy!

Tôi đáp:

- Sư huynh hỏi, những công trình kiến trúc nguy nga tráng lệ này thật là vượt khỏi sự tưởng tượng của con người. Xin sư huynh hãy vui lòng tiết lộ cho biết sự bí mật về nguồn gốc của nó.

- Tôi xin sẵn lòng!

Một tia minh triết chiếu sáng trong cặp mắt người bạn đồng môn của tôi, người bắt đầu nói:

- Trong cõi thiên nhiên, không có gì là khó giải thích. Toàn thể vũ trụ chỉ là sự kết tinh tư tưởng của đấng Tạo Hóa. Chính quả địa cầu này cũng là sự thể hiện cái giấc mơ của đấng Hóa Công. Ngài sáng tạo mọi vật từ trong ý thức hệ của ngài, cũng y như con người lập lại trong giấc ngủ những gì y đã thấy thật sự trong khi thức tỉnh.

Lúc khởi thủy, Thượng đế sáng tạo nên trời đất bằng cách phác họa hình ảnh vũ trụ trong trí của ngài, kế đó ngài mới kết tinh lại thành hình. Những nguyên tử tinh lực mới phát sinh và kết cấu lại thành những quả tinh cầu đông đặc. Tất cả những phân tử hóa chất đều kết hợp lại do bởi Ý chí thiêng liêng. Khi thượng đế rút lại cái Ý Chí đó, quả địa cầu lại tan rã thành tinh lực vô hình vô ảnh, và thậm chí đến tinh lực này cũng tan biến để hoàn nguyên trở lại thành ý thức của Thượng đế. Chừng đó, quả địa cầu dưới hình thức một ý nghĩ của Thượng đế, đã mất hẳn sự tồn tại của nó trong không gian.

Nhờ hợp nhất làm một với Ý chí sáng tạo thiêng liêng, đức Babâji có cái quyền năng kết cấu, phối hợp những nguyên tử vật chất lại thành vô số hình thể biến hóa đến vô cùng tận. Tòa cung điện bằng vàng khối này, được dựng lên trong nháy mắt, cũng có thật như quả địa cầu của chúng ta đây. Sự phụ đã phác họa sẵn trong trí cái hình ảnh tòa lâu đài bằng vàng và dùng quyền năng của ý chí kết tinh các nguyên tử vật chất trong không gian theo kiểu mẫu cái khuôn đã đúc sẵn trong trí để cho nó thể hiện ra thành sự thật. Điều này cũng giống y như khi Thượng Đế sáng tạo nên Trời đất và các bầu thế giới, và duy trì các quả tinh cầu thành hình trong một thời gian nhất định. Người bạn tôi nói thêm:

- Khi tòa lâu đài đã thực hiện xong vai trò của nó, Babâji sẽ làm cho nó tan rã và trở về kho tinh lực vật chất trong thiên nhiên.

Tôi lặng người vì ngạc nhiên trước sự mầu nhiệm đó, người bạn tôi nói tiếp:

- Tòa cung điện nguy nga lát vàng cẩm ngọc này không phải xây dựng nên bằng sức lao động. Người đã đạt tới cái quả vị thiêng liêng cao quý như Babâji có thể thực hiện bất cứ việc nhiệm mầu nào do bởi nguồn thần lực vô biên ẩn tàng trong Chân Ngã của Ngài. Một cục đá có tiềm năng chứa đựng cả một kho nguyên tử lực vô tận. Chính cũng bởi đó mà một người phàm có cái tiềm lực hàm xúc một quyền năng vô biên. Ấy là nguồn gốc thiêng liêng ẩn tàng

của y. Vị tu sĩ day qua một bàn gần bên và cầm lấy một lọ lộc bình rất quý, cái quai có cần kim cương lóng lánh, và nói tiếp:

- Sư phụ đã tạo nên tòa cung điện này bằng hàng hà sa số những vũ trụ tuyến đã kết tinh đông đặc lại. Sư huynh hãy cầm cái lộc bình này, hãy sờ mó những hạt kim cương này để nhận xét rằng đó là sự thật chứ không phải ảo ảnh.

Tôi quan sát lọ lộc bình, và đưa tay tay sờ lên vách tường đúc bằng vàng khối! Một sự thỏa mãn thâm trầm đã tràn ngập cõi lòng tôi. Một ước vọng thâm kín chôn chặt dưới đáy lòng từ bao nhiêu kiếp trở về trước, nay vừa mới được thực hiện!

Xuyên qua những cánh cửa chạm trổ tinh vi, những hành lang dài thăm thẳm, những gian phòng trang hoàng lộng lẫy theo một cách điệu sang trọng của bậc đế vương, vị tu sĩ đưa tôi vào một nơi cung thất to rộng vô cùng. Nơi chính giữa, có đặt một chiếc ngai vàng cần ngọc chớp sáng loè muôn màu nghìn sắc. Trên ngai vàng, đức Babâji ngồi tĩnh tọa trong thế liên hoa. Tôi bèn cúi đầu làm lễ dưới chân ngai trên sàn gạch đánh bóng. Sư phụ cất tiếng hỏi:

- Lahari, con vẫn còn nuôi cái mộng sở hữu một cung vàng điện ngọc nữa chăng?

Đôi mắt của sư phụ chiếu sáng như những viên ngọc quý trong cung điện.

- Con hãy thức tỉnh. Tất cả những dục vọng trần gian của con nay đã gần phải sạch!

Sư phụ bèn thì thầm một câu châm ngôn bí mật. Kế đó người nói:

- Con hãy đứng dậy để làm lễ nhập môn vào cõi giới của Thượng Đế do đạo pháp Kriyâ Yoga.

Babâji đưa hai tay ra trước một bàn thờ. Một ngọn lửa hy sinh (homa) xuất hiện một cách màu nhiệm, giữa những bông hoa và trái cây. Tôi bèn làm lễ thụ pháp giải thoát của pháp môn Yoga trước bàn thờ khói hương nghi ngút. Lúc trời hừng sáng, cuộc lễ đã chấm dứt. Không cảm thấy buồn ngủ chút nào, tôi đi dạo thẩn thờ trong

cung điện và ngắm nhìn những đồ mỹ nghệ quý giá cùng những kho tàng bảo vật, chỉ có trong những truyện thần thoại hoang đường. Trong những khu vườn hoa đẹp như bông lai tiên cảnh, tôi nhìn thấy những khối đá tảng của hang núi. Mới ngày hôm qua đây, chưa có một tòa lâu đài nào ở vùng chung quanh.

Trở về cung thất, chiếu rạng ngời những ánh vàng lộng lẫy trước những tia nắng bình minh, tôi đưa mắt nhìn quanh để tìm sự phụ. Người vẫn ngồi tĩnh tọa trên ngai, giữa bầu không khí yên lặng có các vị đệ tử đứng vây chung. Kế đó, Babâji nói:

- Lahiri, chắc con đã đói bụng. Con hãy nhắm mắt lại.

Khi tôi mở mắt ra, tòa lâu đài cung điện và những cảnh hoa viên xinh đẹp như mộng đã biến mất! Babâji, các đệ tử và tôi thấy đều ngồi dưới đất, ở ngay chỗ tọa lạc của tòa lâu đài khi nãy, cách hang động của Sư phụ không xa. Tôi mới nhớ lại lời nói của vị hướng dẫn tôi từ lúc đầu rằng tòa cung điện sẽ được giải thể (làm cho tan rã, dématérialiser) sau khi đã hoàn thành sứ mạng của nó, những nguyên tử kết hợp sẽ được giải tỏa và tiêu tan trong kho tinh lực của trời đất. Kinh ngạc vô cùng, nhưng tôi nhìn sư phụ một cách tin tưởng, và tự hỏi không biết ngày ấy sẽ còn dành cho tôi những sự bất ngờ nào nữa chẳng. Babâji giải thích:

- Mục đích việc thiết lập nên tòa cung điện này đã được thực hiện.

Ngài lấy một chén lớn bằng đất đưa cho tôi và nói:

- Con hãy cầm lấy cái chén này và con sẽ có đủ những vật thực mà con muốn ăn.

Khi tôi vừa cầm lấy cái chén lớn, nó liền chứa đầy những khoai bánh bột mì chiên bơ, cari, và những cao lương mỹ vị khác. Tôi ăn ngon lành, và nhận thấy rằng cái chén không bao giờ cạn thức ăn. Khi đã ăn no, tôi mới đi tìm nước uống. Sư phụ chỉ cái chén mà tôi vừa dùng xong, và thức ăn được thay thế bằng nước suối mát trong lành. Babâji nói:

- Người thế gian ít ai ngờ rằng. Cõi trời là cõi mà mọi điều ước vọng đều được thỏa mãn. Cõi ấy cũng nói rộng đến quả địa cầu này, tuy rằng thế gian chỉ là hư ảo và không có gì chân thật.

- Bạch Sư Phụ, đêm nay Sư Phụ đã đưa con vào một lãnh vực tuy ở cõi thế nhưng lại rất gần với Cõi trời!

Tôi mỉm cười mà nhớ đến lâu đài thần diệu, có người tu sĩ nào lại làm lễ nhập môn học Đạo ở giữa một khung cảnh cực kỳ xa hoa lộng lẫy như thế? Từ nay tôi có thể chiêm ngưỡng trong yên lặng cái khung cảnh một mạc giản dị, tương phản một cách rõ rệt với tòa cung điện lúc nãy. Núi rừng, hang động, suối chảy, thông reo, tất cả đều hợp thành một nơi cư ngụ lý tưởng cho những tu sĩ đang ở chung quanh tôi.

Ngày hôm ấy, tôi đắm chìm trong những cơn thiền định, và những sở đắc tâm linh mà tôi đã thực hiện trong những tiền kiếp đã trở lại với tôi. Sư phụ bước đến gần đưa bàn tay đặt nhẹ lên đỉnh đầu tôi, và tôi liền lọt vào cơn đại định Nirvikalpa Samadhi, trạng thái ấy tiếp tục kéo dài suốt bảy ngày không dứt. Trong trạng thái đó, tôi đã vượt qua các lớp chướng ngại để thực hiện Chân Ngã, tôi đã vượt qua ngưỡng cửa của cõi giới siêu linh để bước vào cõi Đạo diệu huyền. Những bức màn ảo ảnh, những tham vọng phù du giả tạm thấy đều lần lượt tiêu tan. Linh hồn tôi đã bước vào cõi Vô cùng và hợp nhất làm một với Chân Như Đại Ngã, tức Đại Hồn của Vũ Trụ. Bắt đầu qua ngày thứ tám, tôi quỳ dưới chân Sư phụ và cần xin ngài hãy giữ tôi lại một bên ngài mãi mãi, giữa chốn núi rừng cô tịch. Sư phụ ôm lấy tôi một cách rất mến yêu và nói:

- Con hỡi, trong kiếp này, con phải đóng vai trò của con trên sân khấu của cuộc đời thế tục. Con đã được thánh hóa nhờ công phu tu luyện mà con đã thực hành trong bao nhiêu tiền kiếp, bây giờ con phải sống lẫn lộn với người thế gian.

Sự kiện rằng con chỉ gặp ta sau khi đã lập gia đình và có một chức vụ khiêm tốn, có hàm xúc một ý nghĩa sâu xa. Con phải từ bỏ hy vọng gia nhập với nhóm đệ tử của ta trên dãy Tuyết Sơn. Vai trò

của con sẽ sống chung với người đời, để nêu một tấm gương cao quý về những sở đắc tâm linh mà một người gia trưởng sống ngoài thế gian có thể đạt được nhờ thực hành pháp môn Yoga.

Thượng Đế không hề làm ngơ trước những lời cầu nguyện thiết tha của những kẻ khát khao tìm đạo và còn sống ngoài thế tục. Con đã được chọn lựa để phổ biến đạo pháp Kriyâ Yoga trong quần chúng. Những kẻ có trách nhiệm gia đình và những bổn phận hàng ngày sẽ nhận được giáo lý ấy dễ dàng hơn ở nơi con, vì con cũng ở vào một hoàn cảnh giống như họ. Vai trò của con sẽ là nêu một tấm gương sống động để chứng minh rằng những thành quả tối cao của sự thực hành đạo pháp Yoga không phải là hạn chế đối với những người còn có trách nhiệm gia đình. Dẫu cho sống ngoài thế gian, người hành giả làm tròn các bổn phận của mình một cách vị tha, vô kỷ, chắc chắn sẽ đạt tới sự giác ngộ tâm linh.

Từ nay, không có gì bắt buộc con phải từ bỏ thế gian, vì con đã cắt đứt mọi sợi dây trói buộc của nghiệp quả. Tuy sống trong trần thế, nhưng con không còn hệ lụy cõi trần. Con còn phải trải qua nhiều năm dành cho những bổn phận gia đình, xã hội và tâm linh. Niềm hy vọng thiêng liêng từ nay sẽ thúc động những tâm hồn đau khổ của người đời đang sống trong thế kỷ này. Cuộc đời hoàn toàn sống theo kỷ luật tâm linh của con sẽ giúp cho họ hiểu rằng sự giải thoát là tùy nơi những sự dứt bỏ thâm sâu từ bên trong, chứ không phải từ bên ngoài.

Gia đình, sở làm, toàn cõi thế gian đối với tôi lúc ấy có vẻ xa vời biết bao nhiêu trong khi tôi lắng nghe những lời dạy đó của Sư phụ trong vùng Tuyết Sơn hẻo lánh hoang vu. Tuy nhiên, chân lý đã do cửa miệng của ngài thoát ra, hang động yên tịnh này. Đức Babâji bèn dạy cho tôi biết những luật lệ cổ xưa và bất biến về việc truyền pháp Yoga giữa Tôn Sư và đệ tử. Sư phụ nói:

- Con chỉ nên truyền bí thuật Kriyâ Yoga cho những môn đệ xứng đáng. Người nào sẵn sàng từ bỏ và hy sinh tất cả để tìm đạo, mới

thật xứng đáng được truyền thụ những bí pháp giúp cho y thấu triệt được vấn đề sinh tử bằng cách tham thiền.

- Bạch sư phụ, sư phụ đã ban cho thế gian bằng cách phục hồi đạo pháp Kriyâ Yoga đã bị mất đi trong quên lãng, thì nay cũng xin Sư phụ hãy mở lượng từ bi mà làm dịu bớt những luật lệ khắt khe về việc chọn lọc đệ tử.

Tôi nhìn Babâji với đôi mắt khẩn cầu:

- Con xin sư phụ cho phép truyền pháp môn Kriyâ Yoga cho tất cả những kẻ tầm Đạo, dẫu rằng họ vẫn chưa sẵn sàng đạt tới sự dứt bỏ hoàn toàn từ bên trong. Người thế gian, cả nam lẫn nữ, đều đang bị dày vò trong đau khổ cả thể chất lẫn tinh thần, phải cần được nâng đỡ và khuyến khích. Họ sẽ không bao giờ tìm thấy chính đạo nếu họ bị từ chối không được truyền thụ Đạo Pháp Kriyâ Yoga.

- Ta chuẩn y lời cầu xin đó. Thiên Ý được biểu lộ qua cửa miệng của con.

Bằng những lời đó, sư phụ đã đánh đổ những bức rào ngăn cách từ muôn đời vẫn che dấu đạo pháp Kriyâ Yoga trước mắt người thế gian.

- Con hãy truyền pháp môn Kriyâ Yoga cho tất cả những người tầm Đạo với tấm lòng khiêm tốn.

Sau một lúc im lặng, Babâji nói tiếp:

- Con hãy lập lại cho mỗi đệ tử lời hứa hẹn này trong kinh Bhagavad Gita: "Dẫu chỉ có một ít hiểu biết về pháp môn này cũng đủ giúp cho ta tránh được nhiều nỗi đau khổ rất lớn".

Sáng ngày hôm sau, khi tôi làm lễ khiêu từ Sư phụ để xin ngài ban ân huệ trước khi lên đường, cảm thấy nỗi thất vọng buồn rầu của tôi phải từ giã ngài ra đi. Ngài nói:

- Sự biệt ly vốn không có giữa chúng ta, con ạ! Dầu cho con ở nơi nào, con chỉ cần gọi đến ta là ta sẽ xuất hiện ngay tức khắc.

Được an ủi bởi lời hứa hẹn huyền diệu đó, tôi lên đường trở về nhà. Về đến sở làm sau mười mấy ngày vắng mặt, tôi được các bạn đồng nghiệp đón tiếp nồng nài vì họ tưởng rằng tôi đã đi lạc vào núi

trên dãy Tuyết Sơn. Kể đó, tôi nhận được một bức thư của viên trưởng phòng. Trong thư nói rằng: "Lahiri phải trở về văn phòng Hành Chánh ở Danapur. Việc thuyên chuyển y đến Ranikhet là một sự sai lầm. Một nhân viên khác sẽ được gửi đến Ranikhet để thay thế cho y".

Sự "sai lầm" nó đã đưa tôi lên tận dãy Tuyết Sơn, làm cho tôi mỉm cười. Trước khi trở về Danapur, tôi đến tạm trú vài ngày tại nhà của một gia đình quen thuộc ở Morada bad. Tại đây, có sáu người bạn hữu đến thăm tôi. Trong khi tôi hướng câu chuyện đến những vấn đề tâm linh người chủ nhà tỏ ý buồn rầu và nói:

- Than ôi! Các vị Chân sư của Ấn Độ ngày nay đã biến mất không còn nữa!

Tôi phản đối mãnh liệt để cải chính:

- Thưa ông, các vị chân sư vẫn còn thánh hóa xứ sở chúng ta bởi gót chân của các ngài!

Trong cơn hứng khởi tôi cảm thấy cần thuật lại kinh nghiệm độc đáo của tôi vừa rồi trên dãy Tuyết Sơn. Các bạn tôi tỏ vẻ hoài nghi, nhưng chỉ lễ phép mỉm cười. Một bạn bèn kết luận:

- Lahiri, có lẽ không khí miền sơn cước đã làm cho bạn say sưa ngây ngất, và chắc là bạn đã có một cơn mơ!

Vì muốn làm sáng tỏ sự thật, tôi đáp không do dự:

- Sư phụ tôi sẽ xuất hiện tại ngay chỗ này, bằng xương thịt, để đáp lại lời kêu gọi của tôi!

Lần này, tôi đã làm cho họ chú ý, thật không phải là một chuyện lạ nếu mỗi người đều mong muốn chiêm ngưỡng một vị thánh nhân hiện hình ra một cách bất ngờ như thế. Tôi yêu cầu chủ nhà sắp đặt cho tôi một gian phòng và hai tấm nệm mới. Tôi nói:

- Sư phụ tôi sẽ xuất hiện từ không gian. Các bạn hãy đứng im lặng phía sau cánh cửa, trong chốc lát tôi sẽ mời các bạn vào.

Tôi bèn ngồi tĩnh tọa nhập thiền, và kêu gọi sư phụ tôi bằng tư tưởng. Trong giây lát, một ánh sáng huyền ảo và êm dịu như ánh

trắng le lói trong gian phòng, và hình dáng đức Babâji từ từ xuất hiện.

- Lahiri, tại sao con lại kêu gọi đến ta vì một mục đích nhỏ mọn, vô nghĩa?

Cặp mắt sư phụ đượm một vẻ nghiêm khắc.

- Chân lý chỉ đến với những kẻ thật lòng tìm đạo, chứ không phải để cho những kẻ tò mò. Thật rất dễ mà tin tưởng nơi những điều tai nghe mắt thấy, vì chừng đó sự thật đã hiển nhiên, không còn phải chối cãi gì nữa. Chỉ có người nào thắng được sự hoài nghi mới khám phá được chân lý thâm diệu và vô hình vô ảnh.

Kế đó, người nói với một giọng nghiêm nghị:

- Hãy để ta đi!

Tôi bèn quỳ xuống chân sư phụ và nài nỉ:

- Bạch sư phụ, con xin sư phụ tha lỗi cho con. Chính vì con muốn gây đức tin cho những kẻ hãy còn mù quáng về phương diện tâm linh, mà con đã kêu gọi đến sư phụ. Sư phụ đã chiếu cố mà xuất hiện trước lời cầu xin của con thì con cũng xin sư phụ hãy vui lòng ban ân huệ cho các bạn con trước khi ra về. Tuy họ thiếu đức tin, nhưng ít nhất họ cũng khát khao được biết sự thật về kinh nghiệm lạ lùng của con.

- Được ta sẽ ở lại, vì ta không muốn cho các bạn con nghi ngờ lời nói của con.

Babâji dịu giọng, nhưng còn nói thêm:

- Từ rày về sau, ta sẽ không xuất hiện trước lời kêu gọi của con nữa, trừ ra khi nào sự có mặt của ta là tối cần thiết.

Khi tôi bước ra mở cửa, thì các bạn tôi đang chờ đợi trong một sự im lặng hoàn toàn. Hãy còn ngờ vực bởi giác quan của họ, họ đứng sững, miệng há hốc, giương hai mắt to lên để chiêm ngưỡng dung nhan đức Babâji đang ngồi ung dung tự tại trên tấm nệm.

- Đó là phép thôi miên tập thể, một nhân chứng vừa nói vừa cười.

- Không ai có thể bước vào gian phòng này mà chúng tôi không biết!

Babâji vừa mỉm cười vừa ra lệnh cho mỗi người hãy đến gần và sờ mó vào mình ngài để kiểm chứng sự thật. Khi họ không còn nghi ngờ gì nữa, họ bèn quỳ lạy dưới chân sư phụ tôi một cách cung kính và tỏ ra ăn năn sám hối vì đã có bụng hoài nghi.

- Hãy nấu cháo cho các vị dùng đỡ lót dạ.

Babâji ra lệnh để đưa thêm một bằng chứng về sự thật của ngài. Trong khi nồi cháo đang sôi, sư phụ đàm thoại với tám lòng ưu ái cởi mở với tất cả mọi người. Những kẻ hoài nghi lúc nãy nay đã trở thành những người sùng tín rất mực, không còn nghi ngờ gì nữa. Khi chúng tôi đã dùng cháo xong, Babâji đưa tay ban ân huệ cho từng người. Một tia chớp xuất hiện thành linh xẹt ngang qua gian phòng. Chúng tôi chứng kiến tận mắt sự giải thể mau như chớp nhoáng của sư phụ. Những nguyên tử, tế bào hợp thành thể xác của ngài bỗng nhiên tan rã mau lẹ trong chớp mắt, và phát ra một vàng hào quang mỗi lúc càng mờ dần. Quyền năng của Babâji vốn hòa hợp với Thượng đế, đã giải tỏa hàng hà sa số những phân tử dĩ thái được kết cấu lại thành hình thể xác của ngài, những nguồn tinh lực được giải tỏa bèn trở về hòa lẫn với cái kho tinh lực vô biên của vũ trụ.

- Tôi đã thấy tận mắt người chiến thắng Tử thần!

Một nhân chứng trong nhóm bạn tôi, tên là Maitra đã nói như trên (*Maitra về sau đã đạt đến trình độ tiến hóa tâm linh rất cao. Tôi đã gặp lại y ít lâu sau khi tôi thi đậu tú tài, khi đó y đến viếng đạo viện Mahamandal ở Benares và thuật cho tôi nghe chuyện Bahaji hiện hình tại Moradababd. Y nói: "Sau khi tôi chứng kiến việc màu nhiệm đó, tôi bèn trở nên đệ tử của Lahiri Mahasaya cho đến suốt đời"*). Gương mặt y đổi sắc, y chứng kiến điều nhiệm màu của sư phụ. Y nói tiếp:

- Tôn Sư bất chấp mọi giới hạn của thời gian và không gian và hành động mọi sự một cách dễ dàng như trò trẻ con. Tôi vừa chứng

kiến một bậc siêu nhân nắm giữ chìa khóa mở các cõi huyền vi của trời đất.

Sau đó tôi trở về Danapur và tiếp tục công việc ở sở làm cùng làm tròn bổn phận người gia trưởng”.

Lahiri Mahâsaya cũng thuật cho tu sĩ Kecalâ và Sri Yukteswar nghe chuyện một cuộc gặp gỡ khác với Babâji trong trường hợp hứa hẹn của sư phụ: "Ta sẽ xuất hiện khi nào cần thiết". Lahiri Mahâsaya kể chuyện như sau:

- “Việc ấy xảy ra trong một cuộc thánh lễ Kumbha Mela ở Allahabad, thành phố tại đó tôi trải qua những tháng nghỉ hè. Trong khi tôi trà trộn trong đám đông những tu sĩ và khát sĩ từ khắp nơi ở Ấn Độ đến đây để dự lễ, tôi nhìn thấy một tu sĩ khổ hạnh mình đầy bụi bặm cầm một cái bình bát khát thực. Tôi có ý nghĩ rằng người này chỉ là một kẻ bịp bợm, giả vờ khoác lấy cái bề ngoài của kẻ tu hành chứ không phải là một người chân tu. Khi tôi vừa đi qua khỏi người ấy thì tôi ngạc nhiên mà thấy Babâji đang quỳ gối trước mặt một tu sĩ khác râu tóc xồm xoàm. Tôi bèn chạy tới trước và kêu lên:

- Bạch sư phụ, sư phụ làm gì vậy?

- Ta rửa chân cho người tu sĩ này, và sau đó ta sẽ lau chùi cái bình bát khát thực của y.

Babâji cười với tôi một cách hồn nhiên như một đứa trẻ nhỏ. Tôi hiểu rằng ngài muốn dạy tôi không nên chỉ trích kẻ khác, mà phải nhìn thấy hình ảnh của Thượng Đế ở bên trong mỗi người, bất luận lớn nhỏ, sang hèn. Sư phụ nói thêm:

- Khi ta phục vụ những tu sĩ khát thực, bất luận đó là những tu sĩ thánh thiện hay ngu dốt, ta học thực hành cái đức tính cao cả mà Thượng đế quý hơn tất cả mọi đức tính khác, đó là: Đức Khiêm Tốn”.

II

Một sợi dây liên lạc trường cửu giữa Tôn Sư và đệ tử đã nối liền Babâji với Lahiri Mahâsaya. Với một sự chăm sóc đầy triu mến, vị Tôn Sư bất tử đã không quản âm dương cách biệt mà theo dõi

người đệ tử trong cõi vô hình bên kia cửa Tử, và tiếp tục diu dặt y trong vòng bí mật lúc y mới tái sinh trở lại cho đến khi trưởng thành. Khi người đệ tử được 33 tuổi, Babâji mới thấy rằng thời giờ đã điễm để công khai nói lại sự liên lạc trong quá khứ. Sau cuộc tiếp xúc ngắn ngủi tại Ranikhet, Tôn Sư mới cho đệ tử mền yêu hạ sơn và lãnh một sứ mạng cứu độ trần gian. "Con hỡi, ta sẽ có mặt một bên con khi nào con cần đến ta". Thử hỏi, có thứ tình nào của thế gian có thể bảo đảm một lời hứa hẹn long trọng như thế? Trong sự âm thầm mà thế gian không hề biết đến, một sự phục sinh tâm linh vĩ đại đang được chuẩn bị nơi một địa điểm hẻo lánh ở ngoại ô thành Bénerès. Cũng như một cái hoa có hương thơm không thể bị mai một trong quên lãng. Lahiri Mahâsaya mặc dầu sống cuộc đời người gia trưởng, vẫn không thể dấu sự cao cả tâm linh của mình trước mắt người đời. Không bao lâu, những kẻ tầm sư học đạo từ bốn phương đã tìm đến để được thấm nhuần ân huệ thiêng liêng mà người ban rải cho họ.

Tại sở làm, viên trưởng phòng người Anh là người đầu tiên đã nhận thấy sự thay đổi lạ kỳ nơi Lahiri, mà ông ta gọi là "Tiên sinh trầm lặng". Một hôm, Lahiri Mahâsaya hỏi thăm ông trưởng phòng của mình:

- Thưa ông, hôm nay tôi thấy hình như ông không được vui. Xin ông cho biết lý do tại sao?

- Tôi đang lo buồn vì vợ tôi ở bên Anh quốc đang đau nặng.

- Để tôi thử dò tin tức của bà giùm cho ông.

Lahiri Mahâsaya liền rời khỏi văn phòng, tìm nơi hẻo lánh và ngồi tham thiền trong một lúc. Một chập sau, người trở lại trạng thái bình thường và nói với nụ cười an ủi:

- Bà đã khá nhiều, trong lúc này bà đang ngồi viết thư cho ông.

Kế đó, Lahiri kể sơ vài đoạn trong bức thư bà ấy đang viết. Ông trưởng phòng sáng mắt lên:

- À, "tiên sinh trầm lặng", tôi biết ông không phải là một người thường. Tuy vậy, tôi vẫn không tin rằng ông có thể chế ngự được

không gian và thời gian tùy ý muốn!

Bức thư Anh quốc đã đến. Ông trưởng phòng rất đỗi ngạc nhiên mà được biết rằng không những bà vợ ông đã khỏi bệnh, mà còn viết trong thư chính những câu mà Lahiri Mahâsaya đã đọc cho ông nghe từ mấy tuần lễ trước!

Sau đó vài tháng, bà trưởng phòng đáp tàu sang Ấn Độ. Bà đến viếng sở Hỏa Xa nơi văn phòng của Lahiri Mahâsaya đang làm việc. Vừa thấy Tôn sư, bà ta bước đến chào một cách rất cung kính:

- Thưa ông, chính ông đã xuất hiện với một vầng hào quang sáng rỡ bên giường của tôi ở Luân Đôn. Sau đó, tôi đã hoàn toàn khỏi bệnh! Nhờ đó mà tôi có đủ sức chịu đựng cuộc hành trình lâu dài bằng đường biển để sang Ấn Độ.

Ngày nào cũng có một hai người mộ đạo đến khẩn cầu Tôn Sư cho họ làm lễ nhập môn theo đạo pháp Kriyâ Yoga. Ngoài những bổn phận tâm linh và công việc ở sở làm, Tôn Sư còn chú trọng đến vấn đề giáo dục. Người thành lập nhiều nhóm học sinh và đóng một vai trò hoạt động trong việc truyền bá nền giáo dục ban trung học trong khu vực người Bengali ở Bénarès. Những buổi thuyết pháp thường xuyên của Tôn Sư về các thánh kinh Ấn Độ đã hấp dẫn một số đông thính giả mộ đạo.

Bằng những hoạt động về mọi mặt, Tôn Sư đã đánh chính lời nói rằng: “Sau giờ làm việc và những bổn phận gia đình, còn đâu thời giờ để hành đạo tham thiền?”. Cuộc đời hoàn toàn có qui củ mực thước của Tôn Sư trong vai trò của người gia trưởng là một sự khích lệ đối với những tâm hồn mộ Đạo.

Ý thức được sự hợp nhất của mình với Thượng đế, Tôn Sư quý trọng tất cả mọi người, bất luận lớn nhỏ, cao thấp. Khi một đệ tử kính cẩn chào ngài, ngài luôn luôn đáp lễ. Với một sự thành thật khiêm tốn, ngài thường nắm chân những khách đến viếng và ít khi để cho họ đáp lễ một cách tương tự, tuy rằng sự kính trọng một vị Tôn Sư là một phong tục rất cổ ở phương Đông. Ngài thường nói với các đệ tử:

- Con hãy luôn luôn nhớ rằng con không là sở hữu của một người nào, và cũng không ai là sở hữu của con. Con hãy nghĩ rằng có ngày con sẽ phải từ bỏ hết tất cả ở thế gian này, vậy các con nên hành đạo ngay từ bây giờ. Con hãy chuẩn bị đời sống ngay từ bây giờ bằng cách nâng tâm hồn lên tận Thượng đế do sự tham thiền. Cái thể xác bằng xương thịt này là nguồn gốc của mọi sự phiền não. Hãy cố gắng tham thiền để sớm nhận thức cái Tinh hoa bất diệt của chân ngã tiềm tàng ở nơi con, chính cái đó mới là thoát khỏi mọi điều đau khổ, nghiệp chướng. Vậy con đừng làm nô lệ của xác thân. Pháp môn Kriyâ là cái chìa khóa bí mật sẽ mở cửa cho con vào cõi giới Tinh thần.

Một ngày nọ, sư phụ đang giảng lý kinh Bhagavad Gita cho một nhóm đệ tử ngồi vây chung quanh, họ có dịp nhận thấy một bằng chứng trực tiếp về sự toàn thông của người. Khi sư phụ đang giải thích đoạn kinh nói về Tâm thức Bồ Đề giữa cảnh giới trần duyên vọng động, thành linh người thốt lên một tiếng kêu:

- Có một đám đông linh hồn đang bị chết đuối ở ngoài khơi biển Nhật Bản!

Sáng ngày hôm sau, các đệ tử xem báo thấy có bài tường thuật một vụ đắm tàu làm cho một số đông người bị chết chìm ngoài khơi quần đảo Nhật Bản.

Những đệ tử ở cách xa Lahiri Mahâsaya thường cảm thấy có ý thức về sự hiện diện vô hình của sư phụ. Người thường nói để an ủi những đệ tử vì ở xa không thể sống gần bên thầy:

- Ta luôn luôn ở bên cạnh những người thực hành pháp môn Kriyâ Yoga. Ta sẽ dắt dẫn họ đến mục đích nhờ công phu tu luyện để mở rộng tâm thức của họ.

Tu sĩ Sâtyânanda thuật chuyện một đệ tử ở xa không thể đến tận Bénarès, tuy vậy cũng được truyền pháp Kriyâ Yoga trong giấc mộng. Lahiri Mahâsaya đã xuất hiện đến với người đệ tử trên, đáp lại lời thỉnh cầu của y .

Lahiri Mahâsaya đã phân chia đạo pháp Kriyâ Yoga làm bốn cấp đẳng, từ đệ nhất đến tứ pháp môn. Ba cấp đẳng trên chỉ được truyền thụ cho những đệ tử đã thực hiện được những tiến bộ tâm linh khả quan và rõ rệt. Có lần một vị đệ tử sơ cơ, cho rằng mình đã tiến bộ nhưng không được thừa nhận đúng mức, bèn tỏ sự bất mãn và nói:

- Bạch sư phụ, con hẳn là đã sẵn sàng được truyền thụ đệ nhị pháp môn!

Ngau khi đó, cánh cửa mở thoát ra. Người bước vào là một đệ tử sơ cơ rất khiêm tốn, tên là Brinda Bhagat, làm thư tín viên sở bưu điện Bénarès. Sư phụ nở một nụ cười thương mến và nói:

- Brinda, con hãy ngồi an tọa, và nói cho ta biết con đã sẵn sàng muốn được truyền thụ đệ nhị pháp môn hay chưa?

Người đệ tử kinh hoàng, chấp tay vái lia lịa và nói:

- Bạch sư phụ, xin sư phụ đừng cho con thụ pháp nữa. Con đã xứng đáng được thụ pháp ở cấp cao hơn chẳng? Hôm nay con đến đây xin sư phụ ban ân huệ vì đệ nhất pháp môn Kriyâ cũng đã làm cho con quá say sưa ngây ngất đến nỗi con không thể phát thư tín bưu điện được nữa!

- Brinda đã nhẹ bước phiêu diêu trên cõi giới Tinh thần rồi đó!

Nghe sư phụ nói đến đó, người đệ tử kia lẳng lặng cúi đầu không nói gì. Kế đó y nói:

- Bạch sư phụ, con thấy rằng con chỉ là một người thợ dệt mà lại đi chê đồ khí cụ của mình là dở.

Người thư tín viên, hoàn toàn thất học, đã phát triển những khả năng siêu linh của mình bằng pháp môn Kriyâ đến nỗi những nhà bác học phải nhờ đến y để diễn đạt những đoạn khó khăn trong Kinh thánh. Xuất thân là một người dệt, Brinda lại nổi tiếng là thông minh xuất chúng trong giới các nhà học giả uyên bác.

Ngoài ra những đệ tử rất đông ở vùng Bénarès, còn có một số đệ tử khác đến vài trăm người từ bốn phương ở Ấn Độ tìm đến học

Đạo dưới chân sư phụ.

Trong số những tu sĩ được nhập môn thụ pháp Kriyâ Yoga, có vài vị về sau này trở nên những bậc thánh nhân đặc đạo. Trong một thời gian, Lahira Mahâsaya đã làm đạo sư cho hoàng tử Đông cung của vị Quốc vương ở Bénarès.

Biết rõ sự cao cả tâm linh của tôn sư, Quốc vương và hoàng tử đều xin thụ pháp Kriyâ Yoga, cùng với vị quốc vương Jotindra Mohan Thakur.

Một số đệ tử có địa vị khả quan và thế lực ở ngoài đời muốn truyền bá đạo pháp Kriyâ Yoga bằng phương tiện quảng cáo. Tôn Sư bèn triệt để ngăn cấm việc ấy. Một đệ tử khác có thế lực muốn cho Tôn Sư được suy tôn trong quảng đại quần chúng như là vị thánh sống của Bénarès, nhưng Tôn Sư cũng từ chối không chịu. Người nói:

- Đạo pháp Kriyâ ví như một cái hoa, mùi thơm của nó phải được truyền đi một cách tự nhiên, không giả tạo. Những hạt giống của nó sẽ nảy mầm trong mảnh đất phì nhiêu của những tâm hồn đã có sự thức tỉnh tâm linh.

Tôn Sư không muốn dùng những phương tiện quảng cáo hiện đại như báo chí hay hội hè, vì người biết rằng thông điệp mạnh mẽ của đạo pháp Kriyâ Yoga sẽ tự nó truyền đi trong thế gian như một làn sóng vô hình để tinh luyện những linh hồn mộ đạo. Những đệ tử gương mẫu phải tự họ chứng minh cho nguồn sinh khí bất tử của pháp môn Kriyâ Yoga.

Lahiri Mahâsaya về hưu năm 1886, từ hai 25 năm sau khi nhập môn tại Ranikhet và sau 35 năm làm việc như một công chức. Từ ngày quy điền, người có nhiều thời giờ rảnh rang, nên càng ngày càng có nhiều đệ tử hơn. Ngồi tĩnh tọa trên thế liên hoa, Tôn Sư giữ im lặng hầu như suốt ngày. Người ít khi rời khỏi tịnh thất, dầu cho để đi dạo một vòng trong vườn nhà. Những đệ tử luôn luôn đến viếng tịnh xá để chiêm ngưỡng tôn sư.

Những quan khách đến viếng tịnh thất đều kinh ngạc mà thấy Tôn Sư biểu lộ những dấu hiệu đáng lo ngại. Người không thở, không ngủ, các mạch máu và quả tim đều ngừng đập. Đôi mắt người đứng tròng trong nhiều giờ, toàn thân bất động của người đều bao trùm một niềm an tịnh thiêng liêng. Không một người đệ tử nào đến chiêm ngưỡng Tôn Sư mà không cảm thấy tâm hồn họ được yên tĩnh, thanh cao khi họ ra về. Mỗi người đều nhìn nhận rằng bằng cách đó họ thọ lãnh luồng ân huệ bí mật của tôn sư, một vị sứ giả của Trời.

Lahiri Mahâsaya có thể được người đời suy tôn dưới cái danh hiệu Yogâvatar, có nghĩa là hiện thân của Yoga. Có lòng từ ái đối với tất cả, Tôn Sư đã nâng cao trình độ tâm linh của xã hội loài người. Quyền năng của Tôn Sư biến đổi vài vị đệ tử cao cấp trở thành các bậc thánh, và sự truyền bá đạo pháp Yoga trong quảng đại quần chúng, đã đặt Lahiri Mahâsaya vào hàng các bậc cứu độ thế gian.

Với tư cách một vị giáo chủ, Tôn Sư đã mở rộng cửa đạo giải thoát cho tất cả mọi người bằng một phương pháp nhất định, đó là pháp môn Kriyâ Yoga. Trong cuộc đời của tôn sư, người đã làm nhiều điều màu nhiệm, nhưng điều lớn nhất là đã giản dị hóa đạo pháp Yoga, để cho mọi người thành tâm thiện chí học Đạo có thể lãnh hội được một cách dễ dàng.

Lahiri Mahâsaya thường nói về các điều màu nhiệm như sau:

- “Sự tác động của những định luật huyền bí, thường không được người đời biết rõ, không nên đem ra làm một đề tài thảo luận ở chốn công cộng hoặc ấn hành một cách bừa bãi”.

Nếu trong những trang sách này, tôi có vẻ vi phạm những lời trên đây, thì đó là bởi vì một sự chặc chắn từ bên trong do sự phụ truyền sang cho tôi, đã cho phép tôi bàn đến những chuyện ấy. Tuy nhiên, khi tôi kể lại cuộc đời của Babâji, Lahiri Mahâsaya và Sri Yukteswar, tôi thấy cần phải bỏ qua không nói đến một vài chuyện nhiệm màu mà muốn giải thích rõ, có lẽ phải cần đến nhiều pho sách dày.

Bằng pháp môn Kriyâ Yoga, những người nào không thể cố gắng nhìn thấy hình ảnh của Thượng đế nơi kẻ khác, ít nhất sẽ khám phá ra ngài trong tận chốn thâm sâu bí ẩn nhất của lòng mình.

III

- Bạch sư phụ, sư phụ có bao giờ gặp đức Babâji chưa?

Một buổi chiều mùa hè yên tĩnh, tôi ngồi gần bên Sri Yukteswar trên bao lơn đạo viện, dưới ánh sao vàng vặc của vùng nhiệt đới chói rạng trên đỉnh đầu.

- Có!

Sư phụ mỉm cười trả lời câu hỏi của tôi với một niềm tôn kính khôn tả hiện ra trong cặp mắt:

- Thầy đã có hân hạnh được chiêm ngưỡng Tôn Sư ba lần. Lần thứ nhất là trong dịp thánh lễ Kumbha Mela ở Alahabad.

Thánh lễ Kumbha Mela là cuộc lễ tôn giáo long trọng được cử hành tại Ấn Độ từ nghìn xưa, và vẫn còn giữ được tính cách thu hút đối với quần chúng cho đến ngày nay. Hằng triệu tín đồ Ấn giáo đều quy tụ đông đảo trong dịp đó để chiêm ngưỡng hàng nghìn những tu sĩ, đạo sĩ, khuất sĩ ta bà, và các nhà tu khổ hạnh từ bốn phương đến đây, trong số đó có vài người chỉ rời khỏi am thất hay hang động vào dịp Thánh Lễ này để ban ân huệ cho các tín đồ và bá tánh thập phương. Sri Yukteswar nói tiếp:

- “Vào lúc Thầy gặp đại đức Babâji, Thầy chưa phải là tu sĩ xuất gia, nhưng Thầy đã nhập môn với đức Lahiri Mahâsaya để được thụ pháp Kriyâ Yoga. Sư phụ khuyên Thầy nên đến dự Thánh Lễ Kumbha Mela ở Allahabad vào tháng giêng năm 1894, và đó là lần đầu tiên mà Thầy dự cuộc lễ. Thầy chỉ nghe tiếng động ồn ào của đám quần chúng, nhưng Thầy không gặp một bậc danh sư nào đáng kể. Thầy đi ngang qua cầu Bắc trên sông Hằng, và nhìn thấy một gương mặt quen đang ngồi bên cầu với chiếc bình bát khuất thực. Thầy thầm nghĩ trong cơn thất vọng: “Cuộc Thánh Lễ này chỉ là một nơi ồn ào tiếng động và một ổ ăn mày”. Thầy tự hỏi những nhà bác học Tây phương kiên nhẫn tìm tòi khảo cứu và nói rộng

tâm kiến thức vì sự ích lợi vật chất của nhân loại, há lại chẳng được đẹp lòng Thượng Đế hơn là những kẻ biếng nhác ăn hại này, bề ngoài làm ra vẻ đạo đức, nhưng chỉ sống nhờ của bố thí?

Khi đó một vị tu sĩ xuất gia tác người cao lớn bước đến gần và nói với Thầy:

- Có một vị tu sĩ muốn mời ông.

- Ai vậy?

- Ông hãy đến gặp, rồi ông sẽ biết.

Thầy còn do dự, rồi cất bước đi đến một gốc cây lớn đang che bóng mát cho một vị Tôn Sư và các đệ tử ngồi vây chung quanh. Vị Tôn Sư ấy, có một vẻ phong thái đạo cốt khác thường, bèn đứng dậy khi Thầy vừa đến gần, rồi đưa tay tôi ôm lấy Thầy và nói một cách triu mến:

- Chào đại đức Swami!

Thầy đáp:

- Bạch ngài, tôi chưa phải là tu sĩ xuất gia.

- Người nào mà do bởi nguồn cảm hứng thiêng liêng, khiến ta đã phán cho cái danh hiệu ấy, sẽ không thể từ chối được nữa!

Vị Tôn Sư thốt ra những lời ấy một cách rất giản dị, nhưng một giọng quả quyết cứng rắn rung động trong những lời nói của ngài, đột nhiên Thầy cảm thấy tràn ngập một niềm say sưa mùi Đạo làm cho Thầy ngây ngất. Mỉm cười vì đột nhiên Thầy lại được đưa lên hàng tu sĩ xuất gia của dòng tu Swami, Thầy nghiêng mình cúi đầu làm lễ trước vị Tôn Sư đã ban cho Thầy cái danh dự ấy. Đức Babâji(vì lúc ấy Thầy còn chưa biết đó chính là ngài) chỉ chỗ cho Thầy ngồi một bên. Tác cao lớn, gương mặt trẻ trung, ngài giống Đức Lahiri Mahâsaya một cách lạ thường, như Thầy đã từng nghe nói nhưng bây giờ mới nhìn thấy tận mặt. Hiển nhiên là Tôn Sư muốn rằng Thầy được hoàn toàn tự nhiên trước mặt ngài. Ngài hỏi:

- Con nghĩ sao về Thánh Lễ Kumbha Mela?

- Bạch Tôn Sư, con hoàn toàn thất vọng cho đến khi con được gặp Tôn Sư. Sự Thánh linh và tất cả những sự xuẩn động ồn ào đó

thật không đi đôi với nhau chút nào!

Tôn Sư nói:

- Con hỡi, con không nên xét đoán sự vô minh làm lạc của người khác. Trên thế gian tất cả đều lẫn lộn cả tốt lẫn xấu, cũng như cát trộn với đường. Con hãy làm như bậc hiền giả chỉ lọc lấy chất đường mà loại bỏ chất cát. Tuy rằng một số tu sĩ hãy còn đắm chìm trong ảo vọng, vô minh, nhưng cuộc lễ cũng được thánh hóa bởi sự hiện diện của những người đã đạt tới sự giác ngộ thiêng liêng.

Thầy liền nhìn nhận Tôn Sư nói đúng, vì chính Thầy đã được gặp ngài tại cuộc Thánh lễ này.

- Bạch Tôn sư, con đang nghĩ đến những nhà bác học Tây phương là những người có trí óc thông minh hơn nhiều đối với phần đông những tu sĩ dự cuộc Thánh Lễ. Họ sống bên các nước Âu Mỹ, có những tín ngưỡng khác và không biết có gì là cao cả trong những cuộc Thánh lễ vĩ đại như cuộc lễ này. Gặp được các vị chân sư Ấn Độ sẽ là một điều lợi ích rất lớn đối với họ. Tuy rằng họ có một khối óc rất thông minh, nhưng phần đông người Tây phương đều thiên về chủ nghĩa duy vật. Những người khác tuy lỗi lạc về các ngành khoa học hay triết học, lại không nhìn nhận tính cách đồng nhất căn bản của tất cả mọi tôn giáo, Sự mù quáng của họ là một bức rào chướng ngại nó hăm dọa một sự chia rẽ đời đời kiếp kiếp giữa Đông phương và Tây phương.

Tôn Sư nói với một giọng chấp thuận:

- Ta thấy rằng con chú trọng đến Tây phương cũng như Đông phương. Ta cảm thấy lòng con bao quát cả hai chủng tộc lớn trên thế giới, vì vậy nên ta đã cho mời con đến đây.

Tôn Sư nói tiếp:

- Đông phương và Tây phương sẽ phải đi đến sự hợp nhất về mọi ngành sinh hoạt vật chất và tâm linh. Xứ Ấn Độ có nhiều điều cần phải học của phương Tây về phương diện tiến bộ kỹ thuật và văn minh vật chất. Trái lại, Ấn Độ sẽ dạy cho các nước phương Tây về các pháp môn Yoga là những phương pháp tiến bộ tâm linh bao

quát đại đồng cho toàn thể nhân loại, và là nguồn gốc của mọi tôn giáo. Hỡi đại đức Swami, con sẽ phải đóng vai trò của con trong việc thiết lập những mối liên lạc điều hòa giữa Đông phương và Tây phương. Trong vài năm nữa, ta sẽ gửi đến cho con một người đệ tử để con huấn luyện nhằm mục đích truyền bá pháp môn Yoga sang Tây phương. Những linh hồn khát khao chân lý đang đòi hỏi một sự giác ngộ tâm linh. Ta nhận thấy có nhiều vị thánh tương lai ở Âu Mỹ đang đợi chờ sự giác ngộ đó”.

Kể đến đoạn này của câu chuyện, Sri Yukteswar nhìn tôi với một cách nhìn thâm sâu, và nói với một nụ cười dưới ánh trăng:

- Con hỡi, chính con là người đệ tử mà đức Babâji đã hứa gửi đến cho thầy từ nhiều năm về trước.

Tôi lấy làm sung sướng mà được biết rằng đức Babâji đã dìu dắt những bước chân của tôi đến gặp Sri Yukteswar. Tuy vậy, tôi cũng cảm thấy buồn mà phải đi sang Tây phương, từ biệt sự phụ mến yêu và chốn đạo viện êm đềm.

Sri Yukteswar nói tiếp:

- “Kể đó, Tôn Sư nhắn với thầy một thông điệp để chuyển giao cho Lahiri Mahâsaya. Thầy kính cẩn cúi đầu từ giã tôn sư. Ngài hứa sẽ gặp lại thầy sau này. Sáng ngày hôm sau, thầy rời Allahabad đáp xe lửa đi Bénarès. Đến nơi tịnh thất của Lahiri Mahâsaya, Thầy mới kể lại cho sư phụ nghe câu chuyện gặp gỡ một vị Tôn Sư trong cuộc Thánh lễ Kumbha Mela. Sư phụ cười nói:

- Chắc là con không nhìn ra ngài! Đó là sư phụ của ta, đức Babâji thiêng liêng!”

Thầy bắt giác kêu lên với một lòng sùng kính vô biên:

- Đức Babâji! Đáng đại giáo chủ Babâji! Vị cứu thế vừa hữu hình vừa vô hình! Tiếc thay, nếu con có thể được gặp ngài lần nữa để quỳ lạy dưới chân thiêng liêng của ngài!

Sư phụ nói để an ủi Thầy:

- Không sao, ngài đã hứa sẽ gặp lại con sau này.

- Bạch sư phụ, Tôn Sư có dặn con nhắn lại với sư phụ những lời này: "Hãy nói với Lahiri rằng nguồn sinh khí dự trữ trong kiếp này đã cạn khô và trống rỗng!"

Vừa nghe câu nói bí hiểm đó, Lahiri Mahâsaya run lên như bị điện giật, và kể đó liền đắm chìm trong một cơn im lặng thâm trầm. Người ngồi yên như pho tượng gỗ, nét mặt sa sầm, và dường như mất hết sinh khí. Thầy lấy làm ngạc nhiên và lo ngại. Thầy không hề thấy người nào bình nhật vui vẻ như Tôn Sư mà lại có sự thay đổi tâm trạng đột ngột như vậy. Những vị đệ tử có mặt đều nhìn Tôn Sư với một vẻ lo ngại.

Ba giờ đồng hồ trôi qua trong một cơn im lặng hoàn toàn. Kể đó Tôn Sư trở lại trạng thái vui vẻ bình thường và nói chuyện một cách thân tình với mỗi vị đệ tử, làm cho họ thốt ra những tiếng thở dài nhẹ nhõm.

Nhìn thấy những phản ứng đó của Sư phụ, Thầy hiểu rằng thông điệp của đức Babâji đã cho sư phụ biết rằng không bao lâu người sẽ phải rời bỏ xác phàm. Cơn im lặng đáng sợ vừa rồi có nghĩa là sư phụ đã tự đặt mình dưới sự kiểm soát của ý chí, và cắt đứt mọi sợi dây liên lạc lên cõi Tinh Thần. Những lời nói của Babâji cũng có nghĩa là: "Ta sẽ luôn luôn có mặt bên cạnh con".

Tuy rằng Babâji và Lahiri cả hai vị đều đắc pháp thần thông và có thể giao cảm với nhau bằng tư tưởng mà không cần đến người trung gian, hai vị đôi khi cũng xử sự theo lối thường tình. Có những trường hợp mà hai vị Tôn Sư chuyển đạt những lời tiên tri bằng lối thông thường, qua một người truyền tin để cho sự thực hiện lời tiên tri đó được lan truyền và giúp thêm một đức tin mới cho những người được nghe câu chuyện ấy về sau.

Đó là một trong những lần viếng thăm cuối cùng của thầy tại nhà sư phụ. Sri Yukteswar kết luận. Như Babâji đã tiên đoán, cuộc đời Lahiri Mahâsaya trong vai trò gia trưởng ở kiếp này đã gần chấm dứt. Mùa đông năm 1895, sư phụ bị một cái ung nhọt ở phía sau lưng. Người từ chối không chịu giải phẫu, và như vậy người đảm

nhận việc trả quả báo xấu của các đệ tử trên xác thân mình. Ít lâu sau đó, sư phụ trút linh hồn tại Bénarès. Suốt cuộc đời Thầy đều được nguồn cảm hứng tâm linh của Sư phụ toàn năng...”

Chương 24

Định Luật Phép Lạ

Văn hào Leon Tolstoi có viết một chuyện lý thú nhan đề: “Ba người Ẩn Sĩ” (The Three Hermits) (Chuyện này dường như có một nguồn gốc lịch sử: Vị giám mục gặp ba người ẩn sĩ trên đường biển từ Archangel đến tu viện Slovetzky, ở cửa sông Dvina) như sau:

“Có ba người ẩn sĩ già sống trên một hòn đảo. Họ sống rất đơn giản và chỉ thốt lên lời cầu nguyện duy nhất này: “Chúa trời có Ba Ngôi, chúng con có Ba người, xin Ngài thương xót chúng con!” Những phép màu thường xuất hiện trong khi họ thốt lên lời cầu nguyện đơn sơ đó. Vị giám mục địa phương nghe nói về ba người ẩn sĩ và lời cầu nguyện khó nghe ấy, mới quyết định tìm đến nơi để dạy cho họ biết cầu nguyện đúng theo nghi thức tôn giáo. Ông bèn đi thuyền đến đảo, nói cho ba người ẩn sĩ biết rằng lời cầu nguyện của họ không đúng phép, và dạy họ nhiều bài cầu nguyện thông thường theo nghi lễ ở giáo đường. Kế đó, ông giám mục mới bước lên thuyền và rời khỏi bến. Nhưng độ một lúc, ông quay đầu lại thì thấy một ánh sáng rạng ngời nhấp nhô trên mặt nước và đến mỗi lúc càng gần. Khi ấy, ông bèn nhận ra ba người ẩn sĩ đang cùng nắm tay nhau lướt trên mặt biển gợn sóng và cố gắng đuổi theo kịp thuyền của ông. Khi họ vừa đến nơi, họ kêu lên:

- Thưa giám mục, chúng tôi quên mất những bài kinh cầu nguyện mà ngài đã dạy chúng tôi, và đến xin ngài dạy lại cho nghe một lần nữa!

Vị giám mục lấy làm kinh dị, bèn lắc đầu đáp rất khiêm tốn:

- Hỡi các bạn, các bạn hãy tiếp tục sống với bài cầu nguyện cũ của các bạn trước kia!”

Bằng cách nào ba người ẩn sĩ có thể đi trên mặt nước?

Bằng cách nào đấng Ki Tô đã phục sinh sau khi bị đóng đinh trên Thánh giá?

Bằng cách nào các vị đạo sư Ấn Độ đã làm được những điều huyền diệu, lạ thường?

Cho đến nay, khoa học vẫn chưa tìm ra sự giải đáp, tuy rằng với thể hệ nguyên tử, trí thông minh của loài người đã tiến bộ vượt bậc, và danh từ “bất khả” càng ngày càng bớt áp dụng trong ngôn ngữ của họ.

Thánh kinh Vệ Đà của Ấn Độ dạy rằng cõi thế giới vật chất hữu hình tác động theo định luật căn bản của Ảo Giác, hay Maya, tức là định luật tương đối, Nhị Nguyên. Thượng Đế hay Nguồn sống Duy Nhất, vốn Tuyệt Đối, độc nhất vô nhị, nhưng để biểu lộ ra thiên hình vạn trạng trong cơ sáng tạo vũ trụ càn khôn, ngài phải khoác lấy một bức màn hư ảo giả tạo. Bức màn ảo ảnh ảo giác có tính chất nhị nguyên tương đối đó, gọi là Maya. Nhiều phát minh khoa học vĩ đại của thời buổi hiện nay đã xác nhận lời tuyên bố giản dị trên đây của các bậc đạo sư Ấn Độ thời cổ.

Định luật tác động vận chuyển của Newton là một định luật của ảo giác (Maya): “Mỗi tác động đều luôn luôn gây nên một sức phản ứng tương đương và ngược chiều. Những tác động hỗ tương của bất cứ hai vật thể nào đều luôn luôn ngang sức và đối nghịch nhau”. Như vậy, tác động và phản ứng đều ngang bằng sức mạnh với nhau luôn luôn. “không thể có một sức mạnh đơn phương và một chiều, mà luôn luôn phải có một cặp lưỡng nguyên, gồm hai đối tượng song đôi và mâu thuẫn”.

Tất cả những sức mạnh thiên nhiên đều có tính chất nhị nguyên tương đối, tức phản ảnh cái nguyên lý ảo giác hay Maya. Thí dụ như điện lực là một hiện tượng xô đẩy và hấp dẫn, âm điện tử và dương điện tử là những đối cực lưỡng nguyên của điện lực. Một nguyên tử vật chất cũng giống như quả địa cầu, là một từ thạch với hai đối cực là âm và dương. Toàn thể hiện tượng giới đều đặt dưới ảnh hưởng của tác động của luật âm dương lưỡng cực nhị nguyên. Không một

định luật vật lý, hóa học, hay khoa học nào mà không theo những nguyên tắc bất dịch bao hàm những sức mạnh mâu thuẫn hay đối tượng lưỡng cực nhị nguyên đó.

Như vậy, khoa vật lý học không thể đặt ra những định luật nào ngoài vòng hư ảo (Maya): Đó chính là cái thực chất căn bản của cơ Sáng Tạo. Chính cõi thiên nhiên vốn là Hư Ảo, khoa học tự nhiên bắt buộc phải tiếp xúc với cái bản chất đương nhiên, cố hữu của nó. Trên lãnh vực riêng tư của nó, nó vốn vô cùng vô tận. Các nhà bác học tương lai không thể làm gì hơn là thăm dò hết khía cạnh này đến khía cạnh khác của cõi thiên nhiên thiên hình vạn trạng. Như thế, khoa học vẫn luôn luôn dò dẫm không ngừng, nhưng không thể nào đạt tới chỗ tuyệt đích, rốt ráo. Thật vậy, khoa học có thể khám phá ra những định luật của một vũ trụ đã có sẵn và đang hoạt động, nhưng lại bất lực không thể tìm ra dấu vết của đấng Sáng Tạo và Chúa Tể của vũ trụ càn khôn. Người ta đã nhận xét những tác động vĩ đại của hấp dẫn lực và điện lực, nhưng hấp dẫn lực và điện lực là gì, thì không ai biết được.

Nhà bác học Marconi cũng đã xác nhận sự bất lực của khoa học trong việc tìm hiểu cái nguyên nhân rốt ráo cùng tột của vạn vật. Ông nói: “Khoa học hoàn toàn không thể giải đáp những bí quyết của Sự Sống. Đó là một điều tuyệt vọng đáng sợ nếu người ta không có đức tin. Sự bí mật của Đời sống con người và vạn vật là một bài toán khó khăn vĩ đại nhất mà người ta còn phải tìm ra sự giải đáp”.

Vượt qua bức màn ảo giác (Maya) là cái công trình mà các bậc thánh nhân từ nghìn xưa đã từng đặt ra cho loài người. Thoát lên khỏi cảnh giới nhị nguyên tương đối và đạt tới cõi nhất nguyên của đấng Tạo Hóa, được coi như mục tiêu tột đỉnh của con người. Những ai còn bám lấy hư ảo của vũ trụ phải chấp nhận định luật tương đối nhị nguyên của nó: Sinh tử, thịnh suy, thăng giáng, vui buồn, sướng khổ, thiện ác, thị phi, vinh nhục. Cái vòng lẩn quẩn đó sẽ trở nên vô vị, nhàm chán sau khi con người đã trải qua vài ngàn

kiếp sinh tử luân hồi. Chừng đó, con người mới bắt đầu tìm kiếm những gì ở bên ngoài vòng trói buộc của Hư Ảo (Maya).

Đẹp tan bức màn Hư Ảo, tức là khám phá được bí quyết của đời sống. Chỉ có người nào thoát ra khỏi cơn ảo giác để nhìn thấy chân tướng của vũ trụ, mới là người đã hợp nhất với Thượng Đế. Trái lại, tất cả những người khác đều hãy còn chấp mê hình thức sắc tướng. Bao giờ mà con người còn bị lệ thuộc những ảo giác của cõi giới nhị nguyên thì y hãy còn tôn thờ thần nữ Maya đa hình đa dạng, y không thể biết được Thượng đế hay Chân Lý tuyệt đối.

Ảo Giác (Maya) trong con người được biểu hiện dưới hình thức Vô Minh (Avidya). Ảo Giác hay Vô Minh không bao giờ tiêu diệt được bằng sự phân tích hay khẳng định của lý trí, mà chỉ bằng sự đạt tới trạng thái tâm thức đại định gọi là Nirvikalpa samadhi. Các nhà tiên tri thời cổ, các bậc thánh nhân hiền triết của tất cả mọi thế hệ và mọi địa phương, đều đã từng phát ngôn từ trạng thái tâm thức siêu đẳng đó...

Nhà tiên tri Ezekiel nói: "...Sau đó, ngài đưa tôi đến cổng vào, cổng này hướng về phương đông, hãy biết rằng sự huy hoàng của Chúa Trời đến từ phương đông, và giọng nói của ngài như âm thanh của nhiều giòng nước, và trái đất chói rạng với sự huy hoàng của ngài".

Xuyên qua thiên nhãn ở giữa trán (phương đông), người đạo sĩ đưa tâm thức của mình vào trạng thái toàn thông, lắng nghe tiếng Diệu Âm (Aum), tức âm thanh huyền diệu của nhiều "dòng nước", những chấn động của ánh sáng hợp thành sự thật duy nhất của cơ Sáng Tạo.

Trong số tỷ ức những bí mật của vũ trụ, thì hiện tượng huyền diệu nhất là ánh sáng. Không như những làn sóng âm thanh, mà sự di chuyển phải cần đến không khí hay một chất trung gian nào đó, những âm ba của ánh sáng di chuyển tự do xuyên qua những khoảng trống của không gian vô tận. Ánh sáng luôn luôn vẫn là một

sức mạnh của thiên nhiên tế nhị nhất và tự do nhất không bị lệ thuộc vật chất.

Theo quan niệm của Einstein, tốc lực của ánh sáng (300.000 ngàn cây số trong một giây đồng hồ) cai quản toàn thể Thuyết Tương Đối. Ông chứng minh bằng số học rằng đối với tâm trí hữu hạn của con người, tốc lực của ánh sáng là yếu tố cố định duy nhất của một vũ trụ luôn luôn biến dịch. Tất cả những quan niệm của con người về thời gian và Không gian đều tùy thuộc nơi yếu tố cố định là tốc lực của ánh sáng. Thời gian và không gian vốn không phải là vô cùng, trường cửu như người ta vẫn tưởng từ trước đến nay, mà là những yếu tố tương đối và hữu hạn.

Với những phương trình của ông, Einstein đã loại bỏ ra khỏi vũ trụ tất cả mọi sự thật cố hữu, trừ ra sự thật cố hữu của ánh sáng. Trong thuyết Từ Trường Hợp Nhất (Unified Field Theory), nhà bác học này đã thể hiện trong một công thức toán học những định luật hấp dẫn và điện từ. Đúc kết cơ cấu của vũ trụ lại thành những trạng thái khác biệt của một định luật duy nhất, Einstein đã cùng đồng quan điểm với các bậc thánh nhân thời cổ, các ngài đã từng tuyên bố rằng bản chất duy nhất của vũ trụ vốn là một ảo giác (Maya) đa hình đa dạng.

Từ Thuyết Tương Đối của Einstein, mới xuất hiện những khả năng thám hiểm hạt nguyên tử bằng phương pháp toán học. Những nhà bác học lỗi lạc hiện nay đã mạnh dạn quả quyết rằng không những hạt nguyên tử chỉ là tinh lực chứ không phải là vật chất, mà thực chất của nguyên tử lực cũng chỉ là trí lực hay tư tưởng mà thôi.

Sir James Jeans viết trong quyển “Vũ trụ huyền bí”: “Trào lưu tư tưởng hiện đại đang hướng về một sự thật trừu tượng này, là bản chất của vũ trụ có vẻ giống như một tư tưởng lớn, thay vì là một guồng máy vĩ đại”.

Như vậy, khoa học cận đại của thế kỷ 20 đã nói không khác với kinh Vệ Đà thời thượng cổ! Bắt nguồn từ lập luận khoa học, người

ta đã lãnh hội lấy cái chân lý này, là vũ trụ vật chất vốn không có thật, mà bản chất của nó vốn là Maya, hay Ảo Giác. Dưới sự phân tích tỉ mỉ, tất cả những ảo tưởng về sự thật của vũ trụ đều tiêu tan.

Trong phương trình bất hủ $E = MC^2$ của ông cho thấy sự tương đương của trọng lượng và năng lượng, Einstein chứng minh rằng năng lực chứa đựng trong mọi phân tử vật chất vốn bằng trọng lượng của nó nhân với bình phương của tốc lực ánh sáng. Sự giải tỏa nguyên tử lực được thực hiện bằng sự hủy diệt những phân tử vật chất. Chính sự thực hiện này đã khai sinh ra một Thế hệ Nguyên Tử.

Tốc lực ánh sáng là một tiêu chuẩn số học cố định, không phải bởi vì có một giá trị tuyệt đối trong 300.000 cây số một giây đồng hồ, mà bởi vì không một vật thể nào, mà trọng lượng gia tăng với tốc lực di chuyển của nó, có thể đạt tới tốc lực của ánh sáng. Nói cách khác: Chỉ những vật thể nào có một trọng lượng vô hạn định mới có thể di chuyển với tốc lực của ánh sáng.

Quan niệm đó đưa chúng ta đến Định luật của Phép lạ.

Những bậc Chân Sư có thể hiện hình, hay tàng hình, cùng làm cho những đồ vật bỗng dựng xuất hiện hay giải thể, và có thể di chuyển trong không gian với tốc lực ánh sáng, đều đã thực hiện cái điều kiện căn bản đó, tức là: Trọng lượng của các ngài vốn vô giới hạn.

Tâm thức của một người đạo sĩ thượng thặng luôn luôn đồng hóa một cách dễ dàng, không phải với một thể xác chật hẹp, trọng trước, mà với toàn diện cơ cấu của vũ trụ. Sức hấp dẫn tự nhiên vốn bất lực không thể bắt buộc một vị đạo sĩ biểu lộ đặc tính của trọng lượng, nó vốn là cái sức nặng làm cho mọi vật thể bị trì kéo xuống mặt đất. Người nào tự biết mình như một Chân Ngã thiêng liêng, không còn bị lệ thuộc những giới hạn gò bó của một xác thân trong thời gian và không gian. Cái ngục tù của thể xác đã bị tan rã

trước tâm thức siêu đẳng của Chân Ngã, vốn tự biết rằng: Ta là Ngài!

Một vị đạo sĩ trong cơn đại định đã hòa hợp tâm thức mình với đấng Tạo Hóa, nhận thức được tinh hoa của vũ trụ vốn là ánh sáng. Đối với y, vốn không có sự khác biệt giữa những tia ánh sáng của chất nước và những quang tuyến của đất. Nhờ vượt thoát khỏi tâm thức vật chất, không còn bị lệ thuộc ba chiều đo của không gian và chiều đo thức tư của thời gian, một vị Chân Sư di chuyển cái thể chất ánh sáng của ngài một cách dễ dàng lên trên hay xuyên qua những tia ánh sáng của đất, nước, lửa và không khí.

Kinh thánh nói:

“Bởi vậy, nếu mắt người trụ vào một chỗ, toàn thân người sẽ tràn đầy ánh sáng” (Mathieu 6 - 22). Câu ấy có nghĩa là: Sự tập trung tinh thần vào nhãn quang tâm linh giúp cho người đạo sĩ tiêu diệt tất cả những ảo giác về vật chất và trọng lượng của nó. Y nhìn thấy vũ trụ như Thượng Đế đã sáng tạo, tức là một khối ánh sáng tiên thiên, chưa phân hóa thành hình thể sắc tướng.

Định luật phép lạ có thể thực hiện được bởi bất cứ người nào đã nhận thức rằng tinh hoa của vũ trụ là ánh sáng.

Một vị Chân Sư có thể sử dụng sự hiểu biết siêu đẳng của mình về hiện tượng ánh sáng để phóng phát ra trong khoảnh khắc trước mắt mọi người những nguyên tử ánh sáng vốn bằng bạc khắp nơi trong không gian. Cái hình thức của sự phóng phát ấy, dù đó là một cái cây, một thể xác con người, hay bất cứ một vật gì, được quyết định bởi ý muốn, mãnh lực ý chí và sức tưởng tượng của người đạo sĩ.

Ban đêm, con người bước vào trạng thái tâm thức mộng mơ và thoát ra khỏi những giới hạn chật hẹp của phàm ngã thường ngày vẫn trói buộc y trong vòng luẩn quẩn. Trong giấc ngủ y luôn luôn được chứng minh cho thấy cái trí lực toàn năng của mình. Trong giấc mơ, y lại thấy xuất hiện những bạn bè thân thuộc đã chết từ

lâu, những xứ lạ xa xôi không hề quen biết, cùng những cảnh tượng của những thời xa xưa hồi tuổi ấu thơ lại tái diễn trở lại.

Cái tâm thức tự do khoáng đạt vô chướng ngại đó mà tất cả mọi người đôi khi có kinh nghiệm trong giây lát, trong những giấc mộng của mình, vốn là cái tâm trạng thường xuyên của những vị đạo sư đã có sự giao cảm tâm linh với đấng tạo hóa. Hoàn toàn vô dục, vô cầu, và sử dụng ý chí sáng tạo mà đấng Hóa Công đã ban cho họ, một vị đạo sĩ có quyền năng phối hợp lại những nguyên tử ánh sáng của vũ trụ để thỏa mãn mọi lời cầu nguyện thành thật của các tín đồ.

Chính vì mục đích đó mà con người và muôn loài vạn vật được sáng tạo: Y phải vượt mình tiến lên để chinh phục Maya (Ảo Giác), vì y tự biết rằng mình có quyền năng ngự trị của vũ trụ. “Và Chúa Trời phán rằng: Ta hãy tạo nên con người theo hình ảnh của Ta, cũng giống như ta vậy. Chúng nó hãy có quyền ngự trị loài cá dưới biển, loài chim trên trời, loài gia súc thú cầm, và tất cả mọi chúng sinh bò bay máy cựa trên mặt đất”. (Chương Sáng Thế 1:26)

Năm 1915, ít lâu sau khi tôi bước vào dòng tu sĩ xuất gia, tôi có một linh ảnh lạ thường. Nhờ đó tôi được hiểu sự tương đối của tâm thức con người, và nhận thức rõ ràng sự đồng nhất của Ánh Sáng Trường Cửu đằng sau những đối tượng nhị nguyên hư ảo của Maya. Linh ảnh đó đến với tôi một buổi sớm mai trong khi tôi đang ngồi thiền trong gian phòng nhỏ trên gác nhà cha tôi ở đường Gurpar. Từ nhiều tháng qua, trận Đệ Nhất Thế Chiến đã diễn ra ác liệt bên trời Âu, tôi ngậm ngùi buồn bã mà nghĩ đến số đông người đã bỏ mình trên trận địa.

Khi tôi nhắm mắt định thần trong cơn nhập thiền, tâm thức tôi thành linh được chuyển qua thể xác của một viên đại úy hải quân chỉ huy một thiết giáp hạm. Tiếng đại bác nổ long trời trong những cuộc giao tranh giữa những giàn trọng pháo trên bờ biển và những khẩu đại bác trên tàu. Một trái phá cỡ lớn rơi nhằm kho thuốc đạn và làm nổ tung chiếc chiến hạm của tôi. Tôi nhảy xuống biển cùng với vài người thủy thủ còn sống sót sau tiếng nổ.

Tim đập mạnh, tôi lộn vào bờ một cách an toàn. Nhưng than ôi! Một viên đạn lạc từ đâu đến trúng vào ngực tôi. Tôi ngã xuống và nằm rên siết trên mặt đất. Toàn thân tôi bị tê liệt, tuy thế tôi vẫn ý thức được nó, cũng như người ta còn ý thức được vào một cái chân đã bị tê cứng. Tôi nghĩ: “Thế là mình áp đi vào cõi chết đây”. Vừa trút một hơi thở cuối cùng, tôi đã sắp sửa đắm chìm trong cơn vô thức thì... ờ kìa, tôi lại thấy mình đang ngồi tĩnh tọa trong gian phòng nhỏ trên gác ở đường Gurpar.

Hai hàng lệ tuôn rơi, vì mừng rỡ quá đỗi, trong khi tôi còn lấy tay đập và véo trên da thịt mình. Quả thật, xác thân tôi vẫn còn nguyên vẹn và không bị đạn xuyên qua ngực. Tôi lắc lư thân mình, đảo qua đảo lại, rồi thở ra hít vào từng hơi dài để biết chắc rằng tôi còn sống. Trong khi tôi làm những động tác đó, một lần nữa tôi lại thấy tâm thức tôi chuyển sang cái xác chết của viên đại úy nằm sóng sượt trên bãi biển. Tâm trí tôi hoàn toàn hỗn loạn, không còn phân biệt thật hư, chân giả.

Tôi bèn thốt lên lời thỉnh cầu đáng Thiêng Liêng:

“Hỡi Thượng Đế, con còn sống hay đã chết?”

Một vầng ánh sáng chói lòa bao trùm khắp chân trời. Một tràng âm thanh chấn động vang lên thành những lời nói êm dịu ngọt ngào:

“Sự sống hay sự chết có can hệ gì đến ánh sáng? Theo hình ảnh Ánh Sáng của Ta, Ta đã tạo ra con. Những quan hệ tương đối của vấn đề sinh và tử thuộc về ảo giác của vũ trụ. Con hãy nhớ con là một chân linh trường tồn bất diệt. Thôi, hãy thức tỉnh lại, con hỡi!”

Để thức tỉnh con người từng giai đoạn, Thượng Đế giúp cảm hứng cho các nhà khoa học khám phá vào đúng chỗ và đúng lúc những bí mật trong cơ Sáng Tạo của Ngài. Nhiều phát minh của khoa học cận đại giúp cho con người nhận thức được vũ trụ như sự biểu hiện đa dạng của một quyền năng: Đó là ánh sáng, được hướng dẫn bởi một Trí lực toàn thông. Những phát minh kỳ diệu như điện ảnh, máy truyền thanh, truyền hình, máy radar, tế bào điện tự,

nguyên tử lực, tất cả đều căn cứ trên hiện tượng điện tử lực của ánh sáng.

Nghệ thuật điện ảnh có thể là một thí dụ điển hình cho mọi phép màu. Với ảo thuật điện ảnh, người ta có thể làm tất cả mọi hiện tượng giả tạo. Trên màn ảnh, người ta có thể nhìn thấy những cảnh giả tạo độc đáo, chẳng hạn như thấy một Thể Vía mờ ảo trong suốt của một người từ từ xuất ra từ cái xác phàm của y. Người ấy có thể đi trên mặt nước, làm cho người chết sống lại, làm đảo lộn sự liên hệ tự nhiên của mọi diễn biến, bất chấp cả thời gian và không gian. Nhà chuyên môn có thể xếp đặt những hình ảnh cũng giống như những phép màu mà một vị đạo sĩ thực hiện với những tia ánh sáng trong không gian.

Nghệ thuật điện ảnh, với những hình ảnh sống động như thật có thể diễn tả những chân lý về cơ sáng tạo. Thượng Đế, ví như nhà sản xuất điện ảnh của vũ trụ, đã viết ra những truyện phim của Ngài, quy tụ những nhà dàn cảnh và diễn viên độc đáo để quay những cuốn phim vĩ đại của từng thế kỷ. Từ trong phòng tối của thời gian vô cùng, Ngài rọi ánh sáng qua những cuốn phim của những thế hệ liên tục, và những hình bóng được chiếu rọi lên màn ảnh của không gian.

Cũng như những hình bóng chiếu trên màn ảnh có vẻ sống động như thật, nhưng tựu trung chỉ là một sự phối hợp của ánh sáng và bóng tối, thì mọi sự diễn biến trong vũ trụ cũng chỉ là những màn ảo giác và ảo ảnh. Những tinh cầu trong không gian, với vô số những hình thức sinh vật sống trên đó, không gì khác hơn là những hình ảnh trong một cuốn phim vĩ đại của vũ trụ. Tạm thời có thật đối với giác quan con người, những màn kịch diễn biến vô thường được chiếu lên tấm "phông" ảnh tâm thức của nhân loại bởi ngọn đèn rọi sáng tạo trường kỳ của đấng Hóa Công.

Với một xảo thuật vô cùng kỳ diệu. Thượng Đế tạo dựng nên một trò chơi siêu đẳng cho những đứa con của ngài, ngài dùng chúng

làm diễn viên, lại vừa làm khán giả trong cái hí trường siêu nhiên vĩ đại đó.

Một ngày nọ, tôi bước vào một rạp chiếu bóng để xem một phim thời sự về chiến cuộc Âu Châu. Đệ Nhất Thế Chiến đang diễn ra bên trời Âu, cuốn phim trình bày thảm họa chiến tranh với một sự tả chân sống động làm cho tôi rời khỏi rạp hát với một tinh thần hoang mang xáo trộn. Tôi thốt lên lời cầu nguyện:

“Hỡi Thượng Đế, tại sao Ngài lại dung túng để cho bao nhiêu những nỗi thống khổ đó xảy ra?”

Tôi lấy làm vô cùng ngạc nhiên mà được sự giải đáp tức thời dưới hình thức một linh ảnh của chiến trường Âu Châu. Những cảnh tượng sát phạt, chết chóc, rừng rợn bi thương vượt rất xa những gì được chiếu lên màn ảnh.

“Hãy nhìn xem!” Một giọng nói vô thình dụi dàng vang lên trong tâm thức của tôi. “Con sẽ thấy rằng những cảnh tượng hiện đang diễn ra bên nước Pháp, không gì khác hơn là một cuốn phim chiếu bóng. Đó là một phim ảnh của vũ trụ, tuy thật mà cũng không thật như cuốn phim thời sự mà con vừa xem trong rạp hát: Một màn ngắn trong vở kịch đó thôi!”

Tôi vẫn chưa nguôi cơn sầu muộn. Giọng nói vô thình kia lại tiếp tục: “Cơ Sáng Tạo vừa là ánh sáng vừa là bóng tối, nếu không vậy thì không thể nào có hình thể sắc tướng. Dưới tác động của Maya (Ảo Giác) thiện và ác phải luôn luôn ngự trị thế gian. Nếu cõi đời này chỉ là một niềm vui vô tận, thì có bao giờ loài người mong muốn một cõi giới khác? Nếu không có đau khổ, con người sẽ không bao giờ thức tỉnh mà biết rằng y đã quên mất con đường về nơi quê xưa chốn cũ. Đau khổ là một sự trợ duyên để nhắc nhở cho y đừng quên. Chỉ có sự minh triết, giác ngộ là con đường giải thoát. Cái chết chỉ là hư ảo, người sợ chết cũng giống như một diễn viên dốt nát hoảng sợ điếng hồn trên sân khấu, khi một tài tử đồng nghiệp bắn y bằng một phát súng giả. Những đứa con của Ta đều là con của ánh sáng, chúng nó sẽ không mãi ngủ mê trong vòng ảo giác”.

Tuy tôi đã có đọc nhiều đoạn thánh kinh nói về Ảo Giác (Maya), nhưng những kinh sách đó chưa hề đem đến cho tôi sự hiểu biết sâu xa thâm trầm như những linh ảnh đã xuất hiện đến với tôi kèm với những lời an ủi của Giọng Nói Vô Thình ấy. Những quan niệm cố hữu của con người về cuộc đời sẽ hoàn toàn thay đổi khi mà y nhận thức rằng toàn thể vũ trụ chỉ là một cuốn phim ảnh vĩ đại, và chỉ khi nào tâm thức con người vượt hẳn ra ngoài vũ trụ càn khôn, người ta mới nhìn thấy chân tướng của nó.

Sau khi tôi vừa viết xong chương này, tôi ngồi tĩnh tọa trên giường nằm của tôi, dưới ánh sáng lu mờ của hai ngọn đèn che khuất. Ngược mắt nhìn lên, tôi thấy trên trần nhà xuất hiện vô số những điểm ánh sáng nhỏ màu hột cải, chớp sáng lung linh như chất quang tuyến. Vô số tia sáng giống như những giọt mưa hợp thành một khối tinh quang từ trên rơi tua tủa xuống thân mình tôi một cách âm thầm lặng lẽ.

Ngay khi đó, toàn thân tôi mất cả tính chất thô kệch, nặng nề của nó và biến thể thành một khối mỏng như sương. Tôi có cảm giác như bay bổng phát phơ trong không khí, và thân mình nhẹ bổng của tôi lác lác qua lại nhẹ nhàng mà không còn ngồi trên mặt giường. Tôi nhìn quanh phòng, bàn ghế và tường vách vẫn như cũ, như khối tinh quang ấy đã lan rộng và che khuất cả trần nhà. Tôi lấy làm vô cùng kinh ngạc.

Một giọng nói dường như thốt ra từ bên trong khối tinh quang: "Đây là cái động cơ phim ảnh của vũ trụ, phóng ánh đèn rọi của nó lên tấm phông vải trắng trên giường nằm của con, nó tạo nên hình ảnh của thể xác con. Hãy xem đó, thể xác con không gì khác hơn là ánh sáng mà thôi!"

Tôi nhìn hai cánh tay tôi và thử cử động tới lui vài cái, nhưng không thể cảm giác được sức nặng của chúng. Tôi cảm thấy một niềm phúc lạc tuyệt vời khôn tả. Khối tinh quang của vũ trụ, kết tinh lại thành cái thể xác của tôi, tác động giống như sự phóng phát ánh đèn rọi từ phòng điện ảnh của một rạp chiếu bóng làm nổi bật những

hình trên màn ảnh. Tôi kinh nghiệm trong một thời gian rất lâu cái phim ảnh của thể xác tôi chiếu lên trong phòng chiếu bóng nhỏ dưới ánh đèn lu mờ, tức gian buồng ngủ của tôi. Tuy tôi đã từng có nhiều cơn linh ảnh, nhưng không có một linh ảnh nào lạ lùng như lần này. Trong khi cái ảo giác của một xác phàm nặng trĩu đã hoàn toàn biến mất, và trong khi tôi càng nhận thức một cách sâu xa thâm trầm rằng tinh hoa của tất cả mọi vật vốn là ánh sáng, tôi ngược mắt lên nhìn lên khối tinh quang gồm vô số những điểm chớp li ti sáng lòe trên trần nhà và thỉnh nguyện trong âm thầm:

“Hỡi ánh sáng Thiên liêng của Thượng Đế, xin Ngài hãy thu hồi cái hình ảnh thể xác kém hèn này trở về Ngài, cũng như Elijah xưa kia được thu hút lên trời trong một chiếc linh xa bằng lửa!” (II King 2 - 11)

Lời cầu nguyện của tôi hiển nhiên là có hiệu lực, khối tinh quang đã biến mất. Thể xác tôi trở lại trạng thái bình thường với sức nặng thô kệch của nó và rơi phịch trên giường. Những điểm sáng nhỏ li ti trên trần vụt tắt và biến mất. Dường như chưa đến lúc tôi phải từ giã cõi đời trần thế này.

Tôi bèn tự nhủ với một tinh thần triết lý: “Vả lại, nhà tiên tri Elijah có thể lấy làm bất mãn vì sự tự phụ của tôi!”

Chương 25

NỮ THÁNH THÉRÈSE NEUMANN

Vài ngày sau đó, chúng tôi vượt qua eo biển Manche lên lục địa Âu Châu, vì tôi muốn đến Bavière bên Đức để viếng thăm vị Nữ Thánh Gia Tô, Therese Neumann tại làng Konnersreuth. Nhiều năm về trước, tôi có đọc một tài liệu báo chí lạ lùng về vị Nữ Thánh này, trong đó có những chi tiết sau:

1. Cô Therese sinh năm 1898, bị thương nặng trong một vụ tai nạn vào năm lên 20 tuổi, làm cho cô bị mù mắt và bại liệt.

2. Năm 1923, cô được lành cặp mắt một cách màu nhiệm nhờ cầu nguyện thánh nữ Teresa, và sau đó bệnh liệt bại tứ chi của cô cũng được chữa khỏi ngay tức khắc.

3. Từ năm 1923 trở về sau, cô Therese hoàn toàn tịch cốc, không ăn uống gì cả, cô chỉ nuốt một miếng bánh thánh nhỏ sau khi đã được làm phép mỗi ngày.

4. Năm 1926, những vết thương của đấng Ki Tô bỗng nhiên xuất hiện trên đầu, trên ngực, bàn tay và bàn chân của cô. Mỗi ngày thứ sáu, cô trải qua những kinh nghiệm thương khó của đấng Ki Tô, trong khi thể xác cô chịu những sự đau đớn lịch sử của Ngài khi bị đem đi hành hình.

5. Bình thường, cô Therese chỉ biết nói tiếng Đức, nhưng trong những cơn xuất thần vào ngày thứ sáu, cô thốt ra những câu nói mà các nhà học giả nhận ra là tiếng cổ ngữ Aramaic. Vào những lúc khác, cô nói tiếng Do Thái hay tiếng Hy Lạp.

6. Cô Therese đã nhiều lần được đặt dưới sự quan sát tỉ mỉ của khoa học, với sự cho phép của giáo hội. Bác sĩ Fritz Gerlick, chủ bút một tờ báo của giáo hội tin lành Đức, đã đích thân đến Konnersreuth

để mưu toan "lật tẩy sự lừa bịp" của giáo hội Gia Tô, nhưng sau cùng cũng đã chịu phép và kính cẩn viết tiểu sử của cô.

Cũng như bao giờ, dù ở Đông phương hay Tây phương tôi vẫn muốn gặp một vị chân tu. Chúng tôi đến làng Konnersreuth vào ngày 16, nhưng thấy nhà cô Therese cửa đóng then gài. Cô đã đi vắng. Do sự chỉ dẫn của người làng, sáng hôm sau chúng tôi đến nhà giáo sư Franz Wutz, dạy khoa sinh ngữ ở trường Đại học Eichstatt, cách đó độ 80 dặm. Giáo sư Wutz đón tiếp chúng tôi rất niềm nở và nói:

-Thưa vâng, cô Therese có ở đây.

Nói xong, ông cho người nhà báo tin cho cô hay có khách đến. Độ một lát, người ấy trở lại với câu trả lời của cô:

-Tuy đức Giám mục đã dặn tôi không nên tiếp ai mà không có sự đồng ý của ngài, nhưng tôi sẽ dành một ngoại lệ cho vị tu sĩ Ấn Độ.

Những lời ấy làm tôi cảm động, tôi bèn cùng với giáo sư Wutz đi lên phòng khách ở trên lầu. Cô Therese cũng bước vào ngay khi đó. Cô mặc một áo dài đen, đầu vấn một chiếc khăn trắng tinh, người cô toát ra một niềm an lạc khác thường. Tuy hồi đó, cô đã ba mươi bảy tuổi, nhưng cô trông trẻ hơn nhiều, vì cô có một vẻ tươi tắn và hồn nhiên như trẻ thơ. Thân hình đầy đặn, tròn trĩnh, sức khỏe tốt, đôi má ửng hồng, đó tức là cái phong độ của vị Nữ Thánh cả đời tuyệt thực!

Cô Therese tiếp đón tôi bằng một cái bắt tay rất nhẹ nhàng, và một nụ cười xinh xắn. Chúng tôi đã thăm có sự giao cảm tâm linh, và hiểu nhau như những người bạn Đạo đồng tinh tương ứng.

Giáo sư Wutz tự nguyện làm thông dịch cho chúng tôi. Khi mọi người đã ngồi yên chỗ, tôi nhận thấy Therese cũng nhìn tôi với một sự tò mò ngây thơ. Một người Ấn Độ nước da bánh mật, tóc dài hẵn là một vật lạ ở tỉnh Bavière miền nam nước Đức!

- Cô không bao giờ ăn uống gì chứ? Tôi hỏi để được nghe lời xác nhận từ miệng của cô thốt ra.

- Không, trừ ra một miếng bánh thánh lúc 6 giờ sáng mỗi ngày.

- Miếng bánh thánh ấy độ bao lớn?

- Nó mỏng như giấy và nhỏ chừng bằng một đồng xu. Tôi ăn nó vì lý do tâm linh. Nếu nó không được làm phép bí tích, tôi không thể nào nuốt trôi qua cổ họng!

- Tất nhiên cô không thể sống bằng bấy nhiêu đó, suốt mười hai năm trường?

- Tôi sống trong ánh sáng của Chúa.

Câu trả lời ấy thật đơn giản làm sao!

- Tôi nghĩ chắc cô cũng biết rằng cơ thể cô hấp thụ khí lực của Trời Đất trong không khí và ánh sáng thiên nhiên.

Một nụ cười hiện trên khuôn mặt, cô đáp:

- Tôi rất sung sướng mà thấy ông hiểu tôi sống bằng cách nào.

- Đời sống thánh thiện của cô đã chứng minh cho lời dạy của Đức Ki Tô: “con người không phải chỉ sống bằng cơm gạo mà thôi, mà còn bằng mỗi lời nói của Chúa Trời.”

Một lần nữa, cô lại vui vẻ tán thưởng lời nói của tôi:

- Thật vậy. Một trong những lý do sự có mặt của tôi trên thế gian hiện nay, là để chứng minh rằng con người có thể sống bằng ánh sáng của Chúa, chứ không phải sống bằng thực vật mà thôi.

- Cô có thể dạy cho kẻ khác biết làm thế nào để sống mà không ăn uống được không?

Cô Therese có vẻ hơi lúng túng:

- Tôi không thể làm điều ấy, vì Chúa không muốn như vậy.

Thấy tôi nhìn hai bàn tay chắc nịch và yếu điệu của cô, cô Therese chỉ cho tôi thấy một vết thương vuông vức, mới lành da, trên lưng mỗi bàn tay. Trong lòng mỗi bàn tay, cô chỉ cho thấy một vết thương nhỏ hơn hình lưỡi liềm, cũng vừa mới lành. Các vết thương đều đậm thủng cả hai bàn tay, tôi mới nhớ rõ những cây đinh lớn, vuông bốn cạnh bằng sắt, đầu lưỡi liềm vẫn còn thông dụng ngày nay ở các xứ Cận Đông.

Vị thánh nữ nói cho tôi nghe vài điều về những cơn xuất thần hàng tuần của cô: “Tôi đã chứng kiến tận mắt sự Thương Khó toàn diện của đấng Ki Tô”. Mỗi tuần từ nửa đêm thứ năm đến một giờ

trưa ngày thứ sáu, những vết thương của cô lại nứt ra và rỉ máu, cô sụt mất độ năm ký trong số Sáu mươi ký lúc bình thường. Tuy rất đau đớn, trong cơn xuất thần, nhưng cô Therese lại vui sướng chờ mong đến những ngày đó để có dịp chiêm ngưỡng đáng Cứu Thế.

Tôi hiểu ngay rằng cuộc đời kỳ lạ của cô là dụng ý của Thiên Liêng để nhắc nhở tất cả mọi tín đồ Cơ Đốc giáo sự thật lịch sử của cuộc đời đáng Ki Tô và lúc bị đóng đinh trên Thập Tự giá như được ghi chép trong Kinh Thánh, và để trình bày một cách linh hoạt mối tương quan trường cửu giữa Ngài và các tín đồ.

Giáo sư Wutz có thuật lại cho tôi nghe vài kinh nghiệm của ông về vị Nữ Thánh:

- Một nhóm nhỏ gồm có chúng tôi và Therese thường đi du ngoạn suốt nhiều ngày vòng quanh nước Đức. Thật là một sự tương phản rõ rệt. Therese không ăn uống gì cả, còn chúng tôi ăn ba bữa mỗi ngày. Cô vẫn tươi tỉnh như thường, không hề biết mệt nhọc. Mỗi khi nhìn thấy chúng tôi đói và đi tìm thức ăn ở các quán bên đường. Therese cười lớn rất giòn giã, hồn nhiên.

Giáo sư cho biết vài chi tiết lý thú về Therese:

- Vì cô không ăn uống, nên bao tử cô đã teo lại. Cơ thể cô không bài tiết nữa. Các đường đại tiểu tiện đều ngưng, nhưng các hạch tiết mồ hôi vẫn còn hoạt động, da thịt cô vẫn luôn luôn chắc nịch và mềm mại.

Vào lúc từ biệt, tôi tỏ ý muốn chứng kiến một buổi xuất thần của cô. Therese nhã nhặn đáp:

- Vâng, mời Đại đức hãy đến Konnersreuth vào ngày thứ sáu tới đây. Đức Giám mục sẽ cấp cho ông một giấy phép. Tôi rất sung sướng được gặp Đại đức hôm nay.

Therese bắt tay tôi rất nhẹ nhàng và đưa chúng tôi ra đến cổng. Ngày hôm sau, trong một cuộc nói chuyện với hai người em trai của Therese, chúng tôi được biết rằng vị Nữ Thánh chỉ ngủ có một hoặc hai giờ mỗi đêm. Tuy mang nhiều vết thương trên thân mình, cô vẫn hoạt động và sinh lực dồi dào. Cô thích chơi chim, nuôi bồn cá vàng

để làm kiếng, và thường ra làm việc ngoài vườn. Cô nhận được rất nhiều thư từ do các tín đồ Ki Tô giáo gửi đến nhờ cô cầu nguyện giúp và ban ân huệ để chữa bệnh. Nhiều người đã nhờ cô mà đã được chữa khỏi những chứng bệnh hiểm nghèo.

Cậu Ferdinand em trai cô, độ hai mươi ba tuổi, cho biết rằng bằng sự cầu nguyện, cô Therese có quyền năng hứng chịu trên thân thể cô, những bệnh tật của kẻ khác. Sự tuyệt thực của vị thánh nữ này bắt đầu kể từ ngày mà cô cầu nguyện cho chứng bệnh yết hầu của một người thanh niên trong giáo khu của cô, lúc ấy đang chuẩn bị bước vào dòng tu kín, được truyền sang cuống họng của cô.

Vào trưa ngày thứ năm, chúng tôi lái xe đến nhà vị giám mục. Ông ta nhìn những lọn tóc dài xổ xuống vai của tôi một cách ngạc nhiên. Ông ta sẵn lòng cấp giấy phép cho chúng tôi. Chúng tôi không phải đóng tiền lệ phí, luật ngăn cấm của giáo hội chỉ là để bảo vệ vị thánh nữ khỏi bị sự quấy rầy của du khách qua đường, họ đã lũ lượt kéo đến hàng nghìn người trong những năm vừa qua vào những ngày thứ sáu.

Chúng tôi đến nơi vào lúc chín giờ rưỡi sáng thứ sáu. Tôi nhận thấy nhà cô Therese có một khoảnh lọt kiếng trên trần, làm cho trong nhà có đầy ánh sáng. Cửa nhà cô mở rộng để đón khách thập phương đến viếng. Chúng tôi nối đuôi theo sau một hàng độ chừng hai mươi người, tất cả đều có giấy phép. Nhiều người trong số đó đến từ những nơi rất xa xôi để chiêm ngưỡng cơn xuất thần của vị Nữ Thánh. Therese đã vượt qua sự thử thách đầu tiên của tôi tại nhà của giáo sư Wutz khi cô linh cảm được rằng tôi muốn đến gặp cô vì những lý do tâm linh, chứ không phải để thỏa mãn óc tò mò.

Cuộc trắc nghiệm thứ nhì của tôi là ngay khi sắp bước lên lầu để vào phòng cô, tôi tự đặt mình trong một trạng thái nhập định để đạt tới sự giao cảm tâm linh trực tiếp với cô. Tôi bước vào phòng, lúc ấy đầy những khách hành hương, còn cô thì mặc áo dài trắng nằm trên giường. Với bạn Richard đứng ngay sau lưng tôi, tôi liền dừng chân

trên ngưỡng cửa, kinh ngạc mà nhìn thấy một cảnh tượng vô cùng kỳ dị và rùng rợn.

Một dòng máu rỉ xuống liên tục từ hai mí mắt dưới của Therese, mắt cô nhìn lên tập trung vào bí huyết ở giữa trán. Cái khăn ướt trên đầu cô dẫm máu ướt sũng chảy ra từng những vết thương do cái Máo Gai Nhọn đặt lên đầu Chúa Ki Tô năm xưa. Cái áo dài trắng bị dẫm máu ở trên chỗ quả tim do vết thương đâm qua bên hông khi đấng Ki Tô bị ngọn giáo của người lính đao phủ hành quyết.

Gương mặt của cô Therese biểu lộ những nét vừa đau đớn, vừa thiêng liêng. Cô có vẻ gầy ốm hơn lúc thường và có nhiều nét thay đổi một cách tế nhị trên cả hai phương diện nội tâm và sắc diện bên ngoài. Thỉnh thoảng, cô thì thầm thốt lên những tiếng ngoại ngữ lạ lùng dường như để nói chuyện với những người khuất mặt trong cõi vô hình.

Vì tôi đã điều chỉnh tần số nhịp điệu rung động của tôi để có sự *Giao Cảm Tâm Linh Truyền Thanh và Truyền hình* với Nữ Thánh, nên tôi bắt đầu nhìn thấy những cảnh tượng diễn ra trong cơn linh ảnh của cô. Cô đang chiêm ngưỡng đức Giêsu khi Ngài mang trên vai cây Thập Tự Giá bằng gỗ đi giữa đám đông la hét, nguyên rủa và phỉ báng Ngài. (Trong những giờ trước khi tôi đến, Therese đã thấy nhiều linh ảnh và những ngày cuối cùng của Chúa Ki Tô. Cơn xuất thần của cô thường bắt đầu với những linh ảnh về những sự việc diễn biến ngay sau Buổi Ăn Cuối Cùng (Le dernier Souper) và chấm dứt cuộc Pháp Nạn của Chúa Giêsu trên Thập Tự Giá, hoặc đôi khi với cuộc hạ huyết thánh thể.)

Thình lình, cô ngẩng đầu lên trong cơn kinh hoàng tột độ: Đức Chúa vừa ngã quy dưới sức nặng tàn khốc của cây giá gỗ! Khi linh ảnh đã qua, bị kiệt sức vì cơn xúc động quá mạnh. Therese lại rơi mình xuống gối một cách nặng nề.

Ngay lúc đó tôi nghe một tiếng động lớn sau lưng tôi. Tôi quay đầu nhìn lại, thì thấy hai người đang khiêng ra ngoài một cái xác người ngã quy. Nhưng vì lúc đó tôi vừa mới thoát ra ngoài trạng thái

siêu thức thâm trầm, nên tôi không nhìn ra ngay người bị té ngã. Tôi lại tập trung nhãn lực vào gương mặt của Therese, đã tái mét như xác chết vì máu ra quá nhiều, nhưng bây giờ thì đã hoàn toàn yên lặng, và toát ra hào quang khiết bạch và thánh thiện. Sau đó, tôi quay lại nhìn ra sau lưng thì thấy bạn Richard đang đứng đó với một bàn tay áp vào bên má đang rỉ máu.

- Dick

tôi hỏi một cách bần khoản:

- anh vừa mới té ngã phải không?

- Vâng, tôi bị ngất xỉu về quá xúc động.

Tôi nói để an ủi y:

- Dầu sao, anh đã có can đảm trở lại để chiêm ngưỡng Therese lần nữa.

Nhớ đến những khách hành hương còn kiên nhẫn nối đuôi nhau đứng đợi phía ngoài, chúng tôi âm thầm từ giã Therese và bước ra khỏi phòng.

Ngày hôm sau, nhóm chúng tôi lên xe và bắt đầu đi du lịch vòng quanh các nước: Đức, Hòa Lan, Pháp, Thụy Sĩ, rồi sang Ý và Hi Lạp. Kế đó chúng tôi xuống tàu sang Palestine để viếng Thánh địa. Đối với người nhạy cảm, tinh thần của Chúa Ki Tô, vẫn còn tràn ngập xứ Palestine. Tôi kính cẩn chiêm ngưỡng hình ảnh của Ngài khi tôi đi qua những nơi cổ tích Bethlehem, Gethsemane, Calvary, núi Ô Liu, bờ sông Gordan và biển Galilée.

Chúng tôi đã đến viếng Máng Cỏ, nơi Lâm Phàm của Ngài, xưởng thợ mộc của Joseph, ngôi mộ của Thánh Lazare, ngôi nhà của Marthe và Marie, và phòng ăn của Bữa Ăn Cuối Cùng. Những nơi di tích cổ ấy đã gợi lại trong trí tôi những lớp lang của tấn tuồng bi kịch lịch sử thiêng liêng mà Chúa Ki Tô đã có lần diễn xuất linh động cho hậu thế. Từ Thánh địa, chúng tôi đi sang Ai Cập viếng thủ đô Cairo và các Kim Tự Tháp cổ kính. Kế đó chúng tôi xuống tàu từ hải cảng Suez đi dọc theo biển Hồng Hải, ra biển Ả Rập và trở về Ấn Độ.

Chương 26

CUỘC VIẾNG THĂM THÁNH GANDHI

“Chào mừng quý vị !”

Ông Mahadev Desai, bí thư của thánh Gandhi, nghinh đón chúng tôi tại nhà ga Wardha một buổi sáng sớm vào tháng Tám, khi chúng tôi vừa rời khỏi toa xe lửa. Chúng tôi bước lên một chiếc xe hơi mui trần với ông Desai và ba người nữa đi đón chúng tôi. Xe đi qua vài con đường lầy lội ở vùng quê, và một lát sau đã đưa chúng tôi đến đạo viện Maganvadi, nơi tịnh thất của thánh Gandhi.

Ông Desai đưa chúng tôi vào thư phòng, tại đây thánh Gandhi ngồi xếp bằng trên chiếu trải dưới đất. Một tay cầm cây bút và một tay cầm một tập giấy, ông tiếp đón chúng tôi với một nụ cười nồng ấm. Ông viết trên tập giấy hai chữ: "Kính chào!" bằng chữ Hindi. Hôm ấy là ngày thứ hai, lại là ngày ông giữ tịnh khẩu trong tuần.

Tuy đó là cuộc gặp gỡ đầu tiên, chúng tôi đã thông cảm ngay tức khắc. Năm 1925, Thánh Gandhi đã viếng trường Ranchi và có ghi những cảm nghĩ của ngài trong quyển sổ lưu niệm dành cho các quý khách.

Thánh Gandhi tuy có vẻ gầy ốm, nhưng tinh thần rất tráng kiện, toàn thân ngài toát ra một sức mạnh tâm linh và sức khỏe thể chất lành mạnh. Đôi mắt nâu dịu hiền chói rạng sự thông minh, lòng thành thật và óc phân biện. Không một nhà lãnh đạo quần chúng nào đã từng thu phục lòng dân một cách chắc chắn, bền vững như thánh Gandhi đối với hàng triệu dân Ấn Độ. Họ đã tặng cho ngài cái danh hiệu Mahatma (bậc thánh) mà họ cảm thấy xuất phát tự đáy lòng. Vì họ, ngài đã tự nguyện chỉ mặc quanh năm có một cái khố ngắn, biểu tượng sự hợp nhất của ngài với quảng đại quần chúng nghèo khổ, lầm than.

“Những nhân viên lưu trú của đạo viện đều sẵn sàng phục dịch đại đức, vậy đại đức hãy cứ tự nhiên mà tùy nghi sử dụng”. Thánh Gandhi nhã nhặn lịch sự cầm đưa cho tôi mảnh giấy viết tay với những dòng chữ trên, khi ông Desai đưa chúng tôi ra khỏi thư phòng để đến nơi nhà khách.

Chúng tôi đi qua những khu vườn tược và đồng ruộng trồng hoa đến một ngôi nhà lợp ngói. Trước sân có một cái giếng lớn, gần bên có một cối đá để xay lúa. Trong nhà khách chia ra làm nhiều buồng ngủ nhỏ nhắn, mỗi buồng vừa một người nằm, chỉ trang bị đơn giản đến mức tối thiểu với một giường bố dệt bằng tay. Nhà bếp quét vôi trắng có một vòi nước máy ở một góc và ở một góc khác có một lò lửa đào dưới đất để nấu nướng. Chung quanh là những tiếng quạ kêu, chim hót, vài tiếng bò rống và tiếng giùi mài giữa đá.

Nhìn thấy tập Du Ký của bạn Richard. Ông Desai cầm lấy xem và viết trên một trang giấy bảng liệt kê mười một điều giới răn của phong trào bất bạo động (Satyagraha) mà tất cả những tín hữu và môn đệ nhiệt thành của thánh Gandhi đều tự nguyện tuân theo:

- “Bất Bạo Hành (Ahimsa): Ngay Thật, Không Trộm Cắp, Khiết Bạch, Thanh Bần, Cẩn Lao, Tiết Độ, Vô Úy, Khoan dung, Dùng nội hóa (Swadeshi), Bỏ Kỳ Thị Gia Cấp (đối với kẻ cùng đing). Những điều giới răn này phải được tuân theo với một tinh thần nhỏ nhen, khiêm tốn.”

Ngày hôm sau, Thánh Gandhi đã đích thân duyệt lại và ký tên vào trang đó, đề ngày 27 tháng 8 năm 1935.

Hai giờ sau khi chúng tôi đến, là đến giờ ăn trưa. Thánh Gandhi và độ 25 tín hữu ngồi xếp bằng trên sàn gạch, có lót những manh chiếu nhỏ vuông vừa một người ngồi, trước mặt mỗi người có đặt những đĩa chén bằng thau chùi sạch bóng. Sau một bài cầu nguyện tập thể, bữa ăn mới bắt đầu. Bữa ăn gồm có Chapati, một loại bánh nướng làm bằng bột mì có thoa bơ, các món rau đậu xào nấu ngon lành, mút và cam.

Thánh Gandhi còn đặc biệt dùng thêm món rau luộc nhuyễn, quét thành cục, rất đắng, được coi là có dược tính lọc máu rất tốt. Ngài lấy cái muỗng sốt lấy một phần rồi để vào đĩa của tôi. Sợ đắng, tôi nuốt ực với nước lạnh, còn ngài chỉ từ từ ăn từng miếng một cách thản nhiên.

Chỉ một việc nhỏ nhặt ấy cũng đủ cho tôi nhận xét rằng Thánh Gandhi có khả năng tách rời tâm thức ra khỏi giác quan tùy ý muốn. Tôi nhớ lại câu chuyện mổ ruột dư của ngài cách đây mấy năm, đã được tường thuật trên mặt báo chí xa gần, với rất nhiều lời bình phẩm, ca tụng. Nằm trên bàn mổ Thánh đã từ chối không chịu chụp thuốc mê, và đã trò chuyện vui vẻ với các tín hữu đến thăm suốt cơn giải phẫu với nụ cười bình tĩnh hồn nhiên, tỏ ra ngài không biết đau đớn chi cả!

Trưa hôm ấy, tôi có dịp trò chuyện với một vị nữ đệ tử ưu tú của Thánh Gandhi, cô Madeleine Slade, ái nữ của một vị Thủy sư Đô Đốc trong Hải quân Hoàng Gia Anh nay lấy tên Ấn Độ là Mirabai. Gương mặt bình tĩnh và cương nghị của cô chói rạng với một niềm hứng khởi nhiệt thành, khi cô nói chuyện với tôi, bằng tiếng Hindu rất thạo (thổ ngữ miền Bắc Ấn) về những hoạt động hàng ngày của cô.

- Công việc tái thiết nông thôn rất là thích thú! mỗi ngày lúc năm giờ sáng, một nhóm tín hữu của tôi ra đi để phục vụ những dân làng kế cận và giáo dục họ về vệ sinh thường thức. Chúng tôi phải ra tay quét dọn những chòi tranh và chí đến buồng vệ sinh của họ. Dân làng vốn thất học, họ không thể giáo hóa được, trừ khi bằng cách làm gương!

Nói xong, cô cười lớn thật giòn giã.

Tôi nhìn mà thán phục người phụ nữ ấy, vốn thuộc dòng dõi cao sang quyền quý nước Anh, mà đức khiêm tốn xứng đáng với Chúa Ki Tô đã làm cho cô có thể hạ mình làm những công việc nhỏ nhoi đơ bản, thường chỉ dành cho giai cấp cùng đinh hạ tiện của xứ Ấn Độ. Cô nói tiếp:

- Tôi đến Ấn Độ năm 1925. Ở xứ này tôi cảm thấy như tôi đã thực sự trở về quê hương xứ sở. Bây giờ tôi không còn muốn trở về với nếp sống cũ và những thích thú trước kia của tôi nữa.

Trong giây lát, cô Mirabai đã bận rộn với công việc quay chỉ khi cô ngồi xuống trước cái bánh xe quay (charka.) Do sự cố gắng của Thánh Gandhi, những bánh xe quay chỉ ngày nay đã xuất hiện khắp nơi trong các vùng làng mạc thôn quê của xứ Ấn Độ.

Thánh Gandhi có những lý do lành mạnh và vững chắc để khuyến khích việc phục hồi những ngành tiểu công nghệ và thủ công, nhưng ông không chủ trương tấy chay một cách cuồng tín tất cả mọi sự phát minh tiên tiến, máy móc cơ khí, xe hơi, tàu hỏa, vô tuyến truyền thanh, đều có đóng góp những vai trò quan trọng trong cuộc đời hoạt động vĩ đại của ngài! Một nửa thế kỷ hoạt động công ích, vào tù ra khám, vật lộn hằng ngày với những vấn đề thực tế và những va chạm phũ phàng trên trường chính trị, chỉ càng làm tăng cường thêm những đức tính quân bình, cởi mở, sáng suốt, lành mạnh và xét đoán với một tinh thần hài hước cái trò bi kịch lạ lùng trên sân khấu của cuộc đời.

Đúng tám giờ tối hôm ấy, Thánh Gandhi chấm dứt cơn tịnh khẩu. Những công việc bề bộn của đời ngài bắt buộc ngài phải sử dụng thời giờ một cách đúng đắn từng giây từng phút.

- Kính chào đại đức!

Lời tiếp đón của Thánh Gandhi lần này không phải viết trên giấy! Chúng tôi vừa mới bước vào phòng làm việc của ngài, chỉ trang bị đơn giản tối đa với những tấm chiếu vuông nhỏ trải dưới đất, không có ghế, một cái bàn thấp với sách vở, giấy má, vài cây bút mực thường (không phải bút máy) và một cái đồng hồ treo trên vách. Giữa một bầu không khí an tịnh, thâm nghiêm, Thánh Gandhi nở một nụ cười cởi mở và nói:

- Nhiều năm trước đây, tôi bắt đầu giữ giới tịnh khẩu mỗi tuần một ngày để có thời giờ coi sóc và trả lời thư tín. Nhưng bây giờ thì tịnh khẩu đó đã trở thành một nhu cầu tâm linh thiết yếu. Một kỷ luật

im lặng định kỳ không phải là một điều khổ hạnh, mà là một ân huệ tốt lành.

Khi tôi từ già Thánh để sửa soạn đi ngủ và chúc ngài một đêm yên giấc, ngài cầm đưa cho tôi một lọ dầu xả trừ muỗi và vừa cười vừa nói:

- Giống muỗi ở Wardha không biết gì về Ahimsa (Bất Bạo hành) đâu nhé đại đức!

Trở về nhà trọ, tôi lấy làm ngạc nhiên một lần nữa về sự đơn giản và những dấu hiệu hy sinh hiển hiện ở khắp nơi. Thánh Gandhi đã phát nguyện thanh bần ít lâu sau khi lập gia đình. Ngài đã từ bỏ nghề luật sư với rất nhiều thân chủ đã từng đem đến cho ngài những lợi tức mỗi năm trên 20.000 đô la, và đã đem phân phát tất cả tài sản cho người nghèo.

Sự phụ tôi thường châm biếm nhẹ nhàng những quan niệm thiếu sót thông thường về sự dứt bỏ, hay từ khước hạnh phúc trần gian. Sự phụ nói:

- “Một kẻ ăn mày không thể từ khước của cải, giàu sang. Hoặc có người nói: “Công việc làm ăn của tôi thất bại, vợ tôi bỏ tôi; tôi sẽ hy sinh từ bỏ hết tất cả để xuất gia tầm Đạo”. Nói vậy, thì người ấy từ bỏ hoặc hy sinh cái gì? Ý không có từ bỏ của cải và tình yêu mà những thứ đó từ bỏ y!”.

Những bậc Thánh như Gandhi, trái lại không những đã hy sinh những tài sản vật chất đáng kể, mà còn thực hiện điều khó khăn hơn nữa, là dứt bỏ những tham vọng ích kỷ và mục đích riêng tư, để hòa hợp tâm thức mình với lẽ sống chung của toàn thể nhân loại.

Vì hiền phụ của Thánh là bà Kasturabai, không hề phản đối khi ngài đem bố thí hết cả tài sản, không dành lại một phần nào cho bà và các con. Lập gia đình sớm, Thánh Gandhi và phu nhân phát nguyện giữ tịnh khiết sau khi sinh được bốn người con.

Một nữ anh hùng can đảm thắm lặng trong cuộc đời tranh đấu gay go, gian khổ của thánh Gandhi, bà Kasturabai đã theo chồng vào ngục thất, cùng chịu chung những cuộc tuyệt thực kéo dài suốt

ba tuần lễ với ông, và cùng chia sẻ những trách nhiệm nặng nề lớn lao của ngài. Trong nhiều năm, bà Kasturabai đảm nhiệm chức vụ thủ quỹ, gìn giữ số công quỹ to lớn hàng bao nhiêu triệu bạc mà thánh Gandhi đã quyên góp được để dùng trong công tác xã hội. Nhiều chuyện có tính cách hài hước đã được thuật lại rằng trong các gia đình Ấn Độ, các ông chồng đâm ra hoảng sợ mỗi khi thấy các bà vợ nhà đeo vàng ngọc, nữ trang đi dự cuộc hội họp của Thánh Gandhi. Lời nói đanh thép, hùng hồn và truyền cảm của Thánh khi ngài hô hào trợ giúp và cải tiến đời sống của dân chúng làm than khốn khổ, dường như có ma lực quyến rũ rất mạnh, làm cho những chiếc neo vàng và kiềng vàng nạm kim cương rời khỏi tay và cổ các bà mệnh phụ sang trọng, quý phái để rơi vào những cái rổ quyên góp như một màn ảo thuật!

Một hôm, bà Kasturabai trong khi kết toán sổ sách ngân quỹ, thấy thiếu mất 4 đồng rupi mà bà không nhớ rõ đã chi tiêu vào việc gì. Thánh Gandhi bèn điềm nhiên công bố một bản kết toán sổ chi thu trong đó ngài nêu lên một cách vô tư sự sơ sót của Kasturabai trong việc chi tiêu mất 4 rupi mà không ghi vào sổ.

Tôi thường hay thuật lại chuyện ấy cho những học viên người Mỹ trong những lớp dạy Yoga của tôi. Một hôm, một bà nọ nghe chuyện ấy liền nổi điên lên và hét lớn:

- “Thánh hay phàm gì không biết, nếu ổng là chồng tôi thì tôi sẽ cho ông ấy lỗ mũi ăn trầu vì làm nhục tôi trước mặt thiên hạ do một chuyện không đáng.”

Sau một cuộc thảo luận lý thú với các học viên về vấn đề tính chất của phụ nữ Mỹ và phụ nữ Ấn, tôi đã giải thích thêm:

- “Bà Gandhi coi ông ấy không phải như một người chồng mà như một vị Tôn Sư, tức là như một người có quyền sửa sai bà ta theo kỷ luật tâm linh, dẫu cho những điều làm lỗi không đáng kể.”

Ít lâu sau đó, Thánh Gandhi bị giam vì bị một án tù chính trị. Bà ấy cũng tình nguyện xin vào sống trong tù để phục dịch cho chồng. Bà đã chết trong khám đường tại Poona năm 1944. Thánh Gandhi

thường nhật vẫn bình thản, ít khi lộ vẻ vui buồn ra ngoài mặt, thế mà khi bà ấy qua đời, ngài đã sụt sùi khóc nức nở trong im lặng. Về sau, những môn sinh của ngài đề nghị xây một đài kỷ niệm công đức của bà, lời kêu gọi ấy được đáp ứng nhiệt liệt với 12 triệu rưỡi rupi (độ gần 4 triệu Mỹ kim thời đó) từ khắp nơi trên toàn quốc gửi đến. Thánh Gandhi đã quyết định sử dụng ngân khoản đó vào công việc cứu trợ xã hội để cải tiến sinh hoạt nông thôn trong các giới phụ nữ và nhi đồng.

Ngày nọ, tôi hỏi Thánh Gandhi:

- Thưa đại nhân, xin ngài cho biết quan niệm của ngài về chủ trương Ahimsa?

- Đó là Bất Bạo Hành, tức là không làm hại bất cứ một sinh vật nào, dù bằng tư tưởng hay hành động.

- Đó hẳn là một lý tưởng cao đẹp! Nhưng nếu có người hỏi: Ta có nên giết một con rắn độc chẳng để tự vệ, hoặc để bảo vệ kẻ khác?

- Tôi không thể giết một con rắn mà không vi phạm hai điều giới răn này, là: Vô Úy và Bất Sát. Trong trường hợp đó tôi sẽ cố gắng hóa giải con rắn bằng tình thương. Những tiết điệu rung động của tình thương từ trong lòng tôi phát ra sẽ có thể làm cho nó lắng dịu. Tôi không thể hạ thấp những lý tưởng tâm linh của tôi vì lợi ích cá nhân trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Với sự thành thật đáng yêu của ngài, Thánh Gandhi nói thêm:

- Tuy nhiên tôi phải thú thật rằng tôi sẽ không thể bình tĩnh tiếp tục cuộc nói chuyện này nếu thỉnh linh tôi bị đứng trước một con rắn hổ mang.

Màn đêm vẫn còn dày đặc khi tôi thức dậy lúc năm giờ sáng. Đời sống thôn quê đã bắt đầu nhộn nhịp, trước hết là tiếng động của chiếc xe bò lăn bánh trên đường lộ ngang qua trước cổng đạo viện, kế đó là những người nông dân quây gánh nặng trên đỉnh đầu họ và làm lủi đi trong đêm tối. Sau bữa ăn điểm tâm, chúng tôi đến từ già

Thánh Gandhi. Ngài đã thức giấc từ bốn giờ để đọc kinh cầu nguyện mỗi buổi sáng.

- Kính chào đại nhân, chúng tôi xin từ biệt ngài!

Tôi quỳ xuống khấu đầu đánh lễ dưới chân ngài và nói:

- Dưới sự điều khiển trông nom của ngài, Ấn Độ sẽ được an toàn!

o0o

Nhiều năm đã trôi qua sau cuộc gặp gỡ Thánh Gandhi tại Wardha. Trận thế chiến thứ hai đã bùng nổ khắp nơi. Trên không, trên đất liền và trên các đại dương đều đầy đầy sát khí. Trong số các nhà lãnh đạo thế giới, Thánh Gandhi là người duy nhất đã áp dụng chiến thuật "Bất Bạo Động" để chống lại sức mạnh cường bạo của vũ khí tối tân. Để giải quyết những nổi bất công, hà khắc của chế độ thực dân, Thánh Gandhi đã dùng những biện pháp ôn hòa, không dùng bạo lực. Những biện pháp này đã luôn tỏ ra vô cùng hiệu quả. Ngài giải thích chủ thuyết ôn hòa ấy như sau:

- "Tôi đã nhận thấy rằng sự sống vẫn tồn tại giữa những cơn tàn phá, hủy diệt. Bởi vậy, hẳn phải có một định luật cao cả hơn định luật hủy hoại trong thiên nhiên. Chỉ có định luật ấy mới đem lại một xã hội trật tự, điều hòa và mới làm cho cuộc đời có ý nghĩa.

Nếu đó là định luật của đời sống, chúng ta phải thể hiện nó trong cuộc đời hàng ngày. Trong mọi cuộc tranh chấp, xung đột, mỗi khi chúng ta phải đương đầu với một địch thủ, hãy chinh phục bằng tình thương. Tôi đã nhận thấy rằng định luật tình thương đã tác động hữu hiệu trong cuộc đời tôi bằng một cách mà định luật hủy hoại không thể thực hiện được.

Ở Ấn Độ chúng ta đã chứng nghiệm sự tác động của định luật ấy trên một quy mô vĩ đại. Tôi không nói rằng toàn thể Bốn trăm triệu dân chúng Ấn đã thấm nhiễm được chủ thuyết Bất Bạo Hành, nhưng tôi quả quyết rằng lý tưởng ấy đã thấm nhập một cách sâu xa hơn bất cứ một chủ thuyết nào khác trong một thời gian rất ngắn ngoài sức tưởng tượng.

Người ta cần phải trải qua một thời kỳ luyện tập công phu rất ráo riết mới đạt tới lý tưởng bất bạo hành. Đó là một đời sống có kỷ luật, cũng như đời sống của một người lính chiến. Trạng thái tâm linh đó chỉ có thể sở đắc đến mức hoàn toàn khi nào tư tưởng, lời nói và việc làm đều được kết hợp trong một hòa điệu thích đáng. Mọi vấn đề khó khăn, phức tạp, sẽ có thể giải quyết thỏa đáng nếu chúng ta quyết định áp dụng sự chân thật và bất bạo động (hay lòng từ ái) như một phương châm của đời sống hàng ngày.”

Thánh Gandhi đã huấn luyện hàng nghìn môn đệ tin theo chủ thuyết bất bạo động của ngài, những người này đã phát nguyện mười một điều giới răn khắc khổ đã nói ở phần trên. Đến lượt những vị này đi truyền bá cái lý tưởng đó khắp nơi trong xứ, để giáo dục quần chúng Ấn làm cho họ hiểu những giá trị tâm linh và lợi ích vật chất của chủ thuyết bất bạo hành. Ngài đã võ trang quần chúng Ấn Độ bằng những khí giới bất bạo động là sự bất hợp tác với chế độ thống trị, sẵn sàng chịu đựng những sự ngược đãi, bắt bớ giam cầm, và đến cả sự chết, thay vì sử dụng vũ khí giết người. Lịch sử đã chứng minh rằng bằng những phương pháp ôn hòa đó, Thánh Gandhi đã đạt được nhiều thành quả chính trị cho xứ sở của ông hơn bất cứ một nhà lãnh đạo quốc gia nào khác đã đạt được bằng vũ khí và bạo lực.

Chính sách bất bạo động của Thánh Gandhi được áp dụng một cách độc đáo không những trên sân trường chính trị mà cũng trên những địa hạt tế nhị và phức tạp của vấn đề tôn giáo và cải tạo xã hội. Chính sách ấy đã giải quyết êm thấm nhiều vụ xung đột gay go nan giải trường kỳ giữa người Ấn Giáo và người Hồi Giáo. Hàng trăm nghìn người Hồi Giáo đã coi Thánh Gandhi như nhà lãnh đạo của họ. Những người “bất khả tiếp xúc” (Intouchables), thuộc giai cấp cùng đinh mạt hạng trong xã hội coi ngài như đáng cứu tinh của họ. Thánh Gandhi có nói: “Nếu tôi phải luân hồi tái sinh trở lại, tôi ước mong đầu thai làm một người cùng đinh trong giai cấp hạ tiện, bởi vì như thế tôi sẽ phụng sự họ đặc lực hơn”.

Danh hiệu “Mahatma” mà quần chúng Ấn dùng để gọi ngài, có nghĩa là “Đại Hồn”, hay Đại Linh Căn. Ngài được toàn thể dân chúng mến yêu và trọng vọng như một đấng từ phụ. Thánh Gandhi hoàn toàn tin tưởng nơi bản tính tốt lành tự nhiên thiên phú của con người. Những khuyết điểm sai lầm đương nhiên không thể tránh khỏi của người đời không làm cho ngài mất đi lòng tin tưởng đó. Ngài viết:

“Dầu cho bị kẻ đối phương đối gạt lừa bịp đến hai mươi lần, người Satyagrahi (tín hữu môn phái bất bạo hành) cũng sẵn lòng tin nhiệm y lần thứ hai mươi mốt, bởi vì sự tin tưởng toàn vẹn nơi thiện tính căn bản của con người vốn là tinh hoa then chốt của môn phái Satyagraha (tức phong trào bất bạo động của Thánh Gandhi).

Ngày nọ, có người nói với Thánh Gandhi:

- Thưa đại nhân, ngài là một nhân vật độc đáo, phi thường. Chắc ngài không nghĩ rằng thế gian có thể hành động giống như ngài?

Thánh Gandhi đáp:

- Thật lạ thay mà thấy rằng con người luôn luôn tự dối mình. Họ tưởng rằng họ có thể cải tiến được cái xác phàm, nhưng không thể nào khai thác những khả năng tiềm ẩn của linh hồn. Tôi muốn chứng tỏ rằng nếu tôi có được ít nhiều khả năng đó, tôi cũng chỉ là một người yếu kém bất toàn như tất cả mọi người. Tuy nhiên, tôi có đủ sự khiêm tốn để thú nhận những điều làm lạc, sai quấy của mình để sửa đổi lại. Tôi chỉ có một đức tin vững chắc nơi Thượng Đế, mến yêu sự thật và cố gắng thực hiện lòng từ ái. Nhưng phải chăng tất cả mọi người đều có sẵn tiềm tàng những đức tính đó ở tự nơi mình?

Ngài nói thêm:

- Nếu con người có thể thực hiện những phát minh mới mẻ tân kỳ trong cõi giới hiện tượng, thì họ há lại đành phải thú nhận sự phá sản trên địa hạt tâm linh? Họ há phải luôn luôn là loài súc vật trước hết, rồi sau mới là người?

Thánh Gandhi tuyên bố:

- Tôi tranh đấu không ngoài mục đích đem lại hòa bình thế giới. Nếu phong trào khởi nghĩa của Ấn Độ được thành công trên căn bản chủ thuyết bất bạo động, điều đó sẽ tăng thêm một ý nghĩa mới cho lòng yêu tổ quốc nói chung, và nếu tôi có thể nói với tất cả tấm lòng khiêm tốn, cho chính đời sống con người vậy.

Sau khi Thánh Gandhi bị ám sát tại New Delhi ngày 30 tháng 1 năm 1948, Thủ tướng Nehru tuyên bố: “Ngài quả thật xứng đáng là người cha của dân tộc, và một thằng điên đã giết ngài. Hàng triệu người dân Ấn đang thương khóc ngài bởi vì ánh sáng soi đường cho họ đã tắt. Ngọn lửa thiêng chói rạng trên mảnh đất này không phải là thứ ánh sáng tầm thường. Nó sẽ còn chói rạng trên xứ này đến muôn đời về sau, và cả thế giới đều sẽ nhìn thấy”

Năm tháng trước đó, Ấn Độ đã thực hiện nền độc lập quốc gia của mình trong sự hòa bình. Công trình của Thánh Gandhi đã được thành tựu mỹ mãn. Khi Thánh Gandhi từ từ ngã quy với ba viên đạn bắn vào mình ông, một thân hình mảnh khảnh của một ông già đã Bảy mươi tám tuổi, ngài chấp hai tay trong cử chỉ vái chào theo phong tục Ấn Độ, biểu lộ sự tha thứ trầm lặng của ngài đối với thủ phạm. Luôn luôn là một người có tinh thần nghệ sĩ độc đáo tuyệt luân vào lúc chết. Tất cả hi sinh trong cuộc đời vị tha vô kỷ của ngài đã kết thúc bằng cái cử chỉ cuối cùng biểu lộ tình thương đối với kẻ sát nhân cuồng tín.

Nhà bác học Albert Einstein đã viết về Thánh Gandhi như sau: “Những thế hệ tương lai sẽ không ngờ rằng một người như ngài có thể xuất hiện bằng xương bằng thịt để dẫm chân đi trên mặt đất”.

Một bức điện tín phân ưu từ Tòa Thánh La Mã gửi đến như sau: “Việc ám sát Thánh Gandhi đã gây nên xúc động bi ai tại Tòa Thánh. Ngài được tưởng niệm như một bậc sứ đồ nêu cao những đức hạnh của chúa Ki Tô”.

Cái chết bi thảm của Thánh Gandhi vì chính nghĩa đem lại sự hòa hợp dân tộc cho xứ Ấn Độ đã nêu cao thông điệp nhấn nhủ của ngài cho một thế giới đang bị giày xéo bởi sự tranh chấp xung đột

trên tất cả các vùng lục địa. Ngài đã tuyên bố bản thông điệp đó với những lời lẽ đầy ý nghĩa tiên tri: “Lý tưởng bất bạo động đã đến với nhân loại và nó sẽ tồn tại với thời gian. Nó là ngọn cờ tiên phong của nền hòa bình thế giới”.

Chương 27

NỮ THÁNH AN LẠC

- Thừa đại đức, xin ngài đừng rời khỏi Ấn Độ trước khi đến viếng Nirmala Devi, vị nữ thánh nổi tiếng khắp nơi mà người ta gọi là Đức Mẹ An Lạc.

Cháu gái tôi, Amiyo Bose, nói với tôi bằng một giọng khẩn thiết.

- Lẽ tự nhiên! tôi rất muốn gặp Nữ Thánh.

Tôi nói thêm:

- Tôi có nghe nói nhiều về trình độ tâm linh siêu đẳng của bà. Việc ấy đã được tường thuật trong một bài báo đăng trên tạp chí Đông - Tây nhiều năm trước đây.

Amiyo nói tiếp:

- Cháu đã gặp Nữ Thánh khi ngài đến viếng Jamshedpur. Do lời khẩn cầu của một người đệ tử, Đức Mẹ An Lạc đã đích thân đến nhà một người bệnh đang hấp hối. Bà đứng một bên giường người bệnh, và khi bà đặt bàn tay lên trán y, thì cơn hấp hối của y liền ngưng bật. Chứng bệnh của người ấy cũng tiêu tan ngay tức khắc, y liền khỏi bệnh và ngồi dậy được.

Vài ngày sau đó, tôi nghe nói rằng Mẹ An Lạc đang lưu trú tại nhà một vị đệ tử ở khu Bhowanipur tại Calcutta. Bạn Richard và tôi liền từ nhà ra đi. Khi chiếc Ford đến gần khu phố ấy, chúng tôi nhìn thấy một cảnh tượng lạ lùng. Đức Mẹ An Lạc đang đứng trong một chiếc xe hơi mui trần, và ban ân huệ cho một đám đông độ chừng một trăm người đệ tử, trước khi bắt đầu một chuyến khởi hành. Bạn Richard đậu xe cách đó một quãng và cùng tôi xuống đi bộ đến chỗ có đám đông. Vị Nữ Thánh đưa mắt nhìn về phía chúng tôi, rồi bước xuống xe và đi đến đón chúng tôi.

- À, đại đức đã đến! Với những lời chào đón nồng nàn ấy, bà choàng hai tay vòng quanh cổ tôi và để đầu áp vào vai tôi. Bạn Richard mà tôi vừa nói cho biết rằng tôi không quen biết với vị Nữ Thánh, lấy làm ngạc nhiên vô cùng về cái cử chỉ đón tiếp thân tình nồng hậu đó của bà. Đám đông các vị đệ tử cũng nhìn thấy cảnh tượng đó với những cặp mắt vô cùng ngỡ ngàng.

Ngay khi đó, tôi nhận thấy rằng Nữ Thánh đang lọt vào một trạng thái nhập định siêu đẳng. Quên rằng mình đang mang một cái thể xác của một người phụ nữ, bà chỉ biết rằng mình là một linh hồn bất biến, và từ cõi giới tâm linh siêu việt đó, bà vui vẻ đón mừng một bạn đồng môn cùng mến yêu Thượng Đế. Bà nắm tay tôi đi về phía chiếc xe của bà. Tôi nói:

- Thưa Mẹ An Lạc, tôi e làm chậm trễ chuyến đi của Mẹ!

Bà đáp:

- Thưa đại đức, tôi gặp ông lần đầu tiên trong kiếp này sau đã bao nhiêu thế hệ! Xin đại đức khoan đi đã!

Chúng tôi cùng ngồi trên niệm ghế sau của chiếc xe mui trần. Trong giây lát Mẹ An Lạc liền bước vào trạng thái nhập định. Đôi mắt đẹp như mơ của bà chỉ hé mở độ một nửa, tròng mắt đứng, nhìn về cõi xa xăm vô định. Các đệ tử đứng gần liền cất tiếng hát nhỏ bài thánh ca tôn sùng Đức Mẹ Thiêng Liêng.

Tôi đã từng gặp nhiều vị chân tu thánh đức ở Ấn Độ, nhưng chưa thấy một vị Nữ Thánh đạt tới một đạo hạnh cao siêu như bà. Gương mặt dịu hiền của bà tỏa ra một niềm phúc lạc từ bi khôn tả, khiến cho người đời gọi bà là Đức Mẹ An Lạc. Những lọn tóc đen dài để thòng xuống sau cổ một cách tự nhiên, đầu để trần. Một điểm son nhỏ tô trên trán tượng trưng cho linh nhãn, vốn đã khai mở từ lâu trong tâm thức của bà. Gương mặt thanh tao nhẹ nhõm, đôi bàn tay nhỏ, đôi bàn chân cũng nhỏ, thật là tương phản với trạng thái tâm linh siêu việt của bà!

Trong khi Mẹ An Lạc còn đang nhập định, tôi đưa ra vài câu hỏi cho một nữ đệ tử đứng gần bên. Cô ấy đáp:

- Mẹ An Lạc sinh năm 1896 tại làng Kheora, miền đông tỉnh Bengale. Năm nay mẹ đã 40 tuổi. Mẹ An Lạc di chuyển khắp nơi ở Ấn Độ. Ở vài nơi mẹ có đến hàng trăm đệ tử. Những cố gắng can đảm của Mẹ đã đưa đến sự thực hiện những công tác cải tiến xã hội đáng kể. Tuy là một người Bà La Môn. Mẹ không thừa nhận sự phân chia giai cấp. Một nhóm đệ tử chúng tôi luôn luôn cùng đi theo Mẹ để săn sóc trợ giúp mọi tiện nghi. Chúng tôi phải lo phục dịch mẹ từng việc nhỏ nhặt vì Mẹ không chú ý đến phần thể xác. Nếu không ai cung cấp vật thực, thì Mẹ cũng không ăn, hay đòi hỏi chi cả. Dầu cho bữa ăn đặt ngay trước mặt. Mẹ cũng không động đến. Để cho Mẹ đừng biến mất khỏi cõi thế gian này, bọn đệ tử chúng tôi phải đút cơm cho Mẹ vào tận miệng. Trong nhiều ngày liên tiếp, Mẹ thường lợt vào trạng thái xuất thần nhập định, đôi mắt không chớp, và hầu như không còn thở. Một trong những người đệ tử thân cận, chính là vị phu quân của Mẹ. Nhiều năm trước đây, ít lâu sau khi hai ông bà thành hôn, thì ông ấy phát nguyện giữ tịnh khẩu.

Vị nữ đệ tử nói xong, bèn chỉ cho tôi thấy một người đàn ông vai rộng, dáng dấp phong nhã, râu tóc để dài, đang đứng yên lặng giữa đám đông, chấp hai tay với thái độ kính cẩn của một đệ tử đứng trước tôn sư.

Mát mẻ khỏe khoắn sau một cơn trầm mình trong cõi vô cùng, Đức Mẹ An Lạc bây giờ mới trụ tâm thức trở về với cõi hồng trần hạ giới. Bà hỏi với một giọng trong trẻo du dương:

- Thừa đại đức, xin đại đức cho biết hiện ngài đang ở đâu?
- Hiện nay tôi ở Calcutta hay Ranchi, nhưng tôi sẽ trở qua Mỹ một ngày gần đây.
- Đại đức qua Mỹ?
- Thừa vâng. Những người tầm đạo bên đó chắc sẽ hết lòng chiêm ngưỡng một vị Nữ Thánh Ấn Độ. Mẹ có muốn đi không?
- Nếu đại đức có thể đem tôi theo, tôi sẽ đi.

Câu trả lời đó làm cho những đệ tử đứng gần bên lâm vào tình trạng báo động. Một vị nói thẳng với tôi:

- Thừa đại đức, chúng tôi có độ hai mươi người luôn luôn đi sát cánh với Mẹ An Lạc. Chúng tôi không thể sống nếu không có Mẹ. Bất cứ nơi nào Mẹ đi đến, chúng tôi cũng phải đi.

Tôi đành phải bỏ ý định đó một cách tiếc rẻ, vì xét ra nó không phù hợp với thực tế với số lượng người đòi đi theo quá đông! Lúc từ giã Nữ Thánh, tôi nói:

- Ít nhất cũng xin mời Mẹ cùng với các môn đệ đến viếng Ranchi. Với tư cách là một người con của Thượng Đế, Mẹ sẽ vui thích mà nhìn thấy những trẻ thiếu nhi của trường tôi.

- Đại đức muốn cho tôi đi đâu, tôi cùng vui lòng.

Ít lâu sau đó, Trường Ranchi đã chuẩn bị đón tiếp vị Nữ Thánh. Những trẻ thiếu nhi luôn luôn chờ đợi một ngày hội hè, lễ lạc. Đó là những dịp hiếm có mà chúng khỏi phải học bài, được vui chơi thỏa thích, và một buổi tiệc thịnh soạn để kết thúc chương trình!

Đức Mẹ An Lạc vạn tuế! Tiếng chào mừng tập thể vang lên từ mấy chục cửa miệng, trẻ thơ thốt lên để nghinh tiếp khi phái đoàn Nữ Thánh bước vào cổng trường, giữa những cánh hoa vàng thả tung bay tới tấp vào các vị quý khách, tiếng chụp chĩa loảng xoảng, tiếng tù và thổi vang tai và tiếng trống đập “mridangam”. Mẹ An Lạc bước đi khoan thai với vẻ mặt tươi cười trên sân trường đầy ánh sáng ban mai, thân hình kiều diễm của bà dường như toát ra một bầu hào quang tràn đầy niềm phúc lạc của cõi Trời!

- Cảnh vật ở đây rất đẹp! Nữ Thánh cất tiếng nói rất lịch sự khi tôi đưa bà bước vào phòng khách của trường. Bà ngồi bên cạnh tôi với một nụ cười hồn nhiên như trẻ con. Bà làm cho người ta cảm thấy thoải mái như ngồi đối diện với một người bạn thân, tuy nhiên một vòng hào quang xa cách vẫn luôn luôn bao phủ chung quanh bà. Đó là sự cô lập mâu thuẫn của trạng thái Toàn Thông!

- Xin Mẹ hãy nói cho biết vài điều về cuộc đời Mẹ.

- Đại đức biết hết rồi, còn lập lại làm gì? Chắc hẳn bà cảm thấy rằng tiểu sử của một kiếp người ngắn ngủi không có gì đáng nói.

Tôi cười, và nhẹ nhàng lập lại lời yêu cầu của tôi.

- Thừa đại đức, đời tôi không có gì nhiều để thuật lại. Bà khoát nhẹ hai bàn tay yếu điệu xinh xắn và nói tiếp:

- Tâm thức tôi không hề kết hợp với cái xác phàm giả tạm này. Trước khi tôi sinh ra đời, tôi vẫn thế. Khi tôi là một đứa bé gái nhỏ, tôi vẫn thế. Khi lớn lên đến tuổi trưởng thành, tôi vẫn thế. Khi cái gia đình mà tôi sinh trưởng ở đó sắp đặt mọi việc để gả chồng cho cái xác này, tôi cũng vẫn y như thế. Và, bây giờ đây, ngồi trước mặt đại đức, tôi cũng vẫn thế. Đến muôn đời về sau, dầu cho thế cuộc xoay vần biến chuyển đến vô cùng tận, tôi cũng sẽ vẫn vậy thôi.

Nữ Thánh An Lạc lại đắm chìm trong một cơn nhập định thâm sâu. Thân mình bà yên lặng như pho tượng, bà đã quay trở về cõi giới vô hình huyền diệu xa xăm. Đôi mắt đẹp của bà lại trở nên mờ đục, không còn trụ vào ngoại cảnh nên coi như đã hết tinh thần. Đó là hiện tượng vẫn thường xảy ra khi các nhà hiền giả rút lui tâm thức ra khỏi xác phàm vật chất, chừng đó nó chỉ còn là một cái xác không hồn. Chúng tôi ngồi bên cạnh nhau suốt một giờ trong cơn đại định của Nữ Thánh. Kế đó Mẹ An Lạc xả thiền để trở về trần giới với một nụ cười vui vẻ. Tôi nói:

- Thừa Mẹ An Lạc, xin Mẹ hãy cùng tôi bước ra ngoài vườn để bạn Richard chụp vài tấm ảnh kỷ niệm.

- Tôi đồng ý. Ý muốn của đại đức cũng là ý muốn của tôi.

Đôi mắt của Nữ Thánh lại phục hồi sinh khí với vẻ đẹp thiêng liêng bất diệt khi bà đứng yên cho chúng tôi chụp ảnh. Đến giờ nhập tịch. Mẹ An Lạc ngồi xếp bằng trên một tấm nệm vuông, có một nữ đệ tử ngồi bên cạnh để đút cơm cho bà. Như một đứa trẻ nhỏ ngoan ngoãn, Nữ Thánh nhai nuốt thức ăn do vị đệ tử cầm đưa lên tận miệng. Người ta thấy rõ là Mẹ An Lạc không hề biết có mùi vị khác biệt giữa món rau đậu xào carry với món bánh sữa tráng miệng!

Chiều đến, Nữ Thánh cùng với các môn đệ từ giã chúng tôi giữa hai hàng thiếu nhi tiễn đưa phái đoàn bằng những cánh hoa hường tung bay rải rác như mưa, trong khi Mẹ An Lạc đưa tay ban ân huệ

cho bọn trẻ. Gương mặt chúng hân hoan chói rạng tình thương mà vị Nữ Thánh đã làm khơi động trong lòng chúng một cách dễ dàng.

Đẹp bỏ mọi thứ tình cảm luyến ái thấp kém của phàm ngã, Mẹ An Lạc đã đặt tròn niềm chung thủy trung kiên nơi Thượng Đế. Không phải bằng sự suy luận, phân tách triết lý của các nhà học giả, mà chỉ bằng một đức tin vững chắc, vị Nữ Thánh hồn nhiên như trẻ thơ đã giải quyết xong bài toán khó khăn bí hiểm của đời người, là thực hiện sự hợp nhất với Thượng Đế.

Chương 28

NỮ THÁNH GIRI BALA

- Thừa đại đức, chúng ta định đi đâu sáng nay?

Bạn Richard vừa cầm tay lái vừa day đầu qua hỏi tôi.

- Hôm nay, chúng ta đến viếng một kỳ quan thứ tám của thế giới: Một vị nữ tu chỉ sống bằng khí trời!

- Lại một kỳ quan nữa về khoa học tuyệt thực, sau vị Nữ Thánh Therese Neumann!

Bạn Richard vừa cười vừa đạp ga cho xe chạy tăng thêm tốc lực. Y cảm thấy hứng khởi để có việc viết thêm một mục hấp dẫn trong tập Du Ký của y.

Hôm nay chúng tôi khởi hành từ sáng sớm, trước khi mặt trời mọc. Ngoài bạn Richard và tôi, còn có thêm ba người bạn Ấn Độ cùng đi theo trong nhóm. Bạn tôi giảm bớt ga vì trên đường lộ đã có những người nông phu ngồi trên những chiếc xe hai bánh do những con bò lê chân kéo đi một cách chậm chạp.

- Xin đại đức cho biết thêm vài điều về vị nữ tu này?

- Nữ Thánh tên gọi là Giri Bala. Tôi đã nghe nói về bà ấy cách đây đã lâu, do một người bạn tên là Nundy. Xưa kia y thường đến nhà tôi ở đường Gurpar để dạy học cho em tôi. Y cho biết rằng Giri Bala áp dụng một bí thuật Yoga để sống mà không cần ăn uống chi cả. Hồi đó y ở gần bên nhà bà tại khu Nawabganj gần Ichapur, ở miền bắc tỉnh Bengale, nên y có thể theo dõi hiện tượng lạ lùng này một cách thường xuyên đều đặn mỗi ngày, và y không hề thấy bà ăn uống gì một lần nào. Vô cùng ngạc nhiên y bèn đến yết kiến vị quốc vương xứ Burdwan và yêu cầu vị này hãy cho mở một cuộc điều tra hư thực. Nghe câu chuyện kỳ dị, vị quốc vương bèn cho mời vị nữ tu đến tư dinh của ông để vấn an về tình trạng của bà. Bà chịu cho

họ làm một cuộc trắc nghiệm và sống ở tư dinh ấy trong hai tháng, tuyệt đối không dùng đồ vật thực, Sau đó bà trở lại tư dinh cũng không ăn uống gì trong một thời gian hai mươi ngày, và còn trở lại một lần nữa để trắc nghiệm lần thứ ba suốt Mười lăm ngày. Vị quốc vương đã cho Nundy biết rằng ba cuộc thí nghiệm tỉ mỉ rành mạch đó đã thuyết phục ông ta không còn nghi ngờ gì nữa về trạng thái tuyệt thực hoàn toàn của vị Nữ Thánh. Tôi nói tiếp:

- Câu chuyện này do Nundy kể lại đã nằm trong trí tôi trên 25 năm nay. Trong khi lưu trú bên Mỹ, đôi khi tôi cũng tự hỏi không biết dòng thời gian sẽ nuốt chửng mất vị thánh này chẳng trước khi tôi có dịp gặp lại bà. Bây giờ chắc hẳn bà đã già lắm. Thậm chí tôi cũng không biết bà ở đâu, và còn sống hay không. Nhưng trong vài giờ nữa, chúng tôi sẽ đến Purulia, là nơi cư ngụ của người em trai bà.

Độ 10 rưỡi sáng, chúng tôi đã ngồi nói chuyện với người em trai vị Nữ Thánh là ông Lambodar Dey, một luật sư tại Purulia.

- Phải, bà chị tôi vẫn còn sống. Đôi khi bà ở đây với tôi, nhưng hiện nay bà ở tại nhà chung của gia đình chúng tôi tại Biur. Nếu quý vị đến đó, ắt sẽ được bà vui lòng đón tiếp. Nay bà đã gần bảy mươi tuổi, nhưng vẫn còn khỏe mạnh.

- Thưa luật sư, xin ông cho biết có phải thật là bà không ăn uống gì phải không? Tôi vừa hỏi vừa nhìn thẳng vào cặp mắt ông.

- Quả thật vậy. Trên năm chục năm nay, tôi không hề thấy bà ăn gì cả. Dù cho ngày tận thế đến thành linh tôi cũng sẽ không ngạc nhiên bằng nếu tôi nhìn thấy chị tôi đưa thức ăn vào miệng!

Chúng tôi bật cười lớn về câu nói đó. Vị luật sư nói tiếp:

- Giri Bala không hề tìm nơi vắng vẻ ẩn dật để công phu hành pháp. Bà vẫn sống chung với gia đình, bạn hữu suốt cả đời. Bây giờ họ đã quen với trạng thái kỳ dị lạ thường của bà. Họ sẽ ngạc nhiên biết bao nếu thành linh họ thấy bà chị tôi ăn bất cứ một thứ gì!

Sự thành thật của người em trai vị Nữ Thánh quả là hiển nhiên, không thể nghi ngờ. Nhóm chúng tôi từ giả y, và lên đường đến Biur sau khi dùng bữa ăn trưa tại một quán cơm bên đường. Chúng tôi

đã trải qua một chuyến đi vất vả nhọc nhằn với bao nhiêu đoạn đường khó khăn xuyên qua những khu rừng rậm, đầy những chướng ngại, hầm hố, lên đèo, xuống dốc. Có khi, chiếc xe Ford của chúng tôi phải lội xuống những bãi sình lầy, nước ngập lút bánh xe, hoặc nằm ụ giữa đường vì bị ngăn chặn bởi những mô đất, gò đồng ngổn ngang. Những lúc đó, chúng tôi phải xuống xe đi bộ, kêu gọi dân làng quanh vùng đem xuống cuốc đến san bằng các chướng ngại vật để cho xe đi qua. Có khi phải ráp nhau lại ở phía sau xe, để một mình anh tài xế điều khiển tay lái và tiếp sức đẩy cho xe lướt tới. Chiếc xe của chúng tôi có lẽ là xe hơi đầu tiên đi trên những con đường này, xưa nay chỉ có những chiếc xe bò mộc mạc của đồng quê sử dụng mà thôi. Bạn Richard viết trong tập Du Ký của ông như sau:

"Khi gần đến nơi, chúng tôi cảm thấy thoải mái nhẹ nhàng sau một chuyến du hành đầy cam go, gian khổ vì phải vật lộn tranh thủ từng tấc đất trên con đường dài trong một vùng nội địa hẻo lánh xa xôi chưa từng được tiếp xúc với nền văn minh tiến bộ của thời đại.

Nhà chung của gia đình Nữ Thánh Giri Bala là một ngôi nhà gạch hai tầng, quét vôi trắng, có vẻ cũ kỹ, nhô lên giữa những chòi tranh của dân làng chen chúc nhau ở chung quanh. Chúng tôi hồi hộp chờ mong trong sự vui mừng khi đứng ngoài hàng ba với những cánh cửa mở rộng trước nhà vị nữ tu không hề biết đời. Dân làng thấy chúng tôi đến bằng một chiếc xe hơi kiểu tối tân, bị kích thích óc tò mò nên trở mắt nhìn một cách vô cùng ngạc nhiên dường như chúng tôi là người đến từ một thế giới khác!

Không bao lâu, một bóng người nhỏ thó đã xuất hiện trên ngưỡng cửa: Đó là Nữ Thánh Giri Bala! Bà vận một chiếc sari bằng tơ nội hóa, vấn chung quanh thân mình với một góc treo phủ lên đầu như một tấm voan theo cách phục sức đơn giản của người phụ nữ Ấn Độ miền quê. Bà tiến tới bằng những bước chân nhẹ nhàng khiêm tốn, và liếc nhìn chúng tôi bằng cặp mắt do dự che khuất dưới bóng tối của tấm vải mỏng phủ lên đầu. Chúng tôi đã cảm thấy mến

thương cái gương mặt trầm lặng và đầy hảo ý của bà, nó biểu lộ một sự giác ngộ bên trong, hoàn toàn thoát ly khỏi mọi sự ô nhiễm của những dục vọng trần gian phàm tục.

Bà vui lòng để cho chúng tôi chụp ảnh và quay phim. Bà kiên nhẫn chịu đựng mọi động tác điều chỉnh tư thế và điều chỉnh ánh sáng theo kỹ thuật điện ảnh của chúng tôi. Sau cùng, chúng tôi đã có thể lưu niệm cho hậu thế nhiều bức ảnh của người đàn bà độc nhất trên thế giới không hề ăn uống gì đã trên năm chục năm nay. Bà chiếm kỷ lục về hiện tượng này, trên cả Nữ Thánh Therese Nuemann đã tuyệt thực từ năm 1923, (tức là mới có mười ba năm...) Đứng trước chúng tôi, Giri Bala có nét mặt hiền thực của một vị từ mẫu, toàn thân bà toát ra một sự bằng an hiếm có, một tác phong nghiêm túc, đơn sơ, với cặp môi đầy đặn trong lành như trẻ thơ, một sống mũi thanh bai đầy nữ tính, cặp mắt tinh anh chiếu sáng và một nụ cười hồn nhiên, vô tội".

Những cảm tưởng của bạn Richard về vị Nữ Thánh Giri Bala cũng giống như của tôi, một hào quang tâm linh bao phủ lấy thân hình bà giống như cái "voan" mỏng bằng tơ bà phủ lên đầu. Bà cúi đầu làm lễ trước mắt chúng tôi theo phong tục lễ nghi của một vị cư sĩ đối với một tăng lữ xuất gia. Cốt cách lịch sự đơn giản và một nụ cười hồn nhiên của bà dành cho chúng tôi một sự tiếp đón ngọt ngào thân mật hơn là những lời chải chuốt hoa mỹ, làm cho chúng tôi quên hẳn chuyến đi vất vả gian lao, cực khổ trước khi đến đây.

Vị Nữ Thánh ngồi xếp bằng ngoài hàng ba trên sàn gạch. Tuy đã cao tuổi và mang những dấu vết của sự già nua, bà không có vẻ nhăn nheo hốc hác, màu da bánh mật trên gương mặt bà vẫn tươi sáng và lành mạnh.

- Thưa Mẹ, Tôi nói bằng tiếng thổ ngữ Bengali, tôi đã từng ước mong có cuộc hành hương này từ trên hai mươi lăm năm nay! Nundy tiên sinh đã kể cho tôi nghe về cuộc đời thánh hóa của Mẹ.

Bà gật đầu nhìn nhận:

- À, đó là người láng giềng của tôi ở khu Nawabganj.

- Trong thời gian đó, tôi đã vượt biển đi nhiều nơi, nhưng vẫn không bao giờ quên ý định có ngày sẽ đến viếng thăm Mẹ. Cuộc đời thánh hóa mà Mẹ đang sống trong âm thầm lặng lẽ cần phải được biểu dương cho thế giới biết, khi mà người thế gian từ lâu nay đã quên mất rằng nguồn sống thiêng liêng vốn là thức ăn bồi dưỡng tinh thần của mình.

Nữ Thánh ngước mắt nhìn lên trong một phút, vừa nở một nụ cười hoan lạc. Bà trả lời một cách khiêm tốn:

- Đại đức biết hết!

Tôi vui mừng mà thấy bà không bất mãn vì câu nói của tôi, vì các tu sĩ ẩn dật thường không thích việc phô trương quảng cáo. Họ chỉ muốn tu luyện trong âm thầm lặng lẽ, và khi thời giờ đã điểm, thì một tiếng gọi bên trong mới khiến họ phô bày cuộc đời họ một cách công khai để giúp nguồn cảm hứng cho những tâm hồn khát khao Đạo lý. Tôi nói tiếp:

- Thưa Mẹ, xin Mẹ thứ lỗi cho nếu tôi làm phiền rộn Mẹ quá nhiều câu hỏi. Xin Mẹ chỉ trả lời những câu nào tùy theo ý thích của Mẹ thôi, tôi cũng sẽ hiểu luôn cả sự im lặng của Mẹ nữa.

- Tôi vui lòng trả lời, nếu một người tầm thường như tôi có thể đưa ra những lời giải đáp thỏa đáng.

-Ồ, không, không phải tầm thường! Tôi thành thật đính chính. Mẹ là một đại linh căn.

- Tôi là kẻ tôi tớ hèn mọn của tất cả mọi người, Bà nói, tôi thích làm bếp, nấu nướng và dọn ăn cho kẻ khác.

Tôi nghĩ đó là một trò tiêu khiển lạ lùng đối với một vị tu sĩ tuyệt thực!

- Thưa Mẹ, tôi muốn được nghe chính miệng Mẹ nói ra: Có phải thật là Mẹ sống mà không cần ăn uống gì?

- Quả thật như vậy. Nữ Thánh im lặng trong một lúc, dường như để nhớ lại việc cũ, và nói tiếp:

- Từ năm tôi 12 tuổi 4 tháng cho đến nay tôi được 68 tuổi, tức là trong thời gian trên năm mươi sáu năm, tôi không hề ăn uống gì cả.

- Có bao giờ Mẹ cảm thấy thèm ăn không?

- Nếu tôi thèm ăn, thì tôi đã ăn rồi.

Câu trả lời tuy giản dị đơn sơ, nhưng nó hàm chứa một chân lý bất diệt mà thế gian vẫn biết quá rõ với cái vòng luẩn quẩn ba bữa ăn mỗi ngày!

- Nhưng Mẹ vẫn ăn một cái gì! Tôi nói một cách quả quyết.

- Lẽ tất nhiên! Nụ cười nở trên môi cho thấy bà đã hiểu rất mau.

- Chất ăn dinh dưỡng của Mẹ là do những tinh lực trong không khí và ánh nắng mặt trời, và do vũ trụ lực trực tiếp điễm vào thân thể Mẹ xuyên qua bộ thần kinh tủy não.

- Đại đức biết rõ. Bà lại biểu đồng tình một lần nữa một cách nhẹ nhàng êm ái.

- Thưa Mẹ, xin Mẹ nói cho biết về cuộc đời của Mẹ. Điều này sẽ có tác dụng sâu xa đối với xứ Ấn Độ cũng như đối với các bạn Đạo ở hải ngoại.

Giri Bala nói với một giọng trầm và rần rở:

- Cũng được, nếu Đại đức muốn:

“Tôi sinh trưởng ở vùng này. Thời thơ ấu của tôi không có gì đáng kể, trừ ra việc này, là tôi có tật háu đói và ăn nhiều. Năm lên 9 tuổi, tôi đã làm lễ đính hôn. Mẹ tôi thường cảnh cáo tôi:

- Nay con, con phải tập chế ngự thói tham ăn. Sau này khi con về nhà chồng, người ta sẽ nghĩ thế nào nếu con chỉ ăn với uống suốt ngày?

Điều này mẹ tôi tiên liệu trước, thật sự đã xảy ra. Tôi về nhà chồng ở khu Nawabganj năm tôi 12 tuổi. Mẹ chồng tôi quở mắng tôi suốt ngày vì tật háu đói và tham ăn. Tuy nhiên, những cơn thịnh nộ của bà lại là một ân huệ trá hình, vì nó làm thức động những khuynh hướng tâm linh tiềm tàng của tôi. Một hôm bà ấy châm biếm tôi một cách thật nặng nề. Bị chạm tự ái đến mức cùng tột, tôi bèn nói:

- Con sẽ cho mẹ thấy rằng con sẽ không bao giờ động đến đồ vật thực nữa bất cứ ngày nào con còn sống.

Mẹ chồng tôi cười nhạo báng:

- Mày làm sao sống mà không ăn, trong khi mày không thể sống mà không ăn tục?

Câu hỏi đó thật không thể trả lời! Tuy nhiên một quyết định sắt thép đã ngự trong lòng tôi. Tôi đi ra một nơi vắng vẻ và cầu nguyện Thượng Đế:

- Lạy đấng Chí Tôn, xin Ngài hãy chuyển đến cho con một danh sư có thể dạy con phương pháp sống bằng ánh sáng của Ngài thay bằng đồ vật thực.

Một cơn say sưa ngây ngất xâm chiếm lấy tôi. Tôi bèn đi thẳng đến những bậc thềm đá trên bờ sông Hằng. Dọc đường, tôi gặp vị tư tế của gia đình bên chồng tôi. Tôi nói:

- Thưa Đại đức, xin ngài hãy dạy tôi làm cách nào sống mà không cần ăn. Ông ta nhìn tôi chăm chú mà không đáp. Sau cùng ông ta nói bằng một giọng an ủi:

- Hỡi con, chiều nay con hãy tới đền, tôi sẽ làm một nghi lễ Vệ Đà đặc biệt cho con.

Câu trả lời mơ hồ đó không làm tôi thỏa mãn. Tôi tiếp tục đi bên bờ sông. Mặt trời ban mai phản chiếu trên giòng nước chảy lờ đờ. Tôi xuống tắm dưới sông Hằng, cơ hồ như người ta làm nghi thức tẩy trần để chuẩn bị một cuộc lễ nhập Đạo. Khi tôi bước lên bờ, thì một vị danh sư xuất hiện trước mặt tôi giữa lúc thanh thiên bạch nhật.

- Con hỡi! người nói bằng một giọng đầy nhân từ ưu ái.

- Ta là vị minh sư do Thượng Đế gửi đến để thể hiện lời cầu xin khẩn thiết của con. Kể từ hôm nay, con sẽ sống bằng khí Tiên Thiên của càn khôn vũ trụ, những nguyên tử trong thể xác của con sẽ được tiếp nạp sinh khí bởi nguồn sống vô cùng trong Trời Đất.”

Nữ Thánh lại rơi vào một cơn im lặng. Thừa dịp đó, tôi lấy cây bút và tập giấy trên tay bạn Richard và dịch ra Anh ngữ vài điểm trong câu chuyện cho y được hiểu. Nữ Thánh lại tiếp tục nói với một giọng rất thấp:

“Bực thêm đá trên bờ sông đã vắng người, nhưng sự phụ tôi phóng ra chung quanh chúng tôi một vòng hào quang bao phủ để bảo vệ chúng tôi khỏi bị những kẻ đến sau có thể làm quấy rầy. Người truyền cho tôi một bí thuật Kriyâ Yoga làm cho xác thân khỏi cần dinh dưỡng bằng đồ ăn phàm tục. Bí thuật ấy gồm có việc sử dụng một loại chân ngôn thần chú và một phép khí công rất khó thực hành đối với người thường. Ngoài ra, không phải dùng đến thuốc men hay phương thuật nào khác”.

Đáp lại những câu hỏi của tôi, Nữ Thánh Giri Bala cho biết thêm:

- Tôi không sinh sản một lần nào và đã trở thành một góa phụ từ lâu. Tôi ngủ rất ít, vì ngủ hay thức không khác gì đối với tôi. Ban đêm tôi ngồi thiền, và làm công việc nhà lúc ban ngày. Tôi không cảm thấy khác biệt nhiều, khi tiết trời thay đổi từ mùa này sang mùa khác. Tôi không hề đau ốm một trận nào, cũng không hề đau vặt. Đôi khi rủi ro bị thương tích, tôi chỉ cảm thấy đau ít thôi. Tôi không hề có những sự bài tiết của cơ thể như người thường (đường đại tiểu tiện và đường kinh đều ngưng bật.) Tôi có thể kiểm chế những động tác của quả tim và hơi thở. Trong những cơn linh ảnh, tôi thường thấy xuất hiện sự phụ tôi và những đáng cao cả khác.

- Thưa Mẹ, sao Mẹ không truyền pháp môn nhịn ăn này lại cho những người khác?

Tôi nghĩ đến hàng triệu người đói khát trên thế giới, nhưng hy vọng của tôi liền tiêu tan như mây khói.

Nữ Thánh lắc đầu nói:

- Không được đâu. Sự phụ tôi tuyệt đối ngăn cấm tôi tiết lộ điều bí mật ấy. Người không muốn thọc gậy vào bánh xe vận chuyển của Cơ Trời Máy Tạo. Giới nông dân địa chủ sẽ không cảm ơn tôi nếu tôi dạy cho nhiều người biết cách sống mà không cần ăn! Những trái cây ngon ngọt sẽ rụng rơi bừa bãi khắp nơi mà không ai thèm sờ mó đến. Những tai họa đói kém, nghèo khổ, bệnh tật, dường như là những ngọn roi vọt của nghiệp quả thúc đẩy con người đi tìm ý nghĩa thật sự của cuộc đời.

- Thưa Mẹ, tại sao Ông Trên lại chọn Mẹ làm trường hợp đơn độc, duy nhất của một người sống không cần ăn? Như vậy là có nghĩa gì?

Gương mặt Nữ Thánh sáng ngời một điểm minh triết:

- Để chứng minh rằng con người vốn là Tinh Thần. Để chứng tỏ rằng bằng cách đi trên con đường tiến hóa tâm linh, con người có thể sống bằng Ánh Sáng Vô Cùng thay vì bằng đồ vật thực.

Nữ Thánh bèn đắm chìm trong một cơn thiền định thâm sâu, cái nhìn của bà hướng vào bên trong, đôi mắt tinh anh đã trở lên vắng lặng hư không. Bà thốt ra một tiếng thở dài, báo hiệu cơn nhập định sắp đến. Trong một lúc, bà đã lọt vào cõi giới diệu huyền đầy an lạc.

Bóng tối của một hoàng hôn vùng nhiệt đới sụp xuống rất mau. Ánh đèn dầu đã chiếu leo lét trong các chòi tranh. Những con đom đóm bay lượn khắp nơi và những chiếc đèn dầu lấp loáng từ đằng xa cùng phối hợp thành một cảnh tượng lạ kỳ trong đêm tối. Đã đến giờ phút từ biệt đầy luyến tiếc. Tôi nói khi vị Nữ Thánh đã xả thiền trở về cõi tục:

- Thưa Mẹ, tôi muốn giữ một kỷ vật của Mẹ để lưu niệm. Xin Mẹ hãy xé cho tôi một mảnh vải vụn nào đó cũng được.

Nữ Thánh đứng dậy bước vào nhà trong và trở ra với một cái khăn lụa Ba Nại La. Bà cầm khăn đưa cho tôi và thỉnh linh sụp xuống đất làm lễ trước khi chia tay. Tôi cũng nghiêng mình đáp lễ:

- Thưa Mẹ, tôi nói với tấm lòng tôn kính:

- Mẹ hãy để tôi đánh lễ Mẹ!

Chương 29

CUỘC HÀNH TRÌNH SANG MỸ QUỐC

- “À đây là Mỹ Quốc! Những người này chắc hẳn là người Mỹ!”. Đó là ý nghĩa đầu tiên đến với tôi trong một cơn linh ảnh diễn ra mau lẹ trước nhãn quang siêu linh của tôi. Đắm chìm trong cơn thiên định, tôi ngồi trong một gian phòng trống tại trường học của tôi ở Ranchi.

Cơn linh ảnh vẫn tiếp tục, trong tầm nhãn quang, tôi thấy một đám đông người da trắng mặc Âu phục đang chăm chú nhìn tôi. (Sau khi đến Mỹ quốc, tôi đã nhận diện được vài người trong số những gương mặt đã xuất hiện trong cơn linh ảnh đó). Cánh cửa phòng tự nhiên mở, một thiếu sinh đã tìm ra nơi trú ẩn của tôi! Tôi gọi em ấy và nói:

- Bimal, em lại đây, tôi cho em hay một tin lạ. Thượng Đế đã gọi tôi sang Mỹ Quốc!

- Mỹ Quốc?

Em thiếu sinh lập lại hai chữ ấy với một vẻ kinh ngạc chẳng khác nào như nghe tôi sắp sửa đi lên mặt trăng!

- Phải! Tôi sẽ khám phá Châu Mỹ, theo gương Kha Luân Bố khi ông ta vượt biển định tìm ra xứ Ấn Độ. Hẳn là phải có một sợi dây nhân duyên liên hệ giữa hai xứ sở ấy!

Bimal liền chạy đi và trong giây lát cả trường đều biết rõ tin ấy. Không kéo dài thời giờ, tôi bèn tập hợp các vị giáo viên còn đang ngỡ ngác vì cái tin bất ngờ đó, và phó thác trường học cho họ trông nom. Tôi nói:

- Tôi biết rằng các vị sẽ giữ vững lý tưởng giáo dục của đức Lahari Mahâsaya tại trường này. Tôi sẽ thư từ liên lạc thường xuyên tới quý vị. Nếu Thượng Đế muốn, có ngày tôi sẽ trở lại.

Tôi rưng rưng giọt lệ khi tôi nhìn các em học sinh thân yêu và các lớp học nhà trường dưới ánh nắng mặt trời trong sáng của tỉnh Ranchi. Cả một giai đoạn trong cuộc đời vừa chấm dứt. Kể từ nay, tôi phải sống ở ngoại quốc, cách biệt xa xứ nhà. Vài giờ sau cơn linh ảnh vừa rồi, tôi đã ngồi trên chiếc xe lửa đi Calcutta. Qua ngày hôm sau, tôi nhận được thư mời làm đại biểu xứ Ấn Độ để tham dự Đại hội Tôn Giáo Hoàn Cầu bên Mỹ quốc tổ chức tại Boston năm đó (1920), dưới sự bảo trợ của Hội Tôn Giáo Thống Nhất Hoa Kỳ.

Trong lòng còn đang phân vân, tôi bèn đến đạo viện Serampore để hỏi ý kiến Sư phụ:

- Bạch Sư phụ, con vừa được chỉ định làm đại biểu dự một cuộc họp Đại Hội Tôn Giáo Bên Mỹ. Vậy con có nên nhận lời chăng?

- Đó là dịp may hiếm có, một cơ hội ngàn năm một thuở.

- Nhưng thưa Sư phụ, con không biết nói chuyện trước công chúng! Con không quen thuyết pháp trên diễn đàn, nhất là bằng Anh Ngữ!

- Anh ngữ hay không, những buổi giảng của con về đạo pháp Yoga sẽ được hoan nghênh bên Phương Tây.

Tôi bật cười:

- Bạch sư phụ, con không tin rằng người Mỹ sẽ học tiếng Bengali. Xin Sư phụ hãy giúp sức cho con để vượt qua những chướng ngại về văn phạm Anh ngữ.

Khi tôi đem chuyện này nói với cha tôi, người lấy làm hoàn toàn kinh ngạc. Mỹ quốc đối với người dường như quá xa xôi, và cha tôi sợ rằng người sẽ không bao giờ gặp tôi trở lại nữa. Cha tôi hỏi:

- Con đi bằng cách nào? và ai sẽ đài thọ công cuộc này?

Cha tôi hy vọng rằng vấn đề đó sẽ làm cho tôi bị trở ngại để tôi đừng đi. Tôi đáp:

- Thượng Đế sẽ lo cho con!

Việc này làm tôi nhớ lại một câu trả lời tương tự của tôi cho Ananta, anh cả tôi, tại Agra cách đây nhiều năm về trước. Tôi nói thêm:

- Thừa cha, có lẽ Thượng Đế sẽ xui khiến cho cha giúp con?

Tôi chỉ nói cầu may mà thôi, không ngờ ngày hôm sau, cha tôi làm tôi ngạc nhiên khi người đưa cho tôi một ngân phiếu với số bạc khá lớn, và nói:

- Cha cho con số tiền này không phải do bản phận của người cha, mà của một đệ tử trung thành của đức Lahiri Mahâsaya. Con hãy sang Tây Phương để truyền bá giáo lý thâm sâu của đạo pháp Kriyâ Yoga.

Sự hi sinh mà cha tôi đã chứng tỏ bằng cách đè nén những xúc cảm của lòng mình, làm cho tôi vô cùng cảm động. Trong đêm vừa qua, người đã hiểu rằng cuộc hành trình của tôi không phải vì mục đích di du lịch ngoạn cảnh mà thôi.

- Có thể cha con ta sẽ không còn gặp nhau lại trong kiếp này. Cha tôi lúc ấy đã 67 tuổi, nói với một giọng bần khổ.

Tôi đáp theo linh cảm của tôi:

- Nhờ trời, con sẽ gặp cha trở lại.

Trong khi chuẩn bị từ giã Sư phụ và xứ sở mến yêu của tôi, tôi không khỏi bị xâm chiếm bởi một sự lo ngại. Tôi thường nghe nói về chủ nghĩa duy vật ở Phương Tây, nơi mà người ta sống dưới một bầu không khí khác hẳn với bầu không khí đạo vị thâm trầm của xứ Ấn Độ. Tôi nghĩ rằng:

“Thở bầu không khí của Phương Tây, đòi hỏi nhiều can đảm hơn là chịu đựng những cơn rét lạnh kinh khủng trên dãy Tuyết Sơn!”

Một buổi sáng tôi thức dậy sớm ngồi cầu nguyện, với lòng cương quyết sẽ tiếp tục cho đến khi tôi nhận được sự trả lời, dẫu cho tôi phải ngồi chết tại chỗ. Tôi muốn được sự ân huệ và bảo đảm thiêng liêng rằng tôi sẽ không bị đi vào chốn mê đồ của nền văn minh vật chất. Tôi đã quyết định đi sang Mỹ, nhưng tôi cũng muốn nhận được sự chấp thuận của Thiêng Liêng. Tôi cầu nguyện với hết cả tâm hồn, và đè nén cơn xúc động của lòng tôi. Sự trả lời vẫn chưa đến. Sự khẩn cầu thầm lặng của tôi tăng gia ráo riết đến nỗi vào lúc trưa, khối óc của tôi đã quá căng thẳng đến mức không còn chịu nổi sự

cố gắng. Tôi có cảm tưởng rằng óc tôi sẽ nổ tung nếu tôi phát ra thêm một lời cầu nguyện nữa. Ngay khi đó tôi nghe có tiếng gõ cửa. Tôi đứng dậy mở cửa và thấy một người gương mặt còn trẻ mặc áo màu vàng sậm của giới tu sĩ xuất gia. Người ấy bước vào, từ chối không chịu ngồi ghế, và ra hiệu ám chỉ rằng người muốn đứng nói chuyện mà thôi. Tôi ngạc nhiên và nghĩ thầm rằng vị tu sĩ này có lẽ là đức Babâji, vì người ấy giống đức Lahiri Mahâsaya như đúc, tuy gương mặt coi trẻ hơn.

Người ấy liền đáp ngay tư tưởng của tôi:

- Phải, ta là Babâji.

Ngài nói tiếng Hindi, thổ ngữ miền Bắc Ấn, với một giọng du dương trong trẻo.

- Thượng Đế đã nghe lời cầu nguyện của con. Ngài nói cho con biết rằng: Con hãy tuân tuân lệnh Sư phụ con và hãy đi sang Mỹ quốc. Con đừng sợ gì cả vì con sẽ được che chở.

Sau khi ngừng một lúc, đức Babâji nói tiếp:

- Con là người ta đã chọn lựa để truyền bá đạo pháp Kriyâ Yoga sang Tây Phương. Nhiều năm về trước, ta đã gặp Sư phụ con tại Thánh Lễ Kumbha Mela, và đã cho sư phụ con biết rằng ta sẽ gởi con đến cho người huấn luyện.

Tôi cảm lạnh vì ngạc nhiên, và lấy làm cảm động vô cùng mà được nghe từ cửa miệng của Sư Tổ nói rằng chính ngài đã dìu dắt tôi đến gặp Sư phụ tôi. Tôi bèn quỳ lạy dưới chân thiêng liêng của Sư Tổ và ngài đỡ tôi đứng dậy với đầy hảo ý. Ngài tiết lộ cho tôi biết nhiều điều về cuộc đời của tôi, đưa ra cho tôi vài chỉ thị và thốt ra vài điều tiên tri bí mật Sau cùng, ngài nói một cách trịnh trọng:

- Đạo pháp Kriyâ Yoga, một phương pháp khoa học để tiếp xúc với Thượng Đế, sẽ được truyền bá khắp thế giới và giúp vào việc thiết lập điều hòa giữa các quốc gia, khi con người biết cảm thông một cách trực tiếp với Thượng Đế.

Với một cái nhìn im lặng, Sư Tổ bèn truyền cho tôi một linh ảnh về tâm thức siêu đẳng của ngài. Trong chốc lát, ngài đã bước đến

cửa, và nói:

- Con đừng đi theo ta. Vả lại con cũng không thể theo được đâu.
Tôi khẩn cầu ngài liên tiếp:

- Bạch Sư Tổ, xin ngài đừng đi mất! Xin Sư Tổ hãy đem con theo với.

Babâji quay lại và nói:

- Bây giờ con không đi được. Hãy để lần khác.

Trong cơn xúc cảm, tôi không nghe lời cảnh cáo đó. Tôi thử chạy theo ngài, thì thấy rằng hai chân tôi dính chặt dưới đất. Đức Babâji còn quay lại nhìn tôi với cái nhìn trù mẩn, đưa tay ban ân huệ và lẳng lặng đi thẳng.

Sau một lúc hai chân tôi đã cử động được. Tôi ngồi xuống và đắm chìm trong cơn thiền định. Tôi tạ ơn Thượng Đế không những đã đáp lời cầu nguyện của tôi, mà còn ban cho tôi cái điểm phúc được gặp đức Babâji. Toàn thân tôi dường như được thánh hóa bởi cuộc tiếp xúc với đức Sư Tổ luôn luôn trẻ mãi không già. Từ lâu tôi hằng mong ước được chiêm ngưỡng dung nhan của ngài, thì nay lòng tôi đã thỏa nguyện.

Cho đến nay, tôi không hề thối lộ với ai về cuộc gặp gỡ này, đó là một cơ hội nhiệm mầu nhất trong đời tôi, mà tôi mãi mãi chôn chặt dưới tận đáy lòng. Nhưng tôi nghĩ rằng độc giả sẽ tin tưởng một cách dễ dàng hơn về sự hiện diện của đức Babâji và những trách nhiệm cao cả của ngài đối với vận mạng của thế giới, nếu tôi quả quyết đã nhìn thấy ngài tận mắt, tôi đã giúp ý kiến cho một họa sĩ vẽ lại bức chân dung của ngài, một vị sư tổ về đạo pháp Yoga của xứ Ấn Độ hiện kim.

Trước ngày tôi lên đường sang Mỹ quốc, tôi đến viếng Sư phụ tôi. Người dặn dò tôi mấy lời sau đây:

- Con nên có một thái độ cởi mở, đừng quá thiên lệch về phía Ấn Độ, nhưng cũng đừng trở nên quá “Mỹ” vì lẽ đó. Con hãy dung hòa những đức tính tốt của hai chủng tộc. Con hãy luôn luôn giữ cái vị

thể của mình là một đứa con của Thượng Đế, một sứ giả của thiêng liêng.

Kể đó Sư phụ ban ân huệ cho tôi, và nói:

- Tất cả những người mộ đạo tìm đến con với một đức tin, sẽ được giúp đỡ. Dưới cái nhìn của con, luồng điện lực tâm linh toát ra từ đôi mắt con sẽ thấm nhuần vào trí óc của họ, làm cho họ thay đổi cuộc đời, và thức tỉnh nơi họ cái tâm thức của Thượng Đế.

Sư phụ nói tiếp:

- Con sẽ gây một ảnh hưởng rất lớn đối với những linh hồn thành thật tìm Chân lý. Bất cứ nơi nào con đi đến, dẫn cho ở những nơi hẻo lánh, con cũng sẽ thu hút nhiều bạn tốt.

Hai điều tiên tri đó đã được thực hiện. Tôi đến Mỹ quốc có một mình, không bạn bè thân thuộc, nhưng tôi đã tìm thấy hàng nghìn linh hồn sẵn sàng thụ giáo đạo pháp Yoga cổ truyền tự muôn đời. Tôi từ già Ấn Độ vào tháng 8, năm 1920, do chuyến tàu “City of Sparta”, tức chuyến tàu đầu tiên vượt biển sang Mỹ quốc từ khi trận Đại Nhất Thứ Chiến chấm dứt. Tôi đã trải qua rất nhiều khó khăn mới mua được vé tàu với tám thẻ thông hành của tôi. Trong thời gian hành trình trên mặt biển, một hành khách dưới tàu phát hiện rằng tôi là người đại biểu của Ấn Độ tại Đại Hội Tôn Giáo ở Boston.

Y bèn gọi chuyện:

- Bạch đại đức, xin đại đức vui lòng thuyết pháp cho các vị hành khách dưới tàu nghe vào tối ngày thứ năm tới đây, về một đề tài nào đó, như “Cuộc Đấu Tranh Tìm Sống” chẳng hạn.

Than ôi! đó thật là một cuộc đấu tranh để vớt vát thanh danh và sự sống của tôi trong buổi thuyết pháp tối thứ năm, như tôi đã nhận thấy ngay sau khi đó! Sau những cố gắng vất vả để soạn bài thuyết pháp của tôi bằng tiếng Anh, nhưng vô hiệu quả, sau cùng tôi phải bỏ cuộc vì những tư tưởng của tôi không chịu uốn nắn dễ dàng theo những mẹo luật rắc rối kinh khủng của văn phạm Anh ngữ! Tin tưởng nơi những lời nói của Sư phụ, tôi xuất hiện buổi tối ngày thứ năm trong phòng khách của chiếc tàu. Nhưng tôi không thể thốt ra

một lời nào, mà vẫn im lặng đứng yên một chỗ trong khoảng trên hai mươi phút đồng hồ, sau cùng cả cử tọa đều nhận thấy rằng tình trạng lúng túng của tôi, bèn bắt giặc cười ầm lên.

Riêng tôi, tôi không cảm thấy muốn cười chút nào, tôi bèn âm thầm cầu nguyện xin Sư phụ tôi hãy giúp đỡ tôi.

- Con phải nói!

Giọng nói của Sư phụ vang rền trong chỗ bí ẩn của tiềm thức tôi, sau khi tôi cầu nguyện đến người. Kế đó những tư tưởng của tôi liền hòa điệu ngay tức khắc với những mẹo luật khó khăn của Anh ngữ. Tôi nói thao thao bất tuyệt trong bốn mươi lăm phút đồng hồ, làm cho cử tọa chăm chú nghe muốn đứng hơi thở. Nhờ bài thuyết pháp này mà về sau tôi nhận được nhiều lời mời của nhiều hiệp hội tôn giáo Hoa Kỳ để đi thuyết pháp tại các giảng đường của họ.

Tuy vậy, tôi không còn nhớ một chữ nào về những gì tôi vừa mới nói. Một cuộc thăm dò kín đáo trong giới hành khách trên tàu cho biết rằng tôi đã giảng “một thời pháp đầy cảm hứng bằng một thứ tiếng Anh rất trôi chảy”. Được nghe tin tốt lành đó, tôi thầm tạ ơn Sư phụ tôi về sự giúp đỡ của người, lại một lần nữa tôi lại biết chắc chắn rằng những chướng ngại về thời gian và không gian không bao giờ có đối với Sư phụ tôi, và người luôn luôn ở một bên tôi.

Trong cuộc hành trình, thỉnh thoảng tôi lại cảm thấy băn khoăn sợ sệt với ý nghĩ rằng tôi phải thuyết trình trước một cử tọa gồm những thính giả Anh và Mỹ tại Đại Hội Tôn Giáo ở Boston. Tôi cầu nguyện Thượng Đế hãy giúp nguồn cảm hứng cho tôi, nhưng không phải ở giữa những tiếng cười của toàn thể cử tọa!

Chuyến tàu “City of Sparta” đến Boston vào cuối tháng 9. Ngày 6 tháng 10, tôi thuyết pháp lần đầu tiên trên đất Mỹ, tại Đại Hội Tôn Giáo. Buổi thuyết trình được hoan nghênh và tôi thở dài một tiếng nhẹ nhõm. Viên bí thư của Hiệp Hội Tôn Giáo Thống Nhất Hoa Kỳ có viết bài tường thuật về buổi thuyết pháp của tôi. Nhờ cái ngân phiếu dồi dào của cha tôi, tôi có thể ở lại Mỹ sau ngày bế mạc Đại Hội. Tôi đã ở lại bốn năm ở Boston, trong thời gian đó tôi đi thuyết

pháp, mở lớp giảng pháp môn Yoga, và xuất bản một tập thi thơ về đạo lý nhan đề “Tiếng Hát của Linh Hồn”.

Mùa hè năm 1924, tôi thực hiện một chuyến đi vòng quanh Mỹ quốc, và thuyết pháp ở mỗi thành phố lớn trước hàng nghìn thính giả. Năm 1925, nhờ sự trợ cấp tài chính của những học viên hảo tâm, tôi thiết lập văn phòng của tôi trên một sườn đồi ở Los Angeles. Dinh thự này là ngôi kiến trúc đã xuất hiện trong một linh ảnh của tôi từ nhiều năm trước ở Kashmir. Tôi đã gửi ngay cho Sư phụ tôi một tập hình ảnh và người đã trả lời cho tôi trên một tấm bưu thiếp viết bằng tiếng Bengali, mà tôi xin dịch ra dưới đây:

Serampore, ngày 11 tháng 8 năm 1926.

Yogânanda, con yêu quý của Thầy,

Thầy nhìn xem các bức ảnh đạo viện và các môn đệ Yoga của con, mà lòng Thầy tràn ngập một niềm vui khôn tả. Thầy lấy làm sung sướng mà nhìn thấy trong đó những môn sinh Yoga của nhiều thành phố khác nhau bên Mỹ quốc.

Thầy nhìn tấm ảnh đạo viện với cái cổng ngoài, con đường đi lên sườn đồi và cái viễn cảnh cùng cảnh vật chung quanh nhìn từ trên đồi mà lòng Thầy chỉ mơ ước một điều là: có ngài Thầy sẽ ngắm nhìn những cảnh ấy tận mắt.

Bên này, mọi sự đều tốt lành. Cầu xin ơn phước thiêng liêng được ban xuống cho con mãi mãi.

Sri Yukteswar.

Thời gian trôi qua đã ghi dấu những hoạt động của tôi ở rải rác khắp mọi nơi bên Mỹ quốc. Tôi đi thuyết pháp tại hàng trăm các câu lạc bộ, trường học, giảng đường các nhà thờ và những tổ chức tinh thần khác nhau. Hàng hàng nghìn người Mỹ đã được nhập môn để thụ giáo về đạo pháp Yoga, và đã có dịp thấm nhuần nền minh triết thâm sâu cổ truyền của xứ Ấn Độ muôn đời bất diệt.

Đôi khi, thường là vào những ngày đầu tháng, tôi cảm thấy nhớ nhà, nhớ xứ Ấn Độ mến yêu, với sự trầm lặng yên tĩnh nghìn đời của nó. Nhưng mỗi ngày qua, tôi lấy làm vui mừng mà nhận thấy

một sự thông cảm rộng rãi lớn lao hơn đã được xây dựng giữa Đông phương và Tây phương.

Chương 30

TRỞ VỀ ẤN ĐỘ

- “Con hãy trở về Ấn Độ, Thầy đã kiên nhẫn đợi con trong mười lăm năm nay. Không bao lâu nữa, Thầy sẽ bỏ xác phàm để về cõi Tinh Thần. Về đi, con!”

Giọng nói của Sư phụ tôi vang rền trong chỗ bí ẩn thâm sâu nhất của tâm hồn tôi, trong khi tôi đang ngồi thiền tại trụ sở đạo viện trên sườn đồi ở vùng ngoại ô Los Angeles. Trong chớp mắt thông điệp của Sư phụ đã vượt qua mười nghìn dặm đường để đến với tôi.

Mười lăm năm! Đó là năm 1935 và tôi đã sống đúng mười lăm năm ở Mỹ quốc để truyền bá giáo lý của Sư phụ tôi. Bây giờ, người gọi tôi trở về.

Ngày hôm đó, tôi thuật lại cái kinh nghiệm thần bí của tôi cho một người đệ tử đã đạt tới một trình độ tiến hóa tâm linh khá cao nhờ pháp môn Kriyâ Yoga. Người đệ tử này và nhiều người khác nữa tình nguyện đài thọ phí tổn cuộc hành trình. Vấn đề tài chánh đã giải quyết xong, tôi mới sắp đặt mọi việc để trở về Ấn Độ xuyên qua Âu Châu. Tháng 3 năm 1935, đạo viện Yoga của tôi, mệnh danh là “Cơ Quan Thực Hiện Chân Ngã”, được đăng bộ như một tổ chức không thương mại và hợp pháp hóa theo luật của tiểu bang California, có tính cách một cơ quan giáo dục được phép thu nhận tiền đóng góp của công chúng, tiền lợi tức phát hành sách vở, tạp chí của tôi cùng những nguồn lợi tức khác. Tôi nói với các môn đệ Yoga của tôi:

- Tôi sẽ trở lại. Tôi không bao giờ quên Mỹ quốc.

Tại buổi tiệc tiễn hành do các bạn tôi tổ chức ở Los Angeles, tôi nhìn một cách biết ơn những gương mặt thân hữu và nghĩ thầm rằng: “Người nào tôn thờ Thượng Đế và nhìn nhận Ngài là đáng ban

rải mọi phước lành, sẽ không bao giờ thiếu sót sự ấm áp của tình bằng hữu.”

Tôi từ già New York ngày 9 tháng 6 năm 1935 do chuyến tàu Europa cùng với hai người môn đệ là bạn Richard Wright, ông này tình nguyện làm bí thư cho tôi, và một bà đã lớn tuổi là bà Ettie Bletch. Chuyến đi trên tàu giúp cho chúng tôi được nghỉ ngơi sau những tuần lễ cuối cùng rất bận rộn. Nhưng thời gian nhàn rỗi của tôi rất ngắn ngủi, tốc lực của những chiếc tàu vượt đại dương tối tân đôi khi cũng có một khía cạnh đáng tiếc!

Chúng tôi lên bờ ngoạn cảnh khi tàu ghé bến Luân Đôn. Ngày hôm sau, tôi được mời thuyết pháp tại giảng đường Caxton Hall, tại đây ông Francis Younghusband giới thiệu tôi cho thánh giả Anh quốc.

Tàu Rajputana về đến hải cảng Bombay ngày 22 tháng 8, năm 1935. Tôi hít đầy phổi cái không khí yên lành của Ấn Độ. Vừa lên tới bến, tôi đã nhìn thấy trước những gì đang chờ đợi tôi ở xứ nhà. Đó là mười hai tháng trường hoạt động không ngừng. Các bạn bè và thân bằng quyến thuộc tiếp đón chúng tôi trên bến với những tràng hoa tươi. Kế đó, khi chúng tôi đến khách sạn Taj Mahal, chúng tôi liền bị bao vây bởi những ký giả và nhiếp ảnh viên. Sau khi đã ký thác cho sở Hỏa Xa chiếc xe Ford của chúng tôi đem theo xuống tàu từ bên Mỹ quốc, nhóm ba người chúng tôi hối hả đáp xe lửa đi Calcutta.

Đến ga Howrah, chúng tôi được tiếp đón bởi một số người đồng đạo đến nỗi chúng tôi phải vất vả khó khăn mới bước lên tới bến. Vị tiểu vương Kasimbazar và em trai tôi là Bishnu điều khiển ủy ban tiếp đón, tôi không hề nghĩ rằng mình sẽ được đón tiếp một cách nồng nhiệt như vậy.

Cha tôi ôm chầm lấy tôi dường như tôi vừa sống lại và chui ra khỏi mồ! Chúng tôi nhìn nhau rất lâu trong câm lặng vì vui mừng. Các anh em chị em tôi, các bà con thân quyến, học trò và bằng hữu cố tri ngày xưa vây chung quanh tôi, với đôi mắt đắm lệ. Đến bây giờ thì cảnh tượng trở về quê nhà trong sự đón tiếp nồng hậu đầy

tình thương ấy chỉ là một kỷ niệm xa vời, nhưng nó sẽ tồn tại mãi mãi trong lòng tôi.

Tôi không tìm thấy ngôn ngữ nào có thể diễn tả nỗi tâm trạng của tôi khi tôi gặp lại Sri Yukteswar, Sư phụ tôi. Tôi xin trích một đoạn văn của bạn Richard đã tả cảnh tái ngộ ấy trong tập Du Ký của ông như sau:

"Hôm nay, trong sự vui mừng và trông đợi, tôi lái xe đưa đại đức Yogânanda từ Calcutta đi Serampore. Chúng tôi đi ngang qua những dãy hàng quán hai bên đường (trong một quán cơm này, đại đức Ygânanda thường dùng bữa trong những năm ở trường đại học) và sau cùng, đi rẽ vào con đường nhỏ hẹp giữa hai vách tường. Cuối đường xe queo về bên trái thì đã tới đạo viện, một ngôi nhà lầu hai tầng, giản dị nhưng ấm cúng, với một bao lon kiểu Tây Ban Nha nhô ra phía ngoài từng lầu trên. Cảm tưởng chung là một nơi hẻo lánh và yên tĩnh.

Tôi đi theo đại đức Yogânanda vào một cái sân nhỏ vào trong đạo viện. Trong lòng hồi hộp, chúng tôi bước lên những bậc thang đã cũ mà chắc hẳn hàng nghìn những người tìm đạo đã từng bước qua. Mỗi bước làm cho tôi càng thêm hồi hộp. Thành linh, tôi thấy xuất hiện ở trên cầu thang, vị Tôn Sư Sri Yukteswar, trong dáng điệu cao quý của một nhà hiền triết.

Run lên vì xúc động, tôi cảm thấy cái ân huệ tốt lành của sự hiện diện cao cả ấy, Đôi mắt tôi ứa lệ trong khi đó đại đức Yogânanda, với tất cả sự biết ơn vô hạn trong tâm hồn, cúi đầu quì xuống chân sư phụ, đưa tay nắm lấy, rồi kéo đó gục đầu xuống hai chân người để tỏ rõ sự cung kính rất mực và tuyệt đối phục tùng. Kế đó, người mới đứng dậy và Sri Yukteswar ôm lấy người một cách thật đậm đà thân mến.

Trước hết một cơn yên lặng ngự trị khắp gian phòng, nhưng cái yên lặng đó diễn tả tất cả những khía cạnh của hai tâm hồn. Hai cặp mắt long lanh chiếu những tia sáng hạnh phúc trước sự tái ngộ của hai thầy trò sau bao nhiêu năm xa cách.

Đến lượt tôi cũng quỳ trước mặt Sư phụ, tôi bày tỏ tấm lòng yêu mến và biết ơn người, tôi cũng cúi xuống nắm hai bàn chân đã tê cứng với thời gian và nhận lãnh ân huệ của Tôn Sư. Kế đó, tôi đứng dậy, nhìn vào đôi mắt của Tôn Sư, một đôi mắt đẹp, lớn, thâm trầm và chiếu sáng vì vui mừng. Chúng tôi bước qua phòng khách, mà một bên giáp với bao lơn, và có thể nhìn thấy đường lộ. Tôn Sư ngồi trên một tấm đệm trải dưới sàn gạch, dựa lưng vào một cái gối lớn. Đại đức Yogânanda và tôi ngồi dưới chân Tôn Sư, trên một chiếc chiếu bằng rơm, và dựa cùi chỏ trên những cái gối gòn màu vàng sậm.

Tôi cố gắng theo dõi câu chuyện đàm thoại bằng tiếng Bengali giữa hai thầy trò đại đức nhưng không hiểu được gì cả vì cả hai không dùng tiếng Anh, tuy rằng Tôn Sư cũng nói được tiếng Anh trôi chảy. Nhưng sự thánh thiện của Tôn Sư được biểu lộ qua nụ cười hồn nhiên và tia sáng trong cặp mắt. Một đặc điểm trong tính chất của Tôn Sư là sự nhận xét đúng đắn trong mọi chuyện, đó tức là dấu hiệu minh triết của một người đã cảm thông được với Thượng Đế.

Tôi kính cẩn đưa mắt nhìn Tôn Sư thì thấy người vóc vạc cao lớn, vai rộng và dường như được trui rèn cứng rắn bởi bao nhiêu những cuộc thử thách và hi sinh của cuộc đời xuất gia. Người có một cái trán cao, cái mũi lớn, đôi mắt nâu sậm, tóc dài gọn sóng, rẽ làm hai phần, đã điểm bạc và thòng xuống đến tận vai. Hàm râu hơi thưa và ngắn, tuy nhiên bộ râu mép xén kỹ làm tăng vẻ uy nghiêm trên gương mặt.

Tôn Sư có giọng cười lớn, thành thật và cởi mở, hồn nhiên. Toàn thân người toát ra một sức mạnh, lưng thẳng và dáng điệu hùng vĩ. Tôn Sư mặc áo rộng và vận một cái chăn vải, trước kia chắc hẳn là màu nâu sậm, nhưng nay đã trở thành màu vàng lợt. Tuy đã tám mươi một tuổi, Tôn Sư có vẻ lực lưỡng và khỏe mạnh.

Tình trạng cũ kỹ của gian phòng cho thấy rằng Tôn Sư ít chú trọng đến vấn đề vật chất. Nhưng vách tường quét vôi trắng đã trở

màu với thời gian. Ở một góc phòng có một bức chân dung của đại đức Lahiri Mahâsaya treo trên vách. Ngoài ra còn có một bức ảnh đại đức Yogânanda chụp chung với các vị đại biểu quốc tế tại Đại hội Tôn Giáo ở Boston.

Tôi cũng nhận thấy một sự chung đụng lạ lùng giữa cổ lẫn kim. Một cái chân đèn lớn có đóng mạng nhện vì đã lâu không dùng đến, trên tường một quyển lịch không lật đúng ngày. Từ những thứ đó toát ra một bầu không khí yên tĩnh, êm đềm. Bên ngoài bao lơn, những cây dừa cao lớn tỏa bóng mát và che chở khắp đạo viện.

Tôn Sư chỉ cần vỗ hai bàn tay để sai bảo những vị đệ tử trẻ tuổi trong đạo viện khi người cần dùng đến họ. Tôi có cảm tình đặc biệt với một thanh niên tên là Prafulla, với mái tóc đen dài xõa xuống vai, đôi mắt đen láy với cái nhìn sâu sắc thâm trầm và nụ cười hiền dịu. Đôi mắt y chiếu sáng mỗi khi hai khoé miệng y xéch lên trong một nụ cười, giống như hai ngôi sao và mặt trăng lười liềm vào lúc hoàng hôn.

Tuy Tôn Sư bản tính vui vẻ hồn nhiên, nhưng sự minh triết thiêng liêng mới là điểm đáng nổi bật trong tác phong của người, nó khiến cho người không hề bộc lộ tình cảm ra ngoài.

Đại đức Yogânanda dâng lên Tôn Sư các món quà biếu theo tục lệ thông thường khi một đệ tử đi xa trở về gặp lại sư phụ. Sau đó, một bữa cơm giản dị, thơm tất được dọn ra cho chúng tôi, với các món ăn rất khéo gồm có cơm và rau đậu. Tôn Sư lấy làm thích thú khi thấy tôi hòa mình với phong tục Ấn Độ, và ăn cơm bằng tay.

Sau nhiều giờ hàn huyên và đàm luận trong tình thầy trò thân mật đậm đà, chúng tôi vừa kính cẩn khiếu từ Sư phụ vừa chấp tay đưa lên trán theo phong tục của bốn xứ, và trở về Calcutta với những kỷ niệm khó quên. Tuy rằng cảm giác của tôi mới chỉ là bề ngoài, tôi cũng ý thức được sự cao cả tâm linh của Sư Phụ. Tôi cảm giác được cái sức mạnh tinh thần của người, và cái cảm giác đó đối với tôi là một ân huệ thiêng liêng.”

- “Bạch sư phụ, con rất sung sướng mà được gặp có một mình sư phụ sáng nay!”

Tôi vừa mới đến đạo viện Serampore với một giỏ hoa quả thơm phức là quà biếu sư phụ. Sư phụ nhìn tôi với cặp mắt dịu hiền:

- Con muốn nói chi? Bạch sư phụ con đến với sư phụ từ ngày còn là học trò. Bây giờ, con đã là một người ở tuổi trung niên, với một hai sợi tóc trắng! Sư Phụ đã ban cho con một sự triu mến thương yêu thâm lặng từ giờ phút đầu, nhưng chỉ có một lần, một lần thôi, vào ngày chúng ta gặp nhau, Sư phụ đã nói rằng Sư phụ thương con!

Cái nhìn của tôi có vẻ tha thiết. Sư phụ cúi mặt nhìn xuống đất, và nói:

- Yogânanda, con lại muốn cho Thầy phơi bày những tình cảm nồng ấm ra ngoài bằng những ngôn ngữ thường tình sao?

- Bạch Sư phụ con biết rằng Sư phụ thương con nhưng tai phàm của con mong ước được nghe điều đó từ miệng Sư phụ nói ra.

- Được, con sẽ được như ý. Khi Thầy còn sống cuộc đời người gia trưởng. Thầy đã mong có một người con để dạy nó theo pháp môn Yoga. Khi con bước vào cuộc đời Thầy, Thầy đã được như ý muốn, Thầy đã tìm thấy ở nơi con đứa con trai của Thầy! Hai giọt lệ đọng trên mắt Sư phụ tôi:

- Yogânanda, Thầy vẫn thương con như bây giờ!

- Lời nói của sư phụ đã mở cửa Thiên Đàng cho con! Tôi bất giác thốt lên với tấm lòng nhẹ nhõm như trút được một gánh nặng.

Tôi vẫn thường ngạc nhiên về cái im lặng của Sư phụ. Tôi biết rằng Sư phụ tôi tính tình trầm tĩnh và tự chủ, tuy vậy tôi vẫn e ngại rằng tôi không làm vừa lòng người. Đối với con mắt người đời, tính chất lạ lùng, bí hiểm của Sư phụ không bao giờ có thể đoán biết được rõ ràng, nhất là khi mà những giá trị của sự vật trần gian không còn có ý nghĩa gì đối với người nữa.

Vài ngày sau đó, tôi thuyết pháp trước một cử tọa đông đảo tại giảng đường Albert Hall ở Calcutta, trong dịp này Sư phụ tôi bằng

lòng ngồi bên cạnh tôi trên diễn đàn cùng với vị quốc vương Santosh và viên thị trưởng Thành phố Calcutta. Sư phụ không bình phẩm gì, nhưng thỉnh thoảng tôi liếc nhìn Sư phụ thì nhận thấy trong cặp mắt của người có hiện ra vẻ hài lòng.

Sau đó ít lâu, Sư phụ làm lễ đưa tôi lên cấp đẳng Parahansa của dòng tu sĩ xuất gia. Khi tôi quỳ trước mặt Sư phụ để thụ lễ tăng cấp, người nói:

- Quả vị này chính thức đưa con lên một cấp cao hơn quả vị Swami của con trước kia. Từ nay đạo Nghiệp của Thầy trên thế gian này đã chấm dứt, con sẽ có bốn phận tiếp tục công việc ấy.

Sư phụ nói với giọng trầm tĩnh, đôi mắt của người vẫn giữ nét yên lặng. Tôi bắt đầu cảm thấy sợ hãi. Kế đó người nói tiếp:

- Con hãy chỉ định cho Thầy một người kế thừa để trông nom đạo viện tại Puri. Thầy giao tất cả mọi việc trong tay con. Từ nay con sẽ lái con thuyền đời của con và đạo của Thầy đến những bờ bến thiêng liêng.

Hai hàng lệ tuôn tràn, tôi cúi xuống hôn hai bàn chân thiêng liêng của sư phụ, người đứng dậy và ban ân huệ cho tôi một cách thân yêu. Qua hôm sau, tôi cho mời một đệ tử tên là Swami Sebânanda từ Ranchi đến và giao cho y trọng trách điều khiển đạo viện Puri. Hàng ngày sống bên cạnh Sư phụ, sống trong bầu không khí đầy tình thương yêu của người, tình thương ấy tuy thầm lặng, nhưng biểu hiện trong từng chi tiết nhỏ nhặt, tôi quên hẳn tất cả những lời nói úp mở của Sư phụ ám chỉ sự từ trần của người sắp đến.

- Bạch Sư phụ, thánh lễ Kumbha Mela năm nay sẽ cử hành tại Allahabad. Tôi vừa nói vừa chỉ cho Sư phụ ngày cuộc lễ có ghi trong một quyển lịch.

- Con thật muốn dự cuộc lễ này chăng?

Không hiểu rằng Sư phụ nói thế là có ngụ ý bảo tôi đừng đi, tôi nói thêm:

- Sư phụ đã có lần gặp đức Babâji trong một cuộc thánh lễ Kumbha Mela. Biết đâu lần này con chẳng có duyên may được gặp

ngài tại đó?

- Thầy không tin như vậy.

Nói đến đó, Sư phụ lại im lặng, vì người không muốn làm trái với ý định của tôi.

Sáng ngày hôm sau, khi tôi cùng một nhóm nhỏ gồm vài môn đệ lên đường đi Allahabad, Sư phụ điềm nhiên ban ân huệ cho tôi như không có việc gì hệ trọng. Sở dĩ tôi không hiểu lời cảnh báo ngầm của Sư phụ tôi, chắc hẳn là bởi vì Thượng Đế muốn tránh cho tôi khỏi sự đau khổ phải chứng kiến cái chết của Sư phụ tôi mà không làm gì được. Như vậy, đáng Thượng Đế từ bi vô lượng đã giữ tôi ở cách xa giờ phút hấp hối của những người thân yêu của tôi.

Nhóm chúng tôi đến dự thánh lễ Kumbha Mela ngày 23 ba tháng 1 năm 1936. Quần chúng đông gần hai triệu người từ khắp mọi nơi đổ dồn về thành phố, gây một cảnh tượng rất náo nhiệt ồn ào. Tôn giáo là lẽ sống của người dân Ấn Độ, từ người nông dân chất phát đến người tu sĩ khát thực đã cắt đứt mọi sợi dây liên lạc trói buộc với thế gian, đi tìm sự giác ngộ tâm linh để hưởng cái lạc thú vô biên của cõi Tinh thần. Lễ tất nhiên cũng có những kẻ giả mạo, bịp đời, đội lốt nhà tu để sống một đời ký sinh, ăn nhờ của bố thí, nhưng người Ấn vẫn trọng vọng tất cả các tu sĩ vì trong số đó có một thiểu số những bậc chân tu đắc Đạo ban rải ân huệ thiêng liêng cho toàn thể xứ sở của họ.

Chúng tôi trải qua ngày đầu tiên để đi nhìn xem cảnh vật chung quanh. Hàng hà sa số những tín đồ Ấn giáo trầm mình dưới sông Hằng linh thiêng để rửa sạch tội lỗi, hoặc làm lễ dọn mình để cầu phước. Trên bờ sông, những tín đồ cúng dường vật lễ dưới chân các vị tu sĩ râu tóc xồm xoàm, những đoàn voi, ngựa đeo yên cương màu mè sặc sỡ rất đẹp, cùng những đoàn lạc đà xứ Rajputana từ từ đi diễn hành trước mắt chúng tôi. Một cuộc rước lễ của các tu sĩ sống khổ thân theo phái tự nhiên Kỳ Na Giáo (Jainism), tay cầm đạo kỳ bằng lụa diễn hành khắp nơi.

Những tu sĩ mặc khố vải tu hợp thành từng nhóm nhỏ, ngồi yên lặng, thân mình bôi tro, trên trán có vẽ con mắt thánh bằng bột vàng. Những tu sĩ dòng Swâmi đầu cạo trọc, mặc áo màu vàng sậm, đi qua lại với cây gậy tre và cái bình bát cầm nơi tay. Gương mặt họ biểu lộ sự trầm lặng và an tịnh của nội tâm trong khi họ đi dạo ngắm cảnh hoặc ngồi thảo luận đạo lý với các đệ tử.

Rải rác đó đây, dưới cây to bóng mát, ngồi chung quanh những đám củi lửa vừa đốt lên là những nhà tu khổ hạnh búi tóc cột lên trên đỉnh đầu. Vài vị trong số đó để râu dài đến một thước tây, họ phải cột và thắt nút lại cho gọn. Họ ngồi thiền trong im lặng hoặc đưa tay ban ân huệ cho người đi đường, trong số này là những người thường dân đi xem lễ, những người đàn bà mặc sari màu mè sặc sỡ, những kẻ hành khất và những vị quốc vương ngồi chiếm chệ trong chiếc bành đặt trên lưng voi v.v... những người thuật sĩ thân thể gầy còm làm những tư thế vặn vẹo thân mình coi rất lạ mắt. Những nhà hiền triết với tác phong đạo mạo, trầm mặc, biểu lộ trạng thái bằng an của nội tâm. Trán át tất cả những tiếng động ồn ào, là tiếng chuông ngân vang rền trong các ngôi đền thờ.

Qua ngày thứ hai của cuộc lễ, chúng tôi đi viếng những đạo viện và những túp liều tạm mới dựng lên để kính chào những nhà tu sĩ thánh đức. Chúng tôi được ân huệ của vị Đạo trưởng phân bộ Giri của dòng Swâmi, một tu sĩ khổ hạnh có khuôn mặt gầy ốm và cái nhìn sáng rực như lửa. Kế đó chúng tôi đến viếng một đạo viện mà vị sư trưởng đã từng trải qua chín năm tịnh khẩu và tịch cốc, chỉ dùng toàn trái cây mà thôi. Nơi hành lang của đạo viện, có một tu sĩ mù tên là Pragla Chakshu, rất tinh thông kinh điển và được tất cả các môn phái đều mến chuộng.

Khi tôi đã chấm dứt một bài thuyết pháp bằng tiếng Hindi về triết phái Vedanta, nhóm chúng tôi từ giả đạo viện êm đềm này để đến viếng tu sĩ Krishnan ở gần bên, một vị tu sĩ có gương mặt khôi ngô tươi nhuận và một vóc dáng mạnh khỏe. Một con sư tử cái được tập luyện thuần nết, nằm dưới chân tu sĩ. Nhờ ảnh hưởng tâm linh của

tu sĩ, con sư tử này không chịu ăn thịt nữa mà chỉ ăn cơm và sữa tươi. Tu sĩ đã tập cho nó biết ngân trong cổ họng một tiếng thánh ngữ AUM bằng một giọng thâm trầm và ấm tiếng. Nó có vẻ như một vật đã biết sùng tín thiêng liêng!

Kể đó, chúng tôi đến viếng một vị tu sĩ kiêm học giả còn trẻ tuổi. Tôi xin nhường lời cho vị bí thư của tôi diễn tả cuộc gặp gỡ này trong tập Du Ký của ông:

"Chiếc xe Ford của chúng tôi vượt qua sông Hằng trên một chiếc cầu nổi gập ghềnh và chạy len lỏi trong đám rừng người qua những con đường nhỏ hẹp quanh co. Chúng tôi đi qua một chỗ nọ trên bờ sông, mà đại đức Yogananda nói rằng khi xưa Sri Yukteswar đã gặp đức Babâji. Đi được một quãng khá xa, chúng tôi ngừng xe bước xuống đi bộ, vượt qua đám khói của các tu sĩ đốt lửa củi trên bãi cát, và đến những túp lều tạm của các tu sĩ khác. Một trong những lều tạm này cửa rất thấp, là nơi tạm trú của Kara Patri, một tu sĩ đi ta bà còn trẻ tuổi, nổi tiếng về học lực uyên thâm. Tu sĩ ngồi trong lều, hai chân kiết già trên một đồng rơm, chỉ mặc một bộ áo vàng sậm, và không sở hữu vật gì khác.

Một gương mặt thật tiêu diêu thanh thoát mỉm cười tiếp đón khi chúng tôi cúi mình xuống thấp để chui vào lều và làm lễ dưới chân tu sĩ, dưới ánh đèn dầu leo lét phát ra từ bóng đen trên vách. Gương mặt tu sĩ tỏ vẻ hân hoan, đôi mắt và hàm răng trắng đều chiếu sáng trong đêm tối. Người nói tiếng Hindi, nét mặt của người biểu lộ tình thương, lòng nhiệt thành vì đạo và sự cao cả tâm linh, điều đó không ai có thể đoán lầm.

Chúng ta hãy thử hình dung cuộc đời lý tưởng của một người đã cắt đứt mọi sự trói buộc với trần gian, không hề bận tâm lo nghĩ về việc ăn, việc mặc, không ăn thức ăn nấu chín, không cầm bình bát khát thực, không hề lo nghĩ về tiền bạc, không cần làm gì để kiếm tiền, không cần buôn bán làm ăn và phó mặc mọi sự cho Thượng Đế, không bận nghĩ đến vấn đề về phương tiện di chuyển, không bao giờ dùng xe cộ, mà chỉ đi bộ dạo theo bờ những con sông linh

thiêng, và sau hết, không bao giờ dừng chân ở một nơi nào lâu hơn một tuần lễ, để khỏi tạo nên những sự lưu luyến, trói buộc. Một người đức độ khiêm tốn nhưng học vấn uyên thâm về các thánh kinh Phệ Đà, có bằng tiến sĩ Văn Khoa và được ban danh hiệu Shastri (bác học về khoa Thánh Kinh Tôn Giáo) tại trường đại học Bénarès, đó là tu sĩ Kara Patri. Với một lòng thán phục vô biên, tôi ngồi dưới chân tu sĩ. Tôi cảm thấy rằng lòng mong ước của tôi được biết xứ Ấn Độ thực sự, xứ Ấn Độ thâm lặng và cổ kính, nay đã được thỏa mãn. Tu sĩ Kara Patri chính là người đại diện xứng đáng của xứ Ấn Độ thần bí và cao cả tâm linh đó..."

Tôi hỏi thăm Kara Patri về cuộc đời đi ta bà của ông ta:

- Tu sĩ có mặc chiếc áo nào khác không, khi trời rét lạnh?

- Không, tôi chỉ có một áo cũng đủ.

- Tu sĩ có đem theo kinh sách gì không?

- Không, tôi giảng đạo bằng trí nhớ cho những ai chịu nghe tôi thuyết pháp.

- Tu sĩ có bận rộn công việc gì khác không?

- Tôi đi dạo trên bờ sông Hằng.

Những lời này làm cho tôi hối tiếc rằng mình đã không có được một đời sống giản dị như thế! Tôi nhớ đến Mỹ quốc, và những trách nhiệm nặng nề của tôi. Tôi trầm nghĩ mà lòng buồn man mác:

- Không, định mệnh của tôi trong kiếp này là không phải đi dạo trên bờ sông Hằng!

Khi tu sĩ đã nói qua cho tôi biết đại khái về những thành quả tâm linh của y, tôi hỏi một câu hỏi quyết định:

- Tu sĩ diễn tả những điều đó theo Kinh Thánh, hay là theo kinh nghiệm bản thân?

Tu sĩ đáp với một nụ cười thành thật:

- Một nửa theo kinh sách, và một nửa theo kinh nghiệm của riêng tôi.

Chúng tôi lại đắm chìm trong im lặng và ngồi thiền định trong giây lát. Sau khi đã khiêu từ tu sĩ, tôi nói với bạn Richard:

- Đó là một ông vua ngự trên chiếc ngai bằng rơm mạ vàng!

Chiều đến chúng tôi dùng cơm trên chiếu trải dưới đất, dưới ánh sao mới mọc trên nền trời xanh đậm.

Chúng tôi còn dự thánh lễ Kumbha thêm hai ngày nữa. Kế đó chúng tôi lên đường đi Agra, dọc theo bờ sông Jumna. Tôi lại có dịp chiêm ngưỡng ngôi mộ cổ Taj Mahal, và sau cùng chúng tôi đến viếng đạo viện ở Brindaban do tu sĩ Kesahaba điều hành.

Chương 31

SỰ PHỤ TỬ TRẦN VÀ PHỤC SINH

Cuộc viếng thăm tu sĩ Keshaba cũng có liên hệ đến việc soạn quyển Hồi ký này. Tôi không hề quên lời yêu cầu của sự phụ tôi về việc viết lại tiểu sử của đức Lahiri Mahâsaya. Trong thời gian tôi ở Ấn Độ, tôi không bỏ qua cơ hội nào để tiếp xúc với những vị đệ tử của ngài. Tôi ghi chép những tài liệu thu thập được và lập thành những tập hồ sơ dày cộm, tôi kiểm chứng lại các sự việc, ngày tháng, và lược lặt những hình ảnh, thư từ cũ cùng nhiều tài liệu văn kiện khác. Những tập hồ sơ quá dày, và tôi đã nhìn thấy trước với sự e ngại rằng công việc soạn thảo đòi hỏi rất nhiều công phu khó nhọc. Tôi bèn cầu nguyện ơn trên cho tôi đủ sức đảm nhiệm vai trò làm người viết tiểu sử của đức Tôn Sư cao cả. Nhiều vị đệ tử e ngại rằng trong một bản văn kiện chép lại, hình ảnh của Tôn Sư có thể bị giảm thiểu hay bóp méo. Một vị đệ tử nói:

- Ngôn ngữ văn tự không đủ diễn tả cuộc đời của một bậc Thánh Nhân.

Những đệ tử thân tín khác cũng muốn chôn chặt trong đáy lòng những kỷ niệm về vị Tôn Sư của họ. Tuy vậy, trung thành với lời tiên tri của Lahiri Mahâsaya về việc chép tiểu sử của ngài, tôi không từ bỏ một cố gắng nào để thu thập những tài liệu từng chi tiết nhỏ nhất về cuộc đời của ngài.

Ở Brindaban, tu sĩ Keshabâ tiếp đón chúng tôi một cách nồng hậu tại đạo viện của người, một ngôi đền kiến trúc đồ sộ bằng gạch có vườn hoa rất đẹp chung quanh. Tu sĩ đã gần chín mươi tuổi nhưng vẫn còn tráng kiện đầy đủ sức khỏe. Râu tóc dài và trắng như tuyết, đôi mắt tinh anh vui vẻ, tu sĩ giống như một vị tộc trưởng

thời xưa. Tôi cho tu sĩ biết ý định của tôi là sẽ nhắc đến tên người trong một quyển sách mà tôi sắp viết nói về các bậc danh sư Ấn Độ.

- Xin đại đức kể cho nghe vài điều về cuộc đời của ngài.

Tôi cố gây cảm tình, vì những bậc tu sĩ cao niên thường ít khi hay nói chuyện. Tu sĩ có một cử chỉ rất khiêm tốn:

- Đời tôi ít có những sự biến cố thăng trầm. Tôi trải qua phần lớn cuộc đời trong những vùng hẻo lánh trên dãy Tuyết Sơn, và đi bộ từ hang này đến động khác. Tôi có trông nom một đạo viện nhỏ trong một thời gian ở gần Hardwar, giữa những rừng cây to lớn. Đó là một nơi lý tưởng, ít có khách viếng thăm vì vùng ấy có rất nhiều rắn hổ mang.

Tu sĩ nói xong bèn cười.

- Về sau, một trận lụt của sông Hằng làm sụp lở bãi đất, cuốn trôi đi mất cả đạo viện lẫn cả các ổ rắn. Các đệ tử của tôi mới giúp tôi xây cất đạo viện Brindaban.

Một người trong nhóm chúng tôi hỏi tu sĩ làm cách nào để khỏi bị cọp trên dãy Tuyết Sơn làm hại. Tu sĩ lắc đầu:

- Người Yogi đạt tới một trình độ tâm linh khá cao không còn sợ bị loài thú dữ làm hại. Có một lần ở giữa rừng tôi tình cờ chạm trán với một con cọp. Tôi bèn kêu lên một tiếng vì ngạc nhiên thì con cọp đứng sựng lại và trở nên bất động như một pho tượng đá!

Tu sĩ Keshabâ lại cười về chuyện kỷ niệm đó.

- “Đôi khi tôi cũng rời khỏi chỗ trú ẩn để viếng thăm Sư phụ tôi ở Bénarès. Người thường hay nói đùa về những chuyến đi ta bà của tôi trong những vùng núi non hẻo lánh. Có lần Sư phụ nói với tôi:

- Con có mang ở dưới chân con những ấn chứng của sự phiêu lưu. Thầy cũng mừng vì dãy Tuyết Sơn cũng khá rộng lớn đối với con.

Tu sĩ Keshabâ nói tiếp:

- Có nhiều lần Sư phụ xuất hiện đến với tôi trong thể xác phàm, bằng xương bằng thịt, dù là trước hay sau khi đã từ trần! Đối với Sư phụ không có đỉnh núi cao tột nào mà ngài không thể đến được!”

Hai giờ sau, tu sĩ Keshabâ đưa chúng tôi vào phòng ăn. Tôi thốt ra một tiếng thở dài:

- Lại một bữa tiệc thịnh soạn sắp dọn ra!

Từ khi trở về Ấn Độ đến nay chưa đầy một năm, tôi đã lên hơn hai chục kilô! Tôi cũng không biết làm sao hơn vì thật là một điều vô lý mà từ chối những món ăn cao lương mỹ vị được nấu nướng đặc biệt để thết đãi tôi. Ở Ấn Độ, và không một nơi nào khác, than ôi! Lại có sự mâu thuẫn là: Một tu sĩ xuất gia có hình vóc mập mạp, nặng cân, lại được thiên hạ nhìn bằng cặp mắt kính nể! Sau bữa tiệc, tu sĩ Keshabâ nói riêng với tôi:

- Việc đại đức đến đây không phải là chuyện bất ngờ. Tôi có một thông điệp nhắn với đại đức.

Tôi lấy làm ngạc nhiên vì không ai có thể biết rằng tôi có ý định viếng thăm tu sĩ Keshabâ. Tu sĩ nói tiếp:

- “Hồi năm ngoái, tôi đang đi ngao du trên miền bắc dãy Tuyết sơn, gần Badrinarayan. Tôi đi lạc đường và tìm nơi trú ẩn trong một cái động lớn, động ấy hoang vắng, nhưng tôi thấy có một đồng than hồng cháy âm ỉ dưới một lớp tro phủ lên trên, trong một lỗ trống dưới đất. Tôi tự hỏi không biết ai là người trong động đá này, tôi bèn ngồi gần bên đồng lửa và nhìn về phía cửa hang. Bỗng nhiên có tiếng gọi phía sau lưng tôi.

- Keshabâ, ta rất vui vì con đã đến đây.

Tôi bèn quay đầu nhìn lại, thì lấy làm ngạc nhiên mà thấy đức Babâji! Đức Tôn Sư cao cả đã hiện hình ra ở phía sau động đá. Tôi lấy làm hân hạnh mà được gặp ngài trở lại sau bao nhiêu năm xa cách, tôi bèn quỳ lạy dưới chân ngài. Đức Babâji bèn giải thích:

- Ta gọi con đến đây. Bởi đó, con mới đi lạc đường và tìm nơi trú ẩn nơi động đá này, là chỗ tạm thời của ta. Bao nhiêu thời gian đã trôi qua kể từ khi chúng ta gặp nhau lần trước và ta rất vui mà gặp con trở lại.

Tôn Sư bắt tử ban ân huệ cho tôi và nói thêm:

- Đây là thông điệp mà ta muốn nhắn gửi với Yogânanda, y sẽ đến thăm con khi y trở về Ấn Độ. Y sẽ bận rộn rất nhiều việc liên quan đến Sư Phụ y và những đệ tử còn sống của Lahiri Mahâsaya. Bởi vậy, con hãy nhắn với y rằng ta sẽ không gặp y lần này như y đang nhiệt thành mong ước, mà sẽ gặp y vào một dịp khác.”

Tôi lấy làm vô cùng cảm động mà nhận được lời hứa hẹn của đức Babâji do tu sĩ Keshabâ chuyển đạt cho tôi. Sự thất vọng của tôi liền tiêu tan, tôi không còn cảm thấy băng khuâng vì đức Babâji không xuất hiện tại thánh lễ Kumbha Mela như Sư Phụ tôi đã nói trước. Nhóm chúng tôi ngủ đêm tại đạo viện để sáng ngày hôm sau lên đường đến Calcutta. Vài ngày sau đó, khi về đến Calcutta, tôi rất buồn mà được biết Sư phụ tôi đã rời khỏi đạo viện Serampore để đi Puri, cách đó độ ba trăm dặm về phía nam.

“Hãy đến Puri ngay lập tức”.

Bức điện tín đó do một đệ tử Puri gửi ngày 8 tháng 3 năm ấy cho một đệ tử khác của Sư Phụ ở Calcutta. Khi tôi được biết về bức điện tín đó, hoảng kinh, tôi bèn quỳ xuống cầu nguyện Thượng Đế hãy cứu sống cho Sư phụ tôi. Khi tôi sắp sửa rời khỏi nhà để đi ra ga xe lửa, tôi nghe một tiếng nói từ bên trong nội tâm:

- Con đừng đi Puri chiều nay. Lời cầu nguyện của con không được đáp ứng.

Tôi buồn thảm vô cùng, bèn thốt lên mấy lời:

- Ôi Thượng Đế! Ngài không muốn cho con đi Puri bởi vì Ngài bác bỏ lời cầu nguyện của con xin cho Sư phụ được sống. Nếu vậy, cầu xin Sư phụ con rời khỏi cõi trần này để theo đuổi một định mệnh cao cả hơn, nhân danh Ngài!

Tuân theo mật lệnh từ Chân Ngã của tôi vọng ra, tôi không đi Puri chiều hôm ấy. Chiều hôm sau, tôi đi ra nhà ga. Dọc đường tôi thấy một đám mây đen như mực bao phủ khắp nền trời. Sau đó, trong khi chuyến xe lửa chạy về phía Puri, tôi thấy một linh ảnh Sư phụ đang ngồi, nét mặt nghiêm trọng lạ thường, với một ánh hào quang rất sáng chói bên cạnh người.

- Phải chăng thế là hết?

Tôi vừa hỏi, vừa chấp hai tay lên trong một cử chỉ van lơn. Sư phụ gật đầu, rồi cái linh ảnh tan biến dần.

Chiều hôm sau, tôi bước lên nhà ga Puri, và chấp nhận việc đã rồi. Thành linh, một người lạ mặt bước đến gần tôi.

- Đại đức biết Tôn Sư đã mất hay chưa?

Nói xong, y liền đi ngay, không nói thêm gì nữa. Tôi không hề biết y là ai, và do bởi đâu đã tìm thấy tôi. Tâm thần bán loạn, tôi dựa vào tường và hiểu rằng Sư phụ tôi muốn loan báo cho tôi biết tin chẳng lành đó bằng đủ mọi cách. Về đến đạo viện, tôi gần như muốn xỉu. Tiếng nói nội tâm lại như nhắc nhở tôi: “Con hãy bình tĩnh lại, và giữ vững tinh thần.” Tôi bước vào phòng, nơi đó tử thi đã lạnh của Sư phụ đặt ngòai theo tư thế liên hoa, vẫn còn vẻ tươi như hồi còn sống. Ít lâu trước khi từ trần, Sư phụ đã lên cơn sốt, nhưng một ngày trước khi viên tịch, người có vẻ hoàn toàn bình phục. Nhìn thi thể Sư phụ lúc ấy, không ai ngờ rằng người đã mất. Da vẫn mịn màng, bóng láng, nhưng nét mặt biểu lộ rõ sự an lạc khôn tả. Sư phụ đã bỏ xác hoàn toàn ý thức vào giờ đã điểm, khi Thượng Đế gọi người trở về. Tôi kêu trong cơn thất vọng:

- Vị Thánh Sư của tỉnh Bengale không còn nữa!

Ngày 10 tháng 3, tôi đứng ra điều khiển lễ tống táng. Thi hài Sư phụ được đem mai táng theo nghi lễ cổ truyền của dòng tu Swami. *(Theo phong tục Ấn Độ, tục hỏa táng áp dụng cho tất cả mọi người, trừ ra những trường hợp rất hiếm mà những vị tu sĩ, đạo sĩ chân tu đức Đạo có thể đem mai táng sau khi chết, vì thi thể các vị ấy được coi như được tinh luyện bằng ngọn lửa minh triết, không cần phải thiêu xác nữa.)* Về sau, các đệ tử khắp nơi ở Ấn Độ đều tề tựu đến Puri để tưởng niệm Sư phụ trong những cuộc lễ bốn mùa hằng năm.

Tôi trở về Calcutta. Hằng ngày tôi bận rộn với nhiều công việc: Thuyết pháp công cộng, lớp giảng Yoga, tiếp quan khách bằng hữu. Tuy vậy, tâm hồn tôi đã mang một vết thương sâu đậm sau khi Sư phụ từ trần, và tôi tự hỏi:

- Bây giờ linh hồn sư phụ thiêng liêng liêng tiêu diêu ở cõi nào?

Câu trả lời không thấy đến, nhưng lý trí của tôi thâm nhủ :

- Sư phụ đã phản bổn hoàn nguyên và hợp nhất với Chân Như Đại Thể của vũ trụ, và đó là điều phúc lạc lớn nhất của người. Từ nay, người sống trong cõi Vô Cùng, là nơi mà sự chết không còn nữa.

Đồng thời, tình cảm của tôi lại than van:

- Từ nay, người sẽ không còn gặp lại Sư phụ tại đạo viện cổ kính ở Serampore nữa. Người sẽ không còn đưa bạn bè đến dưới chân Sư phụ mà nói rằng: “Hãy nhìn xem, đó là bậc thánh sư minh triết của Ấn Độ!”

II

- “Đức krishna!”

Linh ảnh huy hoàng của đức Krishna xuất hiện đến với tôi giữa một vầng hào quang sáng chói, khi tôi đang ngồi trong phòng khách sạn ở Bombay. Linh ảnh ấy xuất hiện trước đôi mắt kính ngọc của tôi ngay trên nóc một ngôi biệt thự lớn ở trước mặt, khi tôi nhìn ra ngoài cửa sổ từng lầu ba.

Hình ảnh thiêng liêng ấy vừa mỉm cười vừa ra dấu như thiện cảm đối với tôi. Tôi đang tự hỏi về cái ý nghĩa của linh ảnh ấy, thì đức Krishna liền biến mất, sau khi đã ban ân huệ cho tôi. Trong lòng phấn khởi nhẹ nhàng, tôi cảm thấy linh ảnh này báo hiệu những biến cố quan trọng sắp tới về phương diện tâm linh. Nhiều buổi thuyết pháp còn giữ tôi lại ở Bombay trong ít lâu, sau đó tôi sẽ trở về tỉnh Bengale. Trong ngày 19 tháng 6, năm 1936, đúng một tuần sau cơn linh ảnh về đức krishna, tôi đang tham thiền trong gian phòng khách sạn nói trên, thì một ánh sáng huyền ảo kéo tôi khỏi cơn tĩnh tọa. Khắp phòng đều biến thành một cảnh giới hư ảo, ánh sáng mặt trời bỗng nhiên biến thành một thứ ánh sáng phi phạm. Giữa lúc đang say sưa ngây ngất, tôi nhìn thấy Sri Yukteswar xuất hiện trước mắt tôi, bằng xương bằng thịt.

- Hỡi con!

Sư phụ nói với một giọng êm dịu, một nụ cười hiền hòa nở trên gương mặt phúc hậu như thiên thần. Lần đầu tiên trong đời, tôi không quỳ xuống dưới chân Sư phụ như mọi khi, mà tôi đưa hai tay ôm cứng lấy người. Sự băng khuâng khắc khoải trong những tháng qua thật không có nghĩa gì so với niềm hạnh phúc vô biên của tôi trong lúc ấy.

- Bạch Sư phụ kính yêu, tại sao Sư phụ đã bỏ con?

Sư phụ vui mừng quá trớn làm cho tôi nói đứt đoạn, rời rạc.

- Tại sao Sư phụ lại để cho con đi dự Thánh lễ Kumbha Mela? Con đã tự trách mình một cách cay đắng dường nào vì đã bỏ Sư phụ mà đi!

- Thầy không muốn làm trái ý con khi con đang hy vọng gặp đức Babâji ngay tại chỗ ngài đã xuất hiện đến với Thầy. Thầy chỉ bỏ con trong một lúc ngắn ngủi, phải chăng từ nay Thầy vẫn bên cạnh con mãi mãi!

- Nhưng có phải Sư phụ thật chẳng? Phải chăng Sư phụ vẫn mang lấy cái thẻ xác bằng xương bằng thịt mà con đã chôn dưới lòng đất ở Puri?

- Phải, con hỡi, đây chính là Thầy. Đây là cái thẻ xác bằng máu thịt của Thầy. Nó vốn tinh anh và tế nhị đối với nhãn quang siêu đẳng của Thầy, nhưng đối với con, thì nó là một thẻ xác vật chất. Thầy, đã dùng những nguyên tử của vũ trụ để cấu tạo nên một thẻ xác hoàn toàn mới, giống như cái thẻ xác mộng ảo hư giả mà con đã chôn ở Puri, dưới lòng đất lạnh của một thẻ xác mộng ảo. Thật vậy, Thầy đã hồi sinh, nhưng không phải trên cõi trần thế, mà trên một cõi giới thanh cao hơn, trên đó những nhân vật đều tiến hóa cao hơn nhân loại ở dưới trần. Con và những người thân yêu của con có ngày cũng sẽ thăng thiên lên cõi ấy và sum họp với Thầy.

Tôi nhìn Sư phụ với lòng kính yêu khôn tả trong khi người nói cho tôi biết trạng thái của con người ở bên kia cửa Tử.

Tôi nói:

- Bạch Sư phụ mến yêu, thể xác của Sư phụ bây giờ giống y như cái thể xác mà con đã khóc ở đạo viện Puri.

- Phải đấy, thể xác mới của Thầy là một bản sao đúc y như khuôn khổ thể xác cũ. Thầy có thể tạo nó thành hình hay giải thể nó tan biến đi tùy ý muốn, và có thể làm lại như vậy thường xuyên là ở cõi trần. Khi giải thể, trong chớp mắt Thầy có thể di chuyển với tốc lực của ánh sáng từ bầu hành tinh này tới bầu hành tinh khác, từ cõi giới này đến cõi giới khác.

Sư phụ mỉm cười nói tiếp:

- Tuy con thường di chuyển trong những ngày gần đây, Thầy vẫn tìm lại con dễ dàng tại Bombay!

- Bạch Sư phụ, cái chết của Sư phụ đã làm con đau khổ rất nhiều!

- Ta đã chết thật chẳng? Thật là một điều vô lý!

Cặp mắt Sư phụ chiếu lánh lánh tình thương và biểu lộ sự vui vẻ. Người lại nói thêm:

- Cõi thế gian là mộng ảo nên con chỉ nhìn thấy cái thể xác hư ảo của Thầy. Kể đó, con đã chôn cái xác đó, vốn là một vật hư giả mộng ảo. Bây giờ, cái thể xác bằng xương bằng thịt này, mà con đang quan sát và ôm chặt lấy nó, đã hồi sinh trên một cõi giới khác, cũng lại là một điều mộng ảo khác nữa. Một ngày kia, cái thể xác tinh anh này và cái cõi giới của nó, cả hai đều là mộng ảo, cũng tan biến đi mất vì tất cả chỉ là phù hoa giả tạm. Bất cứ ảo mộng nào cuối cùng cũng phải tan vỡ khi ta thức tỉnh. Yogânanda con ơi, con hãy biết phân biệt điều mộng ảo với điều chân thật!

Cái ý niệm về sự hồi sinh theo triết lý Védanta đó làm cho tôi thán phục vô cùng. Tôi lấy làm hổ thẹn mà đã khóc Sư phụ ở Puri, khi tôi nhìn thấy cái thể xác bất động của người. Từ nay tôi đã biết rằng Sư phụ vẫn luôn luôn còn sống và thức tỉnh nơi Thượng Đế, đối với người thì kiếp sống vừa qua chỉ là tạm thời, cũng như sự hồi sinh của người trong lúc hiện tại, và tất cả những trạng thái đó đều là những đối tượng trong vòng ảo ảnh của vũ trụ. Sư phụ nói tiếp:

- Bây giờ, Yogânanda con hỡi, con đã biết sự thật về sự sinh tử, và hồi sinh của Thầy. Từ nay con đừng khóc than vì Thầy nữa, mà hãy báo tin về sự phục sinh của Thầy cho mọi người biết. Chừng đó, niềm hy vọng sẽ nhen nhúm trở lại trong lòng thế gian đau khổ, còn mê muội trong vòng vô minh hắc ám, mà sự chết vẫn thường làm cho họ sợ sệt!

- Bạch Sư phụ, con sẽ hứng khởi xiết bao mà chia sẻ với toàn thể thế gian cái niềm vui về sự phục sinh đó!

Sri Yuteswar còn nói cho tôi biết nhiều điều huyền bí khác nữa mà tôi không thể tiết lộ nơi đây. Trong khoảng hai tiếng đồng hồ người xuất hiện đến với tôi trong phòng khách sạn tại Bombay, người đã trả lời hết tất cả những câu hỏi của tôi. Nhiều lời tiên tri về tình hình thế giới đã được thực hiện.

- Bây giờ, hỡi con yêu quý, Thầy phải từ giã con!

Tôi cảm thấy Sư phụ từ từ thoát khỏi cái vòng tay ôm chặt của tôi. Giọng nói của Sư phụ vang rền, gây nên một tiếng vọng lại từ trong nội tâm của tôi.

- Mỗi khi con đắm chìm trong cơn đại định, nhập thiền, và con kêu đến Thầy, Thầy sẽ ở bên cạnh con bằng xương bằng thịt, cũng như hôm nay!

Vừa nói dứt lời hứa hẹn thiêng liêng đó, Sư phụ đã biến mất. Sự buồn thảm vì chia ly nay đã tiêu tan. Sự đau xót, bi thương vì cái chết của Sư phụ, nó làm cho tôi mất sự bằng an trong nội tâm, từ nay không còn nữa. Một niềm phúc lạc triền miên không dứt, tràn ngập hồn tôi làm cho tôi say sưa ngây ngất. Những tư tưởng và cảm nghĩ trong lành, tinh khiết nhất vẫn còn trong tiềm thức của tôi, nay đã có dịp thức động và buộc khởi trở lại do cuộc viếng thăm huyền diệu của Sư phụ.

Trong chương này, tôi tuân lệnh Sư phụ để loan báo cho người thế gian biết cái tin về sự hồi sinh của người, dấu rằng việc ấy sẽ gặp phải sự thờ ơ lãnh đạm của thế hệ duy vật, không tin tưởng. Tuy nhiên, bản tính con người vốn không phải là thấp hèn, sa đọa.

Trong tương lai sẽ có lúc một sự cố gắng vận dụng ý chí cũng đủ gây cho con người một sự thức động tâm linh, và cứu cánh sẽ thúc đẩy y bước vào đường giải thoát.

-HẾT-

[Trở lại trang đầu](#)

(Tổng hợp & biên tập: THANGDACLAC)